

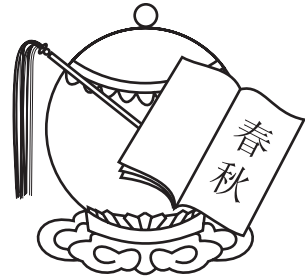


CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ VU LAN QUÝ TỴ 2013

NGƯỜI TU SĨ
VÀ BỒ TÁT ĐẠO
BỒ TÁT
QUÁN THẾ ÂM
PHỔ MÔN PHẨM
KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO
TRONG ĐỜI SỐNG CỦA
NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI
DẠY LẪN CHO NHAU
ĐẶNG CHỮ HÒA

119



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 119

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN

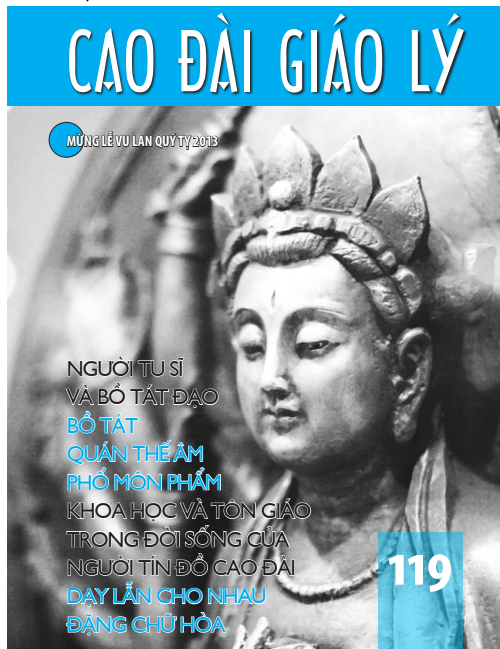


Nội san Cao Đài Giáo Lý số 119

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



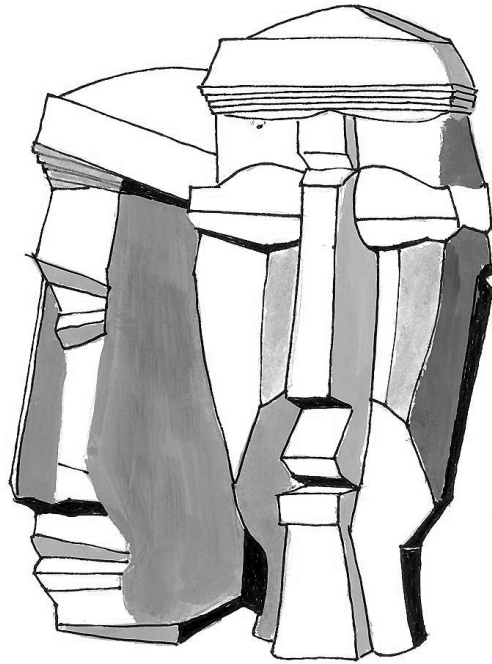
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • Rằm Tháng Bảy Quý Tỵ • 21-8-2013



mục lục

| | |
|---|----|
| QUAN ĐIỂM: NGƯỜI TU SĨ VÀ BỒ TÁT ĐẠO | 4 |
| ■ Ban biên tập. | |
| NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN BIẾT TỔNG QUÁT VỀ HỆ THỐNG KINH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI | 6 |
| ■ Huệ Nhân. | |
| BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM - PHỔ MÔN PHẨM | 12 |
| ■ Giáo sĩ Hồng Mai. | |
| KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI | 20 |
| ■ Thiện Quang. | |
| DẠY LẤN CHO NHAU ĐẶNG CHỮ HÒA | 30 |
| ■ Lê Chí Thật. | |
| SỬ MẠNG PHỤNG SỰ | 33 |
| ■ Xuân Mai. | |
| TÌM HIỂU “ĐỨC SÙNG DIỄN CHÍNH” | 36 |
| ■ Giáo sĩ Thanh Bình. | |
| CẢNH HẠNH - BẤT NGÔN CHI GIÁO | 43 |
| ■ Tu sinh Kim Ngân. | |

| | |
|---|------------|
| THÔNG CÔNG | 50 |
| ■ <i>Đạt Tường.</i> | |
| KỶ NIỆM 60 NĂM ĐẠI LỄ CHỜN GIÁC ĐỒNG ĐĂNG RẼM THÁNG 7 QUÝ TỶ 1953 - 2013 | 55 |
| ■ <i>Đạt Tường.</i> | |
| BỒ TÁT - BỒ TÁT HẠNH - BỒ TÁT ĐẠO | 67 |
| ■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i> | |
| NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI VÀ LUẬT NHÂN QUẢ | 70 |
| ■ <i>Thiện Lý.</i> | |
| VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH VỀ ĐẸP NHÂN VĂN NƠI PHẬT TÍNH CỦA NGUYỄN DU | 75 |
| ■ <i>Văn Thị.</i> | |
| MỘT TRONG NHỮNG BÍ QUYẾT ĐỂ THÀNH CÔNG LÀ NẮM ĐƯỢC TÂM LÝ CỦA CON NGƯỜI | 79 |
| ■ <i>Cao Bạch Liên.</i> | |
| TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA ĐIỀU KHẮC CHĂM (CHAMPA) | 81 |
| ■ <i>Ban biên tập tổng hợp.</i> | |
| BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIÊN CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO | 84 |
| ■ <i>Kim Trinh.</i> | |
| TRANG THƠ: | |
| ĐƯỜNG SỬ MẠNG | 87 |
| ■ <i>Trần Bửu Long.</i> | |
| NHÂN OI, XIN NGỪNG TRÔI! | 88 |
| ■ <i>Thiện Lý.</i> | |
| THÁNH HUẤN CA | 89 |
| ■ <i>Một tín đồ đạo Cao Đài.</i> | |
| ĐỨC QUAN THẾ ÂM CỦA TRẺ THƠ | 90 |
| ■ <i>Đoàn Nam Chi.</i> | |
| NHÂN QUẢ CÔI THIÊN | 92 |
| ■ <i>Thiện Lý.</i> | |
| ÝNGHĨA MỘT LỜI KHEN | 94 |
| ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i> | |
| TRUYỆN VUI Ý ĐẠO | 96 |
| ■ <i>Hỷ Đạo.</i> | |
| VỌNG CỔ: TIẾNG CA CAO ĐÀI | 97 |
| ■ <i>Chánh Tâm.</i> | |
| TRANG SỨC KHỎE: HÃY CHĂM SÓC NÃO CỦA BẠN! | 98 |
| ■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i> | |
| TRANG DINH DƯỠNG: THỨC ĂN CHỐNG BỆNH TẬT | 100 |
| ■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i> | |
| TRANG KIẾN THỨC: 17 MẸO BẢO QUẢN RAU QUẢ LUÔN TƯƠI NGON | 102 |
| ■ <i>V.T. sưu tầm.</i> | |
| TRANG GIA CHÁNH: KEM ĐẬU XANH | 104 |
| ■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i> | |
| THEO DÒNG ĐẠO SỰ | 107 |
| ■ <i>Bạch Cúc.</i> | |



NGƯỜI TU SĨ VÀ BỒ TÁT ĐẠO

Theo Phật giáo, người tu sĩ phát Bồ đề tâm là bước đầu hướng về Bồ Tát Đạo. Nghĩa là do thương xót vạn khổ của chúng sanh mà lập nguyện tu hành để tự giác, giác tha. Lập nguyện rồi, tu sĩ sẽ thực thi Bồ Tát Hạnh và Bồ Tát Đạo.

Bồ Tát Hạnh thể hiện bằng tâm hạnh và công đức, từ lời nói, việc làm, tụng niệm... đều luôn luôn hướng về sự lợi lạc bình an cho mọi người dù thân thuộc hay không thân thuộc. Bồ Tát Hạnh chính là tâm tự nguyện hiến dâng của người tu sĩ. Hiến dâng sở năng, sở hữu để đem lại sự an vui, bớt khổ cho nhân sanh, chứ không phải hiến dâng bất cứ điều gì cho các Đấng Thiêng Liêng. Thật ra sở năng, sở hữu của mỗi cá nhân dù tài trí siêu quần, sản nghiệp muôn xe không thể sánh được tứ vô lượng tâm Từ – Bi – Hỷ – Xả. Nên tu sĩ phát tâm hiến dâng để hiến dâng cuộc sống phàm phu hầu quyết chí tu tập đời sống đạo.

Một người Phật tử đã quy y, một tín đồ Cao Đài đã nhập môn,

có thể nói là bắt đầu cuộc sống đạo. Nhưng cuộc sống đạo đích thực phải trải qua ba dấu ấn giác ngộ. Đó là: giác ngộ cõi thế gian là vô thường; giác ngộ sứ mạng làm người; giác ngộ Đạo giải thoát.

Vậy mục tiêu cuối cùng của người hiền dâng là hiền dâng cho Đạo giải thoát. Đạo giải thoát không nằm trong kinh kệ, lễ bái, chùa thất . . . tất cả chỉ là phương tiện; lại không phải chỉ giải thoát cho bản thân. Giải thoát bản thân là điều kiện để cứu độ thiên hạ. Đạo giải thoát là Thiên đạo đại thừa thường gọi là đạo “tự độ – độ tha”, nên cứu cánh rốt ráo chính là “cứu độ chúng sanh” vì chúng sanh là mình, mình là chúng sanh.

Người tu sĩ hiền dâng là người tự nguyện hành Bồ Tát Đạo, phải có bốn tâm nguyện lớn là: “1- *Chúng sinh vô biên thế nguyện độ*; 2- *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*; 3- *Pháp môn vô lượng thế nguyện học*; 4- *Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*.” Nguyện thứ nhất: độ tha (kể trước tiên làm mục tiêu chính); thứ hai và thứ ba: tự độ; thứ tư là đạt đạo giải thoát.

Bốn nguyện lớn trên đây, Phật giáo dạy thực hành bằng Bồ Tát Đạo “Lục độ ba la mật”, tuần tự gồm “BỐ THÍ - TRÌ GIỚI - NHÃN NHỤC - TINH TẤN - THIÊN ĐỊNH - TRÍ HUỆ”, đối chiếu rất nhất quán với pháp môn Tam Công Cao Đài giáo.

Đặc biệt, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Thượng Đế tận độ chúng sanh bằng Tân pháp Tam Công để người tín hữu nào cũng có thể tự độ, độ tha, nhất là hàng hướng đạo, hàng tu sĩ hiền dâng mặc nhiên mang lấy sứ mạng Đại thừa luôn luôn được Ổn Trên dù dẫu, an bài.

Trong hàng Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ĐỨC NAM HẢI NGẠN THƯỢNG QUAN ÂM NHƯ LAI tức Đức Phật Quan Âm, đã bao lần giảng diễn lâm phạm giáo đạo với danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát là một tiêu biểu cho Bồ Tát Đạo trong Cơ cứu độ Kỳ Ba:

*Nguyện lành QUAN sát cõi trần gian,
Văng vẳng ÂM ba tiếng khổ nàn,
Tử trước BỒ đoàn khôn tịnh tọa,
Nhành dương TÁT độ cảnh đời an.*¹

■

*NAM bắc đông tây cũng một trời,
HẢI hà chảy khắp một nguồn trôi.
QUAN san tuy cách, lòng đừng cách,
ÂM điệu dấu lời dạ chớ lời.
NHƯ tại Thiên cơ vô sở đắc,
LAI do nhơn sự bất tùy thời.
GIÁNG cơ chứng chiếu lòng thành nguyện,
Đàn nội ban ơn để mấy lời.*²

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát. ■

1. Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đản), 25-7 Quý Sửu (23-8-1973).

2. Minh Đức Tu Viện, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

■ HUỆ NHÂN

NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ cần biết tổng quát về HỆ THỐNG KINH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Sau khi hiểu qua về hệ thống tổ chức Tam Đài của Đạo, hệ thống kinh cũng là điều người mới nhập môn đạo Cao Đài cần biết đến.

Kinh, theo định nghĩa chung, là sách vở do các bậc Giáo Tổ, các vị Thánh Hiền xưa viết ra làm căn bản đạo lý, làm chuẩn mực, dạy con người suy nghĩ và hành động đúng theo đạo lý.

Thiên Chúa Giáo có kinh Cựu Ước và Tân Ước. Hồi giáo có kinh Koran. Ở phương Đông, Tam Giáo Đạo Tổ từ xưa đã để lại nhiều bộ kinh, như Nho Giáo có Ngũ Kinh; Lão Giáo có Đạo Đức Kinh, Huỳnh Đình Kinh, Thanh Tịnh Kinh; Phật Giáo

có rất nhiều kinh cho các cấp bậc tu hành.

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giảng qua cơ bút dạy đạo. Những lời Thánh giáo của Ông Trên gọi chung là Kinh. Phần kinh này kết hợp với phần Kinh Nhật Tụng xưng tụng các Đấng, tất cả thành một hệ thống kinh, là Tân kinh tụng. Hiện nay, mỗi Hội Thánh trong đạo có phần kinh chung giống các Hội Thánh bạn, cũng có phần kinh riêng mình.

Trong bài này, với đối tượng là những tín đồ mới nhập môn, trước hết, cần biết một cách tổng quát về hệ thống kinh của Đạo. Chúng tôi sẽ chủ yếu dựa vào Kinh của Tòa Thánh Tây

Ninh, nơi xuất phát Hội Thánh Cao Đài đầu tiên.

Trước hết chúng ta cần phân biệt, trong đạo Cao Đài gọi là Kinh nhưng chia làm hai loại: Kinh tụng và Kinh sách.

KINH TỤNG

Tạm gọi Kinh tụng, là những bài kinh người đệ tử Cao Đài quỳ trước bàn thờ tụng đọc, hướng tâm lên Ông Trên. Tụng đây có nghĩa là thành tâm đọc lớn lên (viết chữ Hán có bộ ngôn(誦), khác với chữ Tụng có chữ Công(頌) nghĩa là ca tụng, ngợi khen); chúng ta thường gọi các bài kinh này là xưng tụng công đức các Đấng, đó là phần chúng ta, Ông Trên không bao

giờ yêu cầu các đệ tử ca ngợi khen tặng mình.

A. KINH TỤNG ĐÁNG KỂ TRƯỚC HẾT LÀ NHỮNG BÀI KINH NHỰT TỤNG:

Theo thứ tự đó là các bài:

- Niệm hương.
- Khai Kinh.
- Ngọc Hoàng Kinh.
- Ba bài Tam giáo Đạo Tổ.
- Ba bài dâng Tam Bửu.
- Ngũ Nguyên.

Tùy theo mỗi Hội Thánh, địa phương... có thể có thay đổi, thêm bớt các bài kinh (thí dụ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có thêm bài Lạy Mẹ sau Ngọc Hoàng Kinh).

Về các bài Kinh Nhựt Tụng, xin nói qua một chút về lịch sử:

Từ đầu năm 1926, thời điểm mới bắt đầu hình thành và phát triển nhánh Đạo Phổ Độ Công Truyền, chư vị Tiên Khai lúc ấy có mượn một số bài kinh Nhựt Tụng của Nhánh Nội Giáo Tâm Truyền (Đức Ngô Văn Chiêu) như các bài Thông Minh Chú (Cửu Thiên...), Nhựt Châu, dâng Tam Bửu, nhờ Ngài Vương Quan Kỳ có liên hệ mật thiết cả hai nhánh; đồng thời, chư vị có mượn thêm một số bài ở chi đạo Minh Lý (Tam Tông Miếu) như Niệm Hương, Khai Kinh... Gọi là mượn vì sau đó Ôn Trên mới chánh thức ban Kinh (mời xem thêm trong Đạo Sử).

Đến giữa năm 1926, khi Ngài Lê Văn Lịch từ Minh

Đường (Vĩnh Nguyên Tự) đã chánh thức quy nhập Cao Đài, thọ phẩm Ngọc Đầu Sư, Đức Chí Tôn đã ban lệnh cho Ngài Ngọc Lịch Nguyệt soạn kinh Nhựt Tụng. Thời điểm này Ngài Thái Thơ Thanh đã ấn tống một số bản Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh bằng quốc ngữ và chữ Hán, với sự cho phép của Thầy.

Đầu năm 1928, nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt xuất bản quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh, có sự kiểm duyệt của Hội Thánh, trong đó có cơ bản các bài Kinh vừa kể.

Có thể nói, hầu hết các bài Kinh do Ngài Ngọc chọn có nguồn gốc từ Minh Sư Đạo, kể cả hai bài Niệm Hương và Khai Kinh (được chư Thiên diễn Nôm ban cho Hội Thánh Minh Lý). Chỉ riêng hai bài Ngũ Nguyên do chư vị Nhánh Phổ Độ thọ nhận tại Đàn Tân Định (gần cuối năm 1926).

Các bài Kinh Nhựt Tụng như Niệm Hương, Khai Kinh, Ngọc Hoàng Kinh nêu trên (10 bài) còn gọi là Kinh cúng Tứ Thời, nằm trong danh sách các bài Kinh Thiên Đạo (tổng cộng 38 bài). Kinh Thiên Đạo là những bài kinh mà người tụng đọc hướng lên Ôn Trên, tự hiểu được thân phận mình, biết được Ôn Trời, cầu xin Ôn Thiên phò trợ mình, xin cứu độ người thân mà mình đang cùng với những bạn đạo trình lễ tụng kinh.

B. CÁC BÀI KINH THIÊN ĐẠO

CÒN LẠI GỒM CÓ:

- Phật Mẫu Chơn Kinh (Tạo Hóa Thiên Huyền vi...)
- Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu (Kể từ...)
- Kinh Giải Oan (Vòng xoay chuyển vong hồn tấn hóa...)
- Kinh Tắm Thánh (Những vạn vật âm dương tạo hóa...)
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (Rắp nhập cảnh Thiêng Liêng...).
- Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào...).
- Kinh Cầu Siêu (Đầu Vọng bái...)¹.
- Kinh Tán Liệm (Dây Oan Nghiệt...).
- Kinh Đưa Linh Cửu (Cầu các Đấng Thần Linh...).
- Kinh Hạ Huyệt (Thức giấc mộng huyền lương...).
- Vãng Sanh Thần Chú.
- Kinh Khai Cửu (Tiểu Tường – Đại Tường) (Đã quá chín...).
- Kinh Đệ Nhứt Cửu đến Đệ Cửu Cửu.
- Kinh Tiểu Tường (Tịnh niệm Phép Nhiên Đăng...).
- Kinh Đại Tường (Hồn Ngươn Thiên...).
- Di Lạc Chơn Kinh.
- Kinh Sám Hối (còn gọi là Nhơn Quả Kinh) (Cuộc danh lợi...).
- Bài Khen ngợi Kinh Sám Hối.
- Bài Xưng Tụng Công Đức

1. Bài này đọc trước bài *Kinh Khi Đã Chết Rồi* (Ba mươi sáu cõi...).

Phật Tiên Thánh Thần (Hào quang chiếu chín tầng...).

- Giới Tâm Kinh (Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín...).

Các bài Kinh trên lấy theo Kinh Thiên Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh, được đa số các Hội Thánh khác sử dụng.

C. THÊM NHIỀU NGUỒN KINH NHẬT TỤNG KHÁC:

Từ năm 1930, Hội Thánh Minh Chơn Lý (nay là Chơn Lý) ở Cầu Vĩ, Mỹ Tho có toàn bộ những bài Kinh Nhật Tụng khác với Tây Ninh, từ bài Niệm Hương, Khai Kinh, kinh cúng Chí Tôn, Đức Mẹ, Tứ Thánh (Tam Giáo Đạo Tổ và Chúa Giê-su)... Những bài kinh này được Đức Thế Liên Tiên Nữ giảng ban trong 2 năm Canh Ngọ (1930) và Tân Mùi (1931) qua hai đồng tử Chơn Tâm và Tường Khách (là con của Tiên Nữ lúc sanh tiền).

Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (Rạch Giá) được Ôn Trên ban riêng bài xưng tụng Đức Chí Tôn (Ngôi Trời trên cõi Đại La...), các bài “Lạy Mẹ” và ba bài xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ lấy theo Minh Chơn Lý.

Trong giai đoạn 1931 đến 1940, là giai đoạn phôi thai của nhiều Hội Thánh, lại do địa hình sông nước, điều kiện giao thông lúc bấy giờ chưa được thuận tiện, các Thánh thất, Thánh tịnh địa phương

sử dụng Kinh Nhật Tụng “đan chéo” nhau, mà chính các Hội Thánh cũng khó quản lý. Điều này khá bất lợi cho cơ Đạo. Chính Ngài Cao Triều Phát, một nhân sĩ mới nhập môn vào Đạo năm 1932, viết trong lời Cáo Bạch quyển “Lễ Bồn” như sau: “Ngày nay Đại Đạo đã thành ra nhiều Chi, nhiều phái. Nào là Tiền Giang, Trung Ương, Hậu Giang, Chiếu Minh, Tiên Thiên (...). Cũng vì lẽ trên đây nên Chư Phật Tiên Thánh Thần đặc lệnh Đức Thượng Đế giáng khắp cả các đàn, không luận chi phái nào mà ban kinh sám và các thứ kinh Dương Sự, Tang Tế, Cầu Siêu...”

D. HIỆP NHỨT KINH NHẬT TỤNG:

Ngài Cao Triều chủ động sưu tầm, chọn lọc một số kinh sách, và đến năm 1935, Ngài được Đức Lý Thái Bạch phó giao nhiệm vụ tập hợp các bài Kinh tụng mà Ôn Trên đã ban rải rác những nơi trước đó. Đến năm 1937, quyển “Lễ Bồn, Dương Sự, Thể Thức, Tang Tế, Cầu Siêu” được Ôn Trên phê chuẩn ban hành. Trong quyển này, mục số 13 phần Nhạc Lễ ghi rõ: “Nói về Nhạc Lễ, nên coi và hành y theo cuốn Nghi Tiết Đại Đàn và Tiểu Đàn Tòa Thánh và Thánh thất Các Nơi của Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh vưng lệnh Thiên ý soạn ra và có Tiếp Lễ Nhạc Quân chứng phê.”

Ngoài ra, trong phần Nghi Tiết Đại Đàn, quyển Lễ Bồn này ghi rõ “Trích lục trong Tứ Thời Nhật Tụng” là quyển kinh do nhị vị Đầu Sư phụng soạn đã đề cập phần trước. Như vậy, về phần Kinh Nhật Tụng dù thời điểm 1935–1937 ấy đã có nhiều nguồn kinh khác nhau (như của Minh Lý, Minh Chơn Lý, Bạch Y...) nhưng Ngài Cao Triều Phát khi soạn quyển Lễ Bồn đã chọn những bài Kinh khởi thủy từ Tòa Thánh Tây Ninh. Đây là một căn bản quan trọng cho một quyết định có tính lịch sử giữa các Hội Thánh ít lâu sau đó. Đầu năm 1940, nhân Đại Hội Long Vân Đệ Thập Nhất tổ chức tại Tây Tông Vô Cực Cung (Bến Tre), lãnh đạo các chi phái quyết định:

“TỜ ĐỀ NGHỊ VỀ VIỆC KINH SÁM:

1. Xét vì đọc nhiều thứ kinh nên Đạo phải chia rẽ chính nghiêng.

2. Xét vì các chức sắc chi phái cũng thờ một Đạo, một Thầy.

3. Xét vì Đức Đại Từ Phụ đã dạy nhiều lần các chi phái trong đạo phải quy nguyên hiệp nhứt.

4. Xét vì y lời Thánh giáo và do chơn lý, nếu muốn thiệt hành cơ quy nguyên hiệp nhứt, toàn Đạo phải dùng một thứ kinh.

5. Các lãnh tụ các chi phái nhân dịp hội Long Vân đệ Thập nhất nhóm tại Tây Tông Vô Cực Cung ngày 22.11.Kỷ Mão (1 Janvier 1940), tự nhìn nhận mình đủ tư cách thay mặt chi phái mình:

QUYẾT ĐỊNH:

Từ nay toàn đạo dùng một thứ kinh, ngày thường và đại lễ phải đọc 4 bài kinh cũ bằng Hồn tự:

A. a) Xưng tụng Đức Đại La Thiên Đế

b) Xưng tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật

c) Xưng tụng Đức Đạo Tổ

d) Xưng tụng Đức Văn Tuyên Khổng Thánh

B. Khi có ngày vía Thầy, Đức Diêu Trì, Tam Giáo, Tam Trấn cùng Đức Gia Tô thì sẽ đọc một trong 10 bài kinh Nôm.

Ký tên:

1. Minh Thiện: M.M. Đạt, Kinh.

2. Tiên Thiên: M.M. Hoài, Tài.

3. Hậu Giang: M.M. Kế, Hanh.

4. Phái nữ: Mme Nhiên.

5. Trung Thành: M. Thanh Long.

6. Ban Chính Đạo: M.M. Tín, Biện, Lý, Phú.

7. Bạch Y Liên Đoàn: M. Tòng.

TÂY TÔNG VÔ CỰC CUNG,
NGÀY 22-11 KỶ MÃO.²

2. Quyết định này có đăng trong tạp chí Đại Đồng, Liên Hòa Tổng Hội chủ trương, số 11, trang 8. Bài báo nơi trang 7 giải thích thêm: “Cuộc nhóm Đại Hội này là cốt ý giải quyết sự quy nhứt kinh luật, vì trước kia Đức Thích Ca Phật Tổ có hạ lệnh tại Trước Lý Minh Đài dạy phải lo quy nhứt kinh sám.” Biên bản họp đăng trong số báo trên cho thấy nhiều vị chức sắc Tiên Thiên tham dự, như quý ngài Phan Văn Tòng, Nguyễn Tấn Hoài, Nguyễn Thế Hiến, Lê Thành Thân, Trương Như Mậu, Trần Lợi, Ban Biện Chiếu... Riêng vị đại diện Bạch Y Liên Đoàn: “M. Tòng” là Ngài Trương Minh Tòng (1870-1944), Chủ Đương Quân Hiệp Thiên Đài phái đạo Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý.

KINH THẾ ĐẠO

Kinh Thế Đạo là những bài kinh mà người tụng hướng tâm mình vào hoàn cảnh của chính mình (thuyết pháp, nhập hội, xuất hội, nhập học) cầu xin được hộ trì, hay hướng đến đối tượng mình đang cúng cầu nguyện (Tổ phụ, cha mẹ, anh em quy liễu...) hành xử đúng đạo lý. Kinh Thế Đạo, theo Tòa Thánh Tây Ninh, gồm tất cả 20 bài, gồm:

- Kinh Thuyết pháp (Trường Phổ tế...).
- Kinh Nhập Hội.
- Kinh Xuất Hội.
- Kinh Đi Ra Đường.
- Kinh Khi Về.
- Kinh Khi Đi Ngủ.
- Kinh Khi Thức Dậy.
- Kinh Vào Học.
- Kinh Vào Ăn Cơm.
- Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.
- Kinh Hôn Phối.
- Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.
- Kinh Tụng Khi Thầy (dạy học) Quy Vị.
- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Quy Liễu.
- Kinh Cứu Khổ (Nam Mô Đại Từ Đại Bi...).
- Kinh Tụng Cha Mẹ Quy Liễu.
- Kinh Cầu Thân Bằng Quy Liễu (Khi dương thế...).
- Kinh tụng Huynh Đệ Mãn phần (Niềm thù túc...).
- Kinh Tụng Khi Chồng Quy Liễu.
- Kinh tụng Khi Vợ Quy Liễu.

Gọi là hướng tâm mình vào hoàn cảnh của mình, cầu nguyện xin Ôn Trên trợ điển, thí dụ như bài kinh Thuyết pháp có đoạn:

“Nguyện lời nói biến hình bác ái
Nguyện chí thành sửa máy
tà gian

Nguyện cho khí tịnh thần an
Nguyện xin thánh giá hiệu
đàng chơn tu.”

Hay, trong Bài Kinh Vào Học (Hay Nhập Học) có câu:

“Buộc yêu thương bạn đồng
môn,

Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn
trăm năm.”

Theo đó bản thân mình, ngoài việc cầu xin Ôn Trên phò trợ, còn phải tự kiểm điểm bản thân, phải “gắn điều nên, lánh lẽ hư”, phải “yêu thương bạn đồng môn” từ đó mới có điều kiện “Đủ thông minh học lễ học văn”, để mong “may duyên gặp hội Long Vân”.

Có người mới nhập môn hỏi rằng:

– Tại sao Kinh Cầu Tổ Phụ, Cha Mẹ quy liễu lại là Kinh Thế Đạo, còn Kinh Cầu Hôn Khi Hấp Hối, Kinh Cầu Siêu... là Kinh Thiên Đạo?

Xin tạm trả lời: Các bài ấy thuộc Kinh Thiên Đạo chính là vì người tụng hướng lên Ôn Trên, cầu xin các Đấng cứu độ linh hồn người quá vãng, thí dụ:

– Kinh Cầu Hôn Khi Hấp Hối có câu:

“Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo
Nhơn,

*Phuờn Linh khai mở nẻo
đường Lôì Âm.*”

– Kinh Cầu Siêu:

*“Đầu Vọng Bái Tây Phương
Phật Tổ,*

A Di Đà Phật độ chúng dân.”

Đoạn khác:

*“Đại Thánh Địa Tạng Vương
Bồ Tát,*

Bồ Từ Bi tế bạt vong hồn.”

Trong khi đó, các bài Kinh Thế Đạo, người tụng hướng tâm mình đến vong hồn người quá vãng để cầu chơn hồn ấy siêu thoát, không quá níu kéo với người thân còn ở thế.

Thí dụ:

– Kinh Tụng Cha Mẹ Quy Liễu có câu:

*“Thà cam vui chốn động Đào,
Đừng vì nhớ trẻ trở vào
phàm gian.”*

– Trong Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần có câu:

*“Khởi tình ái hương hồn
dầu nhớ,*

*Trách oan gia giải nợ trầm
luân.”*

– Lời khuyên chơn hồn thể hiện rõ trong Kinh Cầu Thân Bằng Bà Con Quy Liễu, với 4 câu kết:

“Khá từ bỏ, xa dòng bể khổ,

Diệt trần tình Cam Lộ tẩy nợ,

Ngân Kiều Bát Nhã qua bờ,

*Đưa duyên để bước kịp giờ
siêu thăng.”*

Có thể nói, hầu hết những bài kinh Thiên Đạo và Thế Đạo vừa kể đều do Ôn Trên giảng đàn tả kinh. Có một số bài, các vị Thiên ân được giao nhiệm vụ đặt ra, nhưng đều được Ôn

Trên chỉnh sửa và phê duyệt, trong đó đáng kể nhất là 10 bài Kinh Thế Đạo (trong tổng cộng 20 bài) là do Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc trước tác và được Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn chỉnh lại văn từ.

Thiên điển của Ôn Trên ẩn trong bài kinh, chính vì vậy khi người tụng kinh thành tâm, thần lực Thiên Nhân hiệp nhứt là rất to lớn.

Về Kinh Sách:

Kinh Sách là từ tạm dùng để gọi những quyển Thánh giáo do Ôn Trên giảng ban, được chư Tiên Khai kết tập lại; hay được chính Ôn Trên đặt tựa. Những quyển kinh này là nền tảng căn bản về giáo lý cho từng Hội Thánh được ân ban, cũng có thể nói, đó là nền tảng giáo lý và là tài sản chung của đạo Cao Đài.

Hầu hết số kinh sách này được ban trước năm 1975, thời điểm cơ bút còn phổ biến ở nhiều Hội Thánh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý từ những năm đầu thành lập đã được Ôn Trên dạy sưu tập tất cả kinh sách của các Hội Thánh trong nền Đại Đạo, đến nay đã tập hợp được khá nhiều, và đến nay vẫn còn tiếp tục sưu tầm.

Hôm nay, với đối tượng là các tín đồ mới nhập môn, chúng tôi chỉ xin nêu ra những quyển kinh căn bản của đạo Cao Đài từ buổi đầu tại Tây Ninh đến các Hội Thánh về sau.

– Tòa Thánh Tây Ninh:

- Quyển Kinh Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (1928) (về sau,

năm 1963, có thêm quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 2). Thánh Ngôn Hiệp Tuyển là quyển kinh căn bản của Đạo.

- Quyển Nữ Trung Tòng Phận (1933), chơn linh của Bà Đoàn Thị Điểm giảng bút.

– Hội Thánh Minh Chơn Lý

- Kinh Tu Chơn Thiệp Quyết
- Thánh Giáo Chánh Truyền
- Chánh Giáo Thánh Truyền
- Chánh Tà yếu lý...

Tất cả in trong khoảng năm 1931.

– Hội Thánh Tiên Thiên

- Kinh Bát Môn (1933)
- Bát Bộ Chơn Kinh (1934)
- Huấn Nữ Từ Âm (1934)
- Đạo Đức Lược Luận (1936)
- Minh Giáo Chánh Truyền (1936)
- Giáo Hóa Chơn Truyền (1936)
- Diệu Lý Chơn Truyền (1936)
- Tiếng chuông Khải Ngộ (1936)

Đặc biệt, năm 1968, Hội Thánh Tiên Thiên ban hành quyển Thánh Huấn Hiệp Tuyển (I và II) tập hợp nhiều Thánh giáo dạy đạo của Đức Chí Tôn và các Đấng.

– Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

- Thánh Truyền Trung Hưng (thời gian từ 1934–1982)
- Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan
- Tam Thừa Chơn Giáo (Tiểu Thừa – Trung Thừa – Đại Thừa) (1961–1962)

- Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý
- Ngọc Đế Chơn Truyền Tân Ước Tri Nguyên (1948)
- Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất
- Kinh Bình Minh (1968)
- Hội Thánh Minh Chơn Đạo
- Ngọc Minh Kinh (1934)
- Cao Đài Minh Kinh (1934)
- Thánh giáo Minh Chơn Đạo (1934)
- Thánh Ngôn Trích Yếu (1935)
- Nhánh Chiếu Minh Tam Thanh
- Đại Thừa Chơn Giáo (1935)
- Vĩnh Nguyên Tự
- Đạo Nguyên Chánh Nghĩa (1939)

Còn rất nhiều kinh sách của các Hội Thánh, các Thánh sở các nơi đã phát hành, không thể kể hết ra đây.

Riêng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được ân ban bộ Thánh Giáo Sưu Tập từ năm 1965 về sau.

* Trên thực tế, trong Đạo Cao Đài còn một “phân khúc” Kinh

dùng trong việc hành pháp tu luyện và Kinh “cầu cơ”, vấn đề này xin không nhắc tới. Vị nào có nhiệm vụ mới được sử dụng.

TẠM KẾT

Nói chung lại, Kinh tụng và Kinh sách trong Đạo Cao Đài đều do các Đấng Thiêng Liêng ban cho, nếu bài nào do các vị Thiên ân thọ lệnh đặt ra cũng đều được Ôn Trên chính duyệt, tức là Kinh ấy đã được “điểm Thần” vào. Mắt thường chúng ta không thấy Thần quang ấy, nhưng chư Thiên, và kể cả người cõi âm thấy rõ. Do đó, chúng ta lưu ý khi tụng đọc hay tra cứu kinh sách nên phải chính tề. Lưu giữ kinh sách nơi trang trọng, không nên để kinh sách bữa bãi nơi gầm giường, nền nhà, trên mặt ghế ngồi... Trân trọng kinh sách là chúng ta trân trọng chư Thiên; đó là hạnh đầu tiên mà người tân tín đồ cần giữ.

Ôn Trên đã từng dạy nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý hằng ngày nên để ra 1 giờ để đọc Thánh kinh Hiền truyền,

điều này hết sức cần thiết cho chúng ta, bởi vì ẩn trong nghĩa lý kinh sách ích lợi cho phần trí tuệ của mình, còn có Thần điển của Ôn Trên để vào các câu chữ. Đọc kinh sách nhờ đó “Tinh nghĩa nhập thần”, hiểu kinh sách thoát ngoài câu chữ. Người tín đồ chúng ta thường đọc kinh sách dần dần sẽ cải thiện được thần trí của mình ngày càng hưởng thượng.

Chúng ta đều ý thức rằng ơn phước của người tín đồ Cao Đài là được hiệp cùng Trời – phối Thiên. Không phải đến khi chúng ta liễu đạo trở về mới phối Thiên. Khi chúng ta quỳ tụng Kinh trước Thiên Bàn, lúc đó trước mặt là Thiên Nhân, là Thần của Trời, sau lưng là Khí của Phật Hộ Pháp. Thần lực trong bài Kinh phối hợp cùng Thần trí của chúng ta định vào, chú ý vào, gọi là định thần khi tụng kinh; đó là lúc linh hồn chúng ta, và cũng có phần thể xác nữa, hòa hợp cùng Trời Đất. Vì vậy cúng Tứ thời cũng là một pháp môn của Đạo Cao Đài. ■



THÁNH GIÁO

Chị cũng mừng các em thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý. Chị rất vui và luôn luôn hộ trì, khuyến khích các em trên đường tu tập, quật khởi mầm non, vượt lên trên khoảng trời thanh bạch, hầu kết quả đơm hoa, dư hương sẽ lan rộng khắp nơi, để đánh tan những cảnh tù đày lý trí và thể xác của thanh thiếu niên hiện đại. Từ nay các em mỗi mỗi đều phải tìm trong sự sáng suốt của mình hầu hoạt động thêm cho thành phần được kết quả và các em cũng được rất nhiều ân huệ Thiêng liêng sẵn dành.

ĐỨC VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU, NGỌC MINH ĐÀI, 15-11 BÌNH NGỌ (26-12-1966). ■



BỔ TÁT QUÁN THẾ ÂM PHỔ MÔN PHẨM

■ **GIÁO SĨ HỒNG MAI** — BÀI THUYẾT TRÌNH NHÂN LỄ KỶ NIỆM NGÀY THÀNH ĐẠO
CỦA ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỔ TÁT 19-6 QUÝ TỶ (26-7-2013).

NAM MÔ VẠN ƯỚC TỬ KIM THÂN TÂM THINH CỨU KHỔ CỨU NẠN QUAN THẾ ÂM BỔ TÁT

Tại Ấn Độ, sau khi Đức Thích Ca sáng lập Phật giáo, trong suốt 49 năm, Ngài đi khắp nơi thuyết pháp, tùy theo đối tượng mà Ngài có phương pháp truyền đạt khác nhau, cho nên sau khi Ngài tịch diệt, các đệ tử có những kiến giải và truyền bá riêng. Đến ngày nay, Phật giáo phát sinh ra nhiều tông phái, nhưng chủ yếu có hai tông phái lớn là Đại thừa và Tiểu thừa.

1. VỀ NGUỒN GỐC:

Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo Bắc tông hay Phật giáo Đại thừa, được biên soạn vào thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên.

Theo các nhà nghiên cứu thì tác giả quyền

Diệu Pháp Liên Hoa vốn không phải do chính Đức Phật thuyết mà do bậc đạo sư xuất chúng của Phật giáo mô phỏng từ chính tư tưởng của Phật dạy mà trước tác, biên soạn. Diệu Pháp Liên Hoa được xem là kinh và được liệt kê vào danh sách Tam tạng giáo điển của Phật giáo Bắc tông hay Phật giáo Đại thừa.

Hiện tại, Việt Nam lưu truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa do Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch, ngoài ra còn có các bản dịch hoặc giảng giải khác của các vị đạo sư. Nội dung kinh Diệu Pháp Liên Hoa bao gồm 7 quyển, 28 phẩm. Trong đó Phổ Môn là phẩm thứ 25.

2. SỰ PHÁT TRIỂN:

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thuộc Đại tạng giáo điển Phật giáo của Phật giáo Đại thừa. Khi

các học thuyết, tông phái Ấn Độ truyền vào Trung Hoa, được người Trung Hoa tiếp thu và phát triển ra nhiều tông phái khác nhau do người sáng lập tông phái có những kiến giải riêng. Phật giáo Đại thừa tại Trung Hoa phát triển thành tám tông phái lớn gồm: Tam Luận tông, Thiên Thai tông, Hoa Nghiêm tông, Pháp Tướng tông, Luật tông, Tịnh Độ tông, Mật tông, Thiền tông.

Đặc biệt là Thiên Thai tông còn gọi là Pháp Hoa tông, do Đại sư Trí Khải, họ Trần tự Đức An, đời Tùy của Trung Hoa sáng lập. Thiên Thai tông lấy kinh Pháp Hoa (Diệu Pháp Liên Hoa kinh) làm tông chỉ để tu hành. Ngoài ra, các tông phái khác thuộc Đại thừa cũng lấy kinh Pháp Hoa làm chuẩn mực để tu hành chứng đắc.

Tại Quan Âm điện của Quốc Thanh Tự ở Thiên Đài sơn tỉnh Triết Giang có câu: Pháp pháp viên thông cổ danh tự tại, đầu đầu hợp đạo nhân hiệu Phổ Môn, nghĩa là: Pháp pháp viên thông gọi tên Tự Tại. Người người hợp đạo mới gọi Phổ Môn.

3. PHẨM PHỔ MÔN:

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì phẩm 25 trong 28 phẩm gọi là Phổ Môn, hay còn gọi là “Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”. Phổ Môn có nghĩa là cánh cửa phổ quát hay phổ thông. Nghĩa là Phật giáo có một cánh cửa phổ quát cho bất cứ ai muốn vào ngôi nhà để tu đắc pháp trở thành Phật. Nội dung trong phẩm Phổ Môn tán thán công đức và phẩm hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm với thần thông quảng đại, từ bi, trí tuệ của Ngài. Phổ Môn chỉ con đường cho hành giả tu tập để đạt đến phẩm chất kỳ diệu và phi thường của bậc đại từ đại trí. Phổ Môn còn gọi là Vô lượng môn, là cánh cửa mở rộng dung chứa hết thảy. Trong kinh Hoa Nghiêm thì giải thích Phổ Môn là lý của vạn pháp, nghĩa là trong một mà nhiếp hết thảy các pháp, một cửa giáo pháp có thể thấu hết toàn bộ các cửa, trong đó Bồ Tát thị hiện mọi hình tướng, mọi pháp để cứu độ chúng sanh. Chư Phật và chư Bồ tát

thần thông tự tại, thị hiện vô số thân, mở ra vô số pháp môn để cứu độ chúng sanh.

BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM PHẨM PHỔ MÔN ĐƯỢC THỂ HIỆN BA PHẦN

1. VỀ ĐẠI NGUYỆN CỨU ĐỘ:

Một trong những giáo thuyết quan trọng của Phật giáo Đại thừa là nói đến phẩm vị Bồ Tát, bàn sâu về những công đức cứu độ, phẩm hạnh và những lời thệ nguyện của Bồ Tát. Trong các giáo điển của Phật giáo đều luận giải về phẩm vị Bồ Tát và chiêm ngưỡng, kính lễ chư vị Bồ Tát. Trong đó, Bồ Tát Quán Thế Âm là vị đã chứng đắc Phật, là vị Bồ Tát tượng trưng cho tinh thần Phật giáo Đại thừa. Bồ tát Quán Thế Âm có thần lực nhất, chỉ sau Phật Tổ.

Bồ Tát là vị có phẩm hạnh, lý tưởng và cao thượng, đã đắc vị Phật, vì tình thương nên phát đại nguyện hóa thân cứu độ khắp cả chúng sanh. Đặc điểm của Bồ Tát là không bao giờ rời bỏ chúng sanh đau khổ như Bồ Tát Quán Thế Âm, với mười hai đại nguyện, đi khắp cõi Ta bà cứu độ chúng sanh. Trong cõi nhân gian, không nơi nào có người đau khổ mà vắng bóng Bồ Tát Quán Âm. Hình tượng Bồ Tát Quán Âm nhân sanh thờ phượng thể hiện oai lực thần thông biến hóa, phục quỷ hàng ma của Ngài.

Bồ Tát Quán Thế Âm ,còn xưng là Quán Tự Tại, ngoài ra còn có nhiều hồng danh và hình tượng mà nhân sanh tôn thờ Ngài. Ngài lắng nghe mọi âm thanh, mọi tiếng kêu cầu cứu để cứu khổ. Quán Tự Tại nghĩa là quan sát thế giới mà tự tại cứu khổ. Tại nhiều nước trên thế giới, điển hình là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam, v.v. tín ngưỡng Quán Âm rất rộng rãi và các hình tượng điêu khắc cũng như tranh vẽ rất nhiều. Do Ngài có nhiều tướng biến hóa, cho nên hình tượng thờ Quán Thế Âm cũng rất đa dạng, hầu hết thể hiện tướng ôn nhu từ bi, cũng có thờ hình tướng với dáng vẻ dữ dằn. Ngoài hình tượng mà chúng ta thường kính lễ- Bồ Tát Quán Thế Âm ngồi hoặc đứng trên tòa sen ở

biển Đông Hải, tay cầm tịnh thủy bình, tay cầm nhành dương liễu – nhân dân còn tôn thờ nhiều hình tượng khác như:

1. Hình tượng Quan Thế Âm Bồ Tát hay Chuẩn Đề Quan Âm. Hình tượng này thị hiện công đức vô lượng, có khả năng hóa giải tất cả khổ ách nạn tai.

2. Hình tượng Mã Đầu Quan Âm, còn gọi là Mã Đầu Quan Thế Âm Bồ Tát, Mã Đầu Bồ Tát, Mã Đầu Đại Sĩ, Mã Đầu Minh Vương, Thiên Thai tông Phật giáo Trung Quốc còn gọi là “Sư tử vô úy Quan Âm”. Hình tượng này biểu hiện khả năng phục quý hàng ma, hàng phục những loại ma chướng độc ác.

3. Hình tượng Như Ý Luân Quan Âm với tay cầm bảo châu Như Ý và bánh xe pháp bảo. Bảo châu Như Ý thể hiện việc Ngài đáp ứng lời cầu nguyện của chúng sinh và bánh xe pháp luân thể hiện xe pháp thường chuyển, biểu hiện cứu chúng sinh ra khỏi luân hồi lục đạo.

4. Hình tượng Thánh Quan Âm còn gọi là Chính Quan Âm hay Thánh Quán Tự Tại, là hình tượng một mặt hai cánh tay. Hình tượng Thánh Quan Âm đầu đội mũ bảo quan hoặc búi tóc. Trong mũ bảo quan ấy có tượng Phật A Di Đà. Ngài ngồi kiết già trên đài sen, trong tay hoặc cầm hoa sen hoặc đang kết ấn, thân mặc toàn trắng, diệu tượng trang nghiêm, hàng phục chư ma chướng trong lục đạo.

5. Hình tượng Thập Nhất Diện Quan Âm Bồ Tát có 11 mặt, 11 đầu; mỗi đầu mặt đều khác nhau và xếp chồng lên nhau hình như cái tháp, 11 đầu mặt, biểu hiện 10 giai đoạn tu hành của Bồ Tát theo Đại thừa, tức gọi là Thập địa.

6. Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quan Âm hay Đại Bi Quan Âm. Quan Âm ngàn tay ngàn mắt. Ngàn tay ngàn mắt biểu hiện sự quan sát, nghe thấy khắp các cõi.

Tóm lại, trong các cõi tam giới, dục giới, sắc giới, và vô sắc giới và lục đạo gồm Địa ngục, Súc sinh, Ngạ quỷ, A tu la, Nhân, Thiên, vì muốn hóa độ chúng sinh và trừ tam chướng cho chúng sinh (phiền não chướng, báo chướng, nghiệp

chướng) cho nên Ngài phải ứng hóa, xuất hiện bằng sáu hình tướng hóa thân, tức lục Quan Âm là để trừ tam chướng của lục đạo.

2. BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THỊ HIỆN 21 THÂN TƯỢNG:

Phẩm Phổ Môn, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ghi rằng: lúc bấy giờ, Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát hướng Phật mà bạch rằng: “*Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?*” Phật bảo Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: “*Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát này, một lòng xưng danh, Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời xem xét tiếng tâm kia, đều đặng giải thoát.*”

Như vậy, qua lời dạy của Đức Phật, chúng sanh nào một lòng xưng danh hiệu của Ngài: Nam mô đại từ đại bi quảng đại linh cảm Quan Thế Âm Bồ Tát. Tức thì có sự cảm ứng giữa Bồ Tát và người niệm, Bồ Tát liền hiện thân cứu giúp.

Danh hiệu của Ngài là Quán Thế Âm Bồ Tát hay là Quán Tự Tại. Quán Thế Âm là quán sát âm thanh kêu cứu của thế gian mà cứu giúp. Quán Tự Tại là quán sát thế giới mà tự tại cứu độ. Phẩm Phổ Môn nói rằng Bồ Tát Quán Thế Âm có năng lực vô cùng. Ngài cứu chúng sanh thoát khỏi bảy thứ nạn tai, giải trừ ba độc, đáp ứng hai điều chúng sanh cầu mong. Bảy nạn đó là lửa nạn, nước nạn, phong gió nạn, đao gậy nạn, oán tặc nạn, ác quỷ nạn, gông cùm nạn. Ba thứ độc là tham, sân, si, đó là ba thứ độc hại gây cho chúng sanh phiền não, khổ đau, không thoát vòng luân hồi sinh tử, độc không khác gì rắn rết nên gọi là tam độc. Hai điều cầu mong của chúng sanh, đó là cầu tự, có người cầu con trai, có người cầu con gái. Tất cả những nạn tai và mong cầu đều được Bồ Tát Quán Âm cho toại nguyện.

Trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát lại bạch hai câu rằng: “*Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát đạo đi trong cõi Ta bà thế nào? Nói pháp cho chúng sanh như thế nào? Súc phương tiện việc đó như thế nào?*” Phật bảo Vô

Tận Ý Bồ Tát: *“Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật, mà vì đó nói pháp.”* Như vậy, trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa xác nhận, Quán Thế Âm Bồ Tát với lòng từ bi và trí tuệ, Ngài ứng hóa pháp thân hiện được 32 tướng để tùy duyên cứu độ chúng sanh. Ngài có thể dạo khắp cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula, nhơn gian, vì Ngài đã chứng đắc thần lực của Lục thần thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, thần túc thông và lậu tận thông. Với thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông, Ngài nghe thấy tiếng kêu cầu cứu của các cõi. Với thần túc thông, Ngài có thể biến hóa thể hiện thần lực, đi khắp các cõi để cứu độ. Với tha tâm thông, Ngài biết được tâm trí chúng sanh mà tùy duyên hóa độ. Với túc mệnh thông, Ngài biết số mệnh của mỗi chúng sanh mà tùy duyên cứu độ. Tuy nhiên, qua lời Phật dạy trong phẩm Phổ Môn về sự ứng hóa thân cứu độ của Bồ tát, chỉ cần một lòng xưng danh là được giải thoát, nhưng trong kinh có hai câu cần lưu ý: *“Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời xem xét tiếng tâm kia”* và câu: *“đáng dùng thân Phật đặng độ thoát”*. Từ “xem xét” và từ “đáng dùng thân” cho thấy rằng không phải chúng sanh nào xưng danh Ngài đều được cứu độ. Sự cứu rỗi của Bồ Tát phải do nhân duyên của mỗi chúng sanh mà thị hiện cứu độ. Nếu con người thường xuyên trong tình trạng bị nhiễu loạn thân tâm, lục căn nhàn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giống ruồi theo cánh và trần, khởi nhiều duyên xấu thì dù có trăm ngàn lần xưng danh hiệu Bồ Tát cũng khó nhận được sự cứu độ.

Phổ Môn là cánh cửa phổ quát nhưng không phải dễ vào. Sự cứu độ và hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm trong Phổ Môn phải được hiểu một cách sâu sắc mới soi sáng được vai trò của Bồ Tát trong việc phổ độ. Người ta thường nghĩ rằng đạt được ba điều kiện sau đây sẽ được sự gia hộ của Bồ Tát: Một là, đặt niềm tin tuyệt đối vào sự cứu độ của Ngài. Hai là, niệm Phật tức là thành kính niệm danh hiệu của Ngài. Ba là, trì tụng

kinh của Ngài hay chú Đại Bi của Ngài. Những điều trên là điều kiện ắt có để được sự cứu độ của Bồ Tát, nhưng chưa đủ để nhận được sự giao cảm thường xuyên với Ngài, vì không thể có một tha lực nào có thể quyết định hoàn toàn vào sự sinh tử, việc tội phước hay sự chứng ngộ hay không chứng ngộ của con người, mà chính bản thân con người tự quyết định nhân duyên của mình trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

Bồ Tát Quán Thế Âm là hiện thân của vị Phật cứu độ, là vị Phật đạt được sự đại giác ngộ, đạt được hạnh từ bi và trí tuệ (trí tuệ sinh khởi từ bi, từ bi bắt nguồn từ trí tuệ), thực chất hai mà là một. Từ bi và trí tuệ là hai chủng tử Phật. Hai yếu tố này nếu được hằng tại trong tâm của mỗi chúng sanh thì chúng sanh là Bồ Tát, là Phật. Theo giáo lý Phật giáo thì bất cứ chúng sanh nào cũng có thể thành Phật, có tiềm năng thành Phật. Giáo lý các tôn giáo cũng xác nhận điều này. Trong giáo lý Cao Đài, có câu *“Thầy là các con, các con là Thầy.”* Đức Kitô cũng dạy: *“Anh em hãy trọn lành như Cha anh em ở trên trời, vì Người làm mưa trên người lương thiện và cũng làm mưa trên người chưa lương thiện.”* Cho nên khi chủng tử Phật từ bi và trí tuệ phát sinh, thì các yếu tố đối lập sẽ tan biến, như khi mặt trời ló dạng thì màn đêm không còn nữa. Tâm Phật, tâm Bồ Tát là chỉ vào trạng thái Phật hiện ra trong tâm và tâm này là Phật (thị tâm thị Phật). Cho nên, dù có luận bàn muôn ngàn tri thức thì rốt ráo vẫn là quy về tâm. Phật tức tâm, tâm tức Phật là tâm giải thoát, Bồ đề tâm. Giáo lý Cao Đài cũng xác nhận tâm là Đạo, là Thượng Đế, là Phật: *“Tất cả vũ trụ chỉ có một tâm, một đạo, ngoài tâm, đạo ra không còn có cái gì thì mới đứng vững trên cương vị giải thoát. Thượng Đế cũng là tâm, tâm là Thượng Đế; tâm ấy có một, phàm thánh không hai, giác mê cũng một vậy, ma phật cũng một.”*¹ Như vậy, những si ái, tham vọng, chấp trước, vô minh, sân hận – là các cội rễ của mọi phiền não, khổ đau – sẽ không có chỗ

1. Đức Bác Nhã Thiên Sư, 27-6-1975.

trú ẩn trong tâm của mỗi chúng sinh khi từ bi và trí tuệ hiện hữu. Khi con người đạt được chân giải thoát thì việc tìm kiếm, sự cứu giúp của Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ không còn cần thiết, vì con người chính tự thân đã đạt được sự giải thoát. Cái gọi là năng lực cứu độ của Bồ Tát Quán Thế Âm là năng lực đang tồn tại trong con người thì vấn đề tìm cầu không còn nữa. Khả năng siêu phàm của Bồ Tát Quán Thế Âm trong Phổ Môn được thị hiện khi chúng sanh đạt đến một đạo hạnh nào đó, xứng đáng được sự cứu độ của Bồ Tát. Con người giác ngộ luôn tồn tại trong tâm bản chất của Bồ Tát là từ bi và trí huệ thì sự cứu độ là điều tất nhiên, Bồ Tát Quán Thế Âm dành cho người ấy.

Theo giáo lý Phật giáo, sự sinh khởi của nhân duyên, có nghĩa là toàn bộ khổ đau sinh khởi, ngược lại chấm dứt nhân duyên thì cũng có nghĩa là đoạn tận mọi khổ đau. Nhân duyên bao gồm 12 yếu tố: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, gọi tắt là nhân duyên quán. Trong các nhân duyên thì hai duyên Ái và Thủ (thủ kết, ái dục) là cội nguồn đau khổ của con người. Khi nào con người thực hiện vô ngã tức là không nhân ngã, pháp ngã, tự ngã, tha ngã, cuối cùng là không có cái ngã, đó là đạt được giác ngộ rốt ráo. Theo kinh Chỉ Quán thì, vì không có trí tuệ nên mới cho là có ngã, lấy trí tuệ mà xem xét thì thực không có ngã. Như vậy, bất cứ ai đoạn tận ái dục và chấp thủ cả chủ thể lẫn đối tượng thì phiền não khổ đau sẽ biến mất. Bất cứ ai đạt được sự giác ngộ thì không còn cảm nghiệm sự khổ đau, thậm chí khái niệm khổ đau cũng không tồn tại trong tâm thức người ấy. Sự giao cảm thường xuyên với Quán Thế Âm Bồ tát là hiển nhiên.

3. CÔI CỰC LẠC:

Cảnh giới cực lạc hay nước thiên đàng, nơi ấy là nơi an lạc, hằng thường, tự tại. Cảnh trần gian được gọi là các pháp hữu vi, mang tính vô thường, khổ. Như vậy, thế giới cực lạc là thế giới vượt ngoài vô thường, không khổ đau, cảnh giới

phi thời gian, không gian. Cảnh giới ấy chỉ có chúng sanh nào vượt ngoài nhân duyên, đoạn tận ái dục và chấp thủ. Nói khác đi, khi vắng mặt ái dục và chấp thủ thì buồn phiền khổ đau không tồn tại trong tâm thức con người. Lời Đức Phật dạy:

*Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.²*

Theo giáo lý các tôn giáo thì trong thế giới cực lạc, chủ nhân là Đức Thượng Đế, Đức Chúa Cha, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Theo giáo lý Phật giáo, Đức Thế Tôn chủ trì ở phương Tây là cõi vô lượng quang, vô lượng thọ. Theo Tịnh Độ tông thì cảnh giới cực lạc là Đức Phật và chỉ có Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là vị hóa thân của Đức Phật A Di Đà, Ngài có vai trò cứu vớt chúng sanh về cõi cực lạc. Theo Đại kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát Quán Thế Âm là chủ nhân của cõi Tịnh độ. Chúng sanh nào đoạn tận được nhân duyên và đạt được từ bi và trí tuệ là hai mặt của một thực thể giải thoát thì chúng sanh đó thật sự làm chủ nhân của thế giới cực lạc của chính bản thân mình đang hiện hữu ở trần gian và chúng sanh ấy cũng thật sự bước vào thế giới cực lạc. Nói khác đi, cảnh giới cực lạc, nước Thiên đàng, nước Trời, cõi Phật, cõi hằng thường là nơi dành cho những hành giả và tất cả chúng sanh nào đầy đủ phẩm chất từ bi, bác ái, trí tuệ như Phật, Bồ tát, Chúa Giêsu, các vị Tổ, những vị giác ngộ chơn tu. Như vậy, đến cõi cực lạc không có khó khăn, vì cõi cực lạc trong tâm con người giác ngộ, hành giả chỉ cần nhích chân một bước là đến thiên đàng. Chỉ cần hành giả nhất tâm giải thoát.

4. CON ĐƯỜNG CHỨNG NGỘ:

Con đường chứng ngộ để diện kiến Bồ Tát Quán Thế Âm là con đường Trung đạo bao gồm

2. Viên Trí: Khái niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr.242.

tam học, tam pháp và thiên định. Nếu hành giả nghiêm túc đi theo đạo lộ của Phật, chắc chắn đạt được sự chứng ngộ.

TAM HỌC:

Tam học là giới, định, huệ, là ba thành tố dẫn đến chứng ngộ. Phật là ai? Theo giáo lý Phật giáo thì Ngài không phải dòng dõi thần thánh ở cõi trời, càng không phải là đấng cứu thế hay đấng giáo chủ tôn giáo. Phật chỉ là con người đạt tới sự hoàn thiện bản thân và nhận thức được bản ngã chân thật của con người ở cấp độ cao nhất. Đức Phật – một con người siêu việt, hoàn thiện trong lịch sử nhân loại. Cuộc hành trình khởi đầu tu tập, Đức Phật đã trao cho hành giả phương pháp và cách thức chứng ngộ, đó là giới, định, huệ, là ba thành tố chính của sự tu tập.

Giới là luật quy định của giáo lý Phật để phòng ngừa, ngăn cấm sự sai trái của thân tâm. Định là lặng lẽ, trầm tư. Huệ là dứt hết nhân duyên, phá bỏ ác niệm, giác ngộ chân lý, làm được ba pháp này dẫn đến chứng ngộ. Do thường xuyên tu tập tam học mà chứng ngộ chân lý tối thượng.

Người chứng ngộ là người thấy được lẽ thật, hành được lẽ thật, đắc được lẽ thật. Lẽ thật ấy là Đạo. Đức Bồ Tát dạy: “Phật đã nói pháp Ba la mật cũng là tạm, thì thánh đường, am tự xây bằng gạch ngói tất nhiên cũng là tạm. Ở đời tạm sử dụng những vật thể tạm để làm nên một lẽ thật. Lẽ thật ấy là Đạo, là lòng vị tha bác ái, là Như Lai tạng tính. Cái điểm linh quang không giới hạn, không biên cương như Đức Thế Tôn. Ví dụ, nếu xác thân này có to bằng núi Tu Di đi nữa, thì cũng chẳng lớn, cũng chẳng bền.” Như vậy, giới, định, huệ giúp hành giả đạt được con đường chứng ngộ.

TAM PHÁP: (CŨNG GIÚP HÀNH GIẢ ĐẠT ĐƯỢC SỰ CHỨNG NGỘ)

Tam pháp thí, đó là ba loại bố thí, đó là Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí. Thực hành tam pháp thí tức là đi theo con đường nguyện hạnh của chư Phật, chư Bồ Tát, cũng là điều kiện để hành giả giao cảm với Bồ Tát và đạt được sự chứng ngộ, vì khi hành giả có đầy đủ lòng từ

bi cũng có nghĩa là sự giao cảm thường xuyên sẽ hình thành, chính bản thân con người ấy đã đi con đường hạnh nguyện như Bồ Tát. Hành giả thường xuyên tu tập lòng từ sẽ đạt được tám điều lợi ích: ngủ được an lạc, dậy được an lạc, không thấy ác mộng, được người yêu mến, chư Thiên hộ trì, không bị gia hại, đời sống tự tại, hạnh phúc ở tương lai. Từ bi là lòng trắc ẩn và yêu thương. Khi hành giả có cảm giác xúc động trước một nỗi khổ của con người, lúc ấy khiến cho thiện tâm của hành giả phát khởi, thể hiện sự yêu thương với mọi người, hành giả trở nên dễ thân thiện, thường thông cảm, quan tâm đến người khác, biết làm cho mọi người vui tươi và thú vị, đồng thời biết nhận nơi mọi người một tình cảm chân thật. Như vậy, đó chính là lúc tâm thức hành giả dung chứa trạng thái cao đẹp của tâm hồn, đó là hành giả đã chứng ngộ ngay trong cuộc đời. Vì sự đau khổ, phiền não sẽ chấm dứt khi tâm người dung chứa những yêu thương và hạnh phúc. Trí tuệ và từ bi là phương tiện ưu việt để đạt được chứng ngộ. Cho nên giáo lý các tôn giáo không ngừng dạy hành giả mở rộng lòng từ bi thị hiện qua hạnh bố thí, thông qua hạnh bố thí hành giả thường xuyên giao cảm với Thượng Đế, Đấng Cứu thế, chư Phật, chư Bồ Tát.

Tài thí hay Bố thí tài vật. Bất cứ ai muốn được sự gia hộ của Bồ Tát, thì phải thực hành hạnh nguyện này. Đối tượng thực hiện là tất cả chúng sanh nghèo khổ, người bệnh, người cần giúp đỡ. Ngoài ra, cúng dường là một nghi lễ cung kính đối với những bậc tu hành. Thực hành Tài thí là một phương pháp thực tiễn và ý nghĩa trong đời sống người tu. Nếu người được nhận cảm nhận được niềm hạnh phúc thì người cho càng cảm nhận được hạnh phúc lớn lao hơn. Khi thiện tâm hiện hữu trong tâm hành giả thì những khổ đau, hôn ám, độc ác, hận thù, ganh tỵ, ích kỷ sẽ biến khỏi tâm thức của hành giả. Đó là hành giả đạt được sự chứng ngộ, an lạc, hạnh phúc.

Pháp thí tức là thuyết pháp cho người, đem đến sự giác ngộ cho người. Đức Phật dạy: “*Này tỳ*

kheo, có hai sự phân phát này: phân phát tài vật và phân phát pháp. Đây là phân phát tối thượng trong hai loại phân phát, tức là phân phát pháp.”

Pháp thí thường dành cho những vị đứng đầu các tôn giáo như: thiền sư, đại sư, linh mục, giám mục, giáo sĩ. Đó là những hành giả tự thân đã đạt được sự bình yên, an lạc nội tại và truyền sự an lạc đến cho tất cả mọi người. Một lời thuyết giảng đầy thiện tâm, đầy tâm ý giác ngộ, đầy tư tưởng giải thoát chỉ có thể xuất phát từ các bậc tu hành đạt được sự chứng ngộ thật sự. Nếu những hành giả ấy không đạt được sự chứng ngộ thì có thực hành pháp thí cũng chẳng đạt được công đức.

Thí Vô úy tức là đem đến sự không sợ hãi. Bồ Tát Quán Thế Âm là chỗ nương tựa của chúng sanh, khiến chúng sanh không còn sợ hãi, cho nên Ngài là Thí Vô úy giả. Như vậy, khi hành giả đạt được sự không sợ hãi, là trạng thái được xem là đồng nghĩa với chứng ngộ giải thoát. Theo giáo lý Phật giáo thì vô úy hay không sợ hãi là kết quả của lòng từ bi và trí tuệ. Trong cuộc sống của chúng ta, ngoài chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đem sự không sợ hãi đến cho chúng ta, còn có những vị có thể đem lại sự không sợ hãi đến cho chúng ta như chư thiền sư, đại sư, giám mục, linh mục, giáo sĩ, v.v., đó là những vị tự thân đạt được chứng ngộ, giải thoát. Những cội nguồn khổ đau tham, sân, si, duyên nghiệp bị dập tắt khi lòng từ bi và trí tuệ xuất hiện trong tâm thức của hành giả, thì những con người ấy có khả năng đem sự không sợ hãi đến cho người khác.

THIỀN ĐỊNH:

Thiền định có thể dập tắt ba nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Vì khi thiền định không nói điều xằng bậy, không tạo nghiệp khẩu. Ý chăm chú quán tưởng để tinh tấn, không nảy sinh ý tà là ngăn ngừa ý nghiệp. Ngồi thẳng thân ngay ngắn, không làm việc tà ắt trừ được thân nghiệp. Như thế thiền định chuyên chú không mệt mỏi, tâm tính thuần thực sẽ được chứng ngộ.

Thiền có nghĩa là suy nghĩ, thẩm xét, tâm

trí tĩnh lặng để tập trung tư tưởng. Thiền dứt mọi vọng niệm, phiền não để đạt đến chứng ngộ. Đức Phật dạy trong Bát Nhã Tâm kinh: “*Trong khi trầm tư sâu xa vào trong sự hoàn thiện của trí tuệ và nhận thức được năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là không có tự ngã, Bồ Tát Quán Thế Âm vượt qua tất cả chướng ngại khổ ách.*” (Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách), nghĩa là Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật và thiền Ba la mật là thiền của hàng Bồ Tát đặc được đạo hạnh là thương, lạc, ngã, tịnh và trí Bát nhã, thần thông. Theo giáo lý Phật giáo thì cõi thiền là nơi sinh khởi ra mọi công đức, trí huệ, từ bi, thần thông. Như vậy, hành giả sẽ đạt được sự giải thoát và trí huệ qua thiền định, đồng thời sẽ cảm nhận được sự hộ trì của Bồ Tát. Dù Đại thừa hay Tiểu thừa đều ngang qua phương pháp thiền định mới đạt được sự chứng ngộ.

Trong giáo lý các tôn giáo đều nhìn nhận thiền hay công phu, tĩnh tâm, thanh tâm, là phương tiện bậc nhất để giao cảm với các đấng Thiêng Liêng. Thiền chẳng những đem lại sức khỏe mà còn đem lại sự sáng suốt. Giáo lý Phật giáo cũng như các tôn giáo đều đề cao thiền định. Trong thiền định, lấy tâm làm then chốt của sự chứng ngộ giải thoát. Có rất nhiều bài thơ thiền trong thiền Phật giáo và thiền Cao Đài diễn tả những giai đoạn tu tập về tâm rất ý nhị, sâu sắc. Khi chưa giác ngộ, hành giả chưa bước vào cửa thiền định thì tâm còn bị vô minh che lấp. Sau đây là những bài thơ thiền của Cao Đài dạy về phương pháp trị tâm:

Tâm phóng ra, bảy tình tám thức

Duyên đối nhau, hậm hực chống kình

Thỏa thuê, yêu ghét, bất bình

Trở trêu mâu thuẫn vô minh rõ ràng.

Đến khi hành giả vào cửa thiền thì phải giữ gìn giới luật của thiền môn, lúc này phải tìm cách để cột tâm, tức là bắt đầu phải trụ vì tâm người dễ bị giông ruổi theo tình thức.

Bước sơ cơ móng nền vững chắc

*Đoạn căn trần, đóng chặt cửa ngoài;
Đánh tan niệm lự đông dài,
Điều thần dụng khí liên đài thung dung.*

Hay:

*Sáu căn duyên với cảnh trần
Tình nương theo ý phiêu nhai đất người.*

Khi hành giả thiền định càng lâu, công càng dày, một kết quả hiển nhiên là hành giả đạt được tâm tinh tấn.

*Sung mãn tâm nguồn vui thanh tú,
Bảo đảm thân có chủ nơi lòng
Tự do ngày tháng thong dong
Gốc lòng vững chắc ai hòng đảo khuynh.*

Khi thiền định càng lâu thì tâm thuần thực, hai ma hôn trầm, tán loạn cũng chịu hàng, thắm lặng tu tập chẳng chút buông lơi. Có câu: “Học đạo như dùi lửa, thấy khói chưa thể dừng”. Tuy hành giả đạt được kết quả nhưng còn những nghiệp của tiền khiên chưa hết sạch. Giai đoạn này phải tu hằng phút, hằng giờ, trần duyên ngày càng tiêu mòn. Điều quan trọng là hành giả phải phát hạnh nguyện Bồ Tát quên mình vì chúng sanh.

Trong giáo lý Phật giáo cũng như Cao Đài giáo, do chúng sanh căn trí vô lượng, nên có ngoại lệ. Trong thiền Phật giáo cũng như Cao Đài có một pháp môn gọi là pháp môn bất nhị, pháp môn này còn có tên là Đốn ngộ, vượt lên trên tám vạn bốn ngàn pháp môn, có thể trực tiếp chứng ngộ, vì hành giả là người đại tâm nghe hiểu đại thừa, tu hành đại pháp, lập tức đạt đến con đường giải thoát mà không qua nhiều giai đoạn rèn luyện.

KẾT LUẬN

Trước sự văn minh và tiến bộ của thế giới hiện nay, con người càng nhận ra rằng giá trị đạo đức, giá trị tâm linh càng phải được phát triển mạnh mẽ thì con người mới thật sự hạnh phúc. Trong đó tôn giáo đã giữ một vai trò rất lớn. Chính tôn giáo đem lại những giá trị tinh thần, những tư tưởng siêu việt, những niềm tin bất diệt cho con người.

Giáo lý các tôn giáo chỉ ra rằng, hành giả hãy tự độ, tự nỗ lực, tự thấp đuốc mà đi. Thế nhưng trong cõi hồng trần muôn ngàn thử thách chông gai, cay đắng của cuộc đời, mấy ai không một lần vấp ngã, gặp hoàn cảnh trở trêu hay mang nhiều tâm tư sầu muộn, có ai chưa một lần cầu nguyện, hay đã nhiều lần. Hãy cầu nguyện, hãy dựa vào tha lực để tìm nơi ấy một sự an ủi tinh thần. Tha lực đó chính là chư Phật, Tiên, Thánh, Thần gia hộ và những người có sứ mạng dẫn dắt chúng sanh.

Bồ tát Quán Thế Âm là Vị Vô Úy Thí, Ngài đạo khắp cõi ta bà, đem đến cho chúng sanh sự không sợ hãi. Bên cạnh đó, người có thể thực hành Pháp thí và đem lại sự không sợ hãi cho chúng sanh là những hành giả có sứ mạng dẫn đầu các tôn giáo. Thông qua sự tu tập, nỗ lực, tự thân cảm nghiệm được trọn vẹn về phẩm hạnh từ bi và trí tuệ, tự thân đạt được an lạc, hạnh phúc, thì những hành giả đó có năng lực đem đến cho người khác sự an lạc, hạnh phúc và sự không sợ hãi. Điều này Đức Phật có dạy trong một đoạn kinh sau: “*Này các tỳ kheo, những tỳ kheo nào đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ trí kiến giải thoát...Ta tuyên bố rằng chỉ các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các tỳ kheo, này các tỳ kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ nghe các vị như vậy..., chỉ thân cận các vị như vậy... chỉ nhớ nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các tỳ kheo.*”

Kính thưa chư Tôn đức, quý vị quan khách, quý đạo trưởng, đạo huynh, đạo tỷ cùng quý đạo tâm,

Những vị đã cảm nhận được sự an lạc và hạnh phúc, những vị đã cảm nhận được sự hỗ trợ của Bồ tát, những vị đã tu tập được phẩm hạnh từ bi và trí tuệ, những vị ấy hãy đem lại sự an lạc, hạnh phúc và sự không sợ hãi cho tất cả mọi người. Cầu nguyện cho tất cả chúng ta đạt được sự an lạc và hạnh phúc trong sự gia hộ của Đức Bồ Tát.■

NAM MÔ VẠN ƯC TỬ KIM THÂN

TÂM THINH CỨU KHỔ CỨU NẠN QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT.■

KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO

trong đời sống của người tín đồ Cao Đài

■ THIÊN QUANG

Trong đời sống của người tín đồ Cao Đài, sự phối hợp giữa khoa học và tôn giáo đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của bản thân mỗi tín đồ cũng như của toàn cơ đạo. Điều đó, khi mới nghe qua, có vẻ thật xa lạ, ít nhất cũng là vì trong toàn đạo dường như chẳng có mấy ai nói đến kể từ năm Bính Dần 1926. Thế nhưng, mọi việc sẽ khác đi hoàn toàn nếu người tín đồ Cao Đài, một mặt, biết tìm hiểu thấu đáo mọi hệ thống Thánh ngôn, Thánh giáo của đạo nhà với tinh thần không phân biệt chi phái, và mặt khác, biết mở rộng tầm nhìn của mình, vượt ra khỏi ngưỡng cửa tôn giáo và thấy được tính lịch sử của cơ đạo Kỳ Ba.

TÂM NHÌN TRONG SỨ MẠNG LỊCH SỬ

Dẫn dắt chúng ta trong tầm nhìn này, vào năm Bính Dần 1986, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã giảng dạy về sứ mạng lịch sử của người Cao Đài với những phân tích sắc bén:

“Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ nguơn. Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại vì được diễn phúc hồng ân lớn lao duy nhất: Thượng Đế giáng trần lập đạo, cứu độ và tận độ. Nhân loại cũng đang thời kỳ tiến cơ mạt kiếp; ác nghiệp chông chất bao đời cũng đang đến hồi tác động với muôn vàn tai họa khủng khiếp. Sự chênh lệch cách xa, một bên trí năng phát minh khoa học, và một bên đạo đức lương tri, tạo nên tai họa khủng hoảng mờ mịt, không lối thoát. Hoàn cảnh lịch sử, thời điểm lịch sử, phải có giải pháp lịch sử, sứ mạng lịch sử, và

*tất nhiên, con người sứ mạng lịch sử. Điều này có nghĩa cụ thể là: trong giai đoạn lịch sử này, không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả.”*¹

Đây là đoạn trích nằm ở phần đầu của bài Thánh giáo về sứ mạng lịch sử. Chỉ riêng đoạn trích này đã chứa ba nội dung quan trọng: (1) bối cảnh lịch sử “có một không hai” của thời Tam Kỳ Phổ Độ mà đặc trưng của nó là hồng ân của Thượng Đế để giải quyết tình trạng khủng hoảng của nhân loại, (2) lý do của tình trạng khủng hoảng ấy là “sự chênh lệch cách xa [giữa] một bên trí năng phát minh khoa học và một bên đạo đức lương tri”, (3) cơ hội “có một không hai” của người Cao Đài để làm tròn sứ mạng Cứu thế Kỳ Ba.

Mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo được nêu lên ở nội dung thứ hai của đoạn trích. Mối quan hệ đó hiện nằm trong một tình trạng khiến cho thế giới đương đại “không lối thoát”: văn minh nhân loại đã phát triển một cách mất quân bình đến độ tạo ra “sự chênh lệch cách xa” giữa trí năng và tâm đức, và do vậy, giữa khoa học và tôn giáo. Ta hãy nhìn vào thực tế để kiểm nghiệm. Trong hơn một thế kỷ gần đây, trí năng của nhân loại cứ tiến bộ như vũ bão, liên tục ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới, nâng cao đời sống vật chất của thế giới một cách không mệt mỏi; ngược lại, tâm đức của nhân loại lại phát triển trong trì trệ, cố chấp vào hình tướng tôn giáo hơn

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-08 Bính Dần (14-09-1986).

là thực chứng những giải thoát tâm linh. Vì vậy, sự tiến bộ của khoa học là tiến bộ trong thực chất, còn sự phát triển của tôn giáo chỉ là phát triển ở bề ngoài. Sự chênh lệch này đã làm cho nhiều Đấng Thiêng Liêng phải than thở: “*Hôm nay, nhưn loại bước lên thêm văn minh lộng lẫy. Trí hóa cho là khôn sáng hơn xưa nhiều. Học thuyết, tôn giáo phổ cập tận khắp nơi nơi, nhưng chưa thấy mấy ai gọi là giác ngộ.*”² Phần lớn nhân loại càng ngày càng tin tưởng thái quá đối với những lợi ích vật chất mà khoa học đem đến và hoài nghi thái quá đối với những giá trị tinh thần mà tôn giáo hứa hẹn. Ở một đối cực của tình trạng này, sự hoài nghi thái quá những giá trị tinh thần làm cho các tôn giáo càng lúc càng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc giáo hóa nhân sinh, và do đó, làm cho thế giới khó tiếp thu được những giáo huấn đạo đức từ các tôn giáo, khiến đời sống tâm linh của thế giới vốn đã trì trệ lại càng trì trệ hơn nữa. Ở đối cực kia, sự tin tưởng thái quá của nhân loại đối với những lợi ích vật chất đã làm xuất hiện những hình thái quyền lực thế tục mới từ trong những khối dục vọng của nhân loại, và nguy hiểm thay, những quyền lực ấy nhanh chóng áp đặt những ách thống trị mới lên nhân loại.

Như vậy, sự chênh lệch giữa tâm đức và trí năng đã đào một vực thẳm ngăn cách giữa tôn giáo và khoa học. Vực thẳm ấy, hầu như trên khắp mọi phương diện của thế giới đương đại, chúng ta đều có thể quan sát thấy. Những cuộc đấu tranh tư tưởng giữa duy tâm và duy vật, giữa hữu thần và vô thần trong triết học là những ví dụ kinh điển. Mà đâu chỉ diễn ra trên giấy bút của các nhà tư tưởng. Từ hơn 100 năm qua, những cuộc đấu tranh đó đã lây nhiễm sâu rộng vào đời sống thực tiễn, biến thành hành động của nhiều nhà chính trị và quân sự, dẫn đến những cuộc chiến tranh ý thức hệ tiêu hao nhiều xương máu nhân sinh

và tàn phá nhiều quốc gia trên thế giới. Khi đứng giữa những nghĩa trang rộng mênh mông mà dày đặc mồ mả của những người đã chết vì sự khác biệt ý thức hệ như vậy, không thể không cảm thấy bàng hoàng: “*Chuyện gì đã và đang xảy ra với nhân loại?*” Giải đáp cho câu hỏi này chính là nội dung thứ hai trong đoạn trích lời dạy của Đức Lý Giáo Tông: “*sự chênh lệch cách xa*” giữa trí năng và tâm đức, hay giữa khoa học và tôn giáo, là lý do đáng sợ của những “*tai họa khủng hoảng mờ mịt, không lối thoát*” mà nhân loại chúng ta phải gánh lấy hôm nay.

Vực thẳm ngăn cách giữa tôn giáo và khoa học tạo ra nguy cơ tự diệt vong của thế giới và đóng kín mọi lối thoát của nhân loại. Vì vậy, Thượng Đế mới lâm phạm vào thời kỳ này, ban trao giải pháp lịch sử để cứu rỗi toàn linh. Trong một đàn cơ dạy đạo cho người Pháp được ghi lại trong “*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*”, Đức Chí Tôn đã nói:

“L’humanité s’entretue. Bien mal servie par la science, elle provoque la dissension et la guerre. (...) Il faut une nouvelle doctrine capable de maintenir l’humanité dans l’amour des créatures.” (“*Nhơn loại tàn sát lẫn nhau. Bởi không biết dùng khoa học vào việc phải, nên nó mới biến thành chia rẽ và chiến tranh. (...) Phải có một giáo lý mới mẻ đủ khả năng kèm chế nhưn loại trong sự thương xót chúng sanh.*”)³

Làm cho nhân loại biết sống trong khuôn khổ của tình thương yêu dành cho vạn loại – đây là điều mà mọi nền giáo lý của mọi tôn giáo trước đây đã thực hiện. Nhưng trong thế giới đương đại, các tôn giáo khó có thể tiếp tục thực hiện điều này một cách hiệu quả, vì phần lớn nhân loại đã mất niềm tin vào tôn giáo. Thế nên cần có một nền giáo lý mới mẻ, giúp nhân loại “*biết dùng khoa học vào việc phải*”, mà trước hết, là biết quay trở lại với khuôn

2. Ibid.

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25-08 Bính Dần (01-10-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.1).

vàng thước ngọc của tình thương yêu mà các tôn giáo đã từng giảng dạy. Nền giáo lý mới ấy chính là giáo lý Đại Đạo mà Thượng Đế ban trao cho nhân loại, chứa đựng giải pháp cho vấn đề “chênh lệch cách xa” giữa khoa học và tôn giáo.

GIẢI PHÁP LỊCH SỬ CỦA CƠ ĐẠO KỶ BA

Trong nội dung đầu tiên của đoạn trích, Đức Lý Giáo Tông cho chúng ta biết rằng Tam Kỳ Phổ Độ “là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại vì được diễn phúc hồng ân lớn lao duy nhất: Thượng Đế giáng trần lập đạo, cứu độ và tận độ.” Mặt khác, trong “Thánh Ngôn Hiệp Tuyển”, Đức Chí Tôn đã dạy từ những buổi đầu khai đạo: “Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ vụ một chữ Hòa.”⁴ Như vậy, hồng ân lớn lao duy nhất mà Thượng Đế ban cho nhân loại ở Kỳ Ba chỉ nằm trong một chữ Hòa này thôi.

Chính chữ Hòa này chứa đựng giải pháp lịch sử của Đại Đạo, một giải pháp lớn lao nhưng có thể được tóm gọn bằng cụm từ “tạo thể nhân hòa”. Thuật ngữ “thể nhân hòa” ở đây được dùng để chỉ một xã hội gương mẫu, bao gồm những người biết tự gắn bó với nhau theo ba tiêu chuẩn nhân bản, an lạc và tiến bộ⁵. Tạo thể nhân hòa có nghĩa là tạo ra một xã hội gương mẫu đến mức mọi xã hội trên thế giới đều muốn noi theo, vì xã hội gương mẫu ấy đạt được những chuẩn mực mà cả thế giới đang khát khao mong mỏi và tìm kiếm: chuẩn mực về nhân bản, chuẩn mực về an lạc, và chuẩn mực về tiến bộ.

Phải bắt đầu tạo ra ở nơi nào trên trái đất này một xã hội gương mẫu như thế? Không có nơi nào khác hơn là trong chính nền tổ chức của Đại Đạo, nghĩa là trong từng thánh sở một! Chỉ khi nào tạo được thể nhân hòa, người Cao

Đài mới thật sự xây dựng được thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế trong trụ tướng các thánh sở. Thế nhưng, Đức Chí Tôn đã dạy, muốn xây dựng được thánh thể của Ngài ở thế gian thì “tôn giáo, khoa học phải được đi đôi, song song tiến triển.”⁶ Chủ trương này của Đức Thượng Đế đã được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo triển khai:

“Giáo hội Cao Đài lần ba nêu cao bốn chữ thuần chơn vô ngã để đưa nhơn loại đến cảnh đại đồng, lấy đạo đức làm cơ sở cho đời sống vật chất, lấy khoa học làm đường lối duy nhất. Khoa học được tân giáo lý nêu cao để lấy khôn ngoan mà tài thành cơ chỉ.”⁷

Bốn chữ “thuần chơn vô ngã” mà Đức Giáo Tông Vô Vi nhắc đến chính là lập trường của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên lập trường này, “khoa học được tân giáo lý nêu cao để lấy khôn ngoan mà tài thành cơ chỉ”. Mệnh đề trong dấu ngoặc kép rất quan trọng; chúng ta cần giải thích vài thuật ngữ của mệnh đề này để hiểu rõ thánh ý. “Tân giáo lý” tức là giáo lý mới mẻ của Đại Đạo, “tài thành” có nghĩa là “thực hiện cho thành công”, và “cơ chỉ” có nghĩa là “nền tảng”. Với mệnh đề này, Đức Giáo Tông dạy tín đồ rằng: để giúp nhân loại xây đắp cho thành công nền tảng đại đồng, giáo lý Đại Đạo đã nêu cao vai trò của khoa học; thế nên, người Cao Đài phải biết sử dụng khoa học để phát huy sự khôn ngoan của mình mà xây đắp nền tảng này.

Thảo nào, khi dạy về tiêu chuẩn tiến bộ của thể nhân hòa, Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên đã khuyến cáo: “Nếu còn phân biệt giữa khoa học và tôn giáo, giữa đạo và đời, là thể nhơn hòa chưa tròn, xã hội thực thể chưa tạo lập; còn phân biệt tức chưa hoàn hảo.”⁸ Phải

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Từ Lâm Tự (Chùa Gò Kén), 14-01 Đinh Mão (13-02-1927), TNHT Q.1.

5. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-03-1970).

6. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Trung Hưng Bửu Tòa, 23-12 Ất Mùi (04-02-1956), Thánh Truyền Trung Hưng (T.II).

7. Đức Thái Bạch Kim Tinh, Thánh thất Từ Quang, 09-01 Bính Thân (20-02-1956), Thánh Truyền Trung Hưng (T.II).

8. Đức Lê Văn Duyệt, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-03-1970), TGST 1970-1971, tr.27.

hợp được khoa học với tôn giáo, người tín đồ Cao Đài sẽ có được cả hai nguồn sức mạnh, như Đức Cao Triều Phát Đại Tiên từng chỉ ra cho thanh thiếu niên Đại Đạo: “*Khoa học sẽ giúp [con] người đạt địa, đạo lý sẽ giúp [con] người thông thiên; thế gian [sẽ] không còn là biển khổ, là sông mê.*”⁹ Đạt địa có nghĩa là đạt được những quy luật của thế giới vật chất, còn thông thiên có nghĩa là thông suốt những nguyên lý của thế giới tâm linh. Người Cao Đài phải nhờ khoa học để đạt địa và trợ giúp cho nhân sinh trên thế đạo, cũng như phải nhờ tôn giáo để thông thiên và thăng tiến trên thiên đạo. Và đáng ngạc nhiên thay, sự phối hợp giữa tôn giáo và khoa học sẽ làm nên một quyền năng cứu rỗi cho thế giới đương đại: biến thế gian từ biển khổ sông mê thành thiên đàng cực lạc.

Trong viễn tượng đó – viễn tượng mà người Cao Đài phối hợp khoa học với tôn giáo để tạo thế nhân hòa – Đức Trần Hưng Đạo đã tiên báo về tương lai huy hoàng của nhân loại:

*Khi khoa học bắt tay tôn giáo,
Chính trị cùng noi đạo thánh hiền;
Là ngày thế giới ổn yên,
Nhơn gian, bá tánh, phi nguyện ước ao.
Đó là đêm trăng sao rực rỡ,
Đó cũng ngày muôn thuở đợi trông;
Tự do, hạnh phúc, đại đồng,
Phóng tâm tư tưởng huyền thông cõi ngoài.¹⁰*

Thế đạo Đại đồng là đây, mà Thiên đạo Giải thoát cũng là đây! Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ đạt được mục đích của mình và điều này tự nó nói rằng sự phối hợp khoa học với tôn giáo là một phần hết sức quan trọng trong giải pháp lịch sử của cơ đạo kỳ ba.

Lời tiên báo của Đức Thánh Trần, “*khi khoa học bắt tay tôn giáo*”, không ngụ ý rằng chúng ta hãy đợi chờ cho đến khi nào khoa học và tôn

giáo bắt tay với nhau; nhưng Ngài muốn dạy rằng: chúng ta hãy chủ động phối hợp khoa học với tôn giáo lại làm một, ngay trong trí năng và tâm đức của chúng ta. Nếu người tín đồ Cao Đài không chủ động thực hiện, dù có chờ đợi đến bao giờ, khoa học và tôn giáo vẫn không thể thực sự bắt tay nhau mà chỉ có thể tiếp tục “chênh lệch cách xa” ngày một trầm trọng hơn như lịch sử đã cho thấy.

Chính giáo lý Đại Đạo đã chứa đựng rất nhiều nội dung khoa học. Chúng ta phải biết nghiên cứu, đào sâu và khai thác giáo lý để lấy cho được những nội dung đó ra mà sử dụng. Một khi đã biết cách sử dụng, chúng ta có thể phát triển khoa học hiện đại, giúp nhân loại tiến bộ trong nhân bản và an lạc. Đức Cao Triều Đại Tiên đã xác nhận tiềm năng này qua một lối diễn ngôn rõ ràng và mạnh mẽ:

“Đại Đạo là cánh cửa cần khôn rộng mở cho văn minh khoa học loài người đạt đến đỉnh cao vút, để nhìn thấy cơ vi mẫu nhiệm của Tạo Hóa mà thành tín trước đức háo sanh mẫu nhiệm và đức từ bi sáng tạo vô ngân của Thượng Đế.”¹¹

Mở cửa cho khoa học đạt đến đỉnh cao, đây là một nội dung hoàn toàn mới mẻ của lý tưởng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Và nếu thật sự là người mang lý tưởng Đại Đạo, chúng ta không những phải vứt bỏ mọi hoài nghi của về khả năng to lớn của Đạo nhà đối với khoa học hiện đại mà còn phải nỗ lực tìm mọi cách biến khả năng đó thành hiện thực.

NHỮNG VIỆC LÀM KIẾN HIỆU

Đến đây, bài viết sẽ chỉ ra những việc làm chủ yếu, mà, nếu được thực hiện đúng mức, chúng tất phải đem lại những hiệu quả lớn lao. Những việc làm này trước hết thuộc về trách nhiệm của người tín đồ Cao Đài tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý; một khi đã đơm được hoa thơm và kết

9. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Giáp Dần (01-09-1974).

10. Đức Trần Hưng Đạo, Trung Hưng Bửu Tòa, 09-01 Giáp Dần (31-01-1974), Thánh Truyền Trung Hưng (T.IV).

11. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-03-1985).

được trái ngọt, tự chúng sẽ có sức thuyết phục đối với toàn Đạo.

1. PHÁT TRIỂN TÂM ĐỨC VÀ TRÍ NĂNG Ở BẢN THÂN:

Trở lại với đoạn trích Thánh giáo được nêu từ đầu bài viết, ở nội dung thứ ba, Đức Giáo Tông Vô Vi đã nhấn mạnh: “*Trong giai đoạn lịch sử này, không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả.*” Thế thì chúng ta phải làm gì để bản thân và toàn Đạo không đánh mất cơ hội duy nhất này?

Sau những phân tích về sứ mạng lịch sử, Đức Giáo Tông dạy rõ hai phần việc phải “*nắm chắc*” và thực hiện:

“Trước nhất là nghiên cứu giáo lý đạo theo chiều sâu và chiều rộng. Phần nữa là công phu, lập hạnh; vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức. Tóm lại, đó là hai lãnh vực: trí năng và đạo hạnh.”

*Trí năng để thuyết minh giáo lý, soi sáng cho người tu học, cho mọi người, mọi tầng lớp, mọi nơi, mọi dân tộc và mọi trình độ văn minh. Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo, làm gương mẫu cho nhân sanh sống nếp sống đạo, trong sinh hoạt hàng ngày nhất nhất đều thể hiện lý đạo.”*¹²

Như vậy, trí năng và đạo hạnh là hai điểm then chốt để thực hiện giải pháp lịch sử của Đại Đạo và hoàn thành sứ mạng lịch sử của người Cao Đài.

Khoảng một năm trước khi có lời dạy về sứ mạng lịch sử, Đức Cao Triều Đại Tiên cũng đã đặt hai điểm then chốt này vào hành trang cần chuẩn bị của thế hệ tiếp nối: “*Cần phải nỗ lực gấp bội về hai mặt tâm đức, trí năng, như vậy mới hoàn thành được sứ mạng.*”¹³ Và Ngài khẳng định: “*Đạo đức cao siêu cần thiết thì tâm đức, trí*

*năng sâu rộng quyết nhiên không thể nào lu mờ ở xã hội học vấn tri thức ngày nay.”*¹⁴

Tại sao các Đấng Thiêng Liêng xem tâm đức và trí năng (hay cũng thế, đạo hạnh và trí năng) là hai điểm then chốt để làm nên lịch sử? Vì sự rèn luyện đồng thời tâm đức và trí năng ở bản thân mỗi tín đồ Cao Đài chính là bước sơ đẳng của việc kết hợp tôn giáo với khoa học. Chúng ta hãy đi sâu hơn vào luận điểm này.

Tâm đức là khả năng của tâm hồn trong việc hành xử một cách tốt đẹp trước mọi tình huống trong cuộc đời. Tâm đức làm nên phẩm chất của con người trong tôn giáo. Muốn phát triển tâm đức, ai cũng phải tu tập. Việc tu tập đòi hỏi phải rèn luyện từ tác phong đạo hạnh qua những cử chỉ, lời nói, thái độ bên ngoài cho đến những suy nghĩ sâu thẳm trong nội tâm. Không có sự rèn luyện này, dù có nghiền ngẫm hay tụng đọc bao nhiêu kinh sách thì tâm hồn chúng ta vẫn không thật sự hành xử được theo đạo đức.

Trí năng là khả năng của trí tuệ trong việc giải quyết các vấn đề khác nhau trong cuộc sống. Trí năng quyết định trình độ của con người trong khoa học. Muốn phát triển trí năng, ai cũng phải học tập. Hiệu quả của việc học tập không nằm ở những lớp học mà ta đã tham gia hay ở những bằng cấp mà ta đã đạt được, nhưng nằm ở những năng lực thật sự mà ta phát huy và ở những thành công thực tế khi ta giải quyết các vấn đề.

Người Cao Đài nếu có tâm đức mà thiếu trí năng thì khó có thể nâng cao thêm chính cái trình độ tâm đức mà mình đang có. Thật vậy, muốn nâng cao thêm tâm đức, tất phải giải quyết những vấn đề do các chướng ngại hay khảo thí tạo ra, nhưng vì thiếu những năng lực trí tuệ cần thiết để giải quyết những vấn đề này nên tâm đức sẽ cứ phải loay hoay đối phó với hậu quả của từng khảo thí và chướng ngại. Một người như vậy có thể sẽ là một nhà

12. Đức Giáo Tông Đạo Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-08 Bính Dần (14-09-1986).

13. Đức Cao Triều Phát. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-03-1985).

14. Ibid.

tu hành hiền lành nhưng chậm tiến trên ngay trong lĩnh vực tâm đức hay đạo hạnh, thế thì đâu còn nói gì đến việc thực hiện sứ mạng lịch sử. Với cùng lối tiếp cận này, ta thấy, người Cao Đài nếu có trí năng mà thiếu tâm đức cũng khó có thể nâng cao thêm chính cái trình độ trí năng mà mình đang có. Thật vậy, muốn nâng cao thêm trí năng, tất phải biết học hỏi và thực hành trong những tình huống khác nhau của cuộc đời; nhưng đã đi vào những tình huống thực tiễn thì phải có cọ xát, va chạm giữa bản thân và tha nhân; do đó, nếu thiếu những khả năng hành xử tốt đẹp của tâm hồn thì việc phát triển trí năng sẽ bị kềm hãm bởi vô số cản trở do bản thân và tha nhân đem đến. Một người như vậy có thể sẽ là một nhà khoa học thông minh nhưng chậm tiến trên ngay trong lĩnh vực trí năng, nên cũng chẳng có mấy hy vọng để làm nên sứ mạng lịch sử.

Muốn kết hợp khoa học với tôn giáo, chúng ta phải phát triển song hành trí năng và tâm đức của mình; chẳng những thế, cả tâm đức lẫn trí năng đều phải đạt đến một trình độ nhất định. Thế nhưng thực tế, dù trong đạo hay ngoài đời đều cho thấy, sự phát triển song hành này thường chỉ đạt những hiệu quả rất thấp kém qua những quá trình tu tập hoặc học tập chung chung, dẫn đến việc xuất hiện (trong hầu hết các trường hợp được cho là tốt nhất) những nhân tài thiếu đức hoặc những trang đạo đức bất tài, tuy cả hai loại người ấy trên thế gian này đều hiếm như lá mùa thu!

Để khắc phục, cần phải có một môi trường thực hành đặc biệt, mang tính thử thách cao độ, buộc chúng ta luôn phải đem hết vốn liếng trí năng và tâm đức ở mỗi thời điểm của quá trình tu học mà vận dụng vào đời sống để giải quyết những vấn đề thiết thực; môi trường đó cũng phải cho phép thu hoạch được những kết quả thật cụ thể, giúp chúng ta đánh giá các kết quả này để rút ưu bổ khuyết và nâng cao trình độ vận dụng tài đức của mình.

Môi trường đó chính là môi trường nghiên cứu giáo lý gắn liền với tam công (công phu, công quả, công trình). Đây là môi trường mà, như lời Đức Lý đã dạy, chúng ta phải phát triển trí năng thông qua việc “nghiên cứu giáo lý đạo theo chiều sâu và chiều rộng” và phát triển tâm đức thông qua việc “công phu, lập hạnh; vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức”.

2. THỰC HIỆN LỊCH TRÌNH HÀNH ĐẠO:

Nền tảng của một môi trường như vậy, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, đã được Ôn Trên thiết kế từ năm Bính Ngọ 1966 thông qua một chương trình phát triển tâm đức và trí năng đặc biệt có tên gọi là “Lịch Trình Hành Đạo”¹⁵. Như tên gọi ấy, Lịch Trình Hành Đạo là một trình tự theo thời gian mà người hành đạo phải thực hiện để trang bị cho mình những hành trang thiết yếu về tâm, hạnh, đức và tài theo mức độ tăng dần về trách nhiệm trong guồng máy Cơ Quan. Tuy nhiều mức độ trách nhiệm trong đó tương ứng với những cấp bậc chức vụ thuộc sơ đồ tổ chức của Cơ Quan, nhưng Lịch Trình Hành Đạo không phải là một trình tự thăng chức, mà chỉ là những bước phải thực hiện để phát triển một cách hiệu quả tâm đức và trí năng, phối hợp một cách khéo léo khoa học và tôn giáo. Có thể thấy được điều này bằng cách phân tích năm cấp bậc hành đạo đầu tiên của Lịch Trình: Tu Sĩ, Giáo Sĩ, Phó Ban, Trưởng Ban, và Vụ Trưởng.

Ở mỗi cấp bậc, người hành đạo đều phải mất những khoảng thời gian tối thiểu để tu học và thực hành. Thế thì làm thế nào để kết quả có thể xuất hiện sau một thời gian hữu hạn thay vì kéo dài chậm chạp sự tu học không kết quả qua nhiều thập niên của đời mình? Lịch Trình giải

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Dụ Quy Điều, 1966.

đáp cho câu hỏi này bằng những quy định đem lại hiệu quả cao.

– Ta hãy xét cấp bậc hành đạo thứ nhất, cấp bậc Tu Sĩ¹⁶. Đây là cấp bậc hành đạo đầu tiên theo Lịch Trình, nên người hành đạo phải được trang bị một nền tảng vững vàng về tâm đức và trí năng. Muốn đạt hiệu quả, trước hết phải “lập tâm hành đạo” và “lập chí phế trần”; nhờ vậy mới trở thành con người của hành động, dám chiến thắng sự yếu kém về trí năng và tâm đức của chính mình, đem đến những thành tựu cụ thể cho cơ Đạo. Ở cấp bậc này, việc tu học, rèn luyện và công quả đều phải được thực hiện trên cương vị “giáo dân vi thiện”, nghĩa là thực hiện như một tấm gương trong việc làm lành cho nhân thế noi theo. Vì Tu Sĩ về cơ bản là con người tôn giáo, nên muốn làm gương thì phải có tác phong đạo hạnh khác biệt hơn con người thế tục; và để làm nên sự khác biệt này một cách hiệu quả, phải rèn luyện sáu đức: “trang nghiêm, thuần hậu, cẩn hạnh, cẩn ngôn, khiêm cung, từ tốn”. Mặt khác, hễ là tu sĩ Cao Đài, nhất định phải nắm vững những nội dung căn bản của đạo nhà, do đó “phải nắm lòng kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, phải hiểu rõ từ nghĩa lý, tác dụng của bài kinh; Ngũ giới cấm, Tứ đại điều quy, bốn phận ở gia đình, trong đạo, lúc học đường cho thông suốt”. Để đảm bảo tính hiệu quả, Tu Sĩ chỉ cần “biết qua” một số nội dung tuy rất

quan trọng nhưng sẽ được đào sâu ở những cấp bậc hành đạo cao hơn, ví dụ như nền tổ chức Đại Đạo. Riêng về trí năng, “Tu Sĩ cần phải biết một ngoại ngữ”, và phải hiểu một khoa học cụ thể là Nhân văn học.

Ta thấy, ở cấp bậc Tu Sĩ, việc rèn luyện tâm đức được đặt rất nặng, nhưng không vì thế mà việc phát triển trí năng bị xem nhẹ. Chỉ riêng việc am hiểu Nhân văn học đến mức có thể vận dụng để nghiên cứu kinh Thiên Đạo và Thế Đạo cũng đã đòi hỏi một tâm chí cao cả và một quá trình học hỏi nghiêm túc. Ngay từ cấp bậc đầu tiên của Lịch Trình, người hành đạo đã bắt đầu phải vận dụng khoa học vào tôn giáo bằng tài đức của mình.

– Tiến lên cấp bậc thứ hai, Giáo Sĩ, tiêu chuẩn về trí năng được nâng lên nhiều lần, trong khi tiêu chuẩn về tâm đức không hề được giảm xuống¹⁷. Về tâm đức, phải đạt được thêm bốn đức tính: “kiên nhẫn, trì thủ, đại tín và hy sinh”. Về trí năng, phải thông thạo một Việt ngữ (ngôn ngữ của dân tộc Kinh hoặc của một dân tộc thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam) và hai ngoại ngữ; phải hiểu được mọi nền triết học Đông Tây kim cổ cùng với luận lý học và tâm lý học đến mức có thể ứng dụng được cho sự tiến bộ của bản thân; phải có nghệ thuật thuyết trình và giảng đạo để phổ truyền giáo lý. Vì đây là cấp bậc làm nên một giáo sĩ Cao Đài, nên người hành đạo còn phải tinh thông Tân luật, Pháp chánh truyền, phải nắm vững mục đích, tôn chỉ, lập trường của

16. Đối với cấp Tu Sĩ, Lịch Trình Hành Đạo quy định:

“Tu Sĩ là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo, tẩy xú khai thanh, hằng lo tu học, rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vi thiện, để bước lên tầng Giáo Sĩ. Tu Sĩ cần phải biết những điều này: (1) Về đạo hạnh, tác phong, phải có khác biệt hơn người thế tục, trang nghiêm thuần hậu, cẩn hạnh, cẩn ngôn, khiêm cung từ tốn; (2) Nền tổ chức Đại Đạo phải biết qua, phải nắm lòng kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, phải hiểu rõ từ nghĩa lý, tác dụng của bài kinh; (3) Ngũ giới cấm, tứ đại điều quy, bốn phận ở gia đình, trong đạo, lúc học đường cho thông suốt; (4) Nền nhân văn học phải hiểu; (5) Các tương quan căn bản, chỉ căn bản thôi, về Ngũ Chi trong Đại Đạo. Tu Sĩ cần phải biết một ngoại ngữ, bất cứ ngoại ngữ nào. Quy lệ này gồm cho ngoại quốc Tu Sĩ (nghĩa là một ngoại ngữ và một cho bốn xứ). Tu Sĩ không bắt buộc ở thời gian. Khi khoác áo tu sĩ, phải có một lúc lập chí phế trần trong một thời hạn học tập, cả đời lẫn đạo, để tiến lên tầng Giáo Sĩ.”

17. Đối với cấp Giáo Sĩ, Lịch Trình Hành Đạo quy định:

“Giáo Sĩ là Tu Sĩ tiến thân. Giáo Sĩ cũng như tầng Phó Ban, thuộc thể hoằng nhơn phổ hóa, cần phải có những đức tánh kiên nhẫn, trì thủ, đại tín và hy sinh. Giáo Sĩ thêm những phần này: (1) Tôn chỉ, lập trường, mục đích Đại Đạo, Tân Luật, Pháp Chánh Truyền buộc phải nắm lòng; (2) Tiểu sử khai đạo, tiểu sử tiền bối khai đạo; (3) Nhơn đạo Khổng giáo, triết lý của các triết gia, đông tây xa xưa cùng hiện đại; (4) Phải hiểu tâm lý học, luận lý học để tiến thủ; (5) Nghệ thuật thuyết trình giảng đạo. Giáo Sĩ phải thông hiểu một Việt ngữ, hai ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Giáo Sĩ. Giáo Sĩ phải hai năm khoác áo giáo sĩ. Ngoài thời gian học tập, ngoại hạn tùy tâm nguyện.”

Đại Đạo, và phải hiểu rõ lịch sử Đạo nhà. Ở cấp bậc này, phải bắt đầu nghiên cứu về các tôn giáo đã từng làm nên văn minh nhân loại, mà tiêu biểu là Khổng giáo.

Thật sự, ở cấp bậc Giáo Sĩ, người hành đạo phải hoàn tất một khối lượng rèn luyện trí năng lớn nhất trong toàn bộ Lịch Trình: thông thạo hai ngoại ngữ, hiểu rõ ba lĩnh vực khoa học, nắm vững những kiến thức quan trọng nhất của nền Đại Đạo,... Rõ ràng, một sự rèn luyện đúng mức sẽ tạo ra bước phát triển nhảy vọt so với trí năng ở cấp bậc Tu Sĩ. Điều thú vị là, do khối lượng kiến thức quá nặng và những lĩnh vực này đều rất khó, nên để đạt được kết quả tốt đẹp, phải kiên nhẫn và trì thủ, phải đại tín với bản thân, phải có chí hy sinh cho đại cuộc – và đây là các đức tính buộc phải có của một Giáo Sĩ. Những đức tính có vẻ “rất tôn giáo” này là chìa khóa để người giáo sĩ Cao Đài có thể làm chủ được một khối lượng rất lớn kiến thức khoa học trong một thời gian khá ngắn. Đó là một trong những trải nghiệm kỳ diệu nhất ở cấp bậc Giáo Sĩ.

– Sang cấp bậc thứ ba, Phó Ban, quá trình phát triển tâm đức và trí năng vẫn tiếp tục theo lối song hành như ở hai cấp bậc trước, nhưng điểm đặc biệt bây giờ là phải vận dụng tất cả những gì đã và đang tu học để nghiên cứu giáo lý¹⁸. Người hành đạo ở cấp Phó Ban phải luôn ở trong tư thế sẵn sàng cho việc “cầm pháp Thầy mà gieo rải đến nhơn sanh”, một quy định hàm ngụ rằng việc công phu đã phải được đầu tư đúng mức ở cả hai cấp bậc trước. Về tâm đức, phải “chí thành tâm đạo, chánh trực công bình”.

18. Đối với cấp Phó Ban, Lịch Trình Hành Đạo quy định: “Phó Ban là cùng phương vị hành đạo với Giáo Sĩ, thêm vào ba phần nầy: (1) Phải nghiên cứu, tìm hiểu thánh ngôn, thánh giáo từ lúc khai đạo; (2) Phải nghiên cứu, tìm hiểu Thánh Đạo, gồm chung Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo cho thông suốt; (3) Về Sinh lý học phải hiểu. Phó ban sẽ cầm pháp Thầy mà gieo rải đến nhơn sanh, phải chí thành tâm đạo, chánh trực công bình, phải thông một Việt ngữ, ba ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Phó Ban. Phó Ban phải khoác áo Phó Ban trong ba năm hành đạo.”

Về trí năng, phải thông thạo một Việt ngữ, ba ngoại ngữ; và phải hiểu được Sinh lý học. Toàn bộ tâm đức và trí năng mà người hành đạo đạt được, cho đến cấp Phó Ban, phải được phát huy để nghiên cứu và tìm hiểu Thánh ngôn, Thánh giáo từ lúc khai đạo, đồng thời, phải nghiên cứu cho thông suốt các tôn giáo thuộc Thánh Đạo, bao gồm Thiên Chúa giáo, Tin Lành và Hồi giáo. Riêng điểm này cũng đã có nghĩa là tri thức khoa học đóng vai trò rất quan trọng trong việc nghiên cứu giáo lý, dù giáo lý Cao Đài hay giáo lý các tôn giáo bạn.

– Đến cấp bậc thứ tư, Trưởng Ban, quá trình phát triển tâm đức và trí năng được đặc trưng bằng việc tập trung chuyên sâu vào hoạt động nghiên cứu giáo lý và tu luyện chơn đạo¹⁹. Về tâm đức, người hành đạo ở cấp Trưởng Ban là người “tư duy giáo đạo” nên phải có hai đức tính “bác ái, vị tha”. Về trí năng, phải hiểu khoa vũ trụ học. Tiếp tục phát huy toàn bộ tâm đức và trí năng cho đến cấp bậc này, người hành đạo phải nghiên cứu đến mức “tột lý” về Tiên Đạo và mọi hình thái thể hiện thiên lương chân tánh của nhân loại trên thế gian từ xưa đến nay; mặt khác, còn phải “tu luyện chơn đạo kỳ bá nhật”.

– Cấp bậc thứ năm, Vụ Trưởng, cũng vẫn tập trung chuyên sâu vào hoạt động nghiên cứu giáo lý và tu luyện chơn đạo²⁰; tuy nhiên,

19. Đối với cấp Trưởng Ban, Lịch Trình Hành Đạo quy định: “Trưởng Ban thuộc phần tư duy giáo đạo, đứng đầu giáo huấn các Tu Sĩ, cần trọng đức tánh bác ái, vị tha, và thêm những phần nầy: (1) Phải thông hiểu tột lý về Tiên Đạo và nghiên cứu cho tột lý, trong hình thức xưa nay, căn bản sự thiên lương chơn tánh; (2) Về khoa vũ trụ học phải hiểu; (3) Phải tu luyện chơn đạo kỳ bá nhật. Trưởng Ban phải thông hiểu một Việt Ngữ và ba ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Trưởng Ban. Trưởng Ban phải khoác áo Trưởng Ban tối thiểu là năm năm, ngoại hạn tùy tâm nguyện.”

20. Đối với cấp Vụ Trưởng, Lịch Trình Hành Đạo quy định: “Vụ Trưởng cùng phương vị với Trưởng Ban, đứng đầu huấn luyện các cấp Giáo Sĩ, gồm các đức tánh với lòng từ bi, và thêm những phần nầy: (1) Về Phật Đạo: Bà La Môn giáo, Thích Ca Giáo, Pythagore, đều phải nghiên cứu và tìm hiểu; (2) Về thần linh học phải hiểu; (3) Phải có ba năm tu luyện. Vụ Trưởng phải thông hiểu một Việt ngữ và bốn ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Vụ Trưởng. Vụ Trưởng phải năm năm khoác áo Vụ Trưởng, ngoài ra tùy tâm nguyện.”

thời gian dành riêng cho việc tu luyện phải tăng vọt lên. Trong năm năm khóa áo Vụ Trường, “phải có ba năm tu luyện”. Người hành đạo ở cấp bậc này phải đạt được lòng từ bi; còn về trí năng, phải hiểu thần linh học, thông bốn ngoại ngữ. Với tâm đức và trí năng đạt được cho đến cấp bậc này, người hành đạo phải nghiên cứu và tìm hiểu các tôn giáo thuộc Phật Đạo như Bà La Môn, Thích giáo và Pythagoras.

Ta thấy, ở những cấp bậc hành đạo mà thời gian đầu tư cho việc tịnh luyện là lớn, như Trường Ban hay Vụ Trường, những quy định của Lịch Trình về sự phát triển trí năng cũng cao không kém. Không một điều khoản nào trong Lịch Trình cho phép hình thành những quan niệm đại loại như “hễ lo tu tịnh thì khỏi cần đến ngoại ngữ, tri thức, lý luận, hoặc không cần nghiên cứu giáo lý nữa.” (!)

Qua năm cấp bậc đã được trình bày, ta thấy Lịch Trình Hành Đạo hướng dẫn những bước đi rất hiệu quả để phát triển song hành tâm đức và trí năng; trong quá trình phát triển đó luôn có sự phối hợp tinh vi khoa học và tôn giáo. Một cách đặc biệt, Lịch Trình Hành Đạo cho chúng ta biết rằng để đạt hiệu quả tốt trong việc nghiên cứu giáo lý – dù giáo lý Cao Đài hay giáo lý các tôn giáo bạn – phải sử dụng đến các khoa học thích hợp, cụ thể là Nhân văn học, Triết học, Luận lý học, Tâm lý học, Sinh lý học, Vũ trụ học, và Thần linh học.

3. KẾT HỢP KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO

BẢNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO:

Lịch Trình Hành Đạo là nền tảng đối với sứ mạng phổ thông giáo lý Đại Đạo của Cơ Quan. Trong gần 50 năm qua, những nhiệm vụ quan trọng nhất về phát huy giáo lý Đại Đạo mà Ông Trên đã giao phó cho Cơ Quan đều có chung một “đặc điểm”: chúng chỉ có thể được giải quyết bằng cách trang bị đúng

mức những khả năng như Lịch Trình Hành Đạo quy định.

Vậy bây giờ, chúng ta hãy quay trở lại bài Thánh giáo về sứ mạng lịch sử với hai việc mà Đức Giáo Tông Vô Vi đã dạy: “*Trước nhất là nghiên cứu giáo lý đạo theo chiều sâu và chiều rộng. Phần nữa là công phu, lập hạnh; vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức.*” Đây là hai việc song song để làm nên lịch sử. Việc nghiên cứu giáo lý, với tư cách một hoạt động tích cực của trí năng, phải “soi sáng cho người tu học, cho mọi người, mọi tầng lớp, mọi nơi, mọi dân tộc và mọi trình độ văn minh”. Việc công phu và lập hạnh, với tư cách một hoạt động tích cực của tâm đức, phải “thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo, làm gương mẫu cho nhân sanh sống nếp sống đạo” và “trong sinh hoạt hàng ngày nhất nhất đều thể hiện lý đạo.” Hai việc này chẳng những không thể tách rời nhau, mà còn phải được kết hợp theo cách thức đem lại hiệu quả cao nhất; cách thức kết hợp này đã được Lịch Trình Hành Đạo chuẩn bị.

Để giải quyết trực tiếp bài toán nan giải của thế giới đương đại, “sự chênh lệch cách xa” giữa trí năng phát minh khoa học và đạo đức lương tri, Đức Giáo Tông Vô Vi đã dạy:

“Chư thiên ân đệ muội hãy làm thế nào cho giáo lý đạo có một căn bản lý luận vững chắc, khoa học, và khai triển sâu rộng mọi mặt, giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình, hiện đại, khoa học, v.v. Các việc này có tầm mức vô cùng quan trọng, vì muốn độ người phải có tri thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế hơn trên mặt trí năng tư tưởng. Nhưng đạo là lẽ sống, là hạnh phúc, nên phải thể hiện cụ thể chân lý cao siêu ấy trong mỗi người qua nếp sinh hoạt hàng ngày, tác phong đạo hạnh thuyết phục mọi người xung quanh; dễ cảm dễ phục, vừa lành vừa hay, vừa ích lợi vừa chân thật, đó là những yếu tố quan trọng tiến đến thành công trong lãnh vực tâm lý xã hội. Chư thiên ân đệ muội hãy là một Thích Ca, Khổng Tử, Jesus của

thời đại, mới mong thực hiện sứ mạng lịch sử cơ đạo Kỳ Ba.”²¹

Đây là đoạn trích cuối cùng trong phần văn xuôi của bài Thánh giáo về sứ mạng lịch sử. Đến chỗ này, Đức Giáo Tông đề ra nhiệm vụ rất rõ ràng đối với Cơ Quan: “*Hãy làm thế nào cho giáo lý Đạo có một căn bản lý luận vững chắc, khoa học, và khai triển sâu rộng mọi mặt, giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình, hiện đại, khoa học, v.v.*” Muốn thực hiện nhiệm vụ này, người nhân viên Cơ Quan phải chủ động phát triển trí năng và tâm đức theo Lịch Trình Hành Đạo. Chúng ta hãy phân chia nhiệm vụ này ra thành những nhiệm vụ “nhỏ hơn” để thấy rõ những yêu cầu chi tiết cho việc thực hiện.

Nhiệm vụ “nhỏ hơn” thứ nhất, xây dựng cho giáo lý Đại Đạo một căn bản lý luận vững chắc và khoa học, đòi hỏi người hành đạo:

- Phải nắm vững toàn bộ giáo lý Cao Đài thông qua Thánh ngôn, Thánh giáo từ lúc khai Đạo (cấp Phó Ban) cũng như hiểu rõ giáo lý căn bản của mọi tôn giáo mà Lịch Trình đã quy định (từ cấp Giáo Sĩ đến cấp Vụ Trường);
- Phải thông thạo Luận lý học (cấp Giáo Sĩ), và phải nghiên cứu để nắm vững cách thức xây dựng căn bản lý luận của một lý thuyết khoa học, ít nhất là trong bảy lĩnh vực khoa học mà Lịch Trình đã quy định (từ cấp Tu Sĩ đến cấp Vụ Trường).

Nhiệm vụ “nhỏ hơn” thứ hai là khai triển giáo lý Đại Đạo sâu rộng trên mọi mặt, giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình, hiện đại, khoa học... Nhiệm vụ này đòi hỏi người hành đạo:

- Phải hiểu rõ những vấn đề then chốt chưa được giải quyết của tư tưởng nhân loại trong các lĩnh vực khoa học, ít nhất là bảy lĩnh vực khoa học mà Lịch Trình đã nêu;

- Phải biết cách vận dụng căn bản lý luận đã xây dựng để khai triển giáo lý Đại Đạo vào các lĩnh vực ấy và giải đáp các vấn đề then chốt của mỗi lĩnh vực.

Cả hai nhiệm vụ vừa nêu đều có ý nghĩa rất to lớn. Việc xây dựng căn bản lý luận vững chắc và khoa học cho giáo lý Đại Đạo sẽ giúp thế giới nhìn thấy hệ thống giáo lý này như một sự kết hợp tường minh giữa tôn giáo và khoa học. Còn việc khai triển giáo lý sâu rộng trên mọi mặt, giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình, hiện đại, khoa học... sẽ làm cho sự kết hợp này lan rộng khắp hoàn cầu, ảnh hưởng vào các lĩnh vực khác nhau của tư tưởng nhân loại.

“*Các việc này có tầm mức vô cùng quan trọng*” – Đức Giáo Tông bảo – “*vì muốn độ người phải có tri thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế hơn trên mặt trí năng tư tưởng.*” Nhưng ưu thế về trí năng tư tưởng ấy phải được thể hiện qua sự sống đạo, cũng như qua sự chứng thực những kết quả công phu tu luyện ở những mức độ khác nhau. Đây là một truyền thống đã có từ các bậc Giáo tổ như Thích Ca, Khổng Tử hay Jesus: muốn giải quyết thành công những vấn đề then chốt của thế giới, con người sứ mạng phải là hiện thân sống động của giải pháp mới mẻ mà thời đại của mình chưa từng có.

VÀI LỜI KẾT

“*Chư thiên ân đệ muội hãy là một Thích Ca, Khổng Tử, Jesus của thời đại, mới mong thực hiện sứ mạng lịch sử cơ đạo Kỳ Ba.*” Từ xưa đến nay, những người làm nên lịch sử đều phải giải quyết thành công những vấn đề thuộc thời đại mà mình đang sống. Vấn đề ở thời đại của chúng ta là sự chênh lệch cách xa giữa khoa học và tôn giáo. Vì vậy, người tín đồ Cao Đài phải sớm đầu tư cả cuộc đời mình vào việc phát triển song hành tâm đức và trí năng, làm cho “khoa học bắt tay tôn giáo”, để bản thân và toàn Đạo nắm chắc phần thành công trong vận hội cứu thế có một không hai này. ■

21. Đức Giáo Tông Đạo Đạo Thái Bạch Kim Tinh; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hội thời, 11-08 Bính Dần (14-09-1986).

■ LÊ CHÍ THẬT

dạy lẫn cho nhau đặng chữ “hòa”

Đức Chí Tôn dạy:

*“Chẳng quân đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một đạo tức cùng Cha,
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.¹
Thấy vui muốn cho các con thuận hòa với nhau hoài, ấy là lễ hiến cho
Thầy rất trân trọng.”²*

Theo Tự điển Hán – Việt, chữ hòa có 2 bộ, bộ hòa và bộ khẩu, hòa nghĩa là cây lúa, khẩu là cái miệng.

CHỮ HÒA ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA NHƯ SAU:

1. Cùng ăn nhịp với nhau.
2. Vừa phải, không thái quá không bất cập.
3. Không trái ý với ai, như hòa khí.
4. Có những từ chúng ta thường gặp như: hòa thân, hòa hiếu, hòa nghị, hòa giải...
5. Một âm là họa, người khởi lên trước là xướng, kẻ ứng theo là họa (xướng họa, phụ họa).

Trong giáo lý nhà Phật có sáu điều để hướng dẫn tăng ni, Phật tử tu hành, gọi là Lục Hòa tăng hay Lục Hòa kính pháp.

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I, đàn ngày 20-02-1926.

2. Ibid.

1. Thân hòa đồng trụ, còn gọi là Thân từ Hòa kính, nghĩa là cùng sống hòa đồng trong một tập thể.

2. Khẩu hòa vô tranh, còn gọi là Khẩu từ Hòa kính, nghĩa là nói năng hòa nhã, không tranh cãi nhau.

3. Ý hòa đồng duyệt, còn gọi là Ý từ Hòa kính, nghĩa là một lòng một dạ, không trái ý, cời mở với nhau.

4. Giới hòa đồng tu, còn gọi là Giới từ Hòa kính, nghĩa là giữ chung một kỷ luật, cùng tu từ giới luật như nhau.

5. Kiến hòa đồng giải, còn gọi là Đồng kiến Hòa kính, nghĩa là hiểu biết thông cảm, chia sẻ với nhau.

6. Lợi hòa đồng quân, còn gọi là Đồng lợi Hòa kính, nghĩa là chia đều lợi ích như nhau.

Thực hiện tốt sáu lục hòa theo giáo lý nhà Phật sẽ đem lại hòa khí chung trong tập thể. Kết quả đó, là nền tảng vững chắc cho hành giả trên bước đường tu được vững vàng, là trợ duyên đắc lực giúp cho người tu đắc pháp.

Cụm từ “*Dạy lẫn cho nhau*”, Thánh ý của Đức Đại Từ Phụ muốn chúng ta trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu nguyên nhân tại sao bất hòa, đồng thời tìm cách khắc phục để đạt được chữ hòa đúng nghĩa.

NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ BẤT HÒA:

1. Thiếu sự công bình
2. Thiếu sự thông cảm
3. Còn nặng cái ta...

CÁCH KHẮC PHỤC ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CHỮ HÒA:

1. Thấu hiểu hoàn cảnh
2. Chia sẻ công việc
3. Vong kỹ vị tha...

Đức Mẹ dạy:

“*Chữ hòa là sao hỡi các con?*”

Nói hòa thì con nào cũng có thể nói được cả. Nhưng thực hành cho được chữ hòa thì đã có được bao nhiêu?

Mỗi lần hội nghị, dẫu hội lớn hay hội nhỏ, con nào cũng thường nêu lên chữ Hòa, chẳng những

*chữ hòa thôi đâu, lại còn kèm theo nhiều chữ huê (hoa) mỹ cao xa và quý giá như: hòa ái, thương yêu, tương thân, tương trợ, chị ngã em nâng, khoan dung tha thứ...”*³

Chữ Hòa trên lý thuyết được lý luận hợp lý, lý giải hợp tình, thế nhưng trong thực tế thì chữ Hòa được chúng ta thực hiện chưa đúng theo những lời giáo huấn của các Đấng, chưa thỏa lòng mong đợi của nhân sanh. Mỗi lần có dịp tụ họp ngồi lại với nhau, hoặc bất kỳ trong các hội nghị bất kể lớn nhỏ, đúng như lời Đức Mẹ đã dạy, ai trong chúng ta cũng đều nói được chữ Hòa một cách lưu loát, bài bản. Nhưng làm thì chưa được bao nhiêu, chính vì vậy trong tập thể mới có những rạn nứt, dẫn đến nội bộ chia rẽ, nội tình không ổn định. Như thế, thì việc an bang tế thế, hòa hợp nhơn tâm sẽ bị mai một chẳng? Chính từ điều trăn trở này, Thánh giáo Cao Đài, các Đấng lâm đàn dạy đạo hay đề cập đến.

Đức Đông Thắng Chơn Như dạy:

“*Tệ Huynh chỉ khuyên anh em có một chữ “Hòa” để làm kỷ niệm cho ngày hội ngộ kẻ hiền người u:*

1. Hữu hòa

Hòa có được an bang tế thế,

Hòa có rồi huynh đệ mới thương,

Hòa rồi chung bước một đường,

Hòa xây dựng đạo hoàng dương giúp đời.

(...)

Hòa xây dựng huy hoàng đạo nghiệp,

Khắp đó đây chung tiếp nhiều tay,

Kẻ xây người dựng Đạo Thầy,

Mới mong thấy được một ngày vinh quang.

2. Bất hòa

Không hòa khó lãnh đạo Trời,

Không hòa đạo nghiệp rã rời còn chi!

Không hòa bị thế khi đời thị,

Không hòa đời khinh bỉ chê cười...

(...)

Miệng hằng nói: “Thay Trời hành Đạo”,

Mà sao còn kháo đảo nhau chi,

3. Thánh thất Bình Hòa, 14-08 Nhâm Tý (21-9-1972).

*Hòa đi, khuyên hãy hòa đi,
Thuyền từ rước khách qua khi hãi hùng.*⁴

Lời dạy của Đức Đông Thắng Chơn Như, là một hồi chuông thức tỉnh người trần thế, bậc tu hành nhận chân được giá trị, kết quả hữu ích của sự hòa thuận và hậu quả của sự bất hòa. Từ đó, ý thức bốn phận của người được ban trao quyền pháp, thọ lãnh sứ mạng, muốn xiển dương chánh pháp, muốn hoằng khai Đại Đạo, phải có một đường lối sáng tỏ, một chủ trương hòa hiệp, là phương châm đạt đến thành tựu như ý nguyện và thành công viên mãn.

Đức Đoàn Văn Bản dạy:
*Hòa là lẽ sinh tồn muôn thuở,
Hòa là đường vận số thành công,
Từ nơi sâu thẳm cõi lòng,
Biểu dương ra đến đại đồng vạn linh.*⁵

VỀ MẶT TỔ CHỨC:

Đức Lý Giáo Tông dạy:
*Chấp trì guồng máy thiên lương,
Thượng hòa hạ mục là phương lập thành.*⁶

Trong tổ chức, việc chấp trì quyền pháp được nghiêm minh, có tôn ti trật tự, biết kính trên nhường dưới, đó là chìa khóa vạn năng mở toang tất cả sự đố kỵ tị hiềm, ganh ghét hơn thua, thị phi phải trái... Đó là phương diệu dụng vận hành guồng máy được hanh thông, dòng đạo mạch luân lưu khắp chốn.

Đức Lê Đại Tiên dạy:
*“Làm sao kết hợp nhiệt tâm như hòa.”*⁷

“*Nhân chi sơ tánh bổn thiện*”: vốn dĩ bản tánh thiện lương đều có sẵn trong mỗi con người, nhưng nó bị vùi lấp dưới lớp vô minh dày đặc, do nghiệp quả nhiều đời nhiều kiếp chồng chất. Bởi thế, cần có một động lực thúc đẩy, một động năng khơi nguồn, tự nó sẽ trở dậy và bùng sáng.

4. Cao Thượng Bửu Tòa, 18-8 Bính Ngũ (02-10-1966).

5. Nam Thành Thánh thất, 22-8 Tân Hợi (1971).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

7. Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).

Tương tự như thế, lòng hiếu hòa định cư sẵn trong tâm hồn của nhân thế, nhưng bằng phương cách nào chúng ta châm ngòi cho ngọn lửa nhân hòa rực cháy và tỏa sáng, đồng thời kết hợp thành một vùng ánh sáng lan rộng khắp mọi nơi.

Đức Chí Tôn dạy:
*Con hãy giữ dĩ hòa vi quý,
Hòa mới tường đạo lý cao siêu,
Mới không phạm luật Thiên điều,
Mới mong anh dắt em đui sớm hôm.*⁸

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn, sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn Thượng Phụ Cao Đài đã ban trao cho con cái Ngài là tận độ quần sanh.

Tuy nhiên, muốn hoàn thành trọng trách, một con chim én không thể đem lại mùa xuân cho nhân thế, một con người cũng không thể thực hiện được việc làm to tát đó, mà phải vận dụng trí tuệ tập thể, tập trung toàn thể tín hữu Cao Đài, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nhất tâm, chung sức chung lòng, hoằng dương chánh pháp Đại Đạo. Muốn làm được chuyện cao cả đó, đòi hỏi tất cả con cái của Đức Cao Đài phải thật sự thương yêu hòa hiệp với nhau như buổi đầu khai Đạo, Thầy đã để lời dạy: “*Cùng nhau một đạo tức cùng Cha.*”

HÒA ĐỂ LÀM TRÒN SỨ MẠNG:

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã ban lời huấn dụ vào buổi đầu khai mở Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, là tiền thân của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ngày nay:

*“Trong khi các con thi hành sứ mạng, trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, trì thủ, hy sinh, hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng.”*⁹

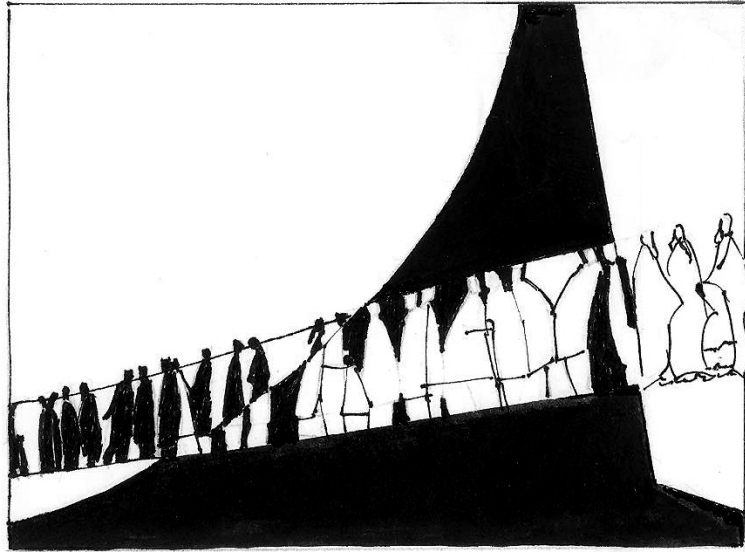
Trên đường thực thi sứ mạng trọng đại

8. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

9. Nam Thành Thánh thất, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966).

(XEM TIẾP TRANG 89)

SỨ MẠNG PHỤNG SỰ



■ XUÂN MAI

Minh họa: Bửu Long.

Đức Phật từng nói: “*Lìa thế gian không có Niết bàn*”, nghĩa là, thế gian là một môi trường phát huy công dụng của tâm linh, nếu không thực hiện được sứ mạng của mình tại thế gian, không vận dụng được ý nghĩa của cuộc đời mình tại thế gian thì không có Bồ đề mà cũng không có giải thoát hay Niết bàn. Cũng đồng nghĩa với con đường tiến hóa tâm linh là con đường quy nguyên mà cũng là con đường sứ mạng – sứ mạng đại thừa tự độ và phụng sự tha nhân không tròn vẹn. Nếu không tròn sứ mạng thì không thể quy nguyên.

Ý tưởng phụng sự xã hội, phụng sự tha nhân, trước hết, là mục đích sống cao đẹp của một đời người, còn là một cách để thăng tiến chính mình.

Ý TƯỞNG PHỤNG SỰ XÃ HỘI, TRƯỚC HẾT, LÀ MỤC ĐÍCH SỐNG CAO ĐẸP CỦA MỘT ĐỜI NGƯỜI.

Con người luôn khát vọng hướng tới điều cao cả tức là hướng tới chân lý, những người sống phấn đấu hướng tới cái cao cả thường được gọi là người có lý tưởng. Như vậy chân lý không chỉ là ngọn đèn hải đăng mà còn là cái đích của lý tưởng.

“Lý tưởng chỉ hướng cho thuyền đời và làm nảy hoa cho

cuộc sống.”¹ Một cuộc đời không lý tưởng như chiếc thuyền trôi vô định trên biển khơi, như nụ hoa không ánh sáng. Sự có mặt của chúng ta sẽ vô vị biết bao nếu chúng ta không có một lý tưởng để sống. Đó chỉ là một cuộc sống nhàm chán với những công việc, những tiếng cười và nước mắt, những hơn thua và tranh chấp, cho đến cuối cùng mảnh thân huyền giả trả về cho tú đạ. Nhưng với một người sống có lý tưởng, sống có mục đích phụng sự, những khoảnh khắc dù chỉ một vài phút giây cũng đong đầy ý nghĩa. Bởi vì người có lý tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động để hoàn thiện mình hơn, lập công bồi đức để tự cải tiến cho mình trở nên hàng thánh thiện, luôn giúp ích cho gia đình, nhân loại, xã hội và đất nước. Lý tưởng có sức thuyết phục trực tiếp vì nó luôn tạo niềm cảm hứng mới mẻ cho con người và giúp con người định hướng một cách sáng tạo cho tương lai. Người có lý tưởng bao giờ cũng lạc quan và hy vọng bởi vì họ không chỉ sống cho hôm nay mà cho ngày mai.

LÝ TƯỞNG PHỤNG SỰ XÃ HỘI CÒN LÀ MỘT CÁCH ĐỂ THĂNG TIẾN CHÍNH MÌNH.

Với mục đích Thế đạo đại đồng của đạo Cao Đài, người tín hữu nhập thể hành đạo. Tinh thần nhập thể tích cực được thể hiện qua ý thức đem tình thương

đến với muôn người, đó là sự thể nhập trọn vẹn, quên mình để yêu thương và cống hiến cho tha nhân. Lòng yêu thương đích thực là một trong những giá trị sống của con người, nhất là khi sự thương yêu đó biến thành lý tưởng phụng sự.

Người tín hữu ý thức rõ: Không trường đại học nào dạy chúng ta nhiều hơn là trường đại học cuộc đời. Xã hội dạy chúng ta kinh nghiệm sống, dạy chúng ta hiểu biết, khôn ngoan, cách đối xử với nhau, dạy chúng ta tính kiên nhẫn, khiêm cung, biết vươn lên sau những lần vấp ngã. Có rất nhiều trường hợp mà chúng ta phải trả một giá rất đắt cho những bài học ngoài xã hội, nhưng chắc chắn, chúng sẽ khó bị lãng quên hơn so với những bài học ở trường. Trường học dạy chúng ta kỹ thuật lãnh đạo nhưng không thể trang bị cho chúng ta một đức tính, một tư cách của người hướng đạo, người lãnh đạo: thành thật, dũng cảm, kiên nhẫn, hy sinh và tận tụy, biết can đảm đương đầu với thách thức khó khăn nhưng cũng biết bao dung và tha thứ, biết lấy lợi ích chung làm nền tảng cho mọi hành vi của mình. Những đức tính đó chỉ có thể học bằng sự va chạm với thực tế của cuộc sống, bằng việc chia ngọt sẻ bùi với đồng loại của mình.

Tha thiết muốn phụng sự nhân loại là điều quan trọng hơn là làm một nhà khoa học đại tài mà không có lý tưởng

phụng sự. Trong những giai đoạn đầu tiên của đời sống của người đệ tử Đức Cao Đài, những năng khiếu mà người đệ tử có, dù lớn dù nhỏ với tâm thành thiết tha phụng sự, luôn rất cần thiết cho sự thực tập phụng sự và luôn được các Đấng Thiêng Liêng hộ trì, trợ duyên. Nhưng lòng quyết tâm phụng sự Thiên cơ cũng sẽ khiến ta nảy sinh ý muốn đạt được những năng khiếu mới mẻ để phụng sự, và muốn có những năng khiếu đó thì sự hiểu biết khoa học, tri thức là điều thiết yếu.

Ngày nay trong thế kỷ này, nhân loại đang tiến đến giai đoạn quyết liệt – giai đoạn đạo đức, công lý, hòa bình, thịnh vượng trên nền tảng tâm đức, trí năng.

Sự phát triển tâm đức và trí năng sâu rộng là hai con đường cùng dẫn đến một mục đích. Chúng song hành bên nhau và cả hai đều phải được theo đuổi trong một lúc, lòng bác ái không tri thức giống như gió thổi trong sa mạc, nhưng tri thức mà không tình bác ái thì khô khan, không nảy sinh được gì cả, cả hai hợp lại thì thành minh triết. Trí năng sâu rộng không chỉ để phục vụ xã hội, góp phần nâng cao đời sống nhân sinh, mà còn phải là sự đi trước thời đại để lèo lái được con thuyền vượt trùng dương. Có tâm đức trí năng, người Thanh Thiếu Niên mới có thể góp tay vào việc hoàng giáo, có đủ tâm hạnh đức tài,

1. Danh ngôn.

người Thanh Thiếu Niên mới góp sức vào việc độ đời, mới dẫn đạo nhân loại hướng tới Niết bàn giải thoát.

Như thế, để có đủ khả năng phụng sự xã hội trước tiên phải học tập, phải tu tập như lời Đức Cao Triều Phát đã dạy:

*“Học tập là kiến tạo tri thức để phụng sự xã hội.(...) Có học, có tiến, có hành động mới đi đầu được mình, cộng đồng mình và xã hội vượt qua bóng tối của tâm thường chật hẹp trong đời sống vật chất, trong phạm vi kiến năng.”*²

Còn *“Tu tập là xây dựng ý thức tinh thần để cải tạo xã hội.(...) Có tu, có đức, có hiến dâng mới đem Đạo vào đời làm rạng danh Thượng Đế. Nhờ đó xã hội trở nên lành mạnh hóa, đi lần đến Thánh Đức tại thế gian.”*³

Cái vui lớn nhất của chúng ta phải là được tiến trên đường phụng sự. Lý tưởng phụng sự nhân loại càng phải thật tha thiết trong lòng người muốn hy sinh đời mình, người ấy phải có một ý muốn thành thật phục vụ đồng loại. Không gì hạnh phúc hơn khi được đem niềm vui đến cho người. Lúc này chúng ta sẽ nhận thấy có một mãnh lực to lớn hơn mãnh lực của chính mình, nó đẩy uy lực thúc giục ta phụng sự.

Mang lý tưởng phụng sự vào đời, các bạn trẻ sẽ làm cho

2. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Tân Hội (02-12-1971).

3. Ibid.

cuộc sống của mình trở nên có ý nghĩa hơn. Cuộc sống có ý nghĩa và thi vị biết bao khi chính người Thanh Thiếu Niên dẫn thân vào cuộc sống với tất cả tinh thần Bi, Trí, Dũng đang cuộn cuộn dâng trào trong nhịp thở trái tim người tuổi trẻ; khi đã chuyển hóa được bản thân và chuyển hóa được xã hội – sẽ là những vị Bồ Tát thị hiện giữa đời trong hình ảnh những người trẻ tràn đầy niềm tin và lý tưởng phụng sự – lý tưởng Bồ Tát đạo.

*“Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hạnh diện khi xả thân cho tha nhân. Không ai có thể bắt kẻ khác làm cho mình (mà) hơn hết là mình làm cho kẻ khác. Người Thanh Thiếu Niên hãy tràn ngập hoan lạc trong sự cao thượng.”*⁴

ĐẠT ĐẾN TRÍ HUỆ VÔ NGÃ QUA PHỤNG SỰ LÀ CON ĐƯỜNG ĐẠI THỪA BỒ TÁT.

Lý tưởng Đại thừa Bồ Tát đạo đã ảnh hưởng lớn trên đời sống, tư tưởng và hành động của người có tâm xả kỷ vị tha quên mình vì người, nhứt tâm phụng vụ tha nhân. Chính trong chí thành phụng sự sẽ đạt đến trí huệ vô ngã. Nghĩa là vừa giải thoát cho mình đồng thời giải thoát cho người khác. Sự bình an, hạnh phúc đích thực chỉ có được khi biết quan tâm đến hạnh phúc của tha nhân. Sự lợi ích cho chính

4. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

mình và cho người cùng nằm trong một tiến trình tu tiến.

Đạt đến tánh Không, vô ngã qua phụng sự là con đường Đại thừa Bồ Tát. Càng đạt đến tánh Không, vô ngã này bao nhiêu, thì nguyện lực phụng sự càng lớn lao. Quả thật, có thể nói không lầm rằng các vị vua đời Trần (Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông...), qua sự tu học và phụng sự của mình, đã là những vị Bồ Tát.

PHỤNG SỰ LÀ HIẾU ĐẠO CAO TRỌNG HƠN HẾT.

Muốn yêu thương, ta phải biết hy sinh và phụng sự. Nhìn hạnh phúc của người, mình thấy vui, nhìn đau khổ của người, mình muốn chia sẻ. Sẵn lòng giúp đỡ người khác, chăm lo một cách vô tư đến người khác, vì người khác mà hy sinh lợi ích, hạnh phúc của cá nhân mình. Người phụng sự làm hết sức vô tư không hề thấy mình đang phụng sự nhưng lại là phụng sự. Người phụng sự cũng có thể không làm gì cả, chỉ thực tập lời nói nhẹ nhàng, hành vi hoà nhã, thân thiện, ánh mắt chân thành, suy nghĩ chánh niệm, tức là đã phụng sự vì đã cho đi được năng lượng hoà bình, an lạc.

Thời giờ thuận tiện để phụng sự lúc nào cũng có, dầu cho ta không luôn luôn gặp dịp làm việc thiện, ta vẫn có thể giữ một thái độ nhân từ, hòa nhã.

Tư cách của người phụng sự chỉ có thể đánh giá theo (XEM TIẾP TRANG 86)

TÌM HIỂU “ĐỨC SÙNG DIỄN CHÍNH”

■ GIÁO SĨ THANH BÌNH

Người Cao Đài xưng tụng công đức của Đức Quan Thánh Đế Quân theo lời dạy của Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua câu “Đức Sùng Diễn Chính”.

“ĐỨC SÙNG DIỄN CHÍNH” LÀ GÌ?

Sùng: 崇; bộ sơn: 山.

1. Nếu là tính từ: Sùng có nghĩa là cao; thí dụ như sùng sơn: là núi cao;
2. Nếu là động từ: Sùng có nghĩa là tôn trọng, tôn kính, ưa chuộng; thí dụ như sùng đức: là tôn trọng đức, chuộng đức.
3. Nếu là danh từ: Sùng có nghĩa là người có đức cao.

– Trong chữ Đức Sùng: Đức là tính từ bổ sung cho danh từ Sùng. Đức Sùng: bậc cao quý trong xã hội, mọi người kính trọng, tôn vinh vì có đức; không phải vì có tiền có chức tước.

Vậy Đức Sùng là người được xã hội tôn trọng vì có đức.

Còn chữ Diễn 演; bộ thủy 水. Nghĩa đen là nước chảy; nghĩa rộng là mở rộng, xiển dương.

Diễn thuộc bộ Thủy. Thủy tượng trưng cho đức của người học đạo thánh hiền, nhà nho, người quân tử.

Nước trường lưu bất tận không vật gì ngăn cản được: tượng trưng cho đức chí thành. Nước không có hình tướng, ở bầu thì tròn ở ống thì dài; không vì hoàn cảnh mà chùn bước.

Đức Sùng Diễn Chính: bậc cao quý, xã hội tôn trọng vì có đức, và dùng đức đó để đem điều “Chánh” thấm nhập khắp mọi nơi, không gì có thể ngăn cản được.

Như vậy, Đức Quan Thánh là người có đức lớn trùm thiên hạ, và điều quan trọng nhất là đem điều “Chánh” đến cho nhân loại, giúp cho

nhân loại phân biệt chánh tà, thiện ác, để tránh nhân quả báo ứng.

TẠI SAO NGƯỜI CAO ĐÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC NGÀI BẰNG CÂU “ĐỨC SÙNG DIỄN CHÍNH”?

A. CÔNG ĐỨC CỦA ĐỨC QUAN THÁNH KHI CÒN TẠI TIÊN

Công đức của Ngài là một minh chứng cho tấm lòng trung nghĩa, tiết cao thanh liêm¹, gốc của đức Nhân và đức Nghĩa.

Công đức này không phải chỉ có ở kiếp Quan Vũ, hay Quan Vân Trường.²

Thật sự, Đức Quan Thánh là Thần Châu Y, Thần Áo Đỏ trong cung Tử Vi, quản lý hai sao Văn Xương và Vũ Khúc.

Kinh Minh Thánh³ giải thích:

Ta vốn là lửa Hỏa Tinh ở Cung Tử Vi, mà tượng của lửa là sáng, chủ về sao Văn Xương, còn tính nóng chủ về sao Vũ Khúc.

Văn chủ về đức Nhân. Nhân gốc ở trung và hiếu. Võ chủ về đức Nghĩa. Nghĩa gốc ở liêm tiết.

Do đó khi xuống trần, Đức Quan Thánh nhiều đời đều là tôi trung, nghĩa khí.

• Ngũ Tử Tư: Thời Chiến Quốc, sau 4 lần chuyển kiếp đều là tôi trung, đến đời thứ 5 là Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư người nước Sở, tài sức hơn người. Sách tả Ngũ Tử Tư: Minh cao một trượng,

1. Kinh Minh Thánh, tr.13. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

2. Đức Quan Thánh tên Thật là Quan Vũ, tự là Vân Trường, nên dân gian cũng thường gọi Ngài là Quan Vân Trường. Đạo Cao Đài xưng tụng Ngài với tôn danh Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

3. Kinh Minh thánh, tr. 34. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

lưng lớn ba vòng, mặt sáng như trăng rằm, tiếng nói như chuông, sức mạnh muôn người không địch nổi. Như vậy Ngũ Tử Tư là người dũng mãnh, bản chất thông minh, oai phong của một đấng trượng phu.⁴

Nhà Tần muốn thôn tính chư hầu, hội 18 chư hầu tại ải Lâm Đông, hay còn gọi là ải Đồng Quan. Tể tướng nước Tề là Án Anh, hiểu rõ mưu này, để nghị chư hầu chọn Ngũ Tử Tư làm tướng của 18 chư hầu. Vua Tần mượn cớ chém tướng các chư hầu, Ngũ Tử Tư biểu dương sức mạnh và tài trí, cử đỉnh nặng ngàn cân đi quanh nơi hội ba vòng, và viết một bài thơ ngay tại ải Lâm Đông. Vua Tần khiếp sợ, dứt lòng tham, chư hầu mới thoát nạn.

Bởi vua Sở háo sắc, vô đạo, cha Ngũ Tử Tư can ngăn, vua nghe lời xiểm nịnh, định giết cha con Ngũ Tử Tư, anh và cha bị giết, Ngũ Tử Tư chạy thoát, đầu quân nước Ngô, sau báo thù cha.

Sau khi Ngũ Tử Tư tử nạn, Thượng Đế thấy ông một kiếp là con hiếu thảo, mấy kiếp làm tôi ngay, nên phong làm Thần cai quản nước lên xuống sông Tiền Đường.⁵

- Quan Vân Trường: Đến đời nhà Hán, Đức Quan Thánh thấy có nhiều gian đảng, tự giáng phàm lấy chữ Quan làm họ, rồng lửa hóa thành ngựa Xích Thố, thủy thú biến thành đao Thanh Long.

Diện mạo của Ngài vô cùng đặc biệt. Mặt đỏ râu dài. Kinh Minh Thánh giải thích: mặt đỏ tâm càng đỏ, râu dài nghĩa càng dài. Tài thao lược của ngài sánh Tồn Tẫn, mưu trí hơn Phạm Tăng. Chí nguyện ở Kinh Xuân Thu. Cả cuộc đời Ngài không bao giờ rời xa nghĩa cả, phò nhà Hán.

Có câu đối:

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán

*Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên.*⁶

Kinh Minh Thánh ghi rằng:

4. <http://www.trinhnu.net/van/57615>.

5. Đào Viên Minh Thánh Kinh, tr. 47, www.nhatquantungthu.com; Kinh Minh Thánh tr. 21.

6. Quan Thánh Xưa và Nay, Lê Anh Dũng.

Thái thượng Thần uy, anh văn hùng võ, tinh trung đại nghĩa, cao tiết thanh liêm, vận hiệp hoàng đồ, đức sùng diễn chính.

Vậy, “Đức Sùng Diễn Chính” là kết quả của “văn võ anh hùng; lòng trung nghĩa cả, tiết cao thanh liêm, vận giúp hoàng đồ”.

Trong suốt cuộc đời võ tướng, mỗi hành động của Ngài Quan Vân Trường đều nêu cao các dấu ấn trên.

1. VẬN GIÚP HOÀNG ĐỒ: HÀNG HÁN CHỮ KHÔNG HÀNG TÀO

Khi thành Hạ Bì thất thủ và bị Tào Tháo chiếm đóng, Quan Vân Trường vì lo sợ an nguy của hai chị dâu nên tạm thời tạm ký với Tào Tháo với ba điều kiện:

- Chỉ hàng Hán chứ không hàng Tào.
- Lấy bổng lộc của Lưu Bị cấp cho nhị tẩu,
- Một khi biết được tin tức của Lưu Bị sẽ đi tìm.

Tào Tháo đãi Quan Vân Trường rất hậu, lấy lễ khách tiếp đãi. Ba ngày tiệc nhỏ, năm ngày tiệc lớn, chu cấp vàng bạc. Quan Vân Trường đều đưa cho nhị tẩu giữ.

Tào Tháo thấy chiến bào bằng gấm xanh của Quan Vân Trường đã cũ, may áo bằng gấm thực quý để tặng. Ngài mặc vào nhưng vẫn mặc áo cũ bên ngoài, vì áo đó do Lưu Bị tặng, để luôn nghĩ có Lưu Bị bên cạnh.

Khi nghe tin Lưu Bị, Quan Vân Trường liền gói tất cả vàng bạc Tào Tháo tặng từ trước để trong kho, ấn Hán Thọ Đình Hầu thì treo ở sảnh đường, người hầu hạ mà Tào Tháo tặng đều không đem theo, chỉ mang hành lý tự thân và tùy tùng xưa mà đi.

2. TIẾT CAO THANH LIÊM: MINH CHỨC ĐẠT ĐÁN

Tiết là gì? Kinh Minh Thánh giảng: Tiết nghĩa của người như cây trúc, như mặt trăng. Trăng thì rộng lớn sáng và cao, tròn trặn bao hàm lại trong sạch. Trúc thì ngay thẳng, chẳng hề cong, một đời không sợ sương tuyết, thân cao tốt trời, khi mưa gió thổi thì trúc múa hứng trăng thanh.

Ngài Quan Vân Trường thất thủ thành Hạ Bì, theo Tào về Hứa Xương, dọc đường phải nghỉ qua

đêm ở quán dịch, Tào muốn cho Quan lỗi đạo với Lưu, sẽ thẹn không dám trở về với anh mà ở lại quy hàng Tháo, bèn lập mưu sắp đặt cho Quan và hai chị dâu ở cùng phòng trọ. Quan Vũ đã cầm đuốc đứng hầu ngoài cửa, từ tối đến sáng. Do sự tích này sử sách còn truyền lại câu: Minh chúc đạt đán chi Quan Vân Trường.⁷ Đèn sáng suốt đêm như tấm lòng ngay chính của Ngài luôn sáng tỏ.

3. ANH VĂN HÙNG VÕ: ĐƠN ĐAO PHÓ HỘI

Còn uy vũ của ngài Quan Vân Trường, tượng trưng bằng Thanh Long đao, bao lần chém tướng, nhưng không gì bằng đơn đao phó hội.

Thất mã trăm Nhan Lương, Hà Bắc anh hùng giai táng đờm;

Đơn đao hội Lỗ Túc, Giang Nam danh sĩ giai đề đầu.⁸

(Một thớt ngựa chém Nhan Lương, anh hùng Hà Bắc đều vỡ mặt;

Một thanh đao hội Lỗ Túc, danh sĩ Giang Nam thầy cú đầu.)

4. GIAN LAO KHÓ NHỌCKHÔNG MÀNG

Trong Kinh Minh Thánh, Đức Quan Thánh tự thuật:

Ta từng xem Xuân Thu, nhỏ học sách Khổng Mạnh, hằng giữ hiếu thảo làm đầu, sửa mình trị nước làm căn bản.

Đạo dị đoan nổi lên như ong, đem binh giết hại mạng dân. Mười năm dư, áo chẳng rời mình, thanh đao không sạch máu.

Đêm ngủ không trọn ba canh, ngày ăn chẳng no một bữa. Đánh đồng dẹp tây cả trăm trận, giang san mới được định. Bạc cả tóc râu, ngựa cũng mỏi mà đao cũng lứt.

Hy sinh hết gan trung mật nghĩa, mới dựng cái ấn phong hầu.

5. LÒNG TRUNG NGHĨA CẢ: ĐÀO VIÊN KẾT NGHĨA

Suốt cuộc đời tỏ lòng trung nghĩa của Ngài bắt đầu từ một lời thề: Đào Viên kết nghĩa.

Đào Viên kết nghĩa không phải chỉ tôn vinh giá trị tình anh em kết nghĩa chung thủy không phai, mà còn đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của ba vị Lưu Bị Quan Vũ, Trương Phi.

Đối với Lưu Bị, có được bạn đồng chí, một yếu tố thành công trong Pháp Tài Lữ Địa. Đối với Ngài Quan Vân Trường, đó là cơ hội mở màn thực hành chí nguyện của Ngài.

Chí Tại Xuân Thu, Công Tại Hán.

• Nhận định về Kinh Xuân Thu⁹:

Kinh Xuân Thu, một quyển sách sử được xem như tỏ rõ tâm chí, quan niệm chuyển loạn thành trị của Đức Khổng Tử, và của Nho gia sau này.

Đức Khổng Tử viết hai bộ sử: Kinh Thư và Kinh Xuân Thu. Các nhà khảo cứu giải thích rằng nếu Kinh Thư nhằm chứng minh tại sao người xưa được thịnh trị, Đức Khổng Tử chép Xuân Thu nhằm chứng minh tại sao ngày nay loạn, và đồng thời đưa ra biện pháp đổi loạn thành trị.

Phương cách đổi loạn thành trị không ngoài:

- Tôn trọng Lễ chế Chu Công.
- Chánh danh định phận.
- Dùng dư luận kềm chế cường quyền.

Ngài Quan Vân Trường dù nhà nghèo, làm nghề bán đậu phụ, nhưng học thuộc sách Khổng Mạnh và Kinh Xuân Thu. Tâm chí Ngài noi theo Đức Khổng Thánh, chẳng thua gì Ngài Mạnh Tử.

Từ lúc còn trẻ, chỉ vì ngựa mất không chịu cảnh ỷ thế hiếp người mà phạm tội giết người bỏ nhà ra đi. Nhưng không phải vì thế mà Ngài Quan Vân Trường khổ sở, mà lại là dịp thỏa chí bình sinh, tứ hải giai huynh đệ. Nên khi gặp Lưu Bị, dòng chính thống, Ngài Quan Vân Trường mới tận trung cho đến cuối cuộc đời.

Với quan điểm chính thống đó, lòng trung nghĩa liêm chính của Đức Quan Thánh mới có giá trị, vì giải quyết tận căn bản các mối đau

7. Quan Thánh Xưa và Nay, Lê Anh Dũng.

8. Quan Thánh Xưa và Nay, Lê Anh Dũng.

9. Theo <http://nhantu.net/TrietHoc/ChanDungKhongTu/ChanDungKT-16.htm>.

thương thảm khốc mà xã hội đang gánh chịu: chính danh định phận.

B. OAI LINH CỦA ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

1. ĐƯỢC THƯỢNG ĐẾ PHONG LÀM NGUYÊN SOÁI COI BA CỠ TRỜI.

Sau khi Đức Quan Thánh hiển thánh, Đức Thượng Đế thấy Ngài suốt đời trung nghĩa ít ai sánh kịp nên phong làm Nguyên soái coi ba cửa Trời.

Bắc môn¹⁰ có Thượng Đế ngự, còn ba cửa Trời¹¹ do Đức Quan Thánh cầm quyền, mọi việc chư Thần đều báo cho Đức Quan Thánh biết. Ai hiền lành được gia quan tăng tước mãi, còn kẻ dữ sẽ bị Đức Quan Thánh cho mắc tai họa, hoặc tuyệt tự.¹²

Trong Kinh Minh Thánh, bài Thỉnh Đức Quan Thánh Đế Quân, giải thích thêm oai linh của Ngài như sau:¹³

Ngài là đấng thần oai tột bậc, văn võ anh hùng, lòng trung nghĩa cả, tiết cao thanh liêm, vận giúp hoàng đồ, đức sùng diễn chính.

Cầm quyền Tam Giáo, Nho Thích Đạo, cai trị ba cõi Thiên Địa Nhơn¹⁴. Trên thì coi các ngôi tinh tú trong ba mươi sáu thiên cung, dưới thì thống trị các cõi u minh trong bảy mươi hai địa phủ.

Ngài cầm sổ chữ son, thêm tuổi, thêm phúc cho các người lành. Lại coi sổ chữ đen, bớt tuổi, phạt tội những kẻ dữ.¹⁵

2. GIÁNG TẢ KINH MINH THÁNH VÌ LÒNG TỬ BI THƯƠNG DÂN, TẢ KINH DẠY ĐỜI

• Theo lời tựa Kinh Minh Thánh do Đức Phù Hộ Đế Quân giảng cơ giảng dạy thì chư Phật

Tiên Thần Thánh khuyến người làm điều ngay không gì ích lợi bằng ban Kinh. Đức Văn Đế, Đức Khổng Thánh Tiên Sư, có Kinh Âm Chất Văn. Đức Võ Đế, Đức Quan Thánh có Giác Thế Kinh, Đức Thái Thượng có Cảm Ứng Kinh.

Nhưng người đời không theo, khiến gặp nhiều tai ương chiến họa, Đức Quan Thánh chạnh lòng từ bi không nỡ ngồi yên mà nhìn bèn tả Kinh Minh Thánh, phổ truyền khắp bốn biển để dạy dân cải tà quy chánh, cải ác tùng lương, chấn hưng luân lý, phong tục trong xã hội.

• Còn theo lời tựa Kinh Minh Thánh do Đức Hàng Văn Công giảng cơ thì¹⁶:

“Đức Quan Thánh Đại Đế, lúc thiếu niên đã theo học sách Luận Ngữ và sách Mạnh Tử, nên tấm lòng của Ngài cũng hiệp tấm lòng của Đức Khổng Thánh, và chí của Ngài cũng bằng chí của Đức Mạnh Tử.

Ngài lấy bốn điều lớn: trau mình, sửa nhà, trị nước, vỗ an thiên hạ mà đặt kinh điển lưu truyền dạy đời. Khi đặt Kinh Minh Thánh rồi, Ngài còn giao cho các vị Thiên Quan phê chú, và làm tựa. Thật là Ngài khổ tâm về việc muốn cứu đời cho khỏi tội lỗi biết đường nào.”

3. HIỂN LINH CỦA ĐỨC QUAN THÁNH

Những người tội lỗi Ngài hiển linh trừng phạt. Đời Nhà Tống, có một thiếu phụ tên là Nguơn thị, rất bất hiếu với mẹ chồng. Thường hay bắt nạt mẹ chồng trước mặt mọi người, lại hay đến trước miếu Quan Thánh cầu cho mẹ chồng chết sớm để khỏi phải nuôi dưỡng. Một bữa gây gỗ với mẹ chồng, rượt đuổi mẹ chồng ngang qua miếu thờ Đức Quan Thánh, tình linh tượng đất của Ngài xách siêu đao ra chém¹⁷ người phụ nữ chết ngay tức khắc.

Ngược lại, người hiếu thảo, bị nạn được Ngài cứu giúp. Một hiếu tử tên là Du Bảo, bị hàm oan phải đi lính thú xa nhà. Vợ ở nhà, người hiền thực, thường đến chùa Quan Đế cầu xin

10. Bạch Ngọc Kinh.

11. Tam Thiên Thế Giới.

12. Kinh Minh Thánh, tr. 25. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

13. Kinh Minh Thánh, tr. 13. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

14. Trên trời, dưới thế gian, nơi âm phủ.

15. Ngài cai quản 36 cung trời và 72 quả địa cầu.

16. Kinh Minh Thánh, tr.6. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

17. Kinh Minh Thánh tr.16; Đào Viên Minh Thánh Kinh, tr. 42, ww.nhatquantungthu.com.

Ngài giải oan. Nhà nghèo, không có tiền mua lễ phẩm, chỉ có gạo dâng cúng. Một hôm, Du Bảo nằm mộng thấy Đức Quan Thánh đến giúp cho về quê hương. Tỉnh mộng chỉ thấy con ngựa đất, và theo lời dạy bảo của Đức Quan Thánh, Du Bảo cỡi ngựa đất và về đến nhà. Ra trình diện với quan phủ, quan phủ tra xét thấy danh sách lính thú ở tên Du Bảo có chữ: miễn phục dịch. Quan phủ cho Du Bảo miễn đi lính thú biên thù.

Trong Kinh Minh Thánh, Đức Quan Thánh dạy:¹⁸

Thượng Đế thương ta một lòng trung chánh mới sắc phong ta giáo hóa ở cõi âm phủ và dương gian. Ta hằng ngày vân du khắp thiên hạ, xét kẻ trung người nịnh rõ ràng. Hết thấy bọn gian xảo tham tàn đều bị báo ứng phân minh...

ĐỨC QUAN THÁNH TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài được xưng tụng với tôn danh Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân. Ngài vì thương đời nên tiếp tục giảng trần qua cơ bút để giáo hóa nhân sanh.

*“Thương đời lặn hụp biển trầm luân,
Nghịệp chướng trá vay mấy thuở ngừng,
Đem đạo giáo khuyên nên tỉnh ngộ,
Sớm tìm lối thoát ấy nguyên nhân.”*

1. XÁC ĐỊNH CON ĐƯỜNG CHÁNH ĐẠO

Để “Diễn Chính”, thì người tu trước tiên phải xác định con đường đi của mình và chỉ có một con đường.

*Đại Đạo gồm vào một nẻo thôi,
Quanh qua lộn lại ắt xa rời,
Bước cho vững bước đừng toan chạy,
Qua lúc bão bùng vượt bể khơi.¹⁹*

Cụ thể con đường đó như thế nào? Không ngoài con đường giáo dân vi thiện.

*Quân tử an dân mới gọi là,
Người tu quốc chánh chẳng xông pha,
Giáo dân vi thiện làm căn bản,
Nguồn gốc gây nên cảnh thái hòa.²⁰*

Đức Quan Thánh dạy rằng đời loạn, thời của Ngài dùng võ lực để dẹp loạn. Nhưng nếu dùng võ lực thì người bị giết không hiểu tại sao, và không bao giờ hết loạn. Chỉ khi nào chỉ ra được những điều sai lầm trong tư tưởng thì tự khắc họ sẽ hồi tâm hoán cải thì loạn tức khắc tiêu tan.

“Dẹp loạn không có nghĩa là giết loạn cho nhiều, mà họ không hiểu tại sao bị giết. Không hoán cải tư tưởng ý thức hiểu biết của họ thì dù có giết hết ngày này, tháng sau năm tới và nhiều năm tới nữa cũng không hết loạn. Chỉ có một điều là đem kiến thức đạo lý hoán cải lòng người, tự nơi họ không làm lỗi thì cần gì phải dẹp loạn với phương tiện tàn sát.”²¹

Đức Quan Thánh còn ra tiêu chuẩn cho mỗi tín đồ Cao Đài độ được 12 người thì sẽ không còn nhà tù, mà chỉ còn nhà trường, nhà ở cho những người kém may mắn:

“Nếu mỗi một tín hữu làm sao độ được 12 bạn khác hiểu đạo, hành đạo thì Bản Đạo tin rằng một thời gian không lâu, Thánh đường mọc lên như nấm, khám đường dẹp bỏ lần lần, để làm kho dự trữ phẩm vật cứu tế xã hội hoặc làm học đường, hoặc làm cô nhi dưỡng lão viện. Cười... cười...”²²

2. XÁC ĐỊNH ĐIỀU THIỆN. THIỆN ĐÓ LÀ GÌ? LẤY TRUNG HIẾU LÀM CĂN BẢN:

Câu kinh: “Khai nhơn tâm tất bốn, ưu đốc thân chi hiếu / Thọ Quốc mạch tất tiên ưu trí chúa chi trung.” đã xác định điều đó.

Giáo dân vi thiện không ngoài làm cho người quay lại bản thân làm sáng lại lương năng và lương tri vốn có trong mỗi con người, để chiến

18. Kinh Minh Thánh, tr. 16. Thư Viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, số B15.6.

19. Ngọc Điện Huỳnh Hà, 24-6 Ất Tỵ (22-7-1965).

20. Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

21. Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

22. Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

thắng vòng câu thúc của thân tứ đại mà gìn giữ gia phong luân thường đạo lý.

*Hãy sống dậy lương tri và tiết tháo,
Hãy bừng lên tâm đạo với lương năng,
Hãy thoát vòng nhơn dục trời trăng,
Và thoát nạn tự tôn kiêu tảo.
Học Tân pháp ấy học phép mẫu vô giá,
Nơi quy điều là nơi ngả đến Tây phương,
Giữ gia phong cương kỷ luân thường,
Gìn tiết hạnh đài gương soi rục rỡ.²³*

3. TRONG TAM CÔNG, NGÀI CHÚ Ý ĐẾN CÔNG TRÌNH, HOÀN THIỆN HÓA BẢN THÂN:

Muốn giáo dân vi thiện trước tiên phải hoàn thiện hóa bản thân. Đức tánh cần thiết là khiêm tốn và phục thiện. Khiêm tốn để thấy những điều mình còn thiếu sót để tiến bộ. Phục thiện để biết và sửa những điều sai lầm.

Đức Quan Thánh dạy:

“Đức tính khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món bửu bối quý giá vô cùng để giúp người tu thân hành đạo có được những cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhân từ khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện.”

4. VỀ CÔNG PHU:

Đức Quan Thánh dạy phải làm sáng đức của mình. Ngài định nghĩa Minh Đức, là đức sáng trong con người. Không phải Minh Đức của ai cũng sáng. Muốn sáng phải có các tính chất của Đạo phổ vào. Tính chất đó là: không phân chia, không ngăn cách, không bảo thủ, không cố định không cứng ngắt cô đọng một chiều. Do đó người giác ngộ, người tu theo Đại Đạo muốn xứng đáng là người tín đồ Đại Đạo, phải làm sao cho Minh Đức được sáng để dẫn lối cho mình và cho thiên hạ.

Đức Quan Thánh dạy:

“(…) nơi đâu cũng có Đạo. Lớn thì như vũ trụ, nhỏ thì như hạt vi trần nguyên tử, không phân

chia, không ngăn cách, không bảo thủ, không cố định đến nỗi cứng ngắt cô đọng một chiều. Như vậy, tính chất Đạo ấy được phổ vào con người giác ngộ hay con người đã chịu nhận mình là tín đồ trong cái Đạo lớn ấy; và người tu theo Đại Đạo không phải chỉ mang mặc một hình thức, một danh từ cao siêu vô hồn ấy thôi. Còn phải nhờ những cố gắng tu tập hành đạo để cái Minh Đức hay cái đức sáng trong con người được luôn luôn sáng suốt để soi đường dẫn lối cho mình, cho thiên hạ.”

Nhờ có Minh Đức bao quát đó, người tín đồ mới xứng danh là tín đồ Đại Đạo.

Nhờ có Minh Đức bao quát đó, tình thương mới được thực hiện được.

Nhờ có Minh Đức đó, con người mới có thể quy nguyên thống nhất, xây dựng xã hội thái hòa.

Cho nên, điều quan trọng của người sứ mạng, của người ý thức được sự mất còn của tinh thần nhân loại là việc làm sáng lại cái tâm linh, cái đức sáng hằng hữu hư linh bất muội nơi mình, ngõ hầu thấy được chân lý đích thực trong lẽ Đạo Trời, không hẹp hòi nê chấp từ hình thức, từ chữ nghĩa, từ danh xưng, để mà hòa vào nhịp điệu hằng sống của người với người, không tự cho mình là phải một cách tuyệt đối để phủ nhận giá trị của người khác. Ngắn ấy thái độ cũng đã là một tác động quy nguyên thống nhất rồi vậy.

Tam Công là đường lối tu thân hành đạo trong thời Tam Kỳ Phổ độ. Đó là con đường tu tắt vì thời gian không cho phép diên trì.

5. CUỐI CÙNG

Đức Quan Thánh luôn luôn ưu tư trong tu học hành đạo làm sao giữ tâm được chơn chánh, không dối trá ngụy tà, sơn phết che đậy.

Công trạng của các bậc lãnh đạo: một tướng lãnh lãnh đạo ba quân, một nhà vua lãnh đạo đất nước, một giáo chủ lãnh đạo một tôn giáo, công và tội ngang nhau.

Thành công hay thất bại trong sứ mạng, lịch sử ghi, người đời biết, người đời đánh giá...

23. Ngọc Điện Huỳnh Hà, 24-6 Ất Tỵ (22-7-1965).

nhưng đối với Thiêng Liêng, tâm tư của các vị khi hành sử, khi quyết định mới là điều quan trọng. Quyết định vì trọng trách, quyết định vì an nguy của chúng sanh, hay quyết định vì tư lợi, để đem lại danh tiếng cho riêng mình, chỉ có Trời mới biết.

“Một người tướng lãnh đạo hùng binh, một vị đế vương cai trị một san hà, một bậc giáo chủ lãnh đạo tinh thần một tôn giáo, giữa công và tội vẫn ngang nhau.

Hậu thế lịch sử chỉ ghi cái thành công, cái thất bại hoặc danh nghĩa tốt đẹp hay xấu xa của ba giới lãnh đạo ấy, là chỉ ghi phần đại cương ở mặt hình thức, ở việc làm mắt thấy tai nghe, chớ lịch sử làm sao ghi được tâm trạng ưu tư hoặc cách xử sự của ba giới ấy.

Nhưng đó là điểm rất quan trọng.

Trong khi điều hành phận sự, những người ấy hoặc là tâm tư tan nát, khổ sở vì muôn người hạ thuộc chưa toại hưởng mục đích của mình đã vạch; hoặc họ²⁴ vì một tư ý tư lợi tư danh, chỉ để lộ bên ngoài những lớp sơn khéo léo, chải chuốt nghi trang mỹ thuật.

Khác nhau là ở chỗ ấy.”²⁵

Nếu Đức Quan Âm lấy chữ “Tù” để làm phương tiện đưa người qua sông, thì Đức Quan Thánh dùng chữ “Chánh” để ổn định xã hội.

Với cương vị Tam Trấn Oai Nghiêm đức Quan Thánh dạy con người hãy quay về chánh đạo:

– Chánh đạo đó không ngoài con đường Đại Đạo.

– Chánh đạo đó không gì khác hơn quay lại chính mình hoàn thiện hóa bản thân để giáo dân vi thiện.

– Chánh đạo đó không ngoài Tân Pháp Cao Đài, rèn luyện bản thân, dùng lương tri lương năng làm hai kiện tướng để nhận định mọi hoạt động để cho ánh sáng Minh Đức soi rọi khắp nơi, làm ngọn đuốc soi đường trong cuộc đời tu thân hành đạo.

24. Họ: các vị lãnh đạo.

25. Nam Thành Thánh thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

– Chánh pháp đó hội tụ chánh khí cho người tu học, hiền tài là nguyên khí của quốc gia, để truyền tải cho mọi tầng lớp xã hội. Chỉ có chánh khí đó mới tồn tại theo thời gian, sản sanh những vị anh hùng, tinh ba dân tộc:

• Một Đức Vạn Hạnh, dùng tâm một thiền sư mà tế thế an bang, khai mở một triều đại huy hoàng cho dân tộc.

• Một Đức Trần Hưng Đạo, với những lời nói đi vào lịch sử, thể hiện chí khí kiên cường bất khuất: “Nếu bệ hạ muốn hàng, hãy chém đầu thần trước đã.”

• Hay một Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt với chí khí sáng ngời khi đất nước lâm nguy.

• Ngài Hoàng Diệu khi thành Hà Nội thất thủ, trước khi tuấn tiết đã cắn ngón tay lấy máu, viết di biểu tạ tội với vua Tự Đức: “Thành mất không sao cứu được, thật hổ với nhân sĩ Bắc thành lúc sinh tiền. Thân chết có quản gì, nguyện xin theo Nguyễn Tri Phương xuống đất. Quân Vương muôn dặm, huyết lệ đôi hàng...”²⁶

• Một Đức Phan Thanh Giản giao thành để tránh thương vong cho quân dân ba tỉnh miền Tây. Ngài tuyệt thực 17 ngày trước khi tự tử.

Anh linh của những bậc anh hùng vị quốc còn mãi với thời gian, hòa vào hồn thiêng dân tộc, và ngày nay vẫn đang dẫn dắt hộ trì đàn em trên đường sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với cổ pháp Kinh Xuân Thu làm biểu tượng cho chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, Đức Quan Thánh với Kinh Xuân Thu cầm trên tay làm tiêu biểu, nhằm xiển dương chánh danh định phận, chánh tâm, ức tà thuyết, chuyển loạn thành trị bằng Tân Pháp Cao Đài.

Ngày xưa Đức Quan Thánh:

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán,

Ngày nay người Cao Đài có thể theo chí Ngài mà nói rằng:

Chí tại Xuân Thu, công tại Tam Kỳ Phổ Độ.■

26. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Di%E1%BB%87u.

CẢN HẠNH – BẤT NGÔN CHI GIÁO

■ TU SINH KIM NGÂN

Có câu chuyện kể rằng: “Xưa, có một chú học trò được dịp lên phố chơi. Nhằm ngày chợ phiên, một vụ mất cắp xảy ra tại quán trọ, chú học trò liền bị quan huyện bắt nhốt vì người ta nghi ngờ chú là thủ phạm. Sau khi trải qua những thủ tục tra hỏi phiền phức, quan huyện tìm ra thủ phạm, chú học trò được thả về. Khi về làng, gặp thầy và bè bạn, chú nhỏ tức tưởi kể lại sự việc, bộc bạch nỗi hàm oan của mình. Vị thầy im lặng nghe xong câu chuyện, nghiêm nghị ra lệnh phạt đệ tử mười roi. Đương sự rất ngạc nhiên nhưng không dám cãi lời thầy, bèn líu ríu leo lên bộ ván nằm chờ trận đòn mà lòng hoang mang vô kể.

Các bạn chú thấy thế, ngạc nhiên thưa: – Thưa thầy, trò này vô tội sao lại bị đòn?

Vị thầy từ tốn giải thích: – Đành rằng trò ấy vô tội, nhưng tại sao giữa phố chợ đông đảo chỉ mình nó bị tình nghi là kẻ cắp? Ta phạt cái tội nó có bộ vó của thằng ăn cắp để cho người ta nghi ngờ. Nếu trò ấy không chỉnh đốn tư cách lại, ta e rằng nó sẽ bị hàm oan nhiều lần nữa.”

Những nỗi hàm oan xảy ra cho mọi người khá nhiều. Thường thì ta tìm cách minh oan hay truy lùng cho ra kẻ đã nhẫn tâm vu oan giáng họa cho mình mà ít ai nghĩ rằng một trong những nguyên nhân quan trọng của hàm oan là chính mình. Vì thế, để chia sẻ hàm oan với học trò, vị thầy đã tặng đệ tử đến mười roi. Mới hay, người xưa dạy người rất chú trọng đến cái hạnh, lấy hạnh làm nền tảng để giáo dục, uốn nắn con người. Hình thức bên ngoài cũng rất quan trọng nhưng nội tâm mới là yếu tố quyết định. Giáo dục một con người trở nên hoàn thiện phải từ nơi chính tâm, sau đó mới tu thân, tế gia, trị quốc và bình thiên hạ. Cây có ngay thì bóng mới thẳng, phải đào tạo thể hệ kế thừa có tâm hồn

trong sáng và cao thượng mới có thể mong hình thành nên nhân cách lớn, làm nguyên khí của quốc gia, nhân tài cho đất nước và đặc biệt đối với người tín hữu Cao Đài điều nguyện đầu tiên “*Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai*” mới được thực thi.

Vì thế, đức hạnh là nền móng của việc tu học, là cốt lõi của đời tu, chưa có hạnh thì dù có giỏi các mặt khác cũng chưa tự độ và độ tha được. Đồng thời, tất cả mọi người đều thực hành được, dù lớn dù nhỏ, từ xưa đến nay đều như thế, bất cứ ở đâu, lúc nào, người nào. Đức Chí Tôn dạy rằng: “*Các con phải giữ hạnh mà truyền Đạo ra cho chóng, con thế nào Thầy cũng thế ấy.*”¹

ĐỊNH NGHĨA CẢN HẠNH

Cản: cẩn thận, không dám xem thường, giữ gìn một cách thận trọng.

Hạnh: tánh nết, là nét đẹp thuần túy từ nội tâm thể hiện ra bên ngoài.

Cản hạnh là giữ gìn cẩn thận tánh nết cho được đứng đắn đoan trang.

Đức hạnh vừa là một nghĩa chung với đạo hạnh, vừa mang một nghĩa riêng của việc lập đức. Người đức hạnh là người không nóng tính, phải biết dung hòa, lấy hạnh đảm thắm kính nhường từ lời nói, việc làm; phải hạ mình nâng đỡ người tùy theo việc.

Có câu đố rằng: Ngoài da cóc, trong ngọc vàng, đi ngoài đàn thơm lừng lừng. Đó là trái gì? – Đáp: Đó là trái mít chín. Bên ngoài thì da mít xù xì như da con cóc. Nhưng bên trong có những múi mít chín vàng rực thơm lừng, đó là ngọc là vàng, và khi đi qua một quãng đường

1. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, đàn ngày 20-7 Bính Dần (27-8-1926).

có trồng cây mít với trái chín trên cây thì mình nghe “thơm lừng lựng.”

Và hạnh cũng thế, rèn được hạnh cũng như trái mít chín hương thơm ngào ngạt đi từ đàng xa đã ngửi thấy mùi.

*Hạnh là nét, nét truyền cử chỉ,
Từ bên trong thuần túy mà ra,
Hạnh là thiên tánh giao hòa,
Chơn dương hàm thụ chuyển qua xác hình.²*

Do đó, hạnh vốn là bản chất, là thiên tánh và cũng là kết quả của một quá trình giáo dục, uốn nắn của gia đình, của học đường, của xã hội.

Tuy “Hạnh” không nói được bằng lời, không thấy được bằng mắt, nhưng nhìn phong cách ứng xử, lời nói chững chạc, dáng vẻ nghiêm trang chuẩn mực, người ta có thể đánh giá được nét hạnh của một con người. Người tu hành, đạo cao đức trọng thể hiện qua cốt cách hiền hòa, từ ái sẽ dễ cảm hóa được người. Thánh giáo dạy: *“Hạnh là hạnh đức, là hiện tượng của Tâm, của Đạo, hạnh đức sánh như thuyền đưa như sanh qua bể ngạn, vì người không hạnh kiểm thì không ra về người đạo hạnh, còn ai dám lân cận đặng học hỏi điều đạo lý với mình.”*

Thế nên, người thiếu Hạnh, ác tâm thất đức, dẫu cố làm ra dáng vẻ dụ hiền cũng không giầu được ai. Người cần hạnh cũng sẽ không bị dao động trước nghịch cảnh, lúc nghèo khó chịu đựng bền bỉ, lúc giàu sang cũng không huênh hoang với người.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA ĐỨC HẠNH

Tâm quan trọng của đức hạnh ví như vị mặn của muối. Nếu muối không còn mặn thì muối bị bỏ đi.

Có vô số thuật lấy cảm tình của người, thâm phục nhân tâm của người như là thủ thuật 30 giây đầu tiên gây thiện cảm với người khác, nghệ thuật giao tiếp, ứng xử... nhưng xem ra thân giáo là việc khó làm nhất. Khi làm được

những gì mình nói và làm nhiều hơn nói thì những bài học kiệm lời ấy từ nơi người nói mới có tác dụng thức tỉnh và chuyển hóa người nghe mạnh mẽ gấp nhiều lần nói suông.

Truyện Góp Nhặt Cát Đá kể rằng: “Nhiều đệ tử đang theo học thiền dưới sự hướng dẫn của thiền sư Sengai. Một người trong bọn họ thường hay thức dậy ban đêm, vượt tường ra ngoài dạo chơi cho thỏa thích. Một hôm, Sengai đi xem xét các phòng ngủ, thấy một đệ tử vắng mặt đồng thời cũng khám phá ra một chiếc ghế cao mà anh ta dùng để leo qua tường. Sengai bèn dời chiếc ghế ra chỗ khác và đứng thay vào chỗ đó. Khi người đệ tử rong chơi trở về, không hề biết Sengai đang đứng chỗ chiếc ghế, anh ta đặt chân lên đầu thầy và nhảy xuống đất. Nhận ra việc mình làm, anh ta vô cùng hoảng sợ.

Sengai nhỏ nhẹ bảo: Sáng sớm trời lạnh lắm, con hãy cẩn thận kéo bị cảm.

Từ đó, người đệ tử không bao giờ ra ngoài vào ban đêm nữa.”

Sengai Gibon – Tiên Nhai Nghĩa Phạm (1751–1837) là một thiền sư Nhật Bản, thuộc tông Lâm Tế. Cơ phong của truyền thống thiền Lâm Tế xưa nay vốn có tiếng dữ dằn với phát trần, gậy, hèo và cả... đấm, đá nữa. Thiền sư Sengai cũng nổi tiếng nghiêm khắc trong việc trui rèn đệ tử. Vậy mà trong cái đêm đẹp trời đầy “may mắn” ấy của đệ tử, ngài lại quá đổi từ bi.

Thì ra, sử dụng “cây gậy hay củ cà rốt”, điều ấy không quan trọng. Chuyển hóa được lòng người, khiến người phạm lỗi hồi tâm, làm tròn bổn phận và lương tâm của người thầy, mới là điều quan trọng nhất. Một bậc thầy đúng nghĩa phải tìm ra các phương thuốc khác nhau để trị liệu những căn bệnh trầm kha của đệ tử, giúp họ nên người.

Trên đời, nan giải nhất là chuyện dạy người. Nuôi dưỡng và giáo dục họ nên người đã là điều khó, rèn luyện và mài giũa họ trở thành người giải thoát lại càng ngàn lần khó khăn hơn. Trong đời sống thiền môn, thân giáo của bậc thầy có sức chuyển hóa mạnh mẽ đối với đệ tử

2. Đức Giác Minh Thánh Đức, Tam Thừa Chơn Giáo, quyển 1, bài 8.

hơn khẩu giáo rất nhiều lần. Có những bậc thầy hiếm khi dạy những điều cao siêu mà chỉ dạy đệ tử các việc nhỏ nhặt như thở, đi, ăn và ngủ; những vấn đề thấy đã và đang làm. Và chính những điều bình thường ấy đã làm cho người thầy thêm vĩ đại.

Ngày nay, không ít những người mang danh là “hướng đạo” than phiền về đạo hạnh của người khác nhưng có khi nào chúng ta tự hỏi lại mình đã làm được gì cho họ. Hãy đánh thức sự giác ngộ của họ bằng những việc làm cụ thể sáng ngời tuệ giác và từ bi của chính mình chứ không phải là những lời nói suông. Vấn đề là những thể hệ đi trước có tạo được những dấu chân ấn tượng, hằn sâu vào đá, in đậm vào mây, để thế hệ đi sau ngẩng cao đầu tiếp bước hay không?

Do đó, đức hạnh là tiêu chuẩn quan trọng để thực hành sứ mạng do Ông Trên giao phó như lời Đức Mẹ khẳng định:

Hạnh đức đưa con nên sứ mạng,

Tâm tài giúp con trẻ đáo Tây Phương.

Người tu trước nhân sanh phải chịu “muôn mắt trông vào, ngàn tay chỉ trở.” Đặc biệt là người Thiên ân sứ mạng, người hướng đạo. Bởi chức sắc Đầu Tộc Đạo là người thay mặt Hội Thánh tại một địa phương, lãnh lĩnh giáo dân quy thiện, nên từ lời nói, cử chỉ đi đứng, đến hạnh nết tư cách cư xử của người Chức sắc, bổn phận của Đầu Tộc Đạo là phải cố gắng ép mình trong khuôn viên luật pháp để nêu gương đạo đức cho xứng đáng là người thọ mạng lệnh nơi Hội Thánh.

Đạo trưởng Mai Văn Rông, thánh danh là Thanh Chơn, nguyên là Chánh Hội Trưởng tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài và Minh Tra ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Thuở sinh tiền, Đạo Trưởng luôn được nhiều người từ già đến trẻ yêu mến, ngay cả những người khó tính nhất, hung dữ nhất tại địa phương thuở bấy giờ cũng không bao giờ tỏ ra khó chịu với Ông. Mọi người vừa kính mến, vừa tâm phục, Đạo Trưởng nói chuyện, giảng bài luôn thu hút mọi ánh nhìn, tâm tư người nghe. Có lần Đạo

Trưởng Chí Thành – Đầu Họ Đạo thứ hai của Thánh tịnh Ngọc Minh Đài – khoe với chú Thủ tự: “Hôm nay ông Thanh Chơn con giảng bài Kinh Di Đà ở Cơ Quan ai cũng thích hết, yêu cầu giảng thêm nữa.” Vì Đạo Trưởng Thanh Chơn rất dễ thương, từ tác phong đạo hạnh, lời ăn tiếng nói nên ai nhìn cũng có nhiều thiện cảm. “Hạnh là nết, nết truyền cử chỉ; từ bên trong thuần túy mà ra,” tâm đặng mình sáng tỏ mới tỏa đến mọi người chung quanh. Đức Thiên La Đạo Nhơn khen: “*Thanh Chơn hiền đệ! (...) Tệ Huynh mừng cho địa phương Ngọc Minh Đài có được một vị Chánh Hội Trưởng đạo hạnh, đức độ song toàn, cùng đồng hành với kim Đầu Họ Đạo Chí Thành gắn bó với một Ban Cai Quản lành mạnh. Đó là ngọn đèn sáng để cho bốn đạo hướng theo. Sự thiệt mà nói, Tệ Huynh trước kia chỉ có tâm đức đạo hạnh, công tu, chớ tài lãnh đạo điều hành làm sao sánh kịp với mấy em.*”³

Không chỉ có hàng hướng đạo mà mỗi một tín hữu hay chức việc, chức sắc cần tâm niệm mình là một điển hình cho Đại Đạo. Đừng tưởng rằng mình là hạt cát nhỏ vô danh rồi tự ti mặc cảm, thiếu thận trọng như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “*Phải quan trọng hóa sứ mạng cao cả của người tín hữu hoặc chức sắc chức việc cũng vậy. Mình có tự trọng, tha nhân mới trọng mình. Hễ có tự trọng, tất nhiên không cầu thả trong việc xử sự phát ngôn và hành động.*”⁴ Nếu nhân số đạo hữu đông, hình thức trang trí mỹ lệ huy hoàng nhưng thiếu sót cốt cách tác phong đạo hạnh là thiếu sót một điều rất lớn.

Như vậy, đối với tập thể hiển dật còn quan trọng hơn nữa, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “*Tập Đoàn Giáo Sĩ cần phải dạy dỗ các em về tâm hạnh nhiều hơn nữa.*”⁵

Tâm hạnh là chủ đạo trong chương trình đào tạo. Đây là bài học thực hành chứ không phải lý

3. Ngọc Minh Đài, 09–5 Quý Sửu.

4. Ngọc Minh Đài, 23–12 Kỷ Dậu.

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18–10 Kỷ Mão.

luận. Do yêu cầu cao, nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Điều cần nhất, huấn luyện một số nhân tài đức hạnh để tương lai có người kế tiếp và kiện toàn nội bộ, nghiên cứu giáo lý.”⁶

DIỆU DỤNG CỦA CĂN HẠNH

1. ĐỐI VỚI BẢN THÂN:

Thầy đã dạy từ lúc khai Đạo là “*Chung quanh các con, dẫu xa dẫu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng với các con.*” Ất hẳn sẽ có thắc mắc rằng tại sao Đức Chí Tôn, vị Cha Trời hết mực thương yêu con cái của Ngài mà lại cho quý mị, hổ lang cấu xé chính con người. Tuy nhiên, Thầy đã dạy: “*Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyến dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quý dễ dành.*” Có thể nêu lên hai lý do:

– Do luật công bằng Thiêng Liêng. Bên này cán cân do Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng bố hóa dạy dỗ, nhằm giúp con người thăng tiến đến địa vị cao cả; và bên kia cán cân do quý mị cảm dỗ để đày đọa con người đến chỗ trầm luân khổ hải.

– Sự thử thách chính là thước đo trình độ tu học để tiến hóa.

Thầy đã thả một lũ hổ lang xuống thế gian này. Vậy đâu là thiết giáp để bảo vệ chính mình và tập thể?

Theo nghĩa đen, bộ thiết giáp là chiếc áo bằng sắt dùng để che chở, ngăn cản không cho vũ khí đối phương xâm phạm vào cơ thể. Đối với người tu, bộ thiết giáp đó là gì? Hình dạng ra sao? Bộ thiết giáp đó chính là đạo đức, như đã được Thầy dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: “*Song Thầy cho các con mặc một bộ đồ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy nặng, là đạo đức của các con.*”

Muốn bảo vệ được tự thân và gia đình, bên trong phải có tâm đức, bên ngoài phải có đạo hạnh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “*Muốn cho đức được sáng tỏ thì lòng tâm đạo ráng trau giồi, tánh hạnh ráng sửa đường. Đức ấy tự*

nơi thân tâm con người tạo ra mới có, chứ không ai cho được.”⁷

2 ĐỐI VỚI TẬP THỂ:

Trong phần độ tha, tác phong đạo hạnh là bài học thân giáo sống động. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “*Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo làm gương mẫu cho nhân sanh.*”⁸

Lần đầu tiên Đức Phật về thăm cha mẹ sau ngày thành đạo. Cảnh tượng hàng trăm vị khất sĩ khoác cà sa vàng, tay ôm bình bát, lạng lẽ và trang nghiêm đi khất thực trong thành phố đã gây một ấn tượng lớn trong lòng người. Dáng điệu của Phật uy nghi, từ tốn, người Phật như tỏa chiếu hào quang. Phật đang ôm bát đứng trước một ngôi nhà có vẻ nghèo nàn, người đứng trang nghiêm và lạng lẽ, làm như việc xin ăn là việc quan trọng nhất trong đời. Một lát sau, vua thấy một thiếu phụ ăn mặc rách rưới từ trong nhà đi ra, trong tay chỉ có một củ khoai nhỏ. Thiếu phụ quỳ xuống dưới chân Phật rồi kính cẩn đặt củ khoai ấy trong bình bát của người. Phật cũng kính cẩn không kém. Người nghiêng mình đáp lễ thiếu phụ, rồi mới lạng lẽ đi, bước sang ngôi nhà bên cạnh.

Xa giá của vua Suddhodana ra đón Phật còn cách Phật khá xa, nhưng vua bảo ngừng xe để vua xuống đi bộ. Ngài đi thẳng về phía Phật. Phật cũng vừa thấy vua. Hai người tiến lại gần nhau, dáng đi của vua hấp tấp, nhưng dáng đi của Phật vẫn thông dong. Vua biết rằng Siddhatta con mình bây giờ đây không còn là một vị đồng cung thái tử nữa mà đã là một nhà tu, một vị lãnh đạo tinh thần. Vua muốn ôm Phật vào lòng, nhưng biết làm như vậy là không ổn. Cuối cùng vua chấp hai tay nghiêng mình trước người con của mình, theo thể thức một vị quốc vương làm lễ một vị đạo sĩ. Vị võ quan hầu cận cũng bắt chước vua chấp tay nghiêng mình làm lễ Phật.

6. Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu.

7. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển 1, bài “Chường đức”.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-8 Bính Dần.

Quả thật hình ảnh Đức Phật và tăng đoàn khất sĩ làm gương sáng về giới hạnh tập thể. Kết quả tu học của số đông có thể chuyển biến vận mệnh tập thể từ xấu thành tốt. Điều này được Đức Chí Tôn dạy: “*Thiên cơ phải do nơi tâm hạnh của các con mà xây đổi máy huyền vi.*”⁹

NÉT ĐẶC SẮC CỦA ĐỨC HẠNH

Nét đặc sắc đầu tiên của đức hạnh là sự dịu hiền. Điều này là yếu tố xây dựng cho mình và mọi người xung quanh một cuộc sống thoải mái về tinh thần và tình cảm. Sự dịu hiền không có nghĩa là nhu nhược, yếu đuối, ủy mị và dễ sinh ra an phận tự ti, dễ bị lấn áp, dễ bị lôi cuốn. Người hiền dịu vẫn đồng thời là người cương quyết, tự tin, kiên nhẫn. Đại văn hào L. Tolstoi đã nói: “Dịu dàng không phải là nhu nhược, dịu dàng mà vẫn cương quyết là phép bí ẩn của nghệ thuật làm người.”

Nét đặc sắc thứ hai của đức hạnh là tình thương. Làm người, đặc biệt là người phụ nữ mà thiếu đức tính này quả là điều bất thường.

Nét đặc sắc thứ ba, hạnh là sự thể hiện của tâm, đức bên trong chúng ta. Đức Cao Triều Tiên Bối dạy: “*Tác phong đạo hạnh gây sự cảm mến đến hơn tâm giác ngộ. Tâm đức là Bát Nhã Thoàn đưa người qua bỉ ngạn.*”¹⁰

Nét đặc sắc thứ tư, đức hạnh là bất ngôn chi giáo. Sự cảm hóa trực tiếp giữa người tu hành và nhân sanh, không dùng đến lời thuyết hoặc kinh sách. Như lời Đức Mẹ dạy:

*Tiên nhân xưa chỉ đoan sửa tánh,
Mà kết chung nhập thánh siêu phàm,
Nay con đạo hạnh vững cầm,
Dày công tu sửa sẽ làm Phật Tiên.*¹¹

Tu tập đạo hạnh và tâm đức ngay từ lúc mới bắt đầu. Yếu tố thành công là siêng năng công quả học tập, đừng để điều gì làm tổn hao âm đức

mà phải bồi bổ thường ngày, hễ các tánh xấu vừa vọng động dấy lên phải lập tức chế ngự, đừng để nó tự do dẫn dắt, lần lần tánh tốt lộ ra, ăn nói lễ độ, ngồi đứng khiêm nhường, nét mặt hiền hòa, biết xót thương người lầm lỗi, nhẫn nhục để độ kẻ gian, sống một đời sống cộng đồng giản dị. Hạnh tốt làm tăng âm đức và ngược lại, hạnh không tốt làm mòn đức như đá mài dao không thấy mòn mà mòn.

CÁCH GÌN GIỮ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC HẠNH

1. TU THÂN LẬP HẠNH TRONG SINH HOẠT

THƯỜNG NGÀY:

Đầu tiên là phải sống đơn giản. Phải rất thông minh mới có thể sống đơn giản, chứ không phải chỉ hòa theo một kiểu mẫu đặc biệt, dù nó có cái vẻ bề ngoài giá trị. Sự đơn thuần giản dị là nền tảng, là sự chân thật, chỉ đến từ nội tâm, và từ đó, nó tỏa ra ngoài. Làm sao để sống đơn giản, đó mới là vấn đề, bởi vì sự đơn giản đó sẽ khiến cho chúng ta trở nên càng ngày càng nhạy cảm hơn. Có một nội tâm tinh tế, một trái tim nhạy cảm, đó là căn bản, bởi vì có như thế chúng ta mới có thể mau lẹ trực nhận, dễ dàng đón nhận mọi sự.

Người cần hạnh là người biết giữ gìn nét na, người có ý tứ trong quá trình giao tiếp với người khác, cách cư xử phải có thói quen lịch sự.

*Hạnh kiểm phải giữ độ lường,
Chớ làm theo kẻ ngồi đường bán tôm.
Nết đi nết đứng trông nom,
Đi đứng đàng hoàng có kẻ dòm coi.
Đi sao chớ đi đưa thoi,
Đi đứng dịu dàng mới gọi nữ nhi.
Giữ trong hạnh kiểm luôn khi,
Chưa nói mà cười đó là gái lang.*

Do vậy, người cần hạnh phải là người dè chừng thận trọng, có ý tứ trong thái độ ăn, uống, nhìn, mặc, cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi. Sau đây là những điều mà người cần hạnh không nên làm:

– Ăn uống: không ngẫu nhiên, bỏ mứa, phát ra tiếng lớn...

9. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển II, đàn ngày 04-02 Đinh Mão (07-3-1927).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 Nhuận Ất Sửu.

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-8 Mậu Ngọ.

- Nói cười: phải nhỏ nhẹ (ăn nhẹ, nói khẽ.)
- Mặc: không lôi thôi, se sua.
- Đi đứng: không hấp tấp, sửa tướng.
- Nằm ngồi: không ngã nghiêng.

2. GÌN GIỚI QUY, KINH KỆ THÁNH NGÔN, THÁNH GIÁO TRỢ THỦ:

Từ lúc khai đạo, các Đấng Tiên khai soạn Tân Luật đã quy định tiêu chuẩn để trau dồi đạo hạnh là Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy.

*Trọn thân tâm vẹn toàn trong sạch,
Chứa điều lành tư cách đoan trang,
Hạnh tu phải giữ hoàn toàn,
Nhờ gìn giới luật nên trang thiện từ.*

3 GIỮ VỮNG ĐỨC TIN:

Trên bước đường tu, không phải lúc nào cũng suông sẻ. Bởi xây dựng đạo hạnh, dùng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường. Hành giả thường xuyên trải qua nhiều bài thi do: tự chúng ta kháo mình, chủ nợ cũ đến kháo mình, và các Đấng Chơn Sư cũng thử thách chúng ta.

Theo sự tích Thị Kính, Đức Quán Thế Âm đã tu chín kiếp dưới thân phận nam nhân, đạo quả gần trọn xong. Đức Thích Ca Mâu Ni đến chấm điểm, nêu ra đề thi cuối cùng, bằng cách hiện thân một nữ nhi hiền thực thể nguyên kết nghĩa. Đức Quán Thế Âm luôn thị chi bất kiến, thính chi bất văn. Nhưng một sát na sơ sẩy, không làm chủ được tâm liền bị vướng lại ngay. Đức Quán Thế Âm lỡ lời: “Kiếp này đã tu để tu cho trọn, có chằng kiếp sau gặp nhau.”

Khẩu nghiệp ấy khiến Ngài phải tái kiếp thêm một lần nữa:

*Chờ cho kiếp nữa đủ mười,
Thử cho đày đọa suốt đời xem sao.¹²*

Thế là trong suốt kiếp thứ mười, Ngài đầu thai làm nàng Thị Kính chịu biết bao điều oan gia trái chủ. Trải qua thời gian đo đạc lòng tin đạo, trong hương khói của lễ trà tì, Đức Thế Tôn phóng quang từ mây lành và truyền ban đạo quả cho tiểu Kính Tâm: Phi thăng làm Phật Quán Âm tức thì. Nhứt như hành đạo cứu huyền thăng, công đức tu hành của Đức Quán Thế Âm được Đức Thích Ca độ siêu rồi luôn cả cha mẹ.

Vì thế, đi tu trước phải có niềm tin, đức tin vững mạnh, ý chí kiên cường nhận lãnh sứ mạng, “Đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiên Liêng qua linh cơ để giác ngộ khai mê, giúp các em thức tỉnh tiến bước hành đạo phân bốn hoàn nguyên.”¹³

4. GIỮ LỤC CĂN:

(Xem bảng 1)

- Lục căn quay ra ngoài bị lục trần lôi kéo thành lục dục (lục tặc).

- Lục căn quay vào trong sẽ chuyển thành lục thông.¹⁴

Trau dồi đức hạnh ở cả tam nghiệp là thân,

12. Quan Âm Thị Kính truyện.

13. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13-8 Kỷ Mùi.

14. Lục: Sáu, thứ sáu. Thông: sáng suốt biết rõ. Lục thông là sáu phép thần thông của bậc tu chứng quả A-La-Hán theo Phật giáo.

| | Huệ Nhân | Huệ Nhĩ | Huệ Tỷ | Huệ Khẩu | Huệ Thân | Huệ Ý |
|-------------|------------------|-----------------|----------------|---------------|----------------|--------------------|
| Lục thông | Thiên nhân thông | Thiên nhĩ thông | Túc mạng thông | Tha tâm thông | Thần túc thông | Lậu tận thông |
| Lục căn | Nhãn | Nhĩ | Tỷ | Thiệt | Thân | Ý |
| Giữ lục căn | THỦ, KHAI, BẾ | | | | | Chỉ niệm, vô tác ý |
| Lục trần | Sắc | Thanh | Hương | Vị | Xúc | Pháp |
| Lục dục | Nhãn dục | Nhĩ dục | Tỷ dục | Thiệt dục | Thân dục | Ý dục |

BẢNG 1

khẩu, ý. Như vậy người cần hạnh là biết giữ gìn cử chỉ của lục căn¹⁵ bao gồm: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt chẳng nhìn quanh
Tai không nghe lóng
Mũi chẳng ngửi xằng
Miệng không nói khống
Thân chẳng lảng xằng
Ý không vọng động.

Để quán triệt được lục căn, người cần hạnh không nên giữ buồn phiền, khổ đau mà phải tìm cách hóa giải nó như hạnh của đất theo lời dạy của Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Không nói vẫn làm thấy thiên hạ,
Không làm nhưng kết quả ngàn muôn,
Nào ngờ không nói, không làm,
Chứa chan ích lợi, người phạm đầu hay.*

Đức hạnh là một báu vật. Chúng ta phải luôn luôn giữ gìn trân trọng, đừng để bị rơi rớt hay mất đi.

5. THỰC HÀNH VÔ NGÃ KIỂM

Lúc còn đi học, ngoài học lục còn có hạnh kiểm. Hạnh luôn đi đôi với chữ kiểm, các Đấng Thiêng Liêng dạy chúng ta hằng ngày phải làm vô ngã kiểm tự mình xét lại lòng mình không được dối lòng, luôn xem xét mỗi ngày, tự đánh giá và sửa lỗi sai. Như chiếc tàu trên biển cả, phải được định hướng chính xác luôn luôn vì sóng dễ đánh lạc hướng. Việc tự kiểm mỗi ngày chính là xác định hướng chính xác của mỗi người. Đức Cao Triều Phát dạy: *“Phương châm duy nhất cho các em là liên kết tự kiểm và nhận phê trong tinh thần hành động duy tiến.”*

Về phương pháp thực hiện vô ngã kiểm, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy hai cách thức cụ thể như sau: *“Một là, sắm ba cái hộp, một hộp đựng đậu đỏ, một hộp đựng đậu đen. Khi kiểm điểm trong ngày thấy bao nhiêu lỗi thì đếm bấy nhiêu hộp*

đậu đen bỏ vào hộp thứ ba; nếu có bao nhiêu việc tốt thì đếm bấy nhiêu hộp đậu đỏ cũng bỏ chung vào hộp thứ ba. Sau một thời gian tùy theo đậu đỏ nhiều hay ít hơn đậu đen mà biết mình tu tiến hay tu lùi. Hai là, sắm một cuốn sổ tay nhỏ, hai cây bút có hai màu đen, đỏ. Trên cuốn sổ đó hãy chia nhiều hàng theo chiều ngang, nhiều hàng theo chiều dọc. Khi vô tư tự kiểm, thấy rằng trong ngày nay có nhiều điểm thiện, từ tư tưởng, ngôn ngữ đến hành động, thì ghi bút màu đỏ bằng một chấm hoặc khoanh tròn nhỏ. (...) Ngược lại, khi vô tư tự kiểm, nếu thấy mình có những tư tưởng, ngôn ngữ, hành động nào có vẻ bất thiện, thì ghi theo thứ tự mỗi cột bằng bút mực màu đen và đồng thời ghi sang bản đồ bên trang kế theo sự trôi sọt của nó. (...)”¹⁶

KẾT LUẬN

Có câu “Ngọc bất trác bất thành khí.” Nghĩa là ngọc không mài giũa trau chuốt thì không thể sáng được. Đức hạnh cũng vậy, cần có thời gian, môi trường để được đào tạo, trui rèn. Luôn phải được giữ gìn quán xét từng sát na, phải tu, phải tập, phải hành mới nên tài, nên đức.

Đức hạnh chính là bộ thiết giáp hữu hình bảo vệ người tu vượt qua các khó khăn, trở ngại khảo đảo. Người cần hạnh là người đức độ đáng kính, tác phong thanh nhã, làm toát lên phẩm chất của người tu. Hành giả có tánh hạnh mới nên người con ngoan của Đức Chí Tôn và đủ đức hạnh mới tự độ và độ tha.

Tu tập cần hạnh là cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ, mình tự thắng chính mình, cuộc chiến thắng quyết định trong mỗi đời người. Tu tập cần hạnh là tu sửa bước đầu của tư tưởng, tiếng nói, cử chỉ, hoàn thiện từ ngoại thể đến nội tâm hành giả suốt cả đời tu. Các Đấng Thiêng Liêng đã trao đủ giáo lý, giáo pháp và chờ đợi vô ngã kiểm với kết quả tốt đẹp của hành giả. ■

15. Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ. Mắt muốn nhìn đẹp, tai muốn nghe hay, mũi muốn ngửi thơm, lưỡi muốn nếm ngon, thân xác muốn sung sướng, ý nghĩ muốn vui.

16. Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970): Đức Quan Âm Bồ Tát dạy nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý làm vô ngã kiểm.

■ ĐẠT TƯƠNG

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN.

2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ.

3. PHƯƠNG TIỆN:

Tùy theo sắc lệnh dạy thủ cơ hay chấp bút, phương tiện được sử dụng là “Đại ngọc cơ” hay “Bút”. Trong Cao Đài giáo cũng còn có một phương tiện thông công khác ít đạo hữu biết đến đó là “Huyền bút cơ”.

A. THỦ ĐẠI NGỌC CƠ:

Chúng ta lưu ý đến cách dùng từ của Đức Chí Tôn trong đàn ngày 03 Janvier 1926 còn lưu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển thứ nhất: “Thủ cơ – chấp bút”.

Khi thủ cơ thì dùng Đại Ngọc Cơ hay Cơ Loan: Theo lời dạy của Đức Thất Nương cho 3 ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, các ông phải tìm Đại Ngọc Cơ. Đó là một dụng cụ trông hình dáng như chòm sao Bắc Đẩu¹. Sự tích về Ngọc Cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ được ghi nhận lại trong quyển Đạo Mạch Truy Nguyên của tác giả Huệ Chương.

“Khi ấy, Thất Nương bèn biểu mấy vị phải trai giới ba ngày và tìm choặng Ngọc Cơ cấu Lịnh Bà mới chặng.

Mấy ông không hiểu Ngọc Cơ là chi, chú tư tôi xin cô chỉ dạy. Cô bèn vẽ hình Ngọc Cơ rồi giải

1. Một ít tài liệu viết là chòm Đại Hùng. Thật ra, theo thiên văn học Âu tây, chòm sao Bắc Đẩu gồm 2 chòm Đại Hùng và Tiểu Hùng. Mỗi chòm đều có 7 ngôi sao trông giống như cái soong có cán, nhưng sao Bắc Đẩu ngự ở vị trí chót cán của chòm Tiểu Hùng. Tất cả các vì sao trong thiên cầu đều chuyển động xoay quanh sao Bắc Đẩu. Như vậy Ngọc Cơ có hình dáng của chòm Tiểu Hùng, đầu ngọn bút cơ là vị trí sao Bắc Đẩu, là nơi từ đó Đức Chí Tôn phát ra những lời dạy đạo lý.

nghĩa và dẫn rõ căn cội buổi xưa, lấy hình trạng ngôi sao Bắc Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò cơ cho mấy ông...”

Đại Ngọc Cơ gồm một chiếc cần dài gần 7 tấc² làm bằng cây dâu tằm hay cây dương liễu, gắn vào một chiếc giỏ được đan bởi 28 ngọn trúc và bọc vải màu vàng.³ Đầu tận cùng của cần cơ được chạm khắc hình đầu chim Loan (nên gọi là phò loan) bên trên có lỗ để cắm nhang, bên dưới gắn⁴ một đoạn dây mây ngắn như cây bút.

Từ khi được dạy phải chuyển từ phương pháp “Xây Bàn”⁵ sang thủ Đại Ngọc Cơ (Trung Thu Ất Sửu 1925) thì Đại Ngọc Cơ dần dần trở thành phương tiện thông dụng nhất trong

2. Trong một lần trả lời phỏng vấn của chúng tôi vào đầu năm 2008, vị Thượng Chánh Phối Sư – Minh Chơn Đạo tại Cà Mau có dùng danh từ “Cơ Rùa”. Điều này đã giúp chúng tôi liên tưởng đến hình ảnh một loại ngọc cơ đã được Đức Ngô sử dụng có hình dáng như mai rùa được đan bằng sợi mây.

Ngọc Cơ được Đức Ngô Minh Chiêu dùng, hiện nay còn được lưu giữ ở đàn Cái Khế – Cần Thơ và tại tư gia của Ngài ở Tân An. Hình dáng của Ngọc Cơ xưa ấy (trước khi Cao Đài Giáo xuất hiện) có hình dáng giống như con rùa: bầu cơ đẹp cao khoảng 6 cm, cần cơ ngắn – dài khoảng hơn 1 tấc tây. (Xin xem hình)

3. Về sau cũng có ngọc cơ được bọc vải màu xanh da trời.

4. Như trục đòn gáo có gắn một đoạn gỗ ngắn để lên dây.

5. Xây Bàn là phương pháp thông linh học của Âu Châu được chú vị Tiên Khai Đại Đạo: Cư, Tắc, Sang sử dụng lúc ban đầu để tiếp xúc với cõi vô hình.



ĐẠI NGỌC CƠ.

việc thông công cùng các Đấng Thượng Đẳng Thiêng Liêng.⁶

Sau đây là kích thước một Đại Ngọc Cơ của Chiếu Minh:⁷

“Cảnh! Thấy giao cho trò làm một cây Ngọc Cơ. Cán bằng cây liễu. Làm thường thôi! Thấy không muốn chạm trở chi hết.

Cán: dài sáu tấc sáu (Tây) (0,66m).

Bội: Bề kính tâm ba tấc ba (0,33m).

Cao hai tấc tư tây (0,24m).⁸

Trên vẽ Thiên Nhân có Nhựt Nguyệt Tinh, sau ngay đốc cơ vẽ bài vị Tam Thanh. Làm giấy vàng thôi.”⁹

Về sau, chúng ta thấy có thêm loại Đại Ngọc Cơ thay vì ở đầu cần chạm khắc đầu chim loan nhưng được thay bằng đầu rồng. Thí dụ:

“Còn Thông Quang hiển nhân! Với nhiệm vụ Đầu Tinh Đạo là một đàn anh dìu dẫn đàn em trên hướng đi, hiển đã tạo được những công đức lưu truyền mãi ngàn sau. Địa khá khen thay! Hôm nay, Địa gởi cho hiển một phần công quả là tạo hai Ngọc cơ: một chạm hình rồng, một chạm hình chim phụng để dùng trong bộ phận.”¹⁰

Với Đại Ngọc Cơ của nhóm tu vô vi tâm pháp, như đoạn Thánh giáo trên cho thấy có sự chế giảm về hình tướng nên không có “chạm trở chi hết”.

Cho đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm được bản Thánh giáo nào bên cơ phổ độ dạy về kích thước để làm một Đại Ngọc Cơ. Ngoài ra, chúng ta cũng ghi nhận thêm một thông tin khác về

hình thức chạm trở trên cần cơ. Trong Hồi Ký Thanh Long có đoạn:

“Hôm ấy đủ mặt các anh em lại thêm có Anh Lớn Lê Kim Ty, anh em mới đưa ra ý kiến xin lo chu tất lộ phí cho đoàn sứ giả truyền đạo Trung Kỳ và tặng cho đoàn sứ giả mỗi người một bộ bà ba, một áo dài vải trắng, một áo vải dài ú đen, một nón trắng và một đôi giày bố trắng.

Anh Tư Ổi thay mặt số bốn đạo Bồng Lai đích thân xin chạm cần cơ có hình Long, Phụng, Quy, Lân và một cần cơ có hình chim Phụng dành cho đàn cơ nữ phái để tặng cho đoàn truyền giáo hai Đại Ngọc cơ và tất cả anh em Đại Thanh mời Anh Lớn Lê Kim Ty chiều ngày 14 tháng 9 đến Đại Thanh dự buổi tiệc tiễn hành và đêm rằm sẽ lập đàn cơ lần chót để lãnh nhiệm vụ sáng ngày 15-9 Giáp Tuất (1934) lên đường truyền đạo Trung kỳ.”

Tóm lại, Đại Ngọc Cơ bên Phổ Độ đầu cần cơ ban đầu có hình thức chạm trở đầu chim loan nhưng về sau có thêm những hình thức khác như rồng hay chim phụng. Còn Đại Ngọc Cơ bên Vô Vi, khởi đầu là loại cơ có cán ngắn không chạm trở và bầu cơ đẹp (Cơ rùa), khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xuất hiện thì dùng Đại Ngọc Cơ có hình thức tổng quát giống như bên Phổ Độ nhưng trên đỉnh bầu cơ có núm.

B. TIỂU PHỤNG CƠ:

Để tập luyện Đồng Tử, có khi Ôn Trên không cho dùng Đại Ngọc Cơ mà dạy phải làm một dạng cơ khác tương tự như Đại Ngọc Cơ nhưng với kích thước nhỏ hơn. Thí dụ sau cho thấy điều này.

• *“Vây giờ điểm truyền về phần hành sự: Hải Thần hiển đồ tạo một Tiểu Phụng Cơ để kịp thời tập luyện Chơn Đồng. Hiển nên cấp tạo, sẽ thọ lệnh Thiên hành đó hiển đồ.”¹¹*

• *“Huệ Đăng bạch: “Về việc tạo Tiểu Phụng Cơ, xin Tôn Sư từ bi cho thước tấc để chúng đệ tử làm y theo Thiên ý.”*

Về Tiểu Phụng Cơ như lệnh Tôn Sư truyền trước. Về trường ngũ thốn tứ phân tức là 5 tấc 4.

6. Theo các lời phát biểu của một số vị Tiên Khai Đại Đạo còn ghi lại trong quyển Đạo sử Xây Bàn của Bà Đầu Sư Hương Hiếu, có thể nói rằng sau ngày 02-01-1926 “Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo”, phương pháp Xây Bàn đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của nó trong cơ cứu độ Kỳ Ba.

7. Tài liệu này được lấy từ trang web Cao Đài Giáo Lý online.

8. Tuy nhiên, trong thực tế chúng ta lại thấy một hình chụp ở một đàn Chiếu Minh với nhiều Đại Ngọc Cơ có bầu cơ na ná như trái bầu.

9. 18-11 Giáp Thìn (1934), Thấy nơi đây là Đức Ngô Minh Chiếu.

10. Đức Linh Quang Thổ Địa, Thánh tịnh Thiên Trước Ô Môn - Cần Thơ, Ngọc thời, 01-4 Quý Sửu (03-5-1973).

11. Đức Đông Phương Chương Quản, Huồn Cung Đàn, 08-11 Tân Hợi (25-12-1971).

Về phần nội kính nhứt thốn ngũ phân. Về phần vỏ cơ bán kính 1 tấc 5 phân, chiều cao 12 phân. Khá hoàn thành cho kịp giờ thọ sắc.”¹²

C. CHẤP BÚT:

– Các tài liệu sử còn để lại cho chúng ta thấy hình thức “chấp bút” đã sớm hiện diện trong lịch sử cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron trong quyển sách của mình viết năm 1938 có đoạn ghi lại lời của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc như sau:

“Ngài Phạm Công Tắc, vị lãnh đạo cao cấp của đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân, Tòa Thánh Tây Ninh, gởi ông Chủ nhiệm nhật báo La Vérité, Nam Vang.(...):

“Vào một buổi chiều tối của tháng 11, bạn tôi lặp lại cho tôi nghe nhiều lần sự huyền diệu của cái bàn xây mà cậu đã học trong các tác phẩm của những vị chủ xướng Thần linh học Pháp mà ngày nay đã mất: Allan Kardec và Léon Denis. Bấy giờ tôi tỏ ra một nghi ngờ quả quyết trên sự xác thực của các hiện tượng này, thách đố cậu ta thử thí nghiệm. Tức thì cậu dẫn tôi đến nhà của vị cầm đầu chánh thức của trường phái thần bí mới được phát sanh, mà diễn tiến về sau có ảnh hưởng lớn đến sự thành lập và phát triển đạo Cao Đài: phái ấy tự xưng là “Minh Lý Đạo” có thể dịch nghĩa từng chữ: con đường của lẽ phải rõ ràng.

Tôi yêu cầu tham dự một đàn cơ quan trọng, ông Âu Kịch, người được kính mến nhứt của nhóm, lo sửa soạn đàn cơ này.

Trên một cái bàn dùng làm bàn thờ, ông Âu Kịch cắm 9 cây đèn cây theo hình tam giác. Sau diễn biến này, ông giải thích cho tôi biết, số 9 mà sự sắp đặt theo hình học đó bao hàm con số 3 (thật vậy, 3 góc trong tam giác) có một sự quan trọng tượng trưng, chỉ có những người đã thọ giáo mới có thể hiểu được. Lúc đó, các lễ dâng cúng khởi sự liên tiếp. Những tín đồ của nhóm làm lễ trước bàn thờ, ông trưởng nhóm Âu Kịch quỳ ở chính giữa. Họ tụng kinh cầu nguyện Đấng Thượng Đế và các

Đấng Thiêng Liêng. Sau khi dâng hiến tâm hồn thì tiếp theo là lễ dâng hoa, dâng rượu và dâng trà. (...)

(...) thành linh, người đứng đầu vẽ trong không khí những cử động lạ thường với cánh tay mặt của ông. Tất cả đều im lặng như bị phù phép. Ông Xung nói vào lỗ tai tôi rằng các Đấng Thiêng Liêng sắp thông công qua trung gian của ông Âu Kịch. Thật vậy, ông Âu Kịch cầm một cây bút chì lớn mà người ta đặt trước trên một cái bàn nhỏ với giấy trắng, tự đặt mình phận sự viết lại những lời nói thiêng liêng, đôi mắt nhắm lại. Người ta giải thích cho tôi biết rằng, ông ấy là Đồng Tử được các Đấng Thiêng Liêng ưa thích, được tôn kính bởi các tín đồ, rằng Đức Quan Âm Bồ Tát đã để tặng cho tôi, nhờ bởi phương cách của người đầu nhóm này.”

– Quá trình phát triển cơ bút trong Tam Kỳ Phổ Độ cho chúng ta thấy có ba hình thức chấp bút: “Chấp bút nhang”; “chấp bút viết ra chữ trên giấy” và “chấp bút viết bóng”.

Trong giai đoạn sơ khai, hình thức chấp bút nhang đã được Đức Chí Tôn thực hiện trong một số nghi thức như: nhập môn, giải bệnh, trấn Thần, v.v. Thí dụ:

• “(...) Sau khi Thấy nhập vào ông Cao Thượng Phẩm rồi, Thấy cầm nhang bước lên bàn thờ (...). Đem đàn long trọng và tôn nghiêm ấy, Thấy thân nhận tất cả 19 người (...). Chính Thấy cầm nhang vẽ bùa lên đầu mỗi người quỳ xuống tuyên thệ (...)¹³

• “Nguyễn Văn Tự:

Kêu mưa Thấy buộc rưới mưa vào,

Ngặt hạnh chưa nên biết tính sao;

Rõ nổi nhà thung gìn đức cả,

Nên toan tiếp trẻ khỏi ba đào.

Cư, chấp bút nhang đặng Thấy giải tà cho nó.

Trung, con viết thơ cho Ba Thảo – Mỹ Tho đặng nó lên hốt thuốc cho Tự nghe à.”¹⁴

Trong một số trường hợp đặc biệt, người chấp bút viết trực tiếp những lời được Thiêng Liêng chỉ dạy ngay trên giấy. (khi đó cũng không

12. Đức Đông Phương Chương Quân, Tam Thanh Bửu Điện, 15–11 Tân Hợi (01–01–1972).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 1: Khai Đạo, Hà Nội: NXB Tôn Giáo 2005, tr.239.

14. Samedi 27 Novembre 1926 (23–10 Bính Dần)

có Điển Ký). Hình thức này thường được dùng dạy riêng việc chi đó cho một số ít người thuộc hàng ngũ lãnh đạo. Chúng ta tham khảo một đoạn Thánh giáo lúc mới Khai Đạo, tại đàn Tân Định¹⁵ nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ:

“Con Thơ. Con ráng tập chấp bút cho Thầy chỉ vẽ cho.

Thơ nghe: khi con ngồi mà tập thì Thân con cho tĩnh. Chẳng nhớ chi hết. Khi Thầy giảng thì làm cho con khó chịu một chút, rồi Thầy dạy con viết. Muồng tượng như con đặt ra vậy mà không phải đặt đầu. Thầy đưa Thân con theo Thầy lên không, đặng Thầy dạy nó viết chữ chi thì nó viết theo, chớ nó không biết gì hết. Khi ấy con hơi khó chịu như điển dính tay con vậy. Ấy là Thầy giảng, song con đừng có lòng sợ thì Thầy mới dễ giảng.

*Đãi! Con lấy 9 cây nhang đặng Thầy làm phép trấn Thân cho nó.”*¹⁶

Hai ngày sau, ông Thơ chấp bút tại nhà của mình. Sau khi dạy Đạo, Thầy dạy riêng cho ông Thơ:

*“Thơ... Con khá nghe lời Thầy, việc bút cơ là việc lớn trong Đạo nên khi nào phò cơ chấp bút phải diệt tận phàm tâm, đừng lo lượng điều chi trong trí của con. Phải biết dùng cái chí Thánh chí Phật của con mà làm cho xứng đáng cái vai tướng mà Thầy đã định... Lịch, con truyền Đạo cho Thơ rõ.”*¹⁷

Tự tay mình viết ra với nét chữ quen thuộc, Ngài Nguyễn Ngọc Thơ khi ấy rất tin tưởng để tích cực hành đạo và sau được Thiên phong Quyền Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh.

Lịch sử hình thành Cao Đài giáo ghi nhận việc Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol có đến thăm và tìm hiểu tôn giáo mới Cao Đài vào đầu tháng 10 năm 1926, sau khi tiếp đón phái đoàn Cao Đài do Ngài Lê Văn Trung dẫn đầu đến trình báo “Khai Tịch Đạo”. Ông Le Fol đã được Ngài Ngô Văn Chiêu đồng ý

để ngồi chấp bút trước sự chứng kiến của bà Le Fol. Những bút tích còn lưu lại trên giấy do chính tay Thống Đốc viết báo tin sẽ nhận được tin buồn người thân quá vãng bên Pháp quốc. Ít ngày sau, có tin đến đúng như thế. Việc này đã có ảnh hưởng lớn đến quan điểm và thái độ mềm dẻo của Thống Đốc Nam kỳ với các hoạt động sau đó của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: chư vị Tiên Khai vâng lệnh Thầy đi phổ độ lần thứ nhứt tại Nam kỳ lục tỉnh trong vòng một tháng đã thu nhận được hàng ngàn tân tín đồ và Đại Lễ Thánh thất (Khai Minh Đại Đạo) được tổ chức ở Tây Ninh kéo dài ba tháng với kết quả thu nhận thêm bốn vạn tín hữu Cao Đài cùng căn bản đặt được nền tảng luật pháp (Pháp Chánh Truyền và Tân Luật) cho Đại Đạo.

*“Nhưng cây bút phải là cây bút chì, đặng điển thiêng liêng chạy vòng trong cây bút mà không đụng đến tay người chấp bút thì mới viết dễ dàng được.”*¹⁸

Chi tiết lời dạy này của Đức Cao Thượng Phẩm làm chúng ta nhớ đến chi tiết lời của Đức Hộ Pháp cũng có nhắc đến cây viết chì cầm trong tay ông Âu Kịch. Nhưng về sau, giữa thế kỷ 20, khi khoa học kỹ thuật tiến bộ tạo được cây bút bi có thể dùng viết được nhiều trang mới cạn mực và khó bôi xóa hơn viết chì thì có những vị khi chấp bút dùng luôn cây bút bi.

Ồn Trên dùng hình thức “chấp bút viết bóng” khi muốn dạy pháp môn cho một ít tịnh viên.

Đôi khi trong một đàn cơ, khi dạy thay đổi Đồng Tử, đồng thời Ôn Trên dạy chuyển sang chấp bút. Thí dụ:

*“Chư đệ muội thành tâm tiếp Ngô Đại Tiên sau khi xả đàn. Bản Đạo chứng minh việc làm của chư đệ muội cùng tâm nguyện. Tái cầu, Đồng Tử Hồng Mai chấp bút.”*¹⁹

Có một thời kỳ để tiện lợi gọn gàng cho việc đi lại thi hành sắc lệnh lập đàn, Ôn Trên cũng dạy chấp bút trong những đàn thông thường.

– Cố Đạo Trưởng Huệ Lương có viết:

15. Khi xưa là biệt thự số 439 Paul Blanchy góc đường Champagne. Là góc đường Hai Bà Trưng – Lý Chính Thắng (Yên Đổ, trước 1975), quận 3, T.P.HCM.

16. Đức Chí Tôn, TNST 1, tr.40, 26–6 Bính Dần (04–8–1926).

17. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn chép tay Thái Thơ Thanh, tờ 128 b; 28–6 Bính Dần (06–8–1926).

18. Đức Cao Thượng Phẩm, Thánh Ngôn Sưu Tập III số 53, 04–11 Canh Dần (12–12–1950).

19. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Đức Tu Viện, 27–01 Canh Thân (13–3–1980).

“Sự chấp bút được dùng để tiếp bài cơ bí diệu mà đại chúng không được phép biết. Có nhiều khi cầu Đại Ngọc Cơ làm Đồng Tử mệt quá nhiều và, trong trường hợp ấy, Đại Ngọc Cơ được thay thế bằng cây bút gỗ đầu như búp sen chưa nở, đầu trên có chạm hoa sen có chỗ cắm nhang.”²⁰

Toàn thể cây bút được sơn sơn thép vàng, dài độ hai tấc tây, lớn hơn ngón tay cái. Với cây bút ấy Đồng Tử viết chữ bóng trên bàn có rưới nước cho dễ đọc và trước mặt một số đông người hầu đàn.”²¹

Có một dạng Bút khác làm bằng “Đồng phương trước” được dùng cho việc chấp bút học pháp tịnh luyện đã được Đức Đông Phương chỉ dạy:

“Đây Bản Đạo sắc lệnh Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương, Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn cùng Đồng Tử Hoàng Mai hãy chuẩn bị sắp xếp để khi được lệnh tịnh nơi nào thì đến đó mà nhập định nghe.(...). Đồng Tử Hoàng Mai sẽ giúp cho nhị đệ phần tiếp xúc giữa Bản Đạo và nhị đệ trong việc hành pháp và chấp bút.

Phải tìm một cành Đông phương trước để làm cây bút cho Đồng Tử nghe. (...)

(Bảo Pháp Chơn Quân bạch về Đông phương trước...)

Là cành trúc hoặc cành tre mọc ngã về hướng dương tức là hướng đông. Khi thái dương hiện rõ, thì cành trúc ấy đã hấp thụ ngay ánh thái dương hoàn toàn.

Dùng cành trúc ấy cho tiện phần tiếp diễn trong khi tu tịnh. Hiền đệ còn điều gì không biết nữa chăng?”²²

– Một vài đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta tham khảo vài trường hợp được lệnh dạy chấp bút:

• “Vậ xả đàn an nghỉ, Tuế Tinh Tử sẽ chấp bút về Chơn cơ khẩu khuyết cho các môn sanh.”²³

20. Tuy nhiên với cây bút mà chúng tôi có chụp hình được thì đầu trên không có chạm trổ cũng như không có chỗ cắm nhang. Vậ chi tiết này không quan trọng.

21. Huệ Lương (1981 đặc vị Quảng Đức Chơn Tiên), Cao Đài Giáo Lý số 76, tr. 25.

22. Đức Đông Phương Chương Quán, Ngọc Minh Đài, 01–11 Bính Ngũ (12–12–1966).

23. Đức Nam Cực Tiên Ông, Thánh Giáo Dạy Đạo 66, Ngân Hoa Đài, 01–10 Đinh Dậu 1957.

• “Bảo Pháp Chơn Quân chào chư hiền đệ hiền muội. Bồn Huynh vàng lệnh Đức Lão Tổ đến giờ này để dạy mấy việc như sau:

1. 9 giờ đêm mừng 6–7, Đồng Tử Thanh Thủy chấp bút tại Minh Đức Tu Viện. Đàn đặc biệt cho tịnh viên.

2. 9 giờ đêm mừng 9–7, Đồng Tử Hồng Mai chấp bút tại Vĩnh Nguyên Tự cho tịnh viên. Hiền muội Bạch Tuyết và hiền đệ Huệ Chơn lãnh phận sự thi hành lệnh này.”²⁴

• “Việc Đồng Loan hiện chưa có người, Bản Đạo ấn định mỗi năm có hai kỳ đàn thường lệ: Rằm tháng Giêng và Rằm tháng Bảy. Nếu có việc riêng, cầu đàn sẽ mượn Đồng Tử các Hội Thánh.

Gặp phải những điều khó khăn cấp bách, như ý không quyết định nổi, Thanh Long chấp bút.”²⁵

D. HUYỀN BÚT CƠ:

Là hình thức thông công rất đặc biệt với phương tiện là ngọn bút được treo lơ lửng trên mặt bằng mẫu tự.

Được nghe kể rằng hình thức “cơ treo” này đã được sử dụng ở Hội Thánh Minh Chơn Đạo, nơi Thiên Lý Mật Truyền của Hội Thánh Ban Chính Đạo, tại Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất (Tam Giáo Điện Minh Tân).

Tuy nhiên, chỉ có hình thức Huyền Bút Cơ tại Minh Tân mới tương đối còn đầy đủ vật chứng, nhân chứng²⁶ và tài liệu Thánh giáo! Hình thức này đã được Đức Chí Tôn ân ban cho thực hiện vào năm Mậu Thân 1968.²⁷

(CÒN TIẾP).■

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–7 Nhâm Tý (19–8–1982).

25. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đài, 10–8 Quý Mão (27–9–1963).

26. Đạo trưởng Chí Hùng ba của tỷ Kim Trinh, huynh Huệ Nhân, tỷ Kim Dung... và Đạo trưởng Thiện Chơn ba của huynh Huệ Ý (ông ngoại Đạt Tường) là những vị có duyên hân hạnh được dự phần trực tiếp hộ điển trong bộ phận thông công Huyền Bút Cơ tại Tam Giáo điện Minh Tân.

27. Xin xem chi tiết về Huyền Bút Cơ trong tập sách chủ đề “Một Dạng Huyền Bút Cơ Trong Tam Kỳ Phổ Độ”. (Tiểu luận thi tốt nghiệp khóa học Phó Ban lần thứ nhứt tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý năm 1997).

KỶ NIỆM 60 NĂM ĐẠI LỄ CHƠN GIÁC ĐỒNG ĐẰNG RẼM THÁNG 7 QUÝ TỶ 1953 – 2013

■ ĐẠT TƯỜNG

Sau Đại hội Phong Thần Vô Vi nơi Thánh tịnh Hòa Minh Trước Cảnh – Cái Bè, Tiền Giang vào Rằm tháng 5 Quý Tỵ – 1953, chư vong linh Cửu Huyền Thất Tổ của đạo hữu được hưởng đại ân xá dữ bằng Phong Thần siêu thăng thượng cảnh, Đức Đại Tiên Thượng Công Lê Văn Duyệt thay mặt Thiêng Liêng ban ân mở Đại hội Chơn Giác Đồng Đẳng nơi Thánh cảnh Cao Minh Quang – Tam Thanh Bửu Điện thuộc làng Khánh Hậu, huyện Tân An, tỉnh Long An. Tài liệu Thánh giáo liên quan, ngày nay còn được lưu giữ trong hai tập số 19 và số 20 trong bộ Thánh Giáo Dạy Đạo của Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất tại Tam Giáo Điện Minh Tân.

SẮC LỆNH TỔ CHỨC

1. TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CHƠN GIÁC ĐỒNG ĐẰNG:

Khởi đầu, trong đàn lệ ngày 29 tháng 6 Quý Tỵ – 1953 tại Tam Giáo Điện Minh Tân, văn phòng Trung Ương, Đức Lê Đại Tiên sắc lệnh cho Ban Chương quản và quý đạo tử của Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất cùng Ban Cai quản Tam Thanh Bửu Điện:¹

“Lê Văn Duyệt, Lão Thượng Công...”

Nay chiếu theo kỳ Đại hội Phong Thần Vô Vi, nơi Hòa Minh Trước Cảnh đã đem lại một sự kết quả về mặt vô vi, siêu thoát hồn linh Cửu Huyền hưởng cảnh thì Lão chạnh nhìn lại còn bao nhiêu những linh hồn vì non sông Tổ Quốc hay là vì phận sự đạo-

1. Thánh Giáo Dạy Đạo 19, Hườn Cung Đàn, 29-6 Quý Tỵ, tr. 06 & 07.

đòi chưa am hiểu máy tuần hườn mà luân trăm, chưa đúng ngày đúng tháng, hồn linh vẫn vật vờ kêu ca rên siết. Vậy phận sự chư hiền hướng đạo thiện chương ngày đêm đã làm sự lành sự phải thì chư hiền cũng nên góp lại một đức tin để vọng cầu siêu rồi.

Nay nơi Tam Thanh Bửu Điện đã đúng kỳ phán định lập CHƠN GIÁC ĐỒNG ĐĂNG. Vậy chư hiền dù nam hay nữ cũng phải để chút tinh thần mà vọng cầu cho nhơn loại. (...)

Kỳ Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng khác hẳn với quan niệm như các kỳ đại hội mỗi nơi. Trái lại, Thiêng Liêng chỉ giục thúc cho chư hiền nơi ấy đem cả trí lực thúc câu để khuếch trương ngày đại hội chẳng dụng của tha phương hỷ cúng (...)

Về phần nữ phái, Bạch Lan, Hồng Liên, Bạch Cúc cần chú chăm về sự đôn đốc việc trừ phòng nơi Đại hội cho chu đáo và cần kiệm những sự tốn kém của nhơn sanh nghe.”

Ngay sau đó, Đức Mẹ dạy lập đàn riêng vào hôm sau, mùng 01-7 ở Tam Thanh Bửu Điện, để dạy việc tổ chức đại hội đồng thời Mẹ cũng dạy Ban Chương quản phải tuyên truyền kịp thời cho các Thánh thất, Thánh tịnh có sinh hoạt trong Cơ Quan này hay tin để cùng tham dự cho đại hội thêm phần long trọng.

“Vô Cực Từ Tôn Điều Trì Kim Mẫu, (...)

(...) phận sự Tuế Tinh, minh nhựt Ngọ thời thủ cơ nơi Tam Thanh Bửu Điện đặng Thiêng Liêng dạy phận sự Đại hội sắp kê đây.

Vậy chiếu theo sắc lệnh ngày Đại hội Đồng Đăng nơi Tam Thanh Bửu Điện thì phận sự hướng đạo của mỗi con cần tuyên truyền Thánh lệnh mỗi nơi cho các con đến dự hội cho có phần long trọng nghe các con, khá hiểu (...)²

Sau đàn cơ dạy việc tổ chức đại hội tại Thánh tịnh Tam Thanh vào trưa mùng 01-7 Quý Tỵ, một tuần sau Đức Lê Đại Tiên ban tiếp sắc lệnh cụ thể về chương trình hành lễ:

2. TỔ CHỨC THUYẾT ĐẠO VÀ ĐẠI HỘI HIỆP THIÊN ĐÀI TAM GIANG³:

“Lê Đại Tiên, Lão Thượng Công (...) đòi phận sự Ban Chương Quản thính lệnh.

Giờ nay sắp đến kỳ khai Chơn Giác Đồng Đăng Đại hội nơi Tam Thanh Bửu Điện thì phận sự chư hiền cũng có một trọng trách để đem đức tin lại cho hương ấp thôn lân nơi ấy. Hai nữa là khuếch trương mầm mống của cơ Thống nhứt. Vậy theo lệnh, giờ nay Lão ban cho chương trình cuộc Hội.

Chương trình ngày thập ngũ (...)

Ngày 16-7 (...)

Đó là Lão cho ngày đầu tiên chương trình hành lễ, còn hai ngày chờ đàn cơ Tỵ thời sơ thập sẽ có lệnh dạy thêm.

Về chư hiền thuyết pháp thì Thiên Khôi đã có lệnh định giờ, những giờ phụ thuộc thì cần có những hiền diễn giải lý đạo thêm. Vậy Mặc Khách, Mỗi, Chơn Tâm thì phương tiện mà sắp phân. Đây là Lão Thượng Công để cho chư hiền lựa để mà diễn giải.

Về phần Ban Liên Giao, thì Kiến Tâm cũng nên thay mặt Ban Liên Giao để đem giáo lý mà phô diễn.

Khi phướn làm xong, lập đàn cơ trấn thần nghe. Trước khi thượng phướn, Hiệp Thiên Đài cầu nguyện, xong Tuế Tinh bưng phướn. Huỳnh Đức rút phướn, Huệ Đức nâng phướn. Kiến Tâm, Kiến Minh đỡ phướn. Cả thầy nam nữ đồng cầu nguyện, đọc bài Thượng Phướn, kể đọc bài Cầu an.

Những bài cầu nguyện về kinh cúng Chiến sĩ hồn vong thì Lão Thượng Công giao phần Bạch Sắc sao lục đầy đủ của từ xưa ban bố mỗi khi Đại hội. Ngày ấy đem đến cho Thanh Niên cùng Thanh Xuân tụng đọc.

Vậy chiếu theo lệnh phán thì thập nhựt Bạch Sắc, Tuế Tinh phải đến nơi an dưỡng hầu theo Long Chu Lục Hoàn, theo lệnh dạy vừa qua nghe. Khi thuyên Thủy Lục khởi hành thì nam

2. Thánh Giáo Dạy Đạo số 19, Hườn Cung Đàn (Minh Tân), 29-6 Quý Tỵ (1953), tr.17.

3. Thánh Giáo Dạy Đạo số 19, Ngọc Chấm Đàn (Gò Vấp), 07-7 Quý Tỵ, tr. 25.

nữ thay phiên để tụng đọc cho có cảm giác độ rồi chơn vong.

Hai nữa, lập đàn cơ Ôn Trên ân xá Chơn vong lai đàn chuyên văn. (...)

Đàn thập tứ nơi Huồn Cung Đàn đình, để cho chư hiền dự Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng để đem một đức tin và cầu nguyện cho các vong linh. Đó cũng là một công quả vĩ đại đối với sự ái tha toàn tất, mà là một sự chư hiền làm tròn sứ mạng thiêng liêng.

Sau nữa nghe thấy những sự huyền vi cũng như kỳ Đại hội Phong Thần Vô Vi.

Lão Thượng Công ban ơn toàn tất. Thăng.”

Sau sắc lệnh đầu tiên hướng dẫn việc tổ chức Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng, Ban Chương Quản Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất đã lập tức phối hợp với Ban Cai Quản Tam Thanh Bửu Điện và các Thánh tịnh gần bên thực hiện “Long Chu Lục toàn.” Các thế hệ ngày nay tại Thanh Tịnh Đàn⁴ vẫn còn được nghe lại những chuyện kể về những vị tiền bối của Thánh tịnh mình đã trực tiếp tham gia đóng vai Địa Tạng Vương Bồ Tát, vai ông Tiêu ngổi trên thuyền đi vớt vong... Còn quý đạo tử cũng phối hợp cùng chung lo việc trừ phòng Đại hội cho được chu đáo nhưng tiết kiệm, vì “Đạo” phải hoàn toàn tự túc không được nhận sự hỷ cúng của bá tánh.

Một tuần sau, có thêm sắc lệnh thứ hai dạy về việc tổ chức thuyết pháp và Đại hội Hiệp Thiên Đài Tam Giang để sẵn sàng thi hành sắc lệnh lập đàn. Chúng ta thấy với chư vị được điểm danh trong danh sách thực hiện việc “diễn giải đạo lý”, thời gian để chuẩn bị bài vở chỉ được có một tuần. Còn các Bộ phận Thông công liên quan cũng thế, thậm chí số ngày còn ít hơn nữa như Đồng tử Tuế Tinh Tử đã phải có mặt để an dưỡng từ ngày 12, còn các Đồng tử khác cùng các thành phần liên quan trong Bộ phận Thông công hành sự nếu chiếu theo luật Hiệp Thiên

4. Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn ở Châu Thành – Tiền Giang cách Tam Thanh khoảng 10 km.

Đài thì phải có mặt trước ít nhất là sáu tiếng để tịnh dưỡng.

DIỄN TIẾN BA NGÀY ĐẠI LỄ

1. NGÀY THỨ NHỨT, RẪM THÁNG 7 QUÝ TỶ:

1.1. Ngay từ sáng sớm, vào thời Mẹo (5–7g) Sắc Thần của vị Thành Hoàng tại địa phương được tổ chức đón rước về Tam Thanh Bửu Điện rất long trọng. Sang giờ Thìn thượng phước.

Đến giờ Tỵ (9–11g), nghi thức vớt vong dưới nước và trên bộ được thực hiện trang trọng theo đúng Thánh lệnh. Thuyền Long Chu di chuyển ba vòng vớt vong thủy lục, chúc sắc và đồng nhi nam nữ thay nhau đọc kinh liên tục, đi từ Tam Thanh Bửu Điện ra đến cửa sông Vàm Cỏ rồi quay trở lại Thánh tịnh. Về đến Tam Thanh, một số vong “dựa” nhập vào đồng bào đi xem lễ xưng tên kể lễ xin cho được ghi vào danh sách cầu siêu. Theo lời của những vị lão thành đã nghe cha anh mình kể lại, các vong nhập khi đó không phải chỉ có đồng bào người Việt của mình thôi mà còn có những vong của Tây, Chà và, v.v... với những giọng nói khác thường.

Sau đó là nghi thức khai mạc và làm Đại lễ Cầu siêu độ lần thứ nhất vào Ngọ thời.

“Vây chiếu theo kỳ Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng nơi Tam Thanh Bửu Điện thì dưới phải làm thủy lục để cầu siêu, phải làm như hình Long Chu để nghinh nước. Hai nữa trong khi hành sự nguyện cầu phải lập bàn cơ các hồn linh ngự bút, về huyền linh khá hiểu.”⁵

“Mẹo thời – Thịnh sắc Thần cho long trọng.

Thìn thời – Thượng phước.

Tỵ thời – Rước chư vong linh của Long Chu Thủy Lục thế ba vòng nghinh Thánh.

Kế Huỳnh Đức⁶ đọc bài diễn văn khai mạc.

5. Thánh Giáo Đạo số 19, Huồn Cung Đàn (Minh Tân), 29–6 Quý Tỵ (1953), tr.05.

6. Huỳnh Đức – Phan Khắc Sửu, sau là Chương Pháp Hội thánh Tiên Thiên, đặc vị Nguyệt Đức Thiên Tiên.

*Ngọ thời – Hành Đại lễ.*⁷⁷

1.2. Buổi chiều, thực hiện Tế Tổ quốc và Đại lễ Cầu siêu lần thứ hai.

1.3. Tối đến tiến hành nghi thức Tế chiến sĩ và thuyết pháp đề tài Chơn Giác Đồng Đăng đúng theo chương trình Đúc Lê Đại Tiên đã dạy:

“Thân thời – Tế Tổ Quốc.

Dậu thời – Hành Đại lễ.

Tế Chiến Sĩ Trận vong.

*Hợi thời – Thiên Khôi Tinh thuyết pháp mục để Chơn Giác Đồng Đăng.*⁷⁸

2. NGÀY THỨ HAI, 16 THÁNG 7 QUÝ TÝ:

Sau giờ thuyết pháp, Bộ phận Thông công lập đàn theo lệnh đã dạy, Đúc Chí Tôn giảng cơ ban cho chương trình ngày thứ hai chính một chi tiết, chuyển buổi cúng Ngọ thời từ tiểu lễ sang đại lễ, đồng thời tăng thêm hai buổi thuyết pháp nữa.

2.1. Đàn Tý thời 16 tháng 07 – ĐĐ28 Quý Tỵ nhằm 24-8-1953.

Bộ phận Thông công thực hiện hai ban cơ: một trước Thiên bàn, một trước bàn Hộ Pháp.

2.1.1. Nơi ban cơ trước Thiên bàn.

Khởi đầu Đúc Thành Hoàng Bốn Cảnh đến báo đàn cho Đúc Thích Ca, Đúc Thái Thượng và Đúc Chí Tôn giảng đàn:

“(...) Giờ nay Thầy giảng đàn để chứng Chơn Giác Đồng Đăng của các con đã gom góp tinh thần duy nhứt, hầu theo tiếng gọi thiêng liêng để làm tròn sứ mạng Chơn Giác Đồng Đăng kết quả mỹ mãn.

Thầy có lời ban ân chung toàn tất, khá lóng nghe chương trình nghi thức hành sự ngày thập lục:

Mẹo thời: tiểu lễ.

Tỵ thời: thuyết pháp, bình Thánh giáo.

Ngọ thời: đại lễ.

Mùi thời: thuyết pháp, bình Thánh giáo.

Thân thời: hiến Tổ Quốc.

Dậu thời: tiểu lễ, vọng tấu hỷ cúng Chiến sĩ đài.

Tuất thời: đọc bài cảm tạ.

Hợi thời: lập năm ban cơ nối liền nơi trung điện hiệp chung. Năm bàn kế tiếp xoay quanh để tiếp các chơn vong hồi tỉnh nhập đạo vô vi, để mô tả tâm sự gia quyến mỗi nơi nghe.

Thầy có lời cho các con toàn cả, từ lão thành đi chí thanh đồng nam nữ. Toàn cả cũng nên tưởng nhớ lại sự làm cho có chung mạc của kỳ Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng. Biết bao nhiêu chơn hồn còn đang ngóng đợi khẩn nguyện của mỗi con. Là Thầy muốn cho mỗi con lập trường công đức của Thầy dĩ định thì mỗi con phải ở lại cho chu đáo kỳ đại hội nghe. Đàn mai sẽ trọng thưởng mỗi con.”

2.1.2. Nơi ban cơ trước bàn Hộ Pháp.

Bộ phận Thông công và chúng đàn toàn bộ thuộc nữ phái. Đúc Mẹ cũng đồng một lúc giảng cơ ban ân:

“Vô Cực Từ Tôn, Mẹ linh hồn (...)

Cao Minh Quang trai đàn hồng hóa,

Tam Thanh Điện lễ xá Giác Chơn,

Diêu Cung vội vã lai huờn,

Đồng Loan rọi diễn mượn đờn vô vi.

Chứng đại lễ quang huy Chơn Giác,

Đàn cầu siêu chói tạc Đồng Đăng,

Mẹ mừng nam nữ trung đàn,

Các nơi Thánh tịnh dặm ngàn bước sang.

Đồng để tâm cầu an bá tánh,

Độ chư vong thoát cảnh siêu phàm,

Hồn oan trở lại cảnh nhân,

Các con lấy đức bùa tràn độ nhơn.

Ngày Đại hội Giác Chơn Mẹ tỏ,(...)

Nhờ Cha Trời ban bố phước lành,

Cửu Huyền đều đặn nhàn thanh,

Thoát qua bể khổ đắc thành phẩm cao.(...)

Nay đến buổi ân thâm cứu cả,

Lễ Trung Nguơn ân xá trần oan,

Mong chờ đại đức cứu nàn,

Tam kỳ ân xá lập đàn độ thăng.

Khai Chơn Giác Đồng Đăng Đại hội,

Cầu siêu hồn trôi nổi vật vờ,

7. Thánh Giáo Dạy Đạo số 19, Ngọc Chấm Đàn (Gò Vấp), 07-7 Quý Tỵ.

8. Ibid.

*Dem về đường chánh hưởng nhờ,
Nghe kinh sám hối thoát bờ sông mê.
Cầu nam nữ về quê vị cũ,
Thì các con đầy đủ đức tài,
Mong nhờ Thượng Đế ân oai,
Giảm tha tội lỗi Cao Đài kỳ ba.”*

2.2. Đại hội Hiệp Thiên Đài

Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ thông công vào giữa đêm rạng sáng 16 tháng 7, các Bộ phận Hiệp Thiên Đài Tam Giang liền thực hiện đại hội nghiên cứu Thánh ý, sắp xếp nhân sự hỗn hợp để sẽ thực hiện nhiệm vụ lập 5 ban cơ cùng một lúc vào tối ngày 16.

Chúng ta thấy quý tiên bối khi xưa đã hành đạo hết sức tích cực, thực hiện đúng giờ giấc theo lệnh đã dạy, cố gắng vượt qua sự mệt mỏi của thể xác cũng như những cơn buồn ngủ luôn chực đến. Khi hoàn tất buổi hội Hiệp Thiên thì xa xa tiếng gà trong thôn ấp cũng gáy vang báo hiệu bình minh, tiếng chuông hiệu lệnh buổi cúng giờ Mẹo cũng ngân vang. Một ngày mới lại bắt đầu với các đạo sự đầy ắp.

2.3. Tiếp tục thực hiện chương trình cúng tế, thuyết minh và bình Thánh giáo.

Chương trình ngày thứ hai theo thiết kế của Ôn Trên tập trung vào việc hành lễ để ghi nhớ công ơn của Tổ quốc, của các chiến sĩ bao thế hệ đã hy sinh vì nhiệm vụ công dân đấu tranh bảo vệ nền độc lập của nước nhà và tự do của dân tộc. Đồng thời cũng cầu siêu độ cho đồng bào chưa được siêu thoát vì bất cứ lý do nào để được giác ngộ thoát qua giai đoạn trầm luân nặng nề này.

Để giúp cho chư vong mau sớm được giác ngộ hầu siêu thoát, trong ngày thứ hai này theo sự ban ân của Đức Chí Tôn, thời gian dùng cho việc thuyết minh đạo lý và bình Thánh giáo được tăng lên gấp đôi, thực hiện cho cả buổi sáng lẫn buổi chiều vào các giờ Tỵ (9g) và giờ Mùi (14g). Trong danh sách thuyết trình viên có cố đạo trưởng Chơn Tâm.

Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng tiến hành

hướng đến 3 mục tiêu:⁹ Một là siêu độ các vong linh, hai là mang nguồn đạo đức đến thôn ấp hương lân và ba là tạo cơ hội cho bốn đạo Tam Giang mạnh tiến thêm lên trên trường đạo đức. Sợi chỉ xuyên suốt cho cả ba mục tiêu là việc giáo hóa bằng cả hai hình thức tiếp nhận đạo lý: một là từ những bài thuyết pháp của những vị đạo cao đức trọng và hai là từ huyền diệu cơ bút qua những lời dạy dỗ của các Đấng Thiêng Liêng cũng như những lời trần tình tha thiết của chư vong vừa được siêu thăng thoát hóa.

2.4. Đàn Hối thời 16 tháng 07 Quý Tỵ, năm Ban Cơ thông công cùng một lúc.

Thực hiện sắc lệnh đã ân ban của Đức Chí Tôn, cuối đêm ngày 16 vào lúc giờ Hợi, có sáu Đồng tử được sử dụng cùng một lúc tạo thành một vòng tròn với 5 ban cơ nơi chánh điện: Đồng tử Tuế Tinh Tử ở ban cơ trước Thiên bàn, Đồng tử Hữu Huệ Duyên nơi bàn cơ trước bàn thờ Đức Quan Thánh, hai Đồng tử nữ là Huệ Khiếu Quang và Kim Linh (song đồng âm dương) nơi bàn cơ trước bàn thờ Đức Quan Âm, và hai Đồng tử Nguyệt Thanh, Minh Sơn ở hai ban cơ hai bên tả hữu nơi bàn thờ Hộ Pháp.

2.4.1. Thật ra vào lúc khởi đầu, quý vị sắp xếp chưa hoàn toàn chính xác vị trí của các ban cơ.

Tại Ban cơ trước Thiên Bàn với sự chứng đàn của Ngài Chưởng Pháp Thiện Pháp – Nguyễn Bửu Tài (Hội thánh Tiên Thiên), Ngài Huỳnh Đức Đế Quân¹⁰ giáng cơ điều chỉnh lại vị trí 2 ban cơ phía sau cho đúng Thánh ý:

“Huỳnh Đức Đế Quân... Lão Đế Quân chào chư phận sự đàn trung đảnh đảnh, giờ nay lão Đế Quân giáng đàn để chỉnh lập các ban cơ.

Vậy chư phận sự bộ phận Hiệp Thiên Đài phân ban chung quanh chánh điện, nên hiểu chớ

9. Thánh Giáo Dạy Đạo số 20, Cao Minh Quang – Tam Thanh Bửu Điện, 15-7 Quý Tỵ (1953).

10. Lăng mộ Đức Đế Quân gần kề bên Tam Thanh Bửu Điện.

đừng lằm, phải tả hữu lưỡng ban tiền Hộ Pháp,
chư hiền khá thành tâm tiếp lĩnh Lão kiếu.

TIẾP ĐIỂN

THI

Di (Vi) diệu huyền linh phổ hóa truyền,
Lạc truyền máy nhiệm khắp nguơn duyên,
Thiên tai thảm họa đồng tiêu tán,
Tôn trọng Phật Trời vạn sự yên.

Lão Phật Tôn chào mừng các môn sanh
đẳng đẳng, Phật Tôn giờ nay lâm trần vì lòng
cảm xúc nhơn loại trong thời kỳ tam tai bách
họa.(...)

Nay Chơn Giác Đồng Đăng Đại hội thiết
lập trai đàn cầu siêu bạt độ tam nhật đàn đại
lễ. Đó là Thiêng Liêng muốn đem một nguồn
tươi sáng cho cả thôn ấp lân hương được tưởng
đến nguồn đạo đức, giữa lúc thế kỷ mạt đời mà
hồi tỉnh tâm tu cho kịp. Hai nữa, Đồng Đăng
Đại hội để siêu độ cho các vong linh dập dờn
muôn trùng chất ngất, được nghe tiếng chuông
câu kệ mà phục hồi tánh thiện, tâm tu trên con
đường thuận lương. Ba là muốn cho các môn
sanh cả Tiên Trung Hậu được đứng vững trên
trường kỳ đạo đức để mạnh tiến thêm lên mà
lo nguồn Đạo.

Tóm lại là Chơn Giác Đồng Đăng Đại hội
gồm cả sự ái tha của các Đấng Thiêng Liêng để
lập kỳ đại xá cùng đem một đức tin dũng cảm
cho các môn sanh vững bước trên con đường dài
xa thẳm.(...)"

Sau khi để lời dạy đạo lý và điểm danh một
số vị hữu công, Đức Di Lạc ban ân cho các vong
linh lai đàn. Các chơn linh gồm 3 cán bộ sĩ
quan thuộc Mặt trận Việt Minh và tiểu đoàn
307, 12 nam cùng 1 nữ chiến sĩ; một số chức sắc
và đạo hữu Tiên Thiên đã đấu tranh cho nền
độc lập dân tộc vì nước hy sinh được nhập cơ
tỏ bày tâm sự. Sau đây, trích đoạn một vài điển
hình như:

THI

Dương gian thảm khổ ở người ơi,
Văn(g) vắng tai nghe quả lấp nhồi,
Dương thế cam đành nơi uất hận,

Khu đàn nương khiếu đạo trau giỏi.

Bộ binh cứu thế hồn xa vắng,

Phân hướng quân gì kiếp sống thôi,

Khu đảo tiền trình gieo giống tốt,

Tám phương ngàọ ngạt kiếp sanh rồi.

(Dương Văn Dương,¹¹ khu bộ phân khu 8)
Tôi kính chào chư quý vị Thiên sắc lưỡng ban
đồng đẳng. May thay! Tôi được ân lành chan
rưới trong thời kỳ đại xá này. Kỳ công oanh liệt
của tôi đã biểu dương tinh thần cho cả nhân loại.
Tiếng gọi đồng bào vì Tổ quốc vì non sông, vai
mang oằn oại, vác súng để lập kỳ công danh ư
hậu thế. Nhưng phải thời cơ tàn tạ, tôi phải ly
trần thâm khốc, nơi cảnh vật vờ hồn linh vắng
vẻ. Nay nhờ chữ trung thành nên Đấng Tạo Hóa
ban ân cho tôi là "Trung Thân Ái Quốc." Nay
tôi mà về chuyện văn nơi đây rất cảm ơn toàn cả
đạo đồng. Tôi xin kiếu.

TIẾP ĐIỂN

THI

TRẦN cảnh đeo đai lối giả trò,

VĂN minh tùy thế lằm phân lo,

RÌA công chiến sĩ đời khâm phục,

Nhập định nương cơ tránh lửa lò.

Tôi xin chào quý vị Thiên Phong Chúc Sắc
lãnh sứ mạng của các Đấng Thiêng Liêng để lập
kỳ Đại hội. Tôi được ân xá tiêu điều, tôi lấy làm
cảm xúc. Xưa sanh tiền tôi đã lãnh một phần
trọng trách "Đại Đội, Đoàn 307." (Một là) vì thời
cuộc éo le, hai là phải chịu với cảnh nắng táp
sương sa nơi trường kịch chiến mà hồn linh tôi
phải vật vờ sớm đầu gành chiều cuối bãi. Nay
nhờ ngọn phướn đưa linh hồn tôi được để tìm
nguồn nhàn lạc.

11. Dương Văn Dương (1900–1946). Trong cách mạng
tháng tám, ông tham gia cướp chánh quyền từ tay Nhật,
lập bộ đội Bình Xuyên. Tháng 12–1945 ông làm Khu Bộ
Phó phụ trách miền Đông Nam bộ. Đầu năm 1946 ông
chỉ huy một bộ phận Bình Xuyên từ rừng Sác vượt sông
Soài Rạp về Bến Tre giải cứu mặt trận An Hóa. Từ trận,
về sau ông được chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
truy phong liệt sĩ thiếu tướng. Tên ông được đặt thay tên
Lagrange một con kênh ở Mộc Hóa thành kênh Dương
Văn Dương, ngày nay tên này vẫn còn được sử dụng.

Vậy tôi cảm cảnh toàn cả, tôi xin kiếu.

TIẾP ĐIỂN

THI

NGUYỄN một dạ thành mạnh tiến lên,
DUY tha nên nghiệp vững tâm bền,
HÀI lòng nhiệt huyết qua trường khổ,
Nhập đạo kỳ công mới tuổi tên.

Tôi xưa kia mạnh tiến trên làn sóng dữ, đã bao năm tranh đấu để đem lại cho xứ sở quê hương một nguồn hạnh phúc. Nhưng sự ước vọng chưa thành thì hồn linh tôi phải chịu dưới cảnh thảm sầu xa vắng. Tôi lãnh một phần trọng trách về phần “Tiền tuyến Đại Đội, (Đoàn) 307.” Nay tôi vừa dựng hồi tỉnh theo tiếng chuông đánh thức, tôi rất cảm đội ân quý vị đại đức, tôi xin kiếu.

TIẾP ĐIỂN

THI

NGUYỄN đã dày công với đạo mẫu,
VĂN tài lo đạo trước công sâu,
CHƠI xa cảnh thế thành chơn quả,
Giáng sắc Phụ Hoàng tỏ trước sau.

Tôi chào quý vị đạo đồng đàn trung. Tôi là Nguyễn Văn Chơi, về phận sự điển ký Hiệp Thiên Đài, đã bao năm vưng theo tiếng gọi thiêng liêng mà lập nhiều công quả. Nhưng vì thời cơ bất định nên phải vào Dũ Lý xa quê hương, lia con xa vợ. Tôi lấy làm đau đớn nhưng tôi tưởng nhớ lại, dầu tôi ưu sầu cho mấy đi nữa cũng chẳng qua luật Tạo Công dĩ định. Nay tôi được hưởng cảnh tiêu điều đắc thành chánh quả bằng Thánh huy hoàng. Thảm một nỗi trần gian kẻ mơ màng tưởng nhớ.

Này hiền thê em ôi! Những lúc đêm đông ve sầu eo óc, em tưởng nhớ lại bước đường dĩ vãng yêu đương của tình đời phối ngẫu. Nhưng dù sao đi nữa em nên gạt lệ mong đợi giọt nước cam lồ của Thiêng Liêng ban bố mà lo nuôi dưỡng các trẻ măng mơ cho đến ngày trưởng thành.

Vậy Mỗ Nhựt Tinh, anh đem lời này về cho thê tử tôi nơi cảnh Kim Thành Long¹² nghe anh.

12. Thánh tịnh Kim Thành Long ở huyện Tâm Vu, tỉnh Long An.

Tôi chờ đàn khác sẽ chuyện vãn nhiều, tôi xin kiếu.(...)

TIẾP ĐIỂN

BÀI

NGUYỄN VĂN TRÒ hồn nay đã rảnh,
Nường điển quang lấp lánh chuông chùa,
Nhờ ơn đại xá tâm tua,
Trở về nẻo thiện già nua tĩn nhàn.
NGUYỄN VĂN NGỘ đây trang chiến sĩ,
Nay ly trần thổ tử hổ bi,
Nhờ ơn Đại Đức huyền vi,
Nay tôi đặng hưởng Tam Kỳ Trung Ngươn.

PHAN VĂN TỬ nhiều cơn sôi nổi,
Lắm tai nạn như đội bên tai,
Nhờ ơn Đại Đức Cao Đài,
Hồn linh mới đặng ngàn ngày siêu vong.
CAO MINH HỒNG đại đồng tranh đấu,
Vì tổ tiên noi dấu nam tài,
Quyết đem gan tấc cả hai,
Đem nguồn lợi chùng sa tai chiến trường.

LÊ VĂN TÁM bị thương nên thác,
Nay nhờ lòng thiết đặt trai đàn,
Hồn linh hưởng cảnh thanh nhàn,
Nường theo cửa Khổng đêm ngày hằng lo.
NGUYỄN VĂN KHÁ dẫn đo nào quân,
Nỗi đau lòng rẽ bạn chia uyên,
Trần ai là cảnh nào phiền,
Tĩnh hồn nường bóng Đạo Tiên trở về.

NGUYỄN VĂN TRI ủ ê thảm trạng,
Nay nhờ ân lai lánh Phụ Hoàng,
Cho tôi hồn đặng hưởng an,
An nơi đồng nội an toàn tịnh tu.
NGUYỄN VĂN KỶ bao thu xa vắng,
Nỗi đau lòng xa bạn lìa quê,
Trăm phần thảm khổ tái tê,
Vì đời tiếng gọi sa nê chiến trường.

NGUYỄN VĂN CHIỀU nhiều thương vết tích,
Nay trở về khẩn khít hồn linh,
Cậy nhờ Đại Đức Đạo Huỳnh,
Dang tay cứu vớt vong linh được vào.

TRẦN THỊ BÀ Y lụy đau nữ giới,
Phải lâm nguy thời đại chiến tranh,
Bấy lâu nường ở đầu gành,

Ngày nay nương bóng Tam Thanh gởi nhờ.
 TRƯƠNG ĐÌNH SĨ chực chờ trước gió,
 Nghe tiếng chuông đặng có hồi tâm,
 Bấy lâu đã thác xa xăm,
 Cũng vì tiếng gọi phải lâm khốn nạn.
 HUỲNH VĂN THÁI cũng trang tuấn kiệt,
 Mạnh tiến lên sương tuyết chẳng màng,
 Lo đời thoát cảnh lâm than,
 Nay đây đã rảnh tâm đàng ẩn nương.
 HUỲNH VĂN TƯ trên trường mạnh tiến,
 Đã bỏ mình xác hiện sông sâu,
 Nhờ cơ đại xá Đạo mầu,
 Vớt vong cứu vãn tôi âu tình hồn.
 Tôi xin kiếu.”

2.2.2. Ban cơ 1 nơi bàn Hộ Pháp: Đức Lý Giáo Tông, Đức Thổ Địa giảng cơ.

2.2.3. Ban cơ 2 nơi bàn Hộ Pháp: Đức Linh Quang Bồ Tát, Đức Đại Lão Thượng Tôn.

2.2.4. Ban cơ trước bàn thờ Đức Quan Âm: Đức Ngũ Chơn Thần Nữ, Đức Quan Âm, Đức Lê Sơn Thánh Mẫu, chư vong nữ đạo hữu nhập cơ.

2.2.5. Ban cơ trước bàn thờ Đức Quan Thánh: Đức Hộ Pháp Thần Quang, Đức Quan Thánh, chư vong nam đạo hữu nhập cơ.

Để có thể hình dung tổng quát quang cảnh lễ hội Chơn Giác Đồng Đăng vào đêm thứ hai lúc bảy giờ nơi làng Khánh Hậu – Tân An, chúng ta hãy tham khảo thi bài của Đức Thổ Linh Quang Địa:

BÀI

ĐỊA lật đặt tiền môn vừa đến,
 Nay tới giờ sứ mệnh Địa đây,
 Xem ngoài rộng lộn ngộ thay,
 Tiền môn để chữ Cao Đài Đồng Đăng.
 Xem hai bên giảng giảng những quán,
 Bán đủ đồ, hột cáng, cháo, mì,
 Nước đen rượu ngọt thiếu chi,
 Dập diu ông đạo ngôi lý vang ca.
 Cũng có một hai bà ngộ nghĩnh,
 Mỗi quán lều bước thính đến nơi,
 Luận bàn qua lại vui cười,
 Xem ra dường thể đười ươi đủ màu.
 Chợt ngoảnh lại đài cao chiến sĩ,

Nào oan hồn đủ vị thấp cao,
 Chung quanh nhen nhúm tranh nhau,
 Lóng nghe tiếng kệ, nguyện vào lo tu.
 Giờ hiến cúng kính phù giọng đọc,
 Nhạc trỗi lên tiếng cốc đũa đưa,
 Cúng toàn cây trái, tương dưa,
 Nữ Nam đời đạo chen vừa bước đi.
 Dòm bên hữu trai kỳ dọn dẹp,
 Thí thực hôn bánh xép đủ đầy,
 Chuối đường kẹo bánh để dài,
 Địa thềm nhưng sợ hiền ngoài Giáo Tông.
 Ngó Phươn xá Tiên Ông mài vẽ,
 Nhìn Địa Tạng he he Địa cười,
 Không giống Phật, không giống người,
 Lại thêm Thần Tú truyền người giống ma.
 Bạc vàng vàng bạc giả mà,
 Thôi đây nhắc lại bàn qua Thánh Đền.
 Liếc mắt ngó trước nền cột phươn,
 Chữ hai hàng đồ rạng màu vàng,
 Màu xanh phơ phới như thang,
 Bông huê tha thướt lấp ngang cát vùi.
 Địa bước vào xem ôi quá xá,
 Đêm lập loè lã chã dây giảng,
 Bông huê sáo phủ Đồng Đăng,
 Hương bay nghi ngút lại trắng bữa rằm.
 Thảm một nổi đạo tâm nam nữ,
 Quá tín tin vào chữ Đạo mầu,
 Chút chen ông lớn bà cao,
 Tìm nơi an nghỉ lẫn nhau rầy rà.
 Xem bên ngoài vườn hoa cây chuối,
 Dưới gốc cây đen thúi một ôn,
 Ngủ khi nằm bẹp cho xong,
 Vì ba ngày đã nhọc công lắm rồi.
 Nay gần mãn giờ ôi bế mạc,
 Địa để lời giải khát yến viên,
 Khuyên chung nam nữ đừng phiền,
 Vì nơi kém bản chùa Tiên mới làm.
 Nhưng một nổi Địa đam lo lắng,
 Vẽ bạc tiền có đủ hay chẳng,
 Xem qua Địa chiếm quẻ lân,
 Tiền thì chẳng có, chịu phần lo chung.
 Đoàn anh lớn đúc nung đôi chút,
 Hay nơi đây áp út đồng đều,

Bên nữ phái cũng ít nhiều,
Phận làm chị cả tiếng nêu còn dài.
Nay giờ mãn thời lai quá chán,
Địa để lời phân cạn hiểu chung,
Đừng vì cao thấp bản dùng,
Kỳ công Đại hội của chung đây mà.
Nay đây Địa mới rành ra,
Vì chứng sứ mạng của tòa Giáo Tông.
Địa buồn Địa mãi ngó mong,
Nhưng mà ráng chịu sợ ông phạt mà.
Cho nên Địa mới rầy la,
Phần chung lớn nhỏ dung hòa Địa nghe.
Lắng tai tíc tắc đoàn ve,
Nhạc sành rí rả màn the nổi lòng.
Giã từ Địa mới thẳng xông,
Chờ ngày hội ngộ quý ông quý bà.
Lời vàng Địa mới bàn qua,
Tựa hồ kêu gọi của nhà tâm tu.
Trăng trong lơ lửng trung thu,
Giờ lành đại xá ưu du đôi bài.
Đình Mùi để băng nam tài,
Cùng là Nữ liệt gái trai đủ đây.
Địa thày lai,
Để đôi bài,
Bồi còn say.
Bồi còn say Cao Đài gọi tằm,
Tam nhứt đàn chỉ ẩm nước thôi,
Thuốc trâu đã cấm đi rồi,
Nhưng mà Địa thấy hơi ôi mịt mù.
Lửa nháng đơm, khói lu bù,
Nếu không công quả người tu thể nào.
Địa buồn Địa nói kêu khào,
Ông bà ráng nhớ ngày sau nên chừa.
Địa xin thưa,
Bóng vội trưa,
Địa giã từ. Thăng.

3. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGÀY THỨ BA:

Khi Đức Lý Giáo Tông giáng nơi ban cơ trước bàn Hộ Pháp, Ngài có dạy tiếp chương trình hành lễ cho ngày thứ ba 17 tháng 7 Quý Tỵ.

“Lão Giáo Tông tiếp truyền về kỳ Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng sắp giờ bế mạc (...)

Khi mãn đàn, bao nhiêu chư hiền nam cũng như nữ khá lóng nghe Thánh giáo cho am hiểu (của) Đại hội Chơn Giác Đồng Đăng.

Sau giờ hết Thánh giáo, thiết Đại Yến Bàn Đào tam ban nghiêm nghị, nhạc tấu phù trầm theo điệu nhà Tiên yến viên âm tửu.

Khá nghe chương trình ngày thập thất:

Mẹo thời tiểu lễ,

Ngộ thời đại lễ,

Hạ phước, bế mạc (...)

Như thế chúng ta thấy vào rạng sáng ngày thứ ba của đại lễ, sau khi đàn cơ đã xong, quý vị vẫn tiếp tục lưu lại chánh điện để nghe bình lại toàn bộ Thánh giáo đã ban cho hồi giờ Tý và phần vừa được tiếp nhận của 5 ban cơ.

Toàn thể chư chức sắc, chức việc và đạo hữu có về dự đàn đêm đó đều được ban ân dự Yến Bàn Đào trước chánh điện với quả tử, rượu nồng trong tiếng đàn hòa tấu bổng trầm của ban lễ nhạc. Khi Hội Yến vừa xong thì đồng hồ cũng phải điểm hai giờ sáng.

Ngày nay nhìn lại toàn bộ diễn tiến của Đại Lễ Chơn Giác Đồng Đăng vào sáu mươi năm trước, từ khi bắt đầu có sắc lệnh tổ chức cho đến khi kết thúc, chúng ta thấy chư tiên bối đạo hữu Tam Giang lúc đó đã phải luôn nỗ lực và tập trung ở mức độ cao nhứt mới có thể hoàn thành đạo sự này.

Thời gian chuẩn bị cho công tác tổ chức lễ hội chỉ có 2 tuần với biết bao việc cần thực hiện. Từ thuyên vớt vong “Long Chu thủy lục” với đạo cụ hóa trang theo sự tích độ vong của Đức Địa Tạng, ông Tiêu... rồi phần lễ đài tế Tổ quốc, lễ đài tế Chiến sĩ trận vong và các buổi đại lễ Cầu siêu... Lại thêm phần thuyết pháp và bình Thánh giáo trong 3 buổi cần đến sự hỗ trợ của hệ thống âm thanh và ánh sáng cho được thuận tiện... Với mặt bằng kinh tế xã hội ở nông thôn vào những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ trước thì phần truyền thanh và ánh sáng khi đó còn là sản phẩm tiêu thụ cao cấp.

Chương trình hành lễ trong ba ngày hầu như phủ kín và liên tục. Trong 2 đêm rạng 16 và rạng

17, thời gian nghỉ ngơi của chư vị đạo hữu tham dự hành lễ và công quả phục vụ chỉ ở mức tối thiểu trong vài giờ ít oi.

Cũng cần ghi nhận rằng trong kỳ đại lễ này không được thâu nhận hành hương “hỷ cúng” của bá tánh thôn lân địa phương. Toàn bộ chi phí của cuộc lễ, theo lệnh dạy, phải hoàn toàn do bốn đạo Tam giang đóng góp cùng bốn đạo tại địa phương Tam Thanh.

*“Nhưng một nỗi Địa đàm lo lắng,
Về bạc tiền có đủ hay chẳng,
Xem qua Địa chiếm que lẫn,
Tiền thì chẳng có, chịu phần lo chung.
Đoàn anh lớn đức nung đôi chút,
Hay nơi đây áp út đồng đều,
Bên nữ phái cũng ít nhiều,
Phận làm chị cả tiếng nêu còn dài.
Nay giờ mãn thời lai quá chán,
Địa để lời phân cạn hiểu chung,
Đừng vì cao thấp bản dùng,
Kỳ công Đại hội của chung đây mà.”*

Tinh thần phổ độ chúng sanh đã được Đức Giáo Tông nhắc các đạo hữu sau khi hoàn tất cuộc lễ trở về phải luôn được tiếp tục phát huy.

Phần thưởng hữu hình mà quý vị tiền bối đạo hữu được nhận thật là xứng đáng biết bao với tâm chí thành cùng nỗ lực không biết mệt mỏi trong kỳ đại hội là vinh dự được tham dự Đại Yến Bàn Đào hết sức trang trọng trước chánh điện.

PHÁT TRIỂN CHƠN GIÁC ĐỒNG ĐĂNG LÊN THIÊN HOA ĐÀI VỊ

Những năm sau, cứ vào tháng 7 âm lịch hàng năm, tinh thần Chơn Giác Đồng Đăng lại được Ông Trên nhắc nhở bốn đạo địa phương ghi nhớ thực hiện. Dần dà, vào thập niên 60, Thiêng Liêng ban ân bổ sung cho bài kinh Chơn Giác Đồng Đăng, dạy tiến hành liên tục nửa tháng cầu siêu và cầu an, nâng danh hiệu lên thêm mấy chữ thành “Chơn Giác Đồng Đăng Thiên Hoa Đài Vị” cho trang trọng hơn nữa.

Kết quả vô hình về mặt siêu độ, khi xưa luôn

được Ông Trên ban ân cho biết kết quả những trường hợp nhờ vào công đức của con cháu mà cao thăng phẩm vị hay những trường hợp được hưởng đại ân xá vượt qua bốn luân trầm về non thần tu học, v.v...

Chúng ta có thể lấy đoạn Thánh giáo sau làm chứng minh:

*“TRƯỜNG tu lý đạo Lão ban ơn,
CANH vị ĐẠI căn lập bốn chơn,
THÁI định TIÊN gia quy thể hội,
BẠCH minh GIÁNG chứng lễ Trung Nguơn.
TRUNG NGUƠN khai mở lớp chiêu hồn,
THỐNG HỘI ngày nay đạo bảo tồn,
ĐẠI XÁ kỳ tam ân tế độ,
THIÊN HOA ĐÀI VỊ ngộ thiên môn.*

Lão Đại Tiên mừng chư phận sự nam nữ đàn tiên.

Trên chiếu chỉ Tam tòa linh ngày Lễ Trung Nguơn nơi cảnh Cao Minh Quang khai mở thường năm Chơn Giác Đồng Đăng Thiên Hoa Đài Vị, sắc chỉ truyền Đại Tiên giáng điển để ân ban. Chư phận sự đàn tiên tọa thiên, Đại Tiên miễn lễ.

Trước điện giờ đây đặng cảm thấy tinh thần đạo đức, đồng để vào ứng điển lại ngày lễ Trung Nguơn, Lão ban ơn toàn cả chư Thiên mạng đàn tiên. Trong nhiệm vụ hướng tay phổ giáo Cao Đài đồng thể lưỡng hình đặng chiếu truyền, Đại Tiên gia ân đăng đẳng. Vậy phận sự khá lặng yên nội ngoại trung đàn, giờ đây lệnh ban Đại Tiên điển hóa.”¹³

“Quan Thánh Đế Quân,(...)

THI BÀI

*Tiếng vọng thúc chuông ngân hồn tiến,
Nghe lệnh truyền tự biến đồng nhau,
Mau chơn lần lượt chen vào,
Trống hồi thúc tỉnh trước sau các hồn.(...)
Hồn chiến sĩ bảo tồn phụng thánh,
Sắc Thiên Hoàng nín vịn tường thông,
Các vong chiến sĩ hiệp đồng,
Thời kỳ ân xá quả công ban truyền.*

13. Đạo Lý số 33, Tam Thanh Bửu Điện, 15-7 Mậu Thân (1968).

Nơi Tam Thanh ân Thiên sắc tú,
 Hội Đồng Đăng cư xử ban hành,
 Các hồn uổng tử tường rành,
 Nghe chuông với mõ đồng thanh phản hồi.
 Kỳ ân xá mau bồi hối hận,
 Vì liễu thân mạng vận oan hồn,
 Oan hồn yếu tử thường tồn,
 Trở về ngôi cũ Chí Tôn sắc truyền.
 Nhờ Thiên Phong vàng lời Ngọc Đế,
 Lập trai đàn đực bệ cầu siêu,
 Thuyết minh giáo lý sớm chiều,
 Các vong đồng đẳng khắc khêu một lòng.(...)
 Các vong linh nghe đà chuông mõ,
 Ngày tháng qua nhấp nhố huỳnh lương,
 Ân hồng sắc tú khoa trường,
 Đồng nhau tiến cử nú nường sự hành.
 Tiên Trung Hậu tạo thành thiết lập,
 Vạn linh hồn phẩm cấp mau lên,
 Đồng Đăng dựng bảng kê bên,
 Tân phong Thần vị nêu tên ban truyền.
 Các vong linh huỳnh tuyến đặc vị,
 Hội Đồng Đăng huyền bí Tam Giang,
 Thuyết minh giáo lý, trai đàn,
 Chiêu hồn chiến sĩ hùng trang phản hồi.
 (...) Luôn dịp đây Lão ân xá cho các vong
 nhân hối hận lai đàn một đôi vị nhắc nhở. Còn
 một phần vì còn trọng trước, lần điển không
 nhiều, nên khó nhập đàn. Lê Văn Vĩ, Cao Văn
 Bình, Trần Văn Trụ, Nguyễn Văn Bảo, Phạm
 Văn Thanh, Nguyễn Văn Trúc, Nguyễn Văn
 Long được ân xá. Vậy mỗi hiền nên lo tròn vẹn
 rồi sẽ đọc bài tiếp điển nhẹ nhàng. Có chơn vong
 Lão cho nhập đàn (...)¹⁴

KẾT LUẬN

Mùa Trung Ngươn năm Quý Tỵ 1953, Lễ Chơn Giác Đồng Đăng lần đầu tiên được Đức Lê Đại Tiên dạy Ban Chưởng Quản Cơ Quan Cao Đài Thống Nhứt phối hợp với các Hội thánh trong Tam Giang tổ chức ba ngày tại Thánh tịnh Cao Minh Quang – Tam Thanh Bửu Điện, Long An:

14. Ban cơ trước bàn thờ Đức Quan Thánh, 16-7 Quý Tỵ.

Qua hình thức lễ hội có đám rước long trọng Sắc Thần Thành Hoàng địa phương rồi đám rước chèo thuyền “Long Chu thủy lục” có bàn hương án với người đóng vai ông Tiều, Địa Tạng Vương Bồ Tát... chúc sắc, đồng nhi ngồi thuyền đọc kinh đi vớt vong dưới nước và trên đường bộ đem về siêu độ. Trong hai ngày đầu đều có tổ chức tế Tổ quốc, tế Chiến sĩ trận vong và đại lễ Cầu siêu nên đã thu hút được đông đảo đồng bào quần chúng hiếu kỳ kéo về dự lễ.

Bên ngoài khuôn viên Thánh tịnh, quán xá được dựng lên san sát hầu đáp ứng nhu cầu ẩm thực trong lúc xem hội của đồng bào.

“Xem hai bên giăng giăng những quán,
 Bán đủ đồ, hột cáng, cháo, mì,
 Nước đen rượu ngọt thiếu chi,...
 Nữ Nam đời đạo chen vừa bước đi.”

Bốn đạo Tam Giang kéo về dự lễ cũng rất nhiều, phải chen chút với nhau mà không đủ chỗ nghỉ ngơi, đến mức cũng đã xảy ra vài chuyện rầy rà:

Thảm một nổi đạo tâm nam nữ,
 Quá tin tin vào chữ đạo mẫu,
 Chút chen ông lớn bà cao,
 Tìm nơi an nghỉ lẫn nhau rầy rà.
 Xem bên ngoài vườn hoa cây chuối,
 Dưới gốc cây đen thúi một ông,
 Ngủ khi nằm bẹp cho xong,
 Vì ba ngày đã nhọc công lắm rồi.

Tất nhiên, các âm hồn chiến sĩ và đồng bào chưa siêu thoát cũng chen nhau nường theo tiếng mõ tiếng chuông để hưởng lời kinh tiếng kệ hầu thức tỉnh, tự hối giác ngộ lo tu để được hưởng ân xá kỳ ba cho mau siêu thăng thoát hoá:

Chợt ngoảnh lại đài cao chiến sĩ,
 Nào oan hồn đủ vị thấp cao,
 Chung quanh nhen nhúm tranh nhau,
 Lóng nghe tiếng kệ, nguyện vào lo tu.¹⁵
 Tiếng vội thúc chuông ngân hồn tiến,
 Nghe lệnh truyền tự biến đồng nhau,

15. Đức Thổ Địa, ban cơ trước bàn thờ Hộ Pháp, 16-7 Quý Tỵ.

*Mau chơn lần lượt chen vào,
Trống hồi thức tỉnh trước sau các hồn.*¹⁶

Nhân cơ hội này, nhiều buổi thuyết đạo và bình Thánh giáo cũng được Ông Trên sắc lệnh thực hiện để độ dẫn bá tánh như sanh cùng tín hữu Cao Đài với việc sử dụng công cụ hỗ trợ của đèn chiếu sáng, kỹ thuật âm thanh và loa phóng thanh vang xa giúp cho trong ngoài đều nghe được rõ.

Các Bộ phận Thông công của các Hội Thánh trong Tam Giang được lệnh về dự, phối hợp với nhau lập đàn cơ theo ân ban của Đức Chí Tôn cùng một lúc tổ chức 5 ban cơ thực hiện huyền diệu thiêng liêng để Ông Trên giảng cơ dạy đạo, ban ân cho chư chức sắc và đạo hữu đóng góp công sức thực hiện đại lễ đồng thời ban ân cho các chơn linh đạo hữu và chiến sĩ được siêu thoát nhập cơ bày tỏ. Cũng nên lưu ý sự kiện này diễn ra trong thời điểm đất Việt còn đang là thuộc địa của Pháp, nhứt là những chơn vong của những cán bộ chiến sĩ đấu tranh giành độc lập cho nước nhà thuộc Mặt trận Việt Minh như Tiểu đoàn 307 được siêu độ và nhập cơ bày tỏ.

Trong những vị được điểm danh trực tiếp góp phần công quả trong kỳ đại lễ, chúng ta thấy có Đạo trưởng Chơn Tâm¹⁷ thuyết trình, Đạo trưởng Kiến Minh¹⁸ đỡ phướn. Riêng Đạo trưởng Trần Văn Quế¹⁹ được Đức Mẹ điểm danh kêu gọi về hành đạo với Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất.

Từ đó về sau, mỗi năm cứ đến mùa Trung Nguyên, các Thánh tịnh trong vùng Long An như Cao Minh Quang, Thanh Liên Đàn hay các

Thánh tịnh thuộc Tiền Giang như Thanh Tịnh Đàn, Nguyệt Thanh Quang,... đều tổ chức cúng cầu siêu trong nửa tháng 7 cùng thuyết minh giáo lý mỗi ngày cho đạo hữu và chư vong học đạo. Đây là cơ hội để cho đạo hữu lập công bồi đức cho bản thân, góp phần thực hiện sứ mạng Kỳ Ba và hồi hướng về Cửu Huyền Thất Tổ của mình để thúc đẩy sự thăng tiến tâm linh của chư vị hầu được dự phần đăng lên đài hoa của Thượng Đế ban ân.

Đã 60 năm qua đi, truyền thống phổ độ này vẫn được duy trì và lần lần phát triển lan tỏa đến các địa phương xung quanh. Kỷ niệm một hoa giáp 60 năm thời điểm Ông Trên ban ân thực hiện Đại lễ Chơn Giác Đồng Đăng Thiên Hoa Đài Vị:

Chúng ta ôn lại lịch sử cùng ý nghĩa đạo lý với ba mục tiêu định hướng của Thiêng Liêng (độ sanh, độ tử, lấy giáo hóa làm phương tiện chủ lực).

Gương hạnh đức nhiệt thành hy sinh tuân thủ, không quản chương trình, giờ giấc hết sức căng thẳng của chư tiền bối đạo hữu từ công sức cho đến tài vật là bài học lớn để nhắc nhở những thế hệ tiếp nối hãy cùng nhau tích cực tu học hành đạo phổ độ nhân sanh với ý thức rằng mùa Trung Nguyên hàng năm là cơ hội rất thuận lợi để mọi người được bồi công lập đức.

Phần thưởng Hội Yến Bàn Đào long trọng được ân ban cho toàn thể đạo hữu đã tham gia đại lễ là minh chứng điển hình cho thấy những công khó đã được Thiêng Liêng ghi nhận và ban thưởng.

Công sức phổ độ theo mô hình của Đại lễ Chơn Giác Đồng Đăng này qua những hướng dẫn của Ông Trên sẽ giúp cho các tín hữu Cao Đài chúng ta có được nhiều công đức. Điều này sẽ góp phần không nhỏ giúp cho Cửu Huyền Thất Tổ của chúng ta sẽ được thăng lên vào Thiên Hoa Đài.

Đây thật là thiết thực biết bao trên đường thực hành đạo Hiếu với Đấng Từ Lành và với Cửu Huyền Thất Tổ của mỗi đạo hữu!■

16. Đức Quan Thánh, ban cơ trước bàn thờ Đức Quan Thánh, 16-7 Quý Tỵ.

17. Về sau ông giữ nhiệm vụ Hiệp Lý Minh Đạo rồi sau cùng là Bảo Pháp Chơn Quân ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đặc vị Viên Thông Chơn Tiên.

18. Về sau ông giữ nhiệm vụ Phó Tổng Lý Minh Đạo ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đặc vị Đắc Tâm Chơn Thánh.

19. Là Đạo Trưởng Huệ Lương, về sau là Tổng Lý Minh Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đặc vị Quảng Đức Chơn Tiên.

BỒ TÁT

BỒ TÁT HẠNH – BỒ TÁT ĐẠO

■ BAN BIÊN TẬP SUU TÂM

Ý NGHĨA HAI CHỮ “BỒ TÁT”

Bồ Tát là dịch âm từ chữ Phạn, và là lược dịch. Nếu dịch âm đầy đủ là Bồ-đề-tát-đỏa. Bồ-đề nghĩa là giác. Tát-đỏa là hữu tình. Bồ Tát nghĩa là giác hữu tình. Hữu tình là sinh vật có tính tình và tình ái, cũng gọi là động vật. Bồ Tát là loài hữu tình có giác ngộ, giác ngộ về nỗi khổ của tất cả chúng sinh, đồng tình và thông cảm với nỗi khổ đó, và phát nguyện cứu thoát chúng sinh ra khỏi những nỗi khổ đó. Vì vậy mà ở đời, hễ thấy ai hay thương người, hay bố thí, và cứu giúp người trong cơn khổ nạn, thì nói người ấy có tâm Bồ Tát.

Bồ Tát hiểu theo đúng nghĩa, rất khác với quan niệm Bồ Tát trong dân gian. Bồ Tát là người, sau khi tin Phật, học Phật, phát nguyện tự độ, độ tha, thậm chí hy sinh cả bản thân mình để cứu giúp người. Bồ Tát không phải là thần Thổ Địa, cũng không phải là thần Thành Hoàng mà tượng bằng gỗ, tượng bằng đất được thờ phụng ở khắp đền miếu. Chúng sinh trước khi thành Phật tất yếu phải trải qua một quá trình làm Bồ Tát. Muốn làm Bồ Tát trước hết phải có tâm nguyện lớn, chủ yếu là bốn lời nguyện: “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.”

NGHĨA LÀ:

Phát lời nguyện độ thoát cho vô số lượng chúng sinh;

Phát lời nguyện đoạn trừ vô số lượng phiền não;

Phát lời nguyện học tập vô số lượng pháp môn;

Phát lời nguyện thành tựu Phật đạo vô thượng.



Mọi người từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đều được gọi là Bồ Tát, vì vậy mà có phân biệt Bồ Tát phàm phu và Bồ Tát hiền thánh. Các Bồ Tát được nói tới trong các kinh Phật thường là các vị Bồ Tát hiền thánh. Quá trình làm Bồ Tát chia làm 52 vị (cấp bậc), trong số này chỉ có 12 vị Bồ Tát hiền thánh, tức là từ Sơ địa đến Thập địa (địa vị 1–10), lại thêm hai vị nữa là Đẳng giác và Diệu giác. Thực ra, Bồ Tát đạt tới vị Diệu giác đã là Phật rồi. Còn ở ngôi vị Đẳng giác là vị Đại Bồ Tát sắp thành Phật. (Thư Viện Hoa Sen).

BA HẠNG BỒ TÁT

(Lý tưởng của Bồ Tát hay Bồ Tát Đạo, Hòa Thượng Narada, Phạm Kim Khánh dịch Việt)

Theo Phật Giáo, có ba hạng Bồ Tát là:

- Trí Tuệ Bồ Tát (Pannadhika),
- Tín Đức Bồ Tát (Saddhadhika) và
- Tinh Tấn Bồ Tát (Viriyadhika).

Ba hạng trên đây tuần tự tương đương với ba hạng du–dà (yoga) trong Ấn Độ Giáo: Nana yogi, Bhakti yogi, và Karina yogi.

1. Trí Tuệ Bồ Tát ít thiên về lòng nhiệt thành sùng đạo nhưng mạnh dạn hơn trên đường tinh tấn phát triển minh tuệ giải thoát. Tín Đức Bồ Tát giàu lòng sùng mộ, tin tưởng nơi lễ bái thờ phượng mà ít chú trọng về việc trau dồi tâm trí và bồi đắp công đức vị tha. Tinh Tấn Bồ Tát thì tập trung năng lực vào tinh thần phục vụ. Thật hy hữu, nếu là không bao giờ, ba đặc điểm trên điều hòa kết tụ vào một người. Đức Phật Cổ Đàm (Gotama) được xem là thuộc về hạng trí tuệ.

Theo kinh sách, con đường của bậc Trí Tuệ Bồ Tát ngắn nhất. Tín Đức Bồ Tát phải trải qua một thời gian dài hơn và Tinh Tấn Bồ Tát, còn dài hơn nữa.

Trí Tuệ Bồ Tát chú trọng phát triển trí tuệ và thực hành thiền định nhiều hơn là nhiệt thành với những hình thức lễ bái cúng dường bề ngoài. Các Ngài luôn tuân đi theo sự hướng dẫn của lý trí và không chấp nhận điều gì một cách mù

quáng. Không tự bó tay quy hàng một lý thuyết nào, cũng không làm nô lệ cho một quyển sách, một bộ kinh, hay một cá nhân nào. Trí Tuệ Bồ Tát thích trầm tĩnh yên lặng để trau dồi thiền định. Từ nơi vắng vẻ tịch tịch ấy Ngài rải những tư tưởng an lành tuy trầm lặng nhưng hùng dũng, bủa khắp thế gian, để đem lại sự hỗ trợ tinh thần cho nhơn loại đau khổ.

2. Tín Đức Bồ Tát đặt trọn niềm tin tưởng nơi hiệu lực của tâm thành. Saddha hay niềm tin chơn thành là đặc điểm chánh yếu của Ngài. Cùng với saddha (niềm tin nơi Tam Bảo) như người bạn đồng hành trung tín, Ngài thành tựu mục tiêu. Tất cả hình thức cụ thể về lễ bái, thờ phượng bụt tượng, là sở trường của Tín Đức Bồ Tát. Tượng Phật là một nguồn gợi cảm quan trọng đối với Ngài.

Nên hiểu rằng người Phật tử không sùng bái pho tượng vì chính cái pho tượng bằng đồng hay bằng gỗ ấy. Người Phật tử bày tỏ lòng tôn kính tinh thần cao cả mà pho tượng tượng trưng, và suy niệm về phẩm hạnh và ơn đức của Đức Từ Tôn. Càng suy tưởng đến Đức Phật, càng kính mộ Ngài. Đó là lý do tại sao Phật Giáo không khi nào phủ nhận các hình thức ngưỡng mộ bề ngoài (amisa puja) mặc dầu các quy tắc thực hành (patipatti puja) đáng được khuyến khích hơn và chắc chắn là bổ ích hơn. Và lại để đi đến những kết quả thỏa đáng, đôi khi trí thức khô khan cũng cần được hưởng chút hương vị của Bhakti (đức tin). Cũng như Bhakti (đức tin) quá đáng, lắm lúc cũng phải nhờ trí tuệ kèm hãm để khỏi phải sa vào cuồng tín.

3. Tinh Tấn Bồ Tát thì luôn luôn tìm cơ hội để phục vụ kẻ khác. Không có gì làm cho vị Tinh Tấn Bồ Tát hoan hỷ bằng tích cực phục vụ. Đối với Ngài, “*làm việc là hạnh phúc và hạnh phúc là làm việc*”. Không tích cực hoạt động thì các Ngài không có hạnh phúc. Như đức vua Sanghabodhi xứ Lanka nói: “*Ta mang tấm thân bằng máu và thịt này là để đem lại tốt đẹp và hạnh phúc cho thế gian.*”

Bồ Tát không chỉ sống riêng cho mình mà còn sống cho kẻ khác nữa. Tinh thần phục vụ vị tha là đức tánh căn bản của tất cả chư vị Bồ Tát.

Luôn luôn hoạt động, luôn luôn làm việc, không ngừng, không biết mệt, không chán, không phải làm việc như người nô lệ, mà như một chủ nhân. Các Ngài không ham muốn, không bám víu vào danh thơm tiếng tốt. Các Ngài chỉ chú trọng đến việc làm, đến sự phục vụ. Ai biết, ai không biết mình làm gì, điều ấy không quan trọng. Chẳng màng được khen, không sợ bị chê, Bồ Tát thản nhiên trước lời tán dương hay khiển trách.

Bồ Tát quên mình trong khi phục vụ kẻ khác, có khi hy sinh đến cả mạng sống để cứu khỏi chết chúng sanh khác, những người bạn đồng hành trên bước đường dài dằng của vòng luân hồi.

Muốn quên mình để hiến thân cứu mạng cho một chúng sanh khác, Bồ Tát phải hành tâm Bi (Karunà) và tâm Từ (Metta) đến mức đặc biệt cao độ. Bồ Tát ước mong sự tốt đẹp và an lành của thế gian. Ngài thương tất cả chúng sanh như một bà từ mẫu thương đứa con duy nhứt của bà. Bồ Tát hòa mình với tất cả mọi người và rất hoan hỷ xem tất cả mọi người như anh, như chị. Thương yêu tất cả như mẹ, như cha, như bạn, như thầy.

“Tâm Bi của Bồ Tát nhằm thực hiện tánh cách bình đẳng giữa Ngài và người khác (para atma samata) và cũng đặt mình trong kẻ khác (para atma parivartana).” Trong khi thực hành như vậy, Bồ Tát mất dần ý niệm về cái “Ta” và không còn thấy sự khác biệt giữa Ngài và người khác. Ngài tự đồng hóa với tất cả, lấy tốt trả xấu, thiện trả ác, lành trả dữ, giúp đỡ tất cả, chí đến những người chủ tâm hại mình, bởi vì Bồ Tát hiểu rằng *“lực lượng của người dẫn đạo là pháp nhân.”*

“Bị nhục mạ, nhưng không nhục mạ; bị đánh đập nhưng không đánh đập; bị làm phiền nhưng không gây phiền não. Bồ Tát một mực giữ đức khoan hồng. Tựa hồ như đất mẹ trầm lặng, Bồ-

*Tát âm thầm chịu đựng tất cả những lỗi lầm của kẻ khác.”*¹

BỒ TÁT HẠNH

Hành giả Bồ Tát phải tích cực hành Bồ Tát hạnh, nghĩa là mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý niệm đều hướng về chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh. Khi tụng một thời kinh thì trên cúng dường chư Phật, dưới cầu cho pháp âm tỏa khắp pháp giới làm lợi ích chúng sinh. Ngồi thiền dù chỉ năm phút cũng cầu giác ngộ bốn tánh. Để làm gì? Để cứu độ chúng sinh. Niệm Phật dù chỉ mười câu cũng không quên hồi hướng công đức cho chúng sinh. Được như thế mới xứng đáng là Bồ Tát, là trưởng tử của Như Lai. Đầu cứ phải làm chùa to, tượng lớn mới gọi là Bồ Tát. Nói như vậy không có nghĩa là đả kích việc làm chùa to, tượng lớn, vì chùa to, tượng lớn cũng chỉ là vật vô tri, tự nó đâu có lỗi lầm gì, chẳng qua tùy thuộc nơi người làm, nếu làm với tinh thần vô ngã, bất vụ lợi, vì lợi ích chúng sinh thì rất được xưng tán, cúng dường.

Sau khi phát tâm Bồ Đề (còn gọi là Bồ Đề Tâm nguyện), hành giả Bồ Tát cần phải noi theo gương của chư Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai, hành Bồ Tát Hạnh (còn gọi là Bồ Đề Tâm Hạnh). Bồ Tát Hạnh được nói nhiều trong kinh Hoa Nghiêm và Đại Bát Nhã, nhưng lời kinh quá thâm diệu và chư Bồ Tát nhất là trong kinh Hoa Nghiêm đều là những bậc Đại Sĩ Bồ Tát đã phát tâm Bồ Đề và thực hành Bồ Tát Hạnh từ quá khứ vô lượng vô biên kiếp hải. Do đó chúng ta, hàng Sơ phát tâm Bồ Tát chỉ biết đánh lễ hoặc lắc đầu thè lưỡi, không dám hoặc không biết làm sao noi theo. Hạnh của Bồ Tát tuy nhiều vô lượng vô biên nhưng tóm lại không nằm ngoài Thập Ba La Mật hay Lục Ba La Mật, và như thế chúng ta có thể bắt đầu học hỏi và tu tập Lục Ba La Mật, còn gọi là Lục Độ.

Người học Đạo nên có tinh thần như của

1. <http://www.buddhismtoday.com/viet/triet/003-lytuong.htm>

(XEM TIẾP TRANG 99)

NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI VÀ LUẬT NHÂN QUẢ

■ THIÊN LÝ

Trong vũ trụ tự nhiên, nhân quả được nhận thức bởi nhiều lĩnh vực khoa học, triết học, văn học, khảo cổ học, sử học, luận lý học và siêu hình học... Mỗi lĩnh vực nhận biết nhân quả theo phương pháp luận của nó, dù muốn dù không giữa các lĩnh vực đều có quan điểm chung là nguồn gốc (nhân), sự kết hợp với yếu tố hay sự vật gì đó (duyên) và kết quả được sinh ra. Dưới góc độ bài viết này xin có một cách nhìn mới về Nhân Quả và Luật Nhân Quả trong phạm vi của nhân sinh quan dưới cơ sở lý luận siêu hình học giáo lý Cao Đài.

NHÂN QUẢ TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC VIỆT NAM

Từ những câu tục ngữ, ca dao dân gian: “Gieo gió thì gặt bão”; “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, “Ở hiền gặp lành”, “Ở hiền oán trả”, “Muôn đời rông lại sinh rông, liu diu lại đẻ ra dòng liu diu” cho đến những truyện cổ tích hay thần thoại: “Ăn khế trả vàng”; “Cây tre trăm đốt”, “Trọng Thủy Mỹ Châu”, “Sơn tinh Thủy tinh”, cho thấy nhận thức nhân và quả ăn sâu vào niềm tin người dân Việt. Niềm tin đó được xây dựng nên bởi một sự ao ước công bằng, minh bạch đặt ranh giới rõ ràng cho cái Thiện và cái Ác, đồng thời, lẫn vào sự công bình ấy là tư tưởng thiên mệnh, định mệnh gán đặt vào như một quy luật không thể cải đổi được. Bởi niềm tin vào số phận Trời định, con người tin rằng những nạn tai vô thường và những gì không giải thích được nguyên nhân gây quả ở kiếp này thì là do phải trả nhân quả ở kiếp trước; cũng như thế cái nghiệp do nhân quả

tạo ra kiếp này sẽ được tiếp tục trả vào kiếp sau để thể hiện sự công bình của Tạo hóa. Không ai chứng minh được kiếp trước và kiếp sau, nhưng cũng không thể giải thích được những họa tai tự nhiên đến với người ăn ở hiền lành hoặc ở những dị tật, những kiếp đời sinh ra đã đói khổ hoặc tự nhiên chết đi ở những trẻ hay những người chưa bao giờ gieo nhân ác. Do đó, sự chấp nhận nhân quả kiếp trước để giữ gìn một trật tự đạo đức, xã hội ở kiếp người hiện tại và sự răn đe phải gánh chịu nhân quả kiếp sau để con người biết nhân nghĩa đạo lý, tu thân tích đức là cũng để giữ gìn một xã hội trật tự an bình hiện tại và kiếp đời tốt đẹp ở tương lai.

NHÂN QUẢ TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Từ niềm tin vào Trời, Phật bước chuyển hóa nhận thức của người dân Việt tiến lên một nấc thang mới khác của tinh thần và sau bao ngàn năm hấp thụ tinh hoa giáo lý của Tam giáo đạo (đạo Khổng, đạo Lão và đạo Phật), tinh thần, ý thức người dân Việt đã tự tạo cho mình một trật tự khuôn phép đạo đức luân lý phải tuân theo. Trật tự ấy cơ bản dựa vào truyền thống đạo đức, văn minh nhân loại và đặc biệt hơn là tinh hoa giáo lý của Tam Giáo mà từ ngàn xưa cổ nhân gọi là chơn lý, là đạo Trời. Mỗi ngày một lớn, mỗi ngày một thâm sâu, rức rở không biết đến tự bao giờ, truyền thống đạo đức văn minh nhân loại đã hòa nhập vào cùng tâm linh của người dân Việt, ý thức Nhân Quả của nhà Phật đã đi sâu vào

tâm thức mỗi con người tiến bộ. Giáo lý Cao Đài dựa trên nền tảng truyền thống đạo đức văn minh nhân loại và tinh hoa của giáo lý Tam giáo đạo đã trở thành pháp yếu, tôn chỉ cho việc giáo hóa tín đồ và hòa cùng Chơn lý Đạo của tất cả cá thể, tổ chức hay mọi tôn giáo nhân bản trên quả địa cầu này để tạo lập thế giới an bình, cực lạc. Chính vì thế cái nhìn về Nhân Quả của đạo Cao Đài không phải chỉ duy nhất cho rằng đó là luật thiên mệnh mà bên cạnh đó giá trị nhận thức con người đóng vai trò rất quan trọng trong sự chuyển dịch quy luật Nhân Quả theo chiều hướng tích cực cho con người, xã hội hiện tại và đặc biệt cao quý hơn nữa là sự “Tự do” ở một trật tự của kiếp sau. Vậy giáo lý đạo Cao Đài nhìn về Nhân Quả như thế nào?

1. CẤU THÀNH CỦA PHỨC HỢP NHÂN QUẢ:

*“Trong định luật Nhân Quả, có ba yếu tố tham dự vào làm cho định luật hoạt động, đó là Nhân, Duyên và Quả. Nhân là nguyên nhân, là mầm mống. Duyên là điều kiện. Quả là kết quả.”*¹ Qua đó ta thấy được có hai thành phần quan trọng để tạo nên quả là nhân và duyên. Như vậy, nếu chọn con người hay đời sống nhân sinh là đối tượng của quy luật nhân quả thì để có một quả tốt, an lành cho con người, xã hội thì con người có thể tự quyết định kết hợp với duyên (điều kiện nào, hoàn cảnh nào, yếu tố nào, bản chất nào...) và ngược lại sẽ cho quả xấu nếu như con người kết hợp với một duyên chẳng lành. Quan điểm này cũng cùng quan điểm về thuyết Nhân Duyên sinh của giáo lý đạo Phật. Quan điểm trên thể hiện rất rõ nét giá trị của con người có khả năng tự quyết định số phận của mình.

Tuy nhiên, ở một lập luận ngược lại cho rằng Trời định cái duyên đến và con người buộc phải chịu kết hợp. Để trả lời lý luận này, giáo lý Cao Đài có cơ sở lập luận dựa trên Thánh ngôn

Thánh giáo của các Đấng Thiêng Liêng xác định một cách chắc chắn rằng con người đứng trong hàng Tam tài giữa Trời và Đất, có giá trị ngang Trời, nên mới có thể thể Thiên hoàng Đạo và có quyền tự cứu lấy mình.

Con người là một tạo hóa trong Tạo Hóa.²

Do con trẻ sớm toan tự hối,

Tự cứu mình chớ ỷ lại Trời cao,

Từ dưới trên Bắc Đẩu, Nam Tào,

Gìn công luật khôn hề sửa chữa.³

Trời, đại thiên địa tuần hoàn,

Người, tiểu thiên địa chuyển luân cơ mầu.⁴

Theo giáo lý Cao Đài bản thể con người là Tánh (Chơn Như, Thiên Mạng) gồm có Tâm (Lý) là lẽ thật và Sanh (Khí) là sự sống, trong đó Tâm là chủ thể điều khiển.⁵ Do vậy, Tâm đóng vai trò quyết định để chọn lựa duyên để tạo quả hay nói cách khác Tâm giữ nhiệm vụ quan trọng chủ yếu trong quan hệ Nhân và Quả. Cũng chính vì thế toàn bộ hệ thống giáo lý Đại Đạo luận về mục đích nhân sinh quan (Thế đạo) hay Đạo học (Thiên Đạo) đều lấy Tâm, Tánh là các tiêu chuẩn cơ bản của con người hữu hình để đạt được mục đích của Đạo thành là Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.

Nhứt thiết chư pháp,

Giai tùng tâm sanh,

Tâm vô sở sanh,

Pháp vô sở trụ,

Nhược đạt tâm địa,

Sở trụ vô ngại.⁶

TẠM DỊCH:

Tất cả các hiện tượng,

2. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 14-8 Quý Sửu (10-9-1973).

3. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965).

4. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huỳnh Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

5. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư – Đạo Học Chỉ Nam, Tiết III, Mục 1, Tr. 76.

6. Lời của Ngài Tổ Sư Nam Nhạc được nhắc lại trong Thánh giáo Đức Thích Ca Như Lai tại Huỳnh Cung Đàn ngày 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2006, chương 2, Mục 4, Tr.143.

*Đều từ tâm mà ra,
Tâm đừng sanh ra, (đối cảnh vô tâm)
Thì không phải vướng vào hiện tượng,
Vậy đạt tới đất tâm (chơn tâm), (tâm bất
động trước cảnh)*

Không lo bị vướng mắc vào đâu nữa.

Sự chọn lựa Duyên để kết hợp của con người là mang ý nghĩa nhân bản và ảnh hưởng đến sự an bình và trật tự đạo đức xã hội. Ví dụ như chọn lựa giữa thuốc giả, thuốc kém chất lượng và thuốc thật, thuốc tốt để trị bệnh, con người có thể đem đến sự yên ổn cho xã hội hoặc chỉ tạo nên lợi nhuận cho mình và làm tiền mất tật mang cho thiên hạ.

“Bởi một niệm (Duyên) bất giác khởi lên mà tâm (Nhân) thành thức (Quả) mới tạo duyên tác nghiệp... Ta cần biết chỗ khởi niệm phát ra lành hay dữ mà vòng mắt xích luân hồi phải đưa đẩy vào chỗ tối tăm hay ra nơi sáng suốt.”⁷

Câu *“Ta cần biết chỗ khởi niệm lành hay dữ...”* được quan tâm trọng điểm ở cụm từ *“Ta cần biết”* đó chính là Tâm và *“khởi niệm (duyên) lành hay dữ”* thì có rất nhiều, bần bạc vô tận không thể kể hết ở vũ trụ từ thế giới vô hình đến hữu hình. Do đó, trong mối quan hệ nhân quả với phạm trù nhân sinh thì giá trị con người (Nhân) hay Tâm đóng góp phần quan trọng để tạo quả (Tâm và Sanh) mong đợi theo sự lựa chọn duyên nào.

Tuy nhiên, khi nâng giá trị của nhân, giáo lý Cao Đài cũng không làm hạ giá trị của Duyên. Nếu không có Duyên thì không thể trông cậy có được một kết quả như Nhân mong đợi. Chính vì thế Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới có mặt ở kỳ Hạ ngươn này! Chính vì thế muốn lập Đồi Thượng ngươn Thánh Đức hay trở về cõi Chơn như bản thể thì chánh pháp hay chơn lý luôn luôn hiện hữu song đôi và gắn kết với con người. Đọc lại Thánh giáo Đức Quan Âm Như Lai trong năm Ất Tỵ (1965) ta sẽ thấy rõ hơn giá trị của Duyên:

7. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – Đạo Học Chỉ Nam, Tiết III, Mục 2, Tr. 80.

“Nam Bang này rất có duyên phúc trong kỳ Long Hoa chuyển thế, nên mới được Thượng Đế lâm phạm, cùng hàng chư Phật, Tiên, Thánh, Thần dùng điển quang giáo Đạo. Duyên phúc này, hỡi ai đã biết gọi nhuần và thọ hưởng.”⁸

Quay trở lại quan điểm về cơ sở lý luận chiến tranh gây ra do Luật Nhân Quả của Tạo hóa mà phần trên đề cập. Thực sự bản chất vấn đề không thể đổ lỗi do Trời (Thiên định). Trời chỉ có tình yêu thương vô bờ vô thủy vô chung mà không có gì có thể so sánh được với đức hạo sanh của Tạo Hóa, mà do con người (Nhân) là chủ thể kết hợp với những mầm mống ý thức của chiến tranh thì chiến tranh ắt phải xảy ra và hậu quả là đau thương đói khổ, chết chóc, bệnh tật, nạn tai đến với con người. Trong một sự thách thức đấu tranh, không phải chỉ có chiến tranh mới giải quyết được mâu thuẫn ý thức, vật chất của con người mà còn nhiều con đường, phương pháp khác để mang lại sự hòa bình.

Cơn biển loạn trả vay, vay trả,

Sớm chiều trưa phúc họa liền tay,

Hỡi con! Con có rõ hay,

Hay còn trong giấc ngủ say mộng huỳnh?⁹

2. THỨC:

Trước khi nói về Thức, xin được nhắc lại giáo lý của đạo Cao Đài về Bản thể con người (Tánh, Chơn Như, Thiên Mạng) theo Đạo học (siêu hình học). Lý do nhắc lại Bản thể là vì đây là chìa khóa then chốt để đạt đến mục đích cuối cùng của người tu Đạo và mọi giáo lý Tam giáo hay Cao Đài đều hướng đến điểm trọng yếu này. Thức là một biểu hiện của Tâm và Tâm là một thành phần của Bản thể con người, vậy giữa Thức và Bản thể có mối dây liên lạc hay nói cách khác đi Thức là biểu hiện là thành phần của Bản thể thật sự của con người. Đặc tính của Thức ở mỗi cá thể con người là luôn theo cùng

8. Đức Quan Âm Bồ Tát, Hườn Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

9. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965).

Bản thể của cá nhân đó, chính vì thế khi nhìn về Luật Nhân Quả tác động trên Bản thể thực sự của con người hiện tại thì không thể không đề cập đến Tâm, mà nói về Tâm thì phải đề cập đến Thức.

“Thức là gì?”

Thức là sự biết. Biết của thức không phải biết thường, mà kết cấu từ vô thủy dĩ lai, ngâm chứa đủ các hạt giống: thức vô lậu và hữu lậu. Thức do tự Tánh phóng ra. Thức ấy lưu tán khắp vũ trụ, vạn vật, không nơi nào chẳng có thức, không vật nào chẳng bởi thức, không sự nào chẳng bởi thức mà ra. Thức ấy sâu rộng, linh hoạt lạ thường, hay rung động nhóm khởi...¹⁰

Thức của con người hiện tại bao gồm: Thức lưu truyền – Thức di truyền – Thức Tập truyền. Ba hình thức này khác nhau bởi nguồn gốc sinh ra. Lưu truyền sự hiểu biết từ cõi thần đến cõi người qua nhiều thời gian và xuyên vào không gian đến với cá thể đó khi lọt lòng. Thức di truyền có nguồn gốc từ Cửu Huyền Thất Tổ. Thức Tập truyền từ thực phẩm động vật, sinh vật khi ăn vào. Hiểu được lời dạy này sẽ cho ta biết Thức thuộc về Bản thể của vạn vật, luôn luôn sóng đôi với Bản thể đi từ kiếp này sang kiếp khác. Khi có hình tướng để Bản thể tạm trú ngụ, thì Thức là phần định danh, định hình tạo nên mối liên hệ giữa Bản thể và thế giới hữu hình bên ngoài.

“Tóm lại, muôn loài đều do thức làm chủ động. Thức nhóm lên thì có ý. Ý là động cơ của tâm, rất lưu loát lạ thường, thoạt ẩn, thoạt hiện, thoạt vào thoạt ra. Nó là sự lợi hại nhất, gây duyên tác nghiệp bởi nó, điều lý quân phân cũng đó. Đó được tự Tánh soi dẫn, thì đó là ý chí. Ở trời đất, vạn vật, cũng có ý đó.”¹¹ Tự Tánh đó chính là phần Chơn Tâm hay Tâm Tiên Thiên và Thức đó chính là phần Tâm hậu thiên như lời dạy về Tánh, Bản thể của con người trong Đạo Học Chi

Nam (Tr.78). Xin dừng lại về Tánh và Tâm Thức ở đây do giới hạn của chủ đề bài viết, dù vậy nếu như liên hệ đến câu “*Bởi một niệm (Duyên) bất giác khởi lên mà tâm (Nhân) thành thức (Quả) mới tạo duyên tác nghiệp... Ta cần biết chỗ khởi niệm phát ra lành hay dữ mà vòng mắc xích luân hồi phải đưa đẩy vào chỗ tối tăm hay ra nơi sáng suốt*” đã được nêu thì ta càng hiểu rõ hơn cơ chế phát sinh Nhân Quả ở kiếp này hay từ kiếp khác dọn đến ở con người.

“*Dòng thức nghiệp cứ lôi đi đầu thai kiếp này sang kiếp khác, hoặc lên hoặc xuống, hoặc trả, hoặc vay.*”¹² Khi chưa phân tích sâu, kỹ lưỡng ta dường như thấy Tâm và Thức như là một và cũng đúng với hệ luận của các nhà Phân tâm học hiện đại (Freud). Nhưng qua lời dạy của Thiêng Liêng ta thấy sự minh bạch rõ ràng giữa Tâm và Ý hay Tâm và Thức. Trong đó Thức hiển thị vai trò của Tâm hiện hữu của cuộc đời con người (Tâm hậu thiên) và Tâm thật sự phải gọi là Chơn Tâm hay Chơn Như Bản thể (Tâm Tiên thiên). Ý khiến Chơn Tâm (Tánh) bị lu mờ, bởi vì Ý là ý thức hậu thiên. Hễ là hậu thiên thì Bản thể bị Luật Nhân quả tác động. Luật Nhân quả tác động thì thể hiện sự công bình (phản hồi) và luân hồi. “*... Tâm và sanh hậu thiên, vì hữu tình hữu chất, nên bị khấp vào luật nhân quả, phải lên xuống trả vay, gọi là luân hồi sanh tử.*” Khi không còn Thức của hậu thiên nữa thì Bản Thể không còn bị Luật Nhân quả tác động nữa:

*Tâm vô sở sanh,
Pháp vô sở trụ,
Nhuộc đạt tâm địa,
Sở trụ vô ngại.¹³*

Vậy ở kiếp hiện tại, con người luôn luôn có hai mặt cùng tồn tại song đôi, Luật Nhân quả tác động đến con người bởi một trong hai mặt ấy. Dễ dàng lẫn tránh ư? Không phải vậy

10. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – Đạo Học Chi Nam, Tiết III, Mục 2, Tr. 81.

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – Đạo Học Chi Nam Tiết III, Mục 2, Tr. 82.

12. Ibid.

13. Lời của Ngài Tổ Sư Nam Nhạc được nhắc lại trong Thánh giáo Đức Thích Ca Như Lai tại Huân Cung Đàn ngày 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

vì Thức của con người là một sự linh hoạt vô lường, khôn ngoan, tráo trở hay chơn thật, uy tín còn phụ thuộc vào thời gian và không gian của cuộc sống. Tuy nhiên, theo Đạo học và lý luận suy diễn hợp lý thì điều này là có thể. Sự chuyển đổi từ tâm hậu thiên sang tâm tiên thiên hay từ cái tâm hữu hình được định danh sang cái tâm vô hình, chơn như thì dù ở thế giới này Luật Nhân quả cũng không thể, hưởng hồ chi Tâm Chơn như Bản thể không còn trụ lại ở thế giới hữu hình nữa. Sự tạo thành nhân quả tưởng như hai mà là một, tưởng như một lại là hai trong mỗi con người không phải chỉ thể hiện tính dễ dãi mà còn là sự khắc nghiệt của Luật Nhân Quả đeo bám suốt Bản thể con người, bởi sự dao động của cái Thức của cá thể đó.

3. NGHIỆP:

Một câu hỏi đặt ra là nếu nói con người có thể tự quyết định Luật Nhân Quả tác động đến con người theo chiều hướng nào tùy ý, vậy con người có thể xóa đi Luật Nhân Quả đối với con người hay không? Trước khi trả lời câu hỏi này, một lần nữa người viết xin nhắc lại phần lý giải trên là con người chỉ có khả năng chọn lựa duyên để tạo quả, chứ không phải con người có thể xóa đi Luật Nhân Quả. Giờ thì xin trả lời câu hỏi sau: Luật Nhân quả là luật tự nhiên của đạo Trời dựa trên sự công bằng mà không ai có thể cải đổi. Tuy nhiên, để trả lời câu hỏi này tưởng minh hơn, xin được phép trình bày tiếp theo lý luận của giáo lý Cao Đài ở phần dưới đây

Như đã nói trên, giáo lý Cao Đài dựa trên nền tảng cái lý duy nhất của Tam giáo. Lý duy nhất này là chơn lý. Phật đạo dạy về nghiệp:

“Nhân Quả (Nghiệp) (Phật giáo) (zh. yè 業, sa. karma, pi. kamma, ja. gō), là thuật ngữ được dịch từ chữ karma tiếng Phạn. Karma được dịch ý là Nghiệp và cũng được phiên âm là Yết-ma, và đặc biệt có sự phân biệt giữa cách dùng (xem Yết-ma 羯磨). Nghiệp là nguyên nhân đưa tới Quả báo,

cả hai tạo thành Luật Nhân – Quả tuần hoàn không dứt suốt cõi Luân hồi.”¹⁴

Giáo lý đạo Phật nhận định Nhân Quả là thuật ngữ được dịch từ chữ Karma hay còn gọi là Nghiệp. Vậy Nghiệp là sự gộp chung Nhân và Quả khi có khái niệm quả báo ở kiếp sau và cả hai thuật ngữ Nghiệp và Quả Báo tạo thành khái niệm Luật Nhân Quả mà đúng hơn phải gọi là Luật Nhân Quả Luân Hồi. Giáo lý Cao Đài nhận định về Nhân Quả Luân hồi như sau:

“Sự Nhân Quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cõi vô hình đến cõi hữu hình hiện tại của đời các con. Nhân Quả nó theo dõi các con, từ kiếp trước sang kiếp này, rồi đến kiếp khác.”¹⁵

Cũng như giáo lý nhà Phật, giáo lý Cao Đài nhận diện Nhân Quả không phải chỉ phát xuất từ kiếp hiện tại của con người như các nhà triết học, khoa học nhận định theo hình thể thực tại vật chất mà Nhân Quả đã theo con người từ kiếp trước đến kiếp này rồi đến kiếp sau. Do vậy, Luật Nhân quả đã tồn tại độc lập khách quan với kiếp người hiện tại, nó có từ khi con người vừa mới sinh ra và có thể đeo bám theo Bản thể vào cả kiếp sau, nếu như kiếp hiện tại này chưa sòng phẳng nợ nần, hoặc nói khác đi, ở kiếp sau chính bản thể người đó nếu còn ở cõi hậu thiên này (cõi có sắc tướng hữu hình) thì vẫn phải chịu khế vào Luật Nhân Quả. Quan niệm Nhân quả không chỉ xảy ra ở kiếp này mà còn tiếp tục phải gánh chịu sang kiếp khác trả nợ (quả báo) càng thể hiện luật công bình của Tạo hóa, nếu không như thế con người sẽ không có sự răn đe cho sự mưu mô xảo biện, lẫn lách giả đò nhân nghĩa lừa gạt chính mình và hơn nữa là sẽ khởi dậy cách sống ăn xổi ở thì không cần quý trọng những ý nghĩa Công bình, Bác ái, Từ bi. Điều đó có nghĩa rằng tạo nghiệp

14. Wikipedia Bách khoa Toàn Thư.

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.72.

(XEM TIẾP TRANG 95)

■ VĂN THỊ

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH VỀ ĐẸP NHÂN VĂN NƠI PHẬT TÍNH CỦA NGUYỄN DU

Hằng năm, cứ đến tháng Bảy âm lịch thì Nhân sanh đua nhau làm phúc hành thiện để cầu an cho ông bà cha mẹ còn tại tiền và cầu siêu cho Cửu huyền Thất tổ quá vãng. Bởi trong truyền thống Phật giáo, ngày Rằm của tháng này là lễ Vu Lan Bồn với tích đại hiếu Mục Kiền Liên Bồ tát cứu mẹ. Hay trong truyền thống Nho giáo, đó là ngày Trung ngươn tháng hội Địa quan xá tội, nói về gương chí hiếu của vua Thuấn. Và trong dân gian, đây được xem là ngày xá tội vong nhân, cầu siêu chẩn tế cho âm nhơn, cô hồn... Đó là một sự kết hợp hành thiện báo hiếu đậm tính nhân văn, không chỉ trợ nghèo giúp khó cho người sống mà còn chẩn tế siêu độ cho kẻ thác. Quả thật, tháng Bảy vào Thu ngoài cái tiết se lạnh của gió heo may còn là khoảnh khắc lòng trắc ẩn con người được thấu liễm qua những hành động hiếu sinh ái nhân, ái vật.

Ai trong đời cũng cần ít nhất một lần tham dự đàn Chẩn tế của

Phật giáo hay Cao Đài để cảm nhận ân đức từ bi thiêng liêng toát ra từ lòng Nhân của người thiện tâm nơi đàn cúng. Ân đức từ bi, lòng Nhân hay chính là nét đẹp nhân văn và cũng là nhân bản tính mà con người cần gìn giữ và làm sáng tỏ. Trong mạch nguồn cảm xúc ấy, người viết xin chia sẻ những phân tích về nét đẹp nhân văn trong một áng thơ rất nổi tiếng dành cho những âm hồn lẫn dương hồn rất phổ biến trong dân gian lẫn pháp sự chốn tế, cầu siêu. *Văn chiêu hồn* hay là *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du là tác phẩm mà người viết muốn nói đến. Bởi tác phẩm ấy đã thể hiện sự đồng cảm sâu sắc và đức yêu thương, trí tuệ của thi hào Nguyễn Du, giá trị ấy vượt ra ngoài lĩnh vực văn chương trở thành lời khai thị thiêng liêng thức tỉnh kẻ thác lẫn người sống.

Đọc *Văn chiêu hồn* để cảm thông, cầu nguyện và hồi hướng cho những kiếp nhân sinh bất hạnh cũng như đồng thời sống cho xứng đáng với ân phước may mắn mà mình đang thụ hưởng. Đọc *Chiêu hồn thập loại chúng sinh* cũng là để cảm nhận về đẹp nhân văn toát ra từ Phật tính của Nguyễn Du. Trước khi đi vào tìm hiểu tác phẩm, thiết nghĩ cần làm rõ khái niệm nhân văn và Phật tính cũng như nắm khái quát tác phẩm. Nhân văn, nhân bản và nhân đạo là 3 khái niệm liên quan nhau nói về con người. Nhân bản (gốc con người) nghĩa là lấy con người làm gốc; Vì thế, chủ nghĩa nhân bản coi trọng con người với thực thể hiện hữu của nó; Theo đó, chủ nghĩa nhân bản thiên về khía cạnh triết học bản thể con người. Nhân đạo (đạo làm người) nghĩa là đường đi của con người; Vì thế, chủ nghĩa nhân đạo kêu gọi tình yêu thương, lòng quý trọng và bảo vệ con người và tính người trong xã hội; Theo đó, chủ nghĩa nhân đạo thiên về khía cạnh đạo đức con người. Nhân văn (về đẹp con người) nghĩa là lấy về đẹp con người làm bản vị; Vì thế, chủ nghĩa nhân văn nhìn nhận, đề cao, quý trọng giá trị con người

(phẩm hạnh, trí tuệ, sức mạnh, vẻ đẹp...); Theo đó, chủ nghĩa nhân văn thiên về khía cạnh văn hóa con người. Tùy trường hợp và mục đích sử dụng mà ta dịch thuật ngữ gốc latin Humanism thành ra 3 khái niệm trên. Còn Phật tính có thể hiểu nôm na là bản tính [tính Phật?] nơi con người với các tố chất từ bi, bình đẳng và trí tuệ mà ta có thể thấy qua cái nhìn của Nguyễn Du đối với chúng sinh trong *Văn chiêu hồn*. Tác phẩm dài 184 dòng thơ Nôm, theo thể song thất lục bát, nhịp nhàng truyền cảm, hài hòa bi hùng giữa sự đan xen thất ngôn và lục bát mà dễ ngâm, dễ hát, dễ chạm vào lòng người... Theo Đặng Thị Hảo, có thể chia bài văn thành bốn phần:

- Phần một (20 câu): tả cảnh một chiều thu tháng Bảy mưa dầm buồn bã, khiến nhà thơ chạnh lòng thương đến các chúng sinh đang lạnh lẽo, bơ vơ nơi cõi âm mà lập đàn cầu siêu.

- Phần hai (116 câu): nêu rõ tên và nguyên nhân thiệt mạng của mười loại cô hồn.

- Phần ba (20 câu): miêu tả cảnh sống thê lương thảm thiết của các cô hồn.

- Phần cuối (28 câu): lời thỉnh cầu phép Phật nhiệm mầu giúp cho họ được giải thoát. Cuối cùng là lời mời các cô hồn tới nhận phần lễ cúng để lên đàng thăng thiên.

Văn chiêu hồn thường được đọc hòa với điệu nhạc Tứ đại oán chỉ về nỗi tứ khổ của kiếp con người trong những đêm đầu thu man mác heo may:

*Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô,
Nào người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc lá ngô rụng vàng.*

Chỉ qua 4 dòng thơ mở đầu, thi hào Nguyễn Du đã thổi mù hơi ai oán bao quanh người đọc, rợn sống lưng nổi gai ốc người nghe. Thời gian không gian tối ưu nhất để khơi nỗi man mác, xót xa cho mạch trắc ẩn tuôn trào. Nổi buồn luôn dễ chạm lòng người và dễ tìm được sự đồng thuận vì bởi sinh ra trên đời ai cũng khổ. Hấp dẫn của 4 dòng mở đầu còn là một

không gian ma mị, yếu yếu minh minh, cảm cảm buốt buốt đến não người. Cái não người ấy không đơn thuần là nỗi buồn mà còn chứa đựng nỗi chán ngán, ủ rũ, nhờ nhờ nhớ... Không gian, thời gian và lòng người đều tha thiết đượm Thu như thâu nhiếp nhập thần để dễ chuyển mình từ cõi dương sang đồng cảm cõi âm:

*Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Dịp đường lê lác đác mưa sa,
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.*

Kiếp sống của con người theo hiện sinh chủ nghĩa đã mang mặc nỗi cô đơn, thế mà thác đi cũng không tránh khỏi:

*Trong trường dạ tối tăm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh...
Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đờn phách chiếc lênh đênh quê người
Hương lửa đã không nơi nương tựa
Hồn mờ cõi lẩn lữa bấy niên...
Còn chi ai quý ai hèn
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu!*

Hai tiếng “thương thay” ở đây không phải là sáo ngữ khuôn mẫu của văn tế thường khi mà đó là sự xót xa đồng cảm cho kiếp nhân sinh chi mộng mà vô thường không phân biệt ngoại lệ một ai. Nguyễn Du dù thuộc hạng trí thức bậc cao nhưng có cái nhìn hòa giải và tấm lòng bình đẳng khi yêu thương thông cảm không phân biệt quý hèn, khôn ngu, quân tử tiểu nhơn,... Tất cả chúng sinh đều cần và đều phải được từ bi cứu độ như nhau. Nét đẹp nhân văn toát ra từ Phật tính của Nguyễn Du là từ những vần thơ đau đời và thương đời này.

Loạt từ đơn chiếc, lênh đênh quê người, không nơi nương tựa, mờ cõi... cụ thể hóa sự đồng cảm của Nguyễn Du cho kiếp đơn độc của con người ở cõi dương lẫn cõi âm. Ai đã trói buộc đơn độc cho kiếp người? Tìm ai để giải thoát? Nỗi niềm trần trở đậm chất nhân văn!

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát

*Nước tĩnh đàn sai hạt dương chi
Muôn nhờ đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ độ về tây phương.*

Kiếp người đơn độc trong khổ đau, nói thể không để than vãn mà là để nhắc những ai bị thế thì phải chủ động tìm phương giải thoát khỏi thế. Hình ảnh Nước tĩnh đàn sai hạt dương chi như trở thành biểu tượng cho việc giải oan cứu khổ độ siêu của chư Bồ Tát. Đàn giải thoát hay tĩnh đàn như là một, vì bởi muốn giải thoát thì phải thanh tĩnh vậy! Muốn thanh tĩnh thì phải thấy được nguồn gốc của vọng động mà hóa giải. Nhà thơ không chỉ quan tâm, đồng cảm với thập loại cô hồn mà còn tìm phương cứu giúp. Đó là một trong những cử chỉ, ái tâm đầy nhân văn của Tố Như. Thập loại chúng sinh vọng động trong gốc tam độc với các nhánh khác nhau được Thanh Hiên khai thị như sau:

Nguyên nhân của khổ khởi đầu từ tham và cái tham ghê gớm nhất là tranh bằng chiến, nó không chỉ làm cho chủ thể tham khổ mà còn cộng nghiệp đến nhiều người, những kẻ tranh hùng là loại chúng sinh mà Nguyễn Du muốn nhắc đến đầu tiên:

*Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh
Chí những lăm cất gánh non sông
Nói chi những buổi tranh hùng
Trường khi thế khuất vận cùng mà đau!*

Tác phẩm này không chỉ thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Tố Như mà còn bộc lộ vẻ đẹp nhân văn trong ông khi mà những vần thơ này không chỉ đưa ra nguyên nhân gây ra đau khổ từ những kẻ tranh hùng mà còn cảm thông cho nỗi khổ của bọn họ cũng như thức tỉnh họ:

*Bổng phút đầu mưa sa ngói lờ
Khôn đem mình làm đũa thất phu
Giàu sang càng nặng oán thù
Máu tươi lai láng xương khô rã rời
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quý không đâu đứng khóc đêm mưa
Cho hay thành bại là cơ*

Ma oan hồn biết bao giờ cho tan.

Cho hay thành bại là cơ mà Nguyễn Du đã rút kết qua những điều trông thấy như một lần nữa muốn thức tỉnh những kẻ tranh hùng tranh bá, nó làm ta nhớ lại lời than của Gia Cát tiên sinh: “Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên!” Thắng làm vua thua làm giặc, phải chịu những cái chết không toàn thây, vô tự lạc loài.

Bên cạnh những kẻ tranh hùng tranh bá ấy là bóng dáng giai nhân đài cát của những phận hồng nhan:

*Cũng có kẻ màn lan trướng huệ
Những cây mình cung quế Hằng Nga
Một phen thay đổi sơn hà
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?*

Mang phận nữ nhi, họ phải chịu khổ hơn bội phần những thành phần còn lại. Thân phận bấp bênh, vô định trong cái xã hội “trọng nam khinh nữ” càng khiến họ chịu nhiều bất hạnh cho dù có đẹp như Hằng Nga, đẹp lung lay thành lũy nhưng rồi trước ngọn gió vô thường thì mảnh thân chiếc lá ấy vẫn phải tan tác, chia lìa khác nào trâm gãy bình rơi... Cảnh hạnh phúc đông đúc vui cười chỉ là phút chốc, còn lại là nỗi đau đớn, quạnh hiu, héo hắt của kiếp sống lẫn số thác của kẻ chân yếu tay mềm:

*Lên lầu cao xuống dòng nước chảy
Phận đã đành trâm gãy bình rơi
Khi sao đông đúc vui cười
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.
Đau đớn nhẽ không hương không khói
Hồn ngẩn ngơ bãi cõi rừng sim
Thương thay chân yếu tay mềm
Càng năm càng héo một đêm một dài.*

Câu thơ kết cho lời thương xót giai nhân đã thể hiện sự đồng cảm sâu sắc của Tố Như. Đau đớn nhẽ cho số kiếp giai nhân chân yếu tay mềm lên xuống bị động trong vô thường, Nguyễn Du càng xót xa cho thân phận kẻ mũ cao áo rộng kinh luân, quyền thế nắm sống thác nơi tay mà cũng bất lực trước vô thường:

*Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút sơn thác sống ở tay
Kinh luân găm một túi đầy
Đã đem Quân Cát lại ngày Y Chu.¹*

Giàu sang hay thịnh mãi lắm thì oán thù càng lắm, đó là một bài học trong đời mà Nguyễn Du đã thấm thía.

*Thịnh mãi lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mỗ nắm chung quanh
Ngàn vàng khôn đổi được mình
Lầu ca viện hát tan tành còn đâu?
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước
Biết lấy ai bát nước nén nhang?
Cô hồn thất thiếu dọc ngang
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh?*

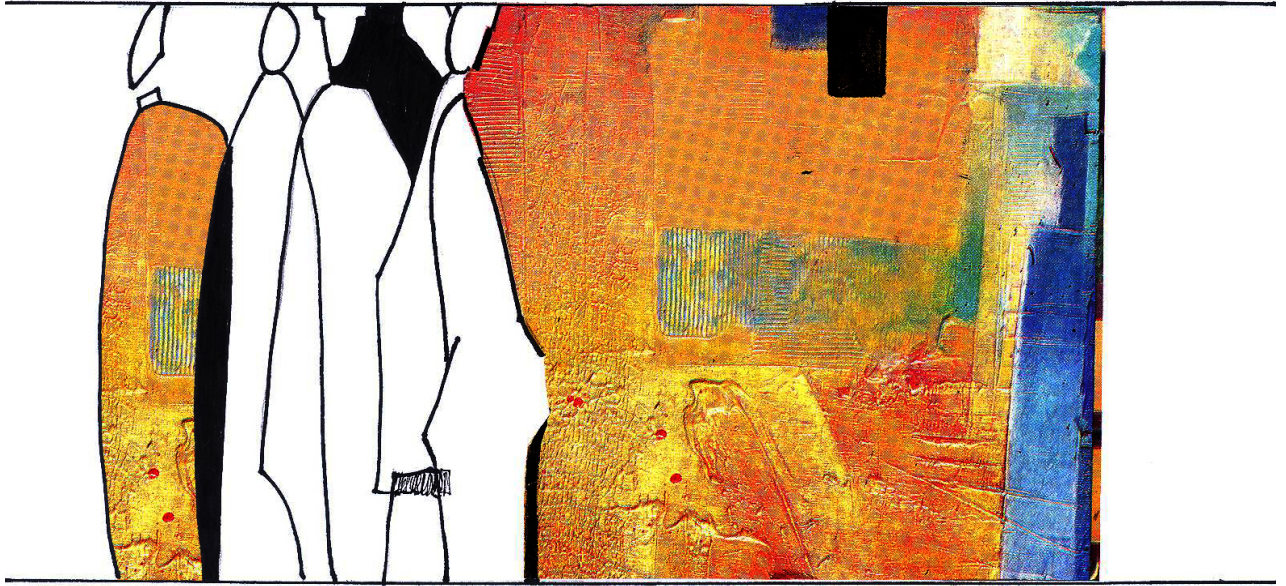
Sống họ đã phải chịu sự bất an khi phải đối mặt với nhiều oán thù mà đến khi mất thì tâm cũng nào yên, phải thất thiếu dọc ngang khôn nhẽ tìm đường hóa sinh. Quyền thế có, vàng bạc có nhưng khôn đổi được mình là bi kịch chung của kẻ quý tộc! Giờ đây, con đường hóa sinh cũng là để hóa giải oan khiên vay mượn là ao ước của kẻ mũ cao áo rộng.

Trong mắt Nguyễn Du, mấy ai thoát được vòng tứ khổ vô thường, dù là những kẻ một thời nệm ấm chăn êm. Mấy ai ngờ rằng, những kẻ “chốn màn lan trướng huệ, cây mình cung quế Hằng Nga” đông đúc vui cười, những “kẻ mũ cao áo rộng” nắm chết sống của kẻ khác trong tay vẫn có ngày chịu cảnh không người nhật xương không hương không khói, không ai lo bát nước nén nhang! Những dòng thơ Nguyễn Du như thấp lên ngọn tâm đặng, nén tâm hương, ngõ hầu soi sáng, sưởi ấm giúp oan hồn bớt bơ vơ, lạnh lẽo và cũng là khua tỉnh những ai thuộc những loại này dù còn sống hay đã thác còn trong giấc mê...■

(CÒN TIẾP).

1. Quân Cát Y Chu: Quân Trọng : nhân vật thời Chiến Quốc, giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá. Gia Cát Lượng: quân sư của Lưu Bị nhà Thục Hán. Y Doãn: khai quốc công thần nhà Thương. Chu Công: con Văn Vương, người đã định ra lễ nhạc nhà Chu.

một trong những bí quyết để thành công LÀ NẮM ĐƯỢC TÂM LÝ CỦA CON NGƯỜI



■ CAO BẠCH LIÊN

Minh họa: Bửu Long.

Những nhà phân tâm học, những nhà triết học thế giới đã nhận xét:

Một đặc tính của con người là “sự khao khát thể hiện mình.” Mọi người đều thích được khen ngợi và tán thưởng. Sự khao khát được cảm thấy mình quan trọng là một trong những khác biệt chủ yếu nhất giữa con người và những sinh vật khác. Những ai có khả năng thỏa mãn những khao khát này một cách chân thành thì người đó sẽ kiểm soát được những hành vi của người khác.

Nếu tổ tiên chúng ta không có khao khát cháy bỏng là cảm thấy mình quan trọng, thì sẽ không bao giờ có những nền văn minh độc đáo và loài người chúng ta ngày nay

chẳng hơn gì những loài động vật khác.

Không chỉ trích và làm tổn thương người khác, mà nên khen ngợi, khuyến khích động viên là tạo động lực cho mọi người làm việc. Từ những người tầm thường cho đến các nhân vật nổi tiếng nhất ai cũng khát khao thấy mình quan trọng, đó là một thuộc tính rất con người, chỉ có sự thể hiện của mỗi người là khác nhau mà thôi.

Một con người tài ba như Christopher Columbus cũng muốn có được danh hiệu “Thủy Sư Đô đốc Đại Dương và Phó Tướng Ấn Độ.”

Và ngạc nhiên hơn nữa nếu biết rằng Nữ hoàng Catherine vĩ đại sẽ không chịu mở bất

kỳ bức thư nào nếu không có lời đề bên ngoài “Kính gửi Nữ Hoàng Quyển Uy”.

Một trong những giá trị bị chúng ta lãng quên nhiều nhất trong cuộc sống hàng ngày chính là sự cảm kích, trân trọng người khác. Chẳng hiểu vì sao chúng ta quên đi sự khen ngợi thuộc cấp hay khen ngợi con em mình, khi họ làm được những việc tốt, nhưng lại hay phê phán chỉ trích những sai sót của họ. Nếu chúng ta không thích điều gì thì hay quát mắng nhân viên hay con em mình. Còn nếu chúng ta thích thì sẽ im lặng, không tỏ lời khen ngợi gì cả. Người xưa thường nói “Làm tốt đến đâu cũng không được một lời khen, còn phạm sai lầm một lần sẽ

được nhắc suốt đời.” Chúng ta mắc sai lầm là chỉ thấy khuyết điểm của người khác thì nhiều còn ưu điểm thì quá ít chú ý.

Một lời khen thành thật sẽ tạo nên một động lực mạnh mẽ cho cộng sự hay con em của mình. Một người thành công trong công việc nhờ tự nỗ lực bản thân, nhưng đồng thời được sự ủng hộ, động viên của những người chung quanh.

Chúng ta biết được tâm lý khát khao của con người, chúng ta ứng xử tốt với những người cộng tác của mình, thì chúng ta sẽ tập hợp được những người tài giỏi cộng tác với chúng ta trong công việc.

Muốn thuyết phục người khác dù ở môi trường nào, trong gia đình, ngoài xã hội: trường học, chính trường, hay đi truyền đạo, trước hết hãy khơi gợi ở người mình muốn ảnh hưởng một ý muốn thiết tha. Ai làm được như thế sẽ có cả thế giới theo mình và sẽ không bao giờ đơn độc. Bạn muốn thuyết phục ai đó làm điều gì, trước khi làm điều đó, bạn hãy tự hỏi mình: tôi có thể làm gì để người đó tự nguyện làm điều mà tôi muốn?

Nếu như có bí quyết nào để thành công, thì nó nằm ở khả năng hiểu và thông cảm với quan điểm của người khác và nhìn sự việc theo góc độ của người ấy cũng như theo góc độ của mình. Đây là lời khuyên hay nhất từ xưa tới nay trong nghệ thuật đối nhân xử thế.

Một chân lý đơn giản và hiển nhiên mà ai cũng biết. Thế nhưng 90% con người trên trái đất này lại quên dùng nó trong suốt 90% thời gian sống của mình.

Để trở thành một người giao tiếp khéo léo, gây thiện cảm với người đối diện, hãy lắng nghe vì lắng nghe là một trong những cách trân trọng đối với người đối diện. Hãy lắng nghe với cả tấm lòng là cách gây thiện cảm tốt nhất. Sự lắng nghe rất quan trọng trong giao tiếp.

Nhiều nhân vật kiệt xuất bảo rằng: Họ thích người nghe giỏi hơn là người nói giỏi.

Khả năng lắng nghe xem ra có hơn mọi đức tính khác. Không chỉ các nhân vật quan trọng mới mong muốn có người chịu lắng nghe mình mà những người bình thường cũng muốn như vậy.

Nếu bạn muốn người khác lắng tránh mình, chê cười sau lưng, hay thất vọng về mình thì đừng bao giờ lắng nghe ai cả, cứ nói liên tục-liên tục về mình; khi chợt nảy ra ý gì, bạn cứ cắt ngang lời người đang nói, cứ mặc kệ mọi người đang nói gì.

Muốn gây thiện cảm thì phải chăm chú lắng nghe. Muốn được người khác quan tâm, bạn nên quan tâm đến người khác. Hỏi những câu mà họ thích trả lời, khuyến khích họ nói về điều họ thích. Bởi sự cảm thông chia sẻ mạnh hơn lời nói. Niềm vui chân thành sẽ thật sự bền vững khi bạn

biết quan tâm đến người khác như bạn từng quan tâm đến bản thân bạn.

Xin hãy nhớ rằng, những người bạn đang trò chuyện đều quan tâm đến chính họ, ước muốn của họ, họ quan tâm gấp trăm lần việc quan tâm đến những vấn đề của bạn.

Xin hãy ghi nhớ khi giao tiếp: “Nói ít, nhìn và lắng nghe nhiều.”

Một vài nguyên tắc nổi tiếng là:

Mọi người thường không quan tâm đến bạn hay công việc của bạn, cho đến khi họ biết bạn quan tâm thực sự những vấn đề của họ.

Sự im lặng du dương hơn bất cứ một bản nhạc nào. Càng tĩnh lặng càng nghe được nhiều hơn. Không bao giờ ngắt lời cắt ngang câu chuyện, là điều làm cho người đối diện mất thiện cảm.

Trong một gia đình, hay một tập thể, khi bạn biết lắng nghe là yếu tố quan trọng giữ gìn hòa khí, thân ái và hạnh phúc.

Các bạn Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý, các bạn là Tu sinh, Tu sĩ và sẽ là Giáo sĩ, là những người sẽ nhận lãnh sứ mạng truyền giáo trong tương lai. Nếu nắm được tâm lý chúng sanh, biết những điều họ khao khát, ứng dụng nhuần nhuyễn và thật chân thành sẽ thu phục được nhân tâm, mới hoàn thành sứ mạng hoằng hóa độ đời, phổ truyền giáo lý Cao Đài ra khắp năm châu bốn biển.■

TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA ĐIÊU KHẮC CHĂM (CHAMPA)



■ BAN BIÊN TẬP TỔNG HỢP

Minh họa: Bửu Long.

TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI CHĂM

Người Chăm theo hai tôn giáo chính là Bà la môn và Hồi giáo. Trong Hồi giáo lại chia ra Hồi giáo cũ (Bà ni) và Hồi giáo mới (Ixlam). Hai tôn giáo Bà la môn và Hồi giáo tồn tại độc lập, và trải qua quá trình lịch sử, đã hòa nhập với tín ngưỡng bản địa, tạo nên một thứ tôn giáo địa phương. Ngoài ra còn một số ít người Chăm còn theo đạo Công giáo và Tin Lành. Trong quá khứ Phật giáo từng đóng một vị trí khá quan trọng trong đời sống tinh thần của người Chăm, tồn tại và phát triển song song với đạo Bà la môn từ đầu thế kỷ trước công nguyên đến thế kỷ thứ IX.

BÀ LA MÔN (BÀ CHĂM)

Đạo Bà la môn du nhập vào Chăm Pa từ khoảng thế kỷ thứ II, III, tồn tại và biến đổi trong cộng đồng người Chăm cho đến ngày nay. Sử sách Trung Quốc cho biết, đạo Bà la môn du nhập vào Chăm Pa rất sớm. Ba trong bốn bia ký bằng chữ Phạn có niên đại thế kỷ VII được tìm thấy ở Quảng Nam và Phú Yên ở triều đại Bhadresvaravamin cũng ghi nhận điều này. Đạo Bà la môn được truyền bá đến Chăm pa nói riêng và Đông Nam Á nói chung bằng hai con đường: đường thủy và đường bộ. Đường thủy thì từ cảng Coromandel thông qua eo biển Malaka (Mã Lai), và đường bộ

thì từ Atxan đi vào Mianma rồi qua khu vực đồng bằng sông Mêkông. Người Chăm gọi đạo Bà la môn (đã Chăm hóa) là Bà chăm. Đạo Bà chăm phổ biến ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

HỒI GIÁO CŨ (BÀ NI)

Trong các thế kỷ XII–XVI, hoạt động hàng hải của người Chăm phát triển mạnh họ tiếp xúc mua bán với các nước Indonesia, Malaysia, Malacca (là những nước theo Hồi giáo) Hồi giáo bắt đầu vào Chăm pa theo con đường này. Trong giai đoạn đầu sự truyền đạo mới chỉ xảy ra ở cấp thượng lưu xã hội (triều đình và các người quyền quý), sau năm 1471 (năm thủ đô Vijaya thất thủ, quân Chiêm bị bắt sống hơn 3

vạn người, bị giết 4 vạn người, vua Chiêm là Trà Toàn bị bắt đem về Đại Việt, kinh đô bị phá hủy hoàn toàn), niềm tin vào Bà la môn của người Chăm Pa giảm sút, một bộ phận người Chăm Pa chuyển sang Hồi giáo. Người Chăm gọi Hồi giáo (đã Chăm hóa) là Bà ni. Đạo Bà ni phổ biến ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

HỒI GIÁO MỚI (IXLAM)

Hồi giáo mới (Ixlam) mới du nhập vào đồng bào Chăm từ Trung Đông. Người Chăm theo Ixlam phổ biến ở An Giang. Những người theo Hồi giáo này có sự liên lạc với Hồi giáo quốc tế, hàng năm có người hành hương đến thánh địa Mecca. Tại mỗi thôn, người theo Ixlam đều có thánh đường riêng. Người Chăm gọi những người theo Ixlam này là Hồi giáo mới. Hoạt động của cộng đồng Chăm Ixlam theo Hồi giáo chính thống, chỉ tôn thờ thánh Ala, cầu nguyện mỗi ngày 5 lần. Tín đồ là nam đều tắm rửa sạch sẽ, y phục chỉnh tề đến thánh đường

làm lễ trưa thứ sáu hàng tuần. Tín đồ nữ được làm lễ tại nhà. Các tín đồ thực hiện nghiêm túc giáo lý giáo luật của Hồi giáo, thực hiện các bốn phận của tín đồ như nhịn ăn tháng Ramadan. Các tín đồ đã hành hương đến thánh địa Mecca được mang tước hiệu Hadji và được tín đồ khác kính trọng.

PHẬT GIÁO

Phật giáo Đại thừa do những thương gia Ấn Độ du nhập vào Chăm pa từ những năm trước công nguyên, phát triển và hưng thịnh nhất vào thế kỷ thứ IX. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều tượng Phật trong các di chỉ vùng Indrapura (Đồng Dương, Thăng Bình, Quảng Nam ngày nay), Vijaya (Nhơn Hậu, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định ngày nay), Kauthara (khu vực đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp từ Phú Yên Cam Ranh ngày nay), và Panturanka (vùng Phan Rang, Phan Thiết ngày nay). Đặc biệt là các nữ thần phái

Mật Tông mà phổ biến nhất là Bồ Tát Prana Paramita, Bồ Tát Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) và Lokeshvara (Nam Phật) những vị Bồ Tát này là Phật Amitahba hay A Di Đà hiện thân để cứu độ chúng sinh. Một số tượng Phật bằng đồng cũng được tìm thấy tại đồng Phong Nha. Vào năm 875 nhà vua Indravarman II cho xây dựng tại Indrapura (Quảng Nam) một tu viện Phật giáo lấy tên là Laskmida Lokeshvara. Đây chính là di tích Phật viện Đồng Dương ngày nay.

VĂN HÓA ĐIỀU KHẮC CHĂM

Đài thờ Mỹ Sơn E1 có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ VII-VIII, là hiện vật gốc độc bản, tiêu biểu cho loại hình đài thờ tại khu di tích Chăm pa ở Mỹ Sơn. Đài thờ Mỹ Sơn E1 là đài thờ duy nhất còn lại tương đối nguyên vẹn, là một cứ liệu quan trọng cho việc nghiên cứu các vấn đề văn hóa, tín ngưỡng, điêu khắc và kiến trúc của di tích Mỹ Sơn nói riêng và Chăm pa nói chung.



PHÉ TÍCH PHẬT VIỆN ĐỒNG DƯƠNG (WIKIPEDIA).



ĐÀI THỜ MỸ SƠN E1.

Về nội dung và nghệ thuật điêu khắc, đây là đài thờ Chăm duy nhất được tìm thấy có miêu tả nhiều nhân vật, cảnh sinh hoạt, thiên nhiên, động vật... là căn cứ để nghiên cứu về đời sống tâm linh, đời sống xã hội của Chăm cổ đại, đặc biệt là về quan hệ giao lưu văn hóa giữa các nước trong khu vực. Cách thức điêu khắc trên đài thờ Mỹ Sơn E1 được các nhà nghiên cứu nghệ thuật xem là tiêu biểu cho một phong cách ổn định sớm nhất trong lịch sử phát triển nghệ thuật điêu khắc Chăm, gọi là phong cách Mỹ Sơn E1. Về kiến trúc, đài thờ Mỹ Sơn E1 cũng là một cứ liệu tiêu biểu cho loại hình đài thờ có kích thước lớn và có chạm khắc chung quanh, gồm nhiều mảnh ghép lại, có gờ mộng bên trên, được xem là tiêu biểu cho giai đoạn đầu của việc xây dựng các tháp Chăm, khi mà kiến trúc Chăm chủ yếu được xây dựng bằng gỗ.



ĐÀI THỜ TRÀ KIỆU

Bảo vật thứ hai được TP Đà Nẵng trình Chính phủ công nhận là Đài thờ Trà Kiệu. Đài thờ này có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ VII-VIII, là hiện vật gốc độc bản, tiêu biểu cho sự tồn tại của một khu kinh thành và thờ tự của Chăm cách đây hơn 1.000 năm ở Trà Kiệu.

Đặc biệt, hiện vật đài thờ này còn giữ được nguyên vẹn bốn mặt, trên đó có chạm khắc thể hiện hoàn chỉnh một chủ đề trong thần thoại, là cơ sở quan trọng cho các chuyên gia khi nghiên cứu, so sánh về tín ngưỡng, phong cách nghệ thuật Chăm.

Bảo vật thứ ba là Tượng Bồ Tát Tara. Bảo vật này có niên đại vào thế kỷ thứ IX, là hiện vật gốc độc bản. Theo kết quả khai quật khảo cổ, vào khoảng cuối thế kỷ thứ IX, tại Đồng Dương (Quảng Nam) đã có một Phật viện lớn. Các di tích nền móng cho thấy đây là Phật viện lớn



TƯỢNG BỒ TÁT TARA

nhất của Vương quốc Chăm. Văn bia tìm thấy ở Đồng Dương có nói đến việc vua Chăm Indravarman II đã cho xây dựng ở đây một Phật viện và một đền thờ để thờ Bồ Tát Laksmindra Lokesvara vào năm 875. Hiện vật này là tượng Bồ Tát bằng đồng, tiêu biểu cho việc thờ Bồ Tát tại Phật viện Đồng Dương.

Về mặt kỹ thuật và nghệ thuật: Hiện vật này được đúc hoàn chỉnh, không có dấu vết khuôn đúc với một kỹ thuật đặc biệt (hiện nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa xác định được). Một giả thuyết cho đây là kỹ thuật đúc bằng khuôn sáp nay đã thất truyền, sau đó được gia công bằng kỹ thuật chạm khắc. Đặc biệt, hiện vật có những phần khắc lõm để nạm ngọc và kim loại quý trên trán, lông mày, hai tròng mắt. Các chi tiết trang trí và hình thể được các nhà nghiên cứu xem là đặc trưng tiêu biểu của phong cách Đồng Dương. Với những giá trị to lớn và độc đáo nêu trên, UBND thành phố Đà Nẵng gửi hồ sơ chi tiết về 3 hiện vật Đài thờ Mỹ Sơn E1, Đài thờ Trà Kiệu, Tượng Bồ tát Tara và đề nghị Bộ VH-TT-DL trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận 3 hiện vật trên là bảo vật quốc gia.

Nếu được Thủ tướng Chính phủ chấp nhận thì đây là 3 bảo vật quốc gia đầu tiên của thành phố Đà Nẵng.

THEO CÔNG BÌNH (DÂN TRÍ).

[HTTP://CHUADIEUPHAP.COM.VN](http://CHUADIEUPHAP.COM.VN) ■



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIỆN

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Từ 17-6 Nhâm Thìn 2012 đến 13-6 Quý Tỵ 2013.

■ KIM TRINH

BAN BIÊN TẬP: Do Đạo tử Kim Trinh đọc tại buổi lễ kỷ niệm ngày thành đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và kỷ niệm 23 năm ngày thành lập Phòng Khám Bệnh Phước Thiện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (1990-2013).

Như lệ hàng năm, ngày 19-6 Quý Tỵ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thành kính thiết lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và kỷ niệm 23 năm hoạt động của Phòng Khám Bệnh Phước Thiện Cơ Quan và nay là Chi hội Chữ Thập Đỏ của phường Nguyễn Cư Trinh. Năm Canh Ngọ 1990, được sự chỉ đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, Phòng Phước Thiện được thành lập và khai trương vào ngày Lễ Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Từ đó, từ những buổi đầu sơ khai, nhờ sự giúp đỡ của quý vị ân nhân, Phòng Phước Thiện từng bước trưởng thành và đạt được kết quả như ngày hôm nay.

Qua 23 năm, một chặng đường dài có vui buồn, có âu lo, tuy nhiên chúng tôi có được những tháng ngày sống hữu ích và có ý nghĩa khi được chia sẻ cùng bệnh nhân những tật bệnh khó khăn.

Giờ đây nhìn lại những ngày qua với những ưu khuyết điểm, chúng tôi có được kinh nghiệm cho những ngày sắp tới. Điều chắc chắn là chúng tôi sẽ vững đức tin và mạnh tiến trên con đường mình đã chọn.

Thời gian qua, Phòng Phước Thiện hoạt động điều hòa, khám bệnh, cấp thuốc, cấp gạo miễn phí, cấp quần áo cho những người neo đơn, xây nhà tình thương, tặng học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học và những công tác xã hội khác.

Nhờ vào sự quyết tâm và bền chí của toàn thể nhân viên, chúng tôi cảm thấy vững lòng trong công việc, tạo được niềm tin cho bệnh nhân và chính quyền địa phương.

Để có được kết quả ngày hôm nay, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của quý Đạo Trưởng, Ban Lãnh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, quý vị ân nhân đạo hữu xa gần, quý đồng nghiệp đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian dài. Xin cảm ơn chính quyền địa phương đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và dễ dàng cho chúng tôi.

Năm qua, Phòng Khám có thêm một bác sĩ trẻ góp phần khám bệnh, nhưng đồng thời phải chịu một sự mất mát to lớn khi vị y sĩ chuyên khoa mắt, người đã đồng hành cùng Phòng Khám gần 20 năm vừa mãn phần sau một thời gian dài lâm trọng bệnh.

Phòng Phước Thiện có 03 bác sĩ, 06 nhân viên, làm việc mỗi tuần 3 ngày vào buổi chiều thứ Ba, thứ Năm, thứ Bảy với các hoạt động khám bệnh, cấp thuốc, cấp gạo miễn phí và quần áo cho bệnh nhân neo đơn và chăm sóc sức khỏe cho các đạo hữu.

Năm 2012, vào dịp lễ Vu Lan và dịp Tết Nguyên Đán, Phòng Khám có tặng quà cho bệnh nhân gồm 264 chai nước tương, 45 thùng mì, 110 ký đường và 02 triệu đồng tiền mặt.

Năm qua, Phòng Phước Thiện đã thực hiện:

- Tổng số buổi khám: 113 buổi;
- Tổng số bệnh nhân: 2.870 người;
- Tổng trị giá thuốc cấp miễn phí: 84.189,316 đ;
- Tổng số gạo cấp cho bệnh nhân: 919 kg gạo.

Ngoài ra, trong năm qua, Phòng Khám Bệnh Phước Thiên Cơ Quan có giúp:

- Trường Vừa Học – Vừa Làm Phường Nguyễn Cư Trinh: 1.742.000 đ tiền thuốc;
- Trường Tình Thương Fatima: 1.536.000 đ tiền thuốc;
- Thánh tịnh Tân Minh Quang: 569.000 đ tiền thuốc;
- Thánh tịnh Thiên Trước: 716.000 đ tiền thuốc;
- Thánh tịnh Ngọc Minh Đài: 1.800.000 đ tiền gạo;
- Thánh thất Bàu Sen: 1.987.000 đ tiền thuốc;
- Hợp tác với tổ Từ Thiện Bảo Hoà trong việc nấu cơm miễn phí cho bệnh nhân các bệnh viện Ung Bướu, Bệnh viện Truyền máu và huyết học, bệnh viện Nhân Dân Gia Định. Tổng số tiền gạo là: 12.000.000 đ tiền gạo.

Như vậy, năm 2013, Phòng Phước Thiện đã ủng hộ các đơn vị bạn là: 6.551.000 đ tiền thuốc và 1.800.000 đ tiền gạo.

Ngoài ra, Phòng Phước Thiện đã chung tay với Phường:

- Xây 01 nhà tình thương trị giá: 15.000.000 đ;
- Cấp hai học bổng Chữ Thập Đỏ: 1.000.000 đ.

Chúng tôi luôn ước mong được phục vụ bệnh nhân ngày càng hữu hiệu hơn. Cầu nguyện Đức Quan Thế Âm hộ trì cho chúng đệ tử được vững vàng trên đường phục vụ nhơn sanh.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, Ban Lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và quý vị ân nhân.

Xin cảm tạ sự hiện diện của quý Thiên Phong Chúc Sắc, quý vị đại diện tôn giáo bạn, và quý vị ân nhân, quý đạo tâm đã mang đến cho chúng tôi niềm vinh dự và hạnh phúc trong buổi lễ kỷ niệm.

Cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát hộ trì cho toàn thể chư vị hiện diện được nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc và gia quyến được mọi điều tốt lành.

Trân trọng báo cáo.■

SỨ MẠNG PHỤNG SỰ

(TIẾP THEO TRANG 35)

cách người ấy cư xử hằng ngày với các thành viên trong gia đình, với người hàng xóm, người lân cận chớ không phải căn cứ trên danh tiếng người ấy đã có, cũng chẳng phải do thật nhiều bài diễn thuyết và những công việc của người ấy làm trước công chúng. Những công việc lớn lao được nhiều người biết không làm cho con người thành ra cao cả mà chính là do những công việc nhỏ nhặt hằng ngày làm trong sự quên mình, âm thầm, có lẽ không ai chú ý tới, làm bằng cả tấm lòng chân thành, bằng chính nhịp sống của chính mình. Vì Đạo chẳng phải nơi lời nói mà là nơi kết quả của sự thực hành. Cái hay của Đạo chẳng phải tại nơi yếu lý, mà ở nơi kết quả của sự giáo huấn.

Một người tu hiền dâng có đời sống tu tập nghiêm túc là phụng sự cả xã hội, cộng đồng, là hiếu đạo cao trọng hơn hết. Vì đứa con phụng sự cha mẹ, nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ là bổn phận đứa con phải làm. Nhưng nếu đứa con biết chăm sóc bản thân để tu tập tốt, chí thành sống cho Đạo, phụng sự tha nhân, đồng thời hướng dẫn cha mẹ tu tập, đó mới là đứa con biết phụng sự. Muốn làm người phụng sự thành công, hãy học cách phụng sự của mẹ: Hy sinh, chịu thương chịu khó, kiên tâm trì chí vượt qua khó khăn, nghịch cảnh; nhẫn nại, bền bỉ, không so đo, không mong đợi sự báo ơn báo đáp mà chỉ vì tình thương yêu vô bờ bến.

“Đạo có thể giúp cho cá nhân, cũng có thể dựng gậy xã hội nước non ở ngày mai. Như vậy phải hoàn toàn sống cho Đạo, có như vậy mới gọi là trung, là hiếu, là tiết, là nghĩa của bổn phận làm người.”⁵

5. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Ngọc Minh Đài, 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

LỜI KẾT

Chúng ta – những người con tin của Đấng Cao Đài nguyện cố gắng sống có ý thức tỉnh sáng trong từng giây, từng phút để nhận diện được những tập khí lâu đời còn vương mắc trong ta. Ngày ngày dụng công tu tập để chuyển hóa cho thân tâm được bình an nhẹ nhàng, đem lại niềm vui và sức sống cho gia đình cũng như mong được đóng góp phần nào phẩm chất hiểu biết và thương yêu của mình để có thể tạo nên một xã hội bình an, ổn định.

Riêng với các bạn tu sĩ hiền dâng vì lý tưởng phụng sự cao đẹp chắc chắn sẽ có lời cam kết cho chính mình: Tự lực thực hiện nguyện lực; nỗ lực phụng sự, cống hiến cho cộng đồng và nhân loại bằng cách biến việc phụng sự trở thành mục đích xuyên suốt của mọi hành động trong cuộc đời.

Hãy cùng nhau dành thời gian ngay từ bây giờ để suy nghĩ và dốc lòng phụng sự. Phụng sự toàn tâm, toàn ý bằng tất cả “Trí óc, trái tim và nhiệt huyết” của chính mình.

“(…) Phải tận tụy dốc lòng ngay từ bây giờ mới làm tròn sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.”⁶■

6. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).



THÁNH GIÁO

Tuổi xuân ấy tạo đoan vĩ nghiệp,
Hồn xuân là nối tiếp vạn linh,
Mùa xuân là ánh bình minh,
Thanh niên tu sĩ hy sinh lên đường.

Cùng vui với tình thương trách nhiệm,
Cùng tạo chung quan điểm tương lai,
Vẫy vùng khỏi lưới trần ai,
Lập đời thánh đức, hưởng ngày Thuấn Nghiêu.

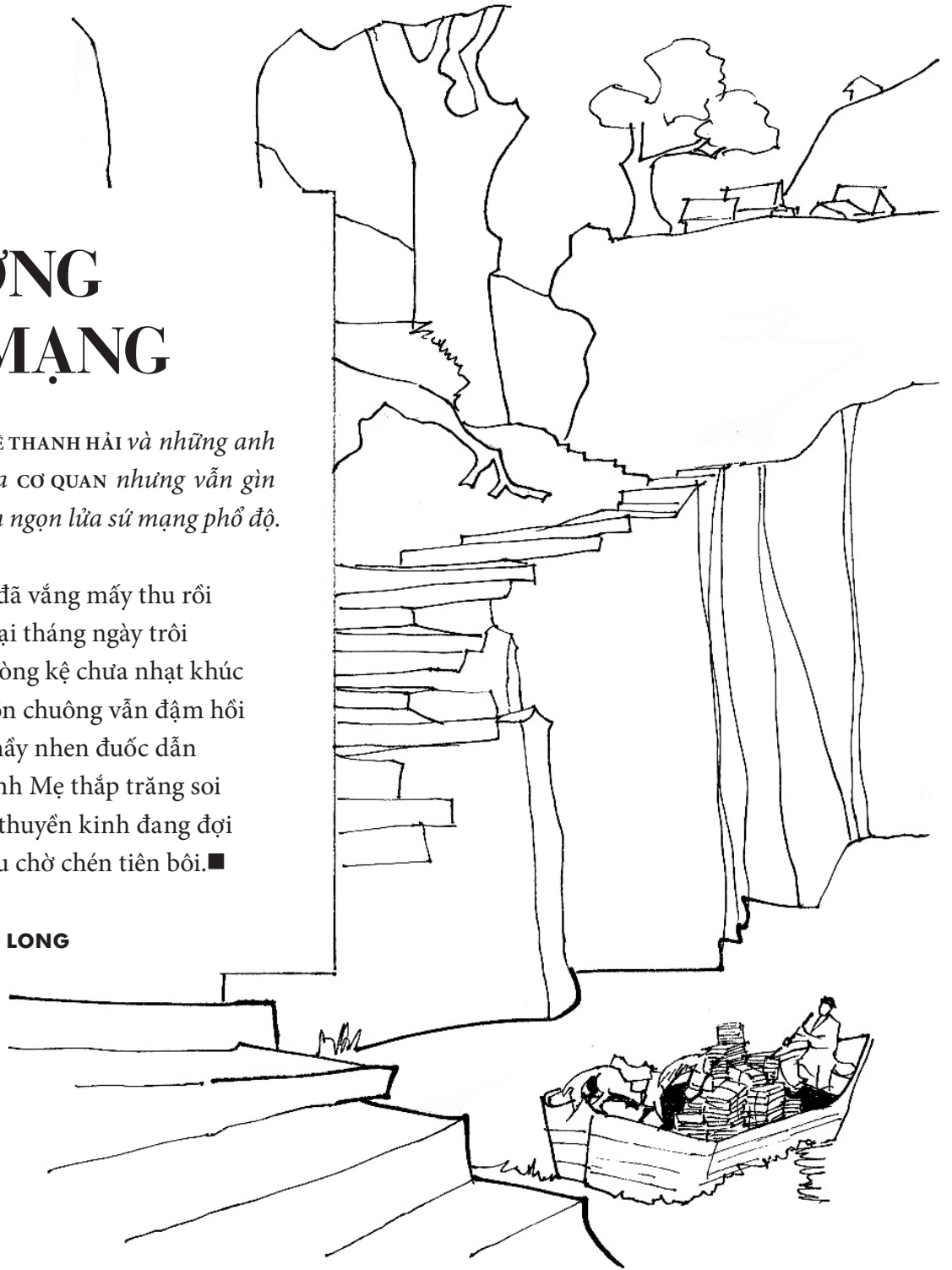
ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967).■

ĐƯỜNG SỨ MẠNG

*Thân tặng LÊ THANH HẢI và những anh
chị đã rời xa CƠ QUAN nhưng vẫn gìn
giữ trong tim ngọn lửa sứ mạng phổ độ.*

Đường xưa đã vắng mấy thu rồi
Với tay níu lại tháng ngày trôi
Sông kinh dòng kệ chưa nhạt khúc
Dáng mờ hồn chuông vẫn đậm hồi
Vạn lý lời Thầy nhen đuốc dẫn
Thiên thu tình Mẹ thấp trắng soi
Bạch mã và thuyền kinh đang đợi
Sứ mạng đâu chờ chén tiên trôi. ■

■ TRẦN BỬU LONG



Minh họa: Bửu Long.

■ THIÊN LÝ

NHÂN ƠI, XIN NGỪNG TRÔI!



Minh họa: Bửu Long.

Mây trôi, trôi mãi giữa trời,
Đời trôi, trôi mãi bên đời trăm luân...
Đạo như dòng nước mênh mông,
Đời như chiếc lá giữa dòng nhân duyên.
Rủi may trông đợi bóng thuyền,
Đại khôn ai biết, thâm huyền ai hay.
Biết đâu lắm nỗi họa tai,
Vui vì hơn một, buồn hoài cao sang.
Đời vui thú sống hoang đàng,
Mặc cho kiếp nợ ẩn tàng Chơn linh.
Vấn vương ong bướm hữu tình,
Gieo oan kết nghiệp vô hình tạo vay.
Một hôm nợ kết vun đầy,
Luật trời Thiên định đến ngày trả oan.
Khổ đâu rủ kéo muôn đàng,
Thế rơi, tiền đổ cua ngang lật bể.

■

Nước mắt rơi, muôn bể vây chặt
Buông niệm lòng lụi tắt hơn thua
Chuông xa vọng mãi thêm chùa
Bèo con cứ mãi chơi đùa bên sông.

■

Trách sao duyên tạo giữa dòng,
Trách sao trần thế đeo bong tâm linh.
Khóc than, lã chã lệ tình,
Buồn sao số kiếp lục bình trôi pha.

Mưa rơi rả rã thêm nhà,
Tiếng kinh thiên tự đổ òa chơn không.
Lá kia trôi dạt giữa dòng,
Thuyền ơi xin thấu nỗi lòng chơi vơi.
Quả Nhân nguyện trả kiếp đời,
Vén rèm nghiệp chướng thấu ngời tâm
minh.
Lặng thinh nhẹ thả chữ tình,
Chìm sâu nơi cõi vô minh hững hờ.

■

Thôi một kiếp nợ trần chuyên chờ
Thôi một lần duyên nợ tiền khiên
Quả nhân tạm gửi bên triền
Thức tâm xin đến chiếc thuyền hư vô.

■

Bác nhà đó, Tâm mê bến đổ
Bao năm rồi Thức lộ u mê
Giờ đây thức tỉnh quay về
Lá bay thon thả non Tề, mây Ngu.

■

Thôi xin gửi lại lao tù,
Lời kinh sám hối mây mù vệt tan.
Tay ươm giống hạt thiên đàng,
Đơm Nhân Quả ngọt trao nòng nhân sinh.
Lòng con xin chọn chữ tình,
Chí thành tâm đạo tường minh về Người. ■

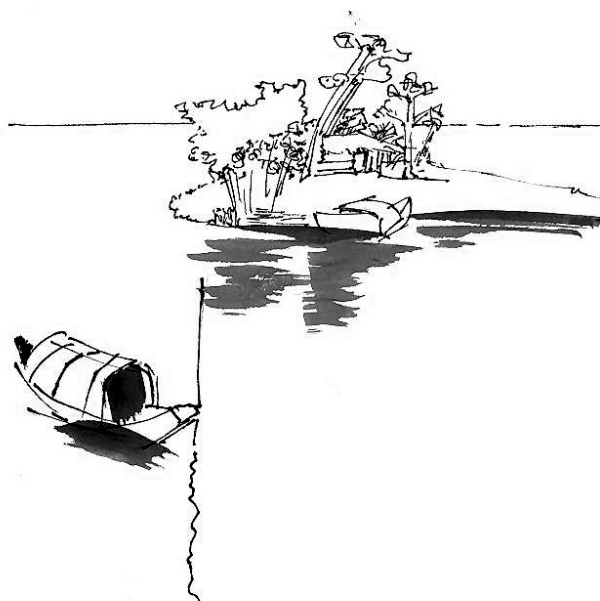
THÁNH HUẤN CA¹

■ MỘT TÍN ĐỒ ĐẠO CAO ĐÀI

Lời vàng chỉ dạy rất cao thâm,
Tận ý lắng nghe tránh lạc lầm,
Thánh huấn hành thâm, thêm nhuần sắc,
Đường tu thành bại chỉ do tâm.
Phẩm hạnh thiện lương thấm đượm nhuần,
Thế trần giả tạm tựa phù vân,
Gìn tròn nhân nghĩa, đời thêm rạng,
Tinh luyện đạo mâu, kiến ngoại thân.
Cảm đức Trời Cha với Mẫu Từ,
Thánh Thần Tiên Phật vốn vô tư,
Ân hồng trùm gội toàn nhơn loại,
Cố gắng tu hành, rõ thực hư.
Con xin vô cùng thành kính cảm đội hồng ân
của Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu và chư
vị Phật Tiên Thánh Thần đã ban rải rừng Thánh
giáo ngút ngàn, làm thước ngọc khuôn vàng,
dẫn dắt nhơn sanh thời mạt pháp.

KÍNH BÚT.■

1. Thánh Huấn Ca: Ca tụng lời Thánh huấn.



Minh họa: Bửu Long.

ĐẠY LẪN CHO NHAU ĐẶNG CHỮ “HÒA”

(TIẾP THEO TRANG 32)

với nhiều gian khổ, hành trang mà người môn đệ của Đức Cao Đài luôn mang theo bên mình phải là: đức độ khoan dung, khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, trì thủ, hy sinh. Đó là những bửu bối vô giá giúp hàng Thiên sứ giữ tròn Thiên mạng, hành đúng Thánh ý cho Thánh sự tiến triển nhịp nhàng đúng theo Thiên cơ dĩ định, cũng là cơ hội tất yếu cho tất cả con cái Đức Thượng Đế trở về cội nguồn thiêng liêng hằng sống, bất sinh bất diệt, trường tồn vĩnh cửu.

Đức Chí Tôn dạy:

Hòa là một món báu linh,

Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.¹⁰

KẾT LUẬN:

– “Hòa” là bài học đầu tiên thuở sơ khai nền Đạo, là Thánh ý Đức Đại Từ Phụ mong muốn tất cả môn đệ Cao Đài phải thường xuyên trao đổi, nhắc nhở cho nhau và lấy chữ hòa làm phương châm trên bước đường tu học hành đạo.

– “Hòa” là lễ phẩm trân trọng nhất dâng lên cho Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng.

– Ứng dụng được “Hòa” thì trong ấm ngoài êm, gia đình hạnh phúc, xã hội phần vinh ổn định, tiến bộ văn minh, láng giềng lân bang thân tình hữu nghị. Nước nhà nhà, trên thuận dưới hòa... Đó là niết bàn tại thế, Thượng ngươn Thánh đức gần kề, không phải nhọc công kiếm tìm nơi non Đồi hay Khứu lãnh.■

10. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Hòa hiệp”, đàn ngày 03-8 Bính Tý (1936).

ĐỨC QUAN THẾ ÂM CỦA TRẺ THƠ

■ ĐOÀN NAM CHI

T huở nhỏ, tôi sống với bà nội ở tỉnh.
Từ Sài Gòn, ba tôi về...

- Nam, ba cho con cái này.

Hộp kem Hynos với anh bảy Chà nhe hàm răng trắng và bàn chải răng được ba giơ lên cao. Tôi theo ba ra lu nước dưới gốc me.

- Coi và làm theo ba.

Lột bàn chải ra khỏi bao, vặn nút hộp kem, bóp nhẹ một ít kem trải lên bàn chải, lấy gáo múc nước. Hớp một ngụm nước rồi nhổ ra, đưa bàn chải vào miệng, chà hàm trên, chà hàm dưới, chà sâu vào bên trong, chà lại bên ngoài. Thêm mấy ngụm nước, súc miệng cho sạch, rửa bàn chải, rửa mặt. Ba làm trước, tôi làm sau.

- Chải răng, súc miệng, rửa mặt được, con bữa nay làm người lớn rồi nhe!

Quay qua người em họ, dù lớn tuổi hơn, đang đứng kế bên nhe răng cười coi tôi học chải răng:

- Tui bữa nay làm người lớn rồi nhe!

- Làm người lớn đâu chỉ biết chải răng, súc miệng, mình phải làm nhiều việc lớn khác, phải không con?

Tôi nhanh nhẩu “Dạ” thật lớn.

- Đi theo ba.

Tôi oai vệ bước theo, đi ngang chỗ bà nội đứng, tôi cũng đồng dạc:

- Bà nội, con bữa nay làm người lớn rồi.

Bà nội xoa xoa đầu tôi:

– Ủ, làm người lớn rồi nội khoẻ, tối không cho đứa nào nằm trong nách hết.

Tôi tần ngần chưa biết trả lời sao, thì ba vừa mang đến trước mặt bà một bao vải nhỏ được gói cẩn thận. Bà tháo dây ra, bên trong là một cái mũ nhỏ với cái dù. Ba tôi trao cho bà nội vừa mũ lẫn dù, với hộp Hynos và bàn chải răng:

– Má dạy nó “Kinh Cứu Khổ”, rồi mỗi tối, trước khi đi ngủ, súc miệng, chải răng xong, vô tụng kinh.

Chưa biết mặt chữ, nội dạy tôi học miệng hết một tuần lễ mới thuộc Kinh Cứu Khổ và Chú Vãng Sanh.

Lốc, cốc... cốc. Từ đó hằng đêm, bà thắp cho tôi một cây nhang, cả nhà nghe tôi tụng kinh, lần lượt ba biển Vãng Sanh, ba biển Cứu Khổ, ba biển Vãng Sanh là hoàn kinh.

Tôi bắt đầu làm người lớn như thế.

Mỗi mùa xuân tới, về thăm nội, tôi đứng trước tủ đựng đồ chơi của mình thuở nhỏ vẫn còn y nguyên và tần ngần tìm cái mũ xưa...

▪

Một lần khác, ba tôi về Thủ Dầu Một...

– Cậu dặn bà ngoại dạy anh

Nam đọc Kinh Cứu Khổ để chi vậy, thưa cậu Hai? – Thủy, em họ, con cô Tư tôi hỏi.

– Lớn lên rồi con biết, cuộc đời nhiều đau khổ lắm: bệnh khổ, buồn khổ, lo khổ, giận khổ... Đọc kinh hết khổ. Đức Quán Thế Âm dạy: đọc một ngàn lần con sẽ hết khổ; đọc mười ngàn lần cả nhà sẽ hết khổ.

Tôi không hiểu các điều ba tôi giải thích cho Thủy, tôi chỉ nhớ một câu “đọc kinh hết khổ”.

▪

Mấy năm sau, ba đem tôi xuống Sài Gòn để đi học. Về nhà, mỗi ngày tôi phải trình tập: một là sạch, hai là chữ không cua bò, ba là từ bảy điểm trở lên thì chủ nhật được đi nhà sách và ăn kem. Thiếu một trong ba chuẩn trên là tay bị khê bằng roi mây.

Hôm nay, tôi với đứa bạn giành nhau cái “bình mực không đổ” mà ba giọt mực đã tõe loe trên tập. Tôi sắp bị đòn rồi, tôi sắp khổ rồi, làm sao? Ký ức hiện về: “đọc kinh hết khổ”, đọc kinh mau lên! Tôi trốn vào kẹt tủ thờ và lâm râm “Nam mô...”

Dựng xe đạp xong, ba bước vào phòng, nhìn thấy ba cái nút khoén mực trên tập, ba với tay lấy roi mây...

– Nam đâu? Tại sao?

– Dạ. Tôi rón rén rời kẹt tủ thờ.

– Xòe tay ra... Ba tôi giờ cao cây roi.

– Bà cố xuống, bà cố xuống, ông ngoại ơi! Tiếng Hưng gọi ngoài sân.

Ba hạ roi xuống bàn, bước ra đón bà.

– Thưa má mới xuống.

Còn tôi đứng một mình. Tôi chấp tay lên trán vái thầm “con xin cảm ơn Đức Quán Thế Âm, con chưa đọc hết ba biển kinh, Ngài đã cho bà nội đến cứu con rồi.”

– Nam của nội đâu?

– Dạ.

Chỉ chờ có thế, tôi bỏ chỗ thụ hình chạy ra sân.

– Bà nội, bà nội!

– Con làm gì đó?

Ba nhìn tôi.

Tôi nín bà xuống thì thầm vào tai “con đang tụng kinh Cứu Khổ”.

– Dạ... ta... bà...ha.

▪

Sau này vào đời, tôi nhiều lần đọc Kinh Cứu Khổ, đó không còn là niềm tin của trẻ thơ nhưng chính là đã trực nhận sự ban ân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và diệu dụng của Kinh Cứu Khổ “... Năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bát nạn khổ...”■

Nhân quả cõi thiên

■ THIÊN LÝ

Tĩnh lặng. Căn phòng nhỏ hẹp thu lại một gam màu huyền ảo chứa đựng sự tịch mịch không cảm giác. Mọi hình ảnh, âm thanh và không gian dường như bị gom lại, bị cuốn hút vào một con người. Một vị sư già khô quắt thịt da đang tĩnh tọa. Thế giới chỉ còn lại tĩnh lặng và vị sư già trong cõi thiên. Một làn ánh sáng vụt lóe bay vút lên tầng trời, không gian chao đảo một thoáng rồi im bật.

■

Cậu bé đang run rẩy sợ hãi trước khí sắc hung hãn của người phụ nữ to lớn đầy quyền uy vì đã lỡ tay làm rơi bể chiếc bình cắm hoa trên bệ thờ.

– Thằng quý, ai cho mày trèo lên ni trộm trái hả? Cái bình sứ ni mi biết bao nhiêu tiền không? Thằng quý con phá hoại!

Cậu bé mới chỉ năm tuổi đầu và thường hay được mẹ gọi bằng quý.

Ngày ấy sao mọi người hay gọi tôi bằng quý, cô giáo cũng vậy, người lớn cũng vậy, chỉ có đám con nít gọi tôi bằng tiếng “mày” đơn giản, cái ngu ngơ và hồn nhiên của tuổi thơ khiến quý hay “mày” đều là một, dù có nhớ lắm về thơ ấu thì chỉ còn đọng lại một nỗi buồn.

Thân hình vị sư già thoáng run nhẹ rồi yên lặng.

Đứng trước vị hiệu trưởng chính chu từ chiếc đầu hói cho đến đôi giày tây bóng nhẵn, tôi mong đợi bắt gặp được cái gì đó sơ suất rò rỉ từ cái khuôn khổ cứng ngắt hoàn mỹ của ông, để lắng dịu lại sự hồi hộp từ trái tim đang đập loạn xạ của cậu bé mười bốn tuổi.

– Hôm nay, tôi gọi cậu lên để trao tờ Quyết định của nhà trường là cậu bị cấm học vì hạnh kiểm của cậu. Nhà trường này không chứa hạng người hư đốn phá hoại như cậu được. Này! Cậu nghĩ làm sao mà dám cho ông thầy giám thị một cục u như quả trứng trên đầu chú? Còn cô giáo nữa, cổ khóc lóc và bị ốm liền ba hôm phải bỏ dạy! Còn cái kho nữa, sao nó lại tự bốc cháy chú? Ma quý làm hả? Há?... Há?...

Âm thanh oe oé liên tu bất tận của ông hiệu trưởng đầu hói bóng nhược chảy ra không gian dường như không chỗ bám, như sóng đổ ập tràn làm lay lắt thân hình khô héo của vị sư già!

Mẹ tôi khóc, sự tiêu tụy của bà giấu giếm hờ hênh trong thân hình gầy guộc đói khổ, còn nỗi đau lòng vì tình thiêng liêng mẫu tử thì chỉ lộ ra bởi những

giọt nước mắt lưng tròng. Giữa không gian ấy, đau hơn cả là sự hững hờ lạt hơn nước ốc của thằng con trai ngỗ nghịch với ngày sinh ra là ngày kiếp sát và được sự tiên tri khi lớn lên chỉ mang họa đến người khác.

Mẹ tôi cầm tay tôi trong sự im lặng khi đứng trước một ngôi chùa cũ kỹ ở thật xa so với ngôi làng nhỏ bé của tuổi thơ mà tôi tự do vùng vẫy. Ngôi chùa chỉ có nửa mái che tì vào một hang động trên núi Ngũ Hành như pho diễn cái bàn chân to bè của người Giao Chỉ. Sự im lặng của mẹ, sự im lặng của mái chùa, sự im lặng của cơn gió thoảng chìm vào sự tịch mịch của hoàng hôn, đầu đó ở tận xa kia cõi trời liêu điều một ánh dương hồng nhạt làm cho tôi nhận ra những giọt nước mắt nghiệp trần trên gương mặt hiền từ của mẹ. Gương mặt ấy hôn nhẹ trên vầng trán rộng liền với đỉnh đầu nhẵn trụi bụi trần bỗng khiến vị sư già nhận biết có một dòng nước ngọt lịm dịu dàng chậm rãi chảy xuống cổ họng khô khốc.

Tiếng đạn bom vang rền một góc trời yên tĩnh, thầy tôi lụm cụm vói tay lấy tách trà húp nghe một cái rột như đệm khúc giữa những âm thanh gào

rú bên ngoài. “Nó đến rồi đó! Xong rồi!” rồi thầy im bật, mặc cho đất trời rung chuyển. Thầy cứ như vậy, suốt chín năm gần gũi, lời nói của thầy không đủ đong ba lon gạo đổi ở người dân dưới núi. Người ta bị rấn cắn gần tắt thở mà thầy không nói lời nào, lẩm lũi rạch vết cắn, bôi thuốc, ấn tay bấm huyết chỉ nói được hai chữ “xong rồi”.

Thầy không dạy tôi lấy một lời kinh, nhưng dường như cả không gian và thời gian quanh tôi đều ẩn hiện bóng của thầy lúc thì nghiêm khắc lạnh lẽo, lúc thì đôn hậu hiền hòa, lúc thì như một cái xác khô héo vô hồn, lúc thì uy mãnh linh động... Cũng kể từ ngày hôm ấy, hai chữ cuối cùng “xong rồi” của thầy có ý nghĩa chấm dứt một đoạn nhân duyên. Một luồng khí đầy rẫy ngùn ngụt hơi nóng dâng lên từ huyết Khí hải theo mạch Nhâm khiến vị sư chuyển mình, lưng vụt thẳng như dọn đường đi cho sự chuyển động của luồng khí uy mãnh ấy.

Tiếng sủng, những sự hung hãn từ đôi mắt, những lời lẽ đanh thép và những nụ cười hòa dịu đã giữ tôi lại. Hơn nữa, họ giữ tôi lại vì sức mạnh của tôi có thể dành cho việc dựng lều, đốn củi. Nhưng sức lôi kéo mạnh mẽ hơn cả là nụ cười của cô gái bị thương mà tôi phải chăm sóc. Luồng khí nóng chợt lạnh lẽo tan biến, một hình ảnh sừng sững hiện ra trong tâm thức: Không còn chiếc đầu trọc; không còn đau

điếng khi thầy gọt tóc; không còn đôi bàn tay thô, sần sùi cho cảm giác nham nhám mỗi khi ngó ngẩn xoa đầu. Khoảnh khắc ấy chỉ còn lại chiếc đầu đen đầy tóc cùng đôi bàn tay mềm mại. Thân người của vị sư rung chuyển mãnh liệt, không hơi nóng mà mồ hôi đổ vã ra như có kẻ úp chụp lên đầu một bóng tối ma dại trong cơn hoảng loạn.

“Bắn đi! Giết nó đi! Đồ rơm, đồ hơi! Anh phải lấy tôi! Chúng nó có đưa tiền không? Đồ ngu như lợn! Thưa ông chủ tịch, đồng chí... những hàm răng trắng nhòn xệch xoạt ha ha cười lớn tung tóe những miếng thịt lợn và nước dãi đặc sệt mùi cảm thú... Ông phải trả nợ, trả nợ, trả nợ...” Hình ảnh và âm thanh ấy như những nhát búa đập vào bên trong não vị sư già rồi nghiền nát tạo nên cơn đau buốt lan tỏa và giật lên liên tục bên trong chiếc đầu trọc vô trần như sự tra tấn tàn nhẫn vô tình.

Căn phòng vẫn thẫn thờ im lặng, tiếng tích tắc đồng hồ đều đặn như vế trên người, thân hình của vị sư già rũ xuống, một nếp nhăn nhú mày như đồng cứng lại, cái thân khí uy nghi của chủ thể trong không gian tịch lặng ấy như mờ dần chìm xuống.

Nhân Quả lại trở lại cõi thiên như nhịp đều đặn của chiếc đồng hồ, thật vô tình hờ hững, cho dù lớp da người đã héo quắt, thô sần như lớp vỏ cây bọc kín che đầy quá khứ vô

thường của vị sư già. Cho dù những giọt nước mắt sấm hối van nài xóa tội rơi lặng lẽ. Cái động dường như từ ở chiếc bồ đoàn toát ra, nó siết chặt đôi bàn chân rồi lan dần lên trên, sự tê dại lần lượt leo lên từng nấc theo hơi thở đứt quãng của nhà sư. Trên đỉnh đầu, cái pháp khí giữ quyền kiểm soát trở nên yếu nhược và khép lại...

“Nam mô bạc già phật để, bê sát xã lũ lô thích lưu ly bắc lạc bà, hắc ra xà giả...”

*Giải kiết, giải kiết, giải oan kiết, giải liễu đa sanh oan hòa nghiệp...”*¹

*“Quán tự tại Bồ tát, hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách...”*²

Lời niệm của vị sư như một khối huyền vi to lớn tạo bởi âm ba vụt thẳng lên cao xóa nhòa những hình ảnh nhân quả kiếp đời và làm mát dịu đi phiền não. Từ đâu một yển sáng từ trên cao chợt lướt về hay không biết có phải từ giữa mi gian vụt thoát lên cao, cao mãi... Cái co rúm và đau thắt ban nãy giờ như chìm lắng trong đại dương mênh mông, nếp nhăn nhú mày duỗi ra phẳng lặng. Không còn nghe tiếng tích tắc đồng hồ, không còn biết gam màu huyền ảo, ngay cả sự tịch lặng vô tình cũng không biết... Rồi cứ như thế, nhân quả đến rồi lại tan đi trong cõi thiên.■

1. Dược sư Quán đánh Chơn ngôn.

2. Bát nhã Tâm kinh.

Ý nghĩa một lời khen

Cách đây đúng 40 năm, tôi còn nhớ như in khi gia đình tôi chuyển từ vùng núi cao bang Chicago tới một khu phố nghèo ở New York để kiếm sống. New York tráng lệ và sôi động, cuộc sống và tất cả những gì được chứng kiến ở đây khiến một đứa trẻ chín tuổi như tôi cảm thấy sợ hãi. Ba tôi đã cố gắng xin cho tôi vào học tại một trường học nhỏ cách nhà không xa.

Những ngày tháng đầu tiên ở trường mới, tôi hoàn toàn cô độc. Tất cả học sinh đều xa lánh thay vì giúp đỡ tôi hòa nhập. Thậm chí khi tôi chủ động làm quen, chúng bỏ đi, chẳng thèm nhếch mép sau khi đã ném về phía tôi những cái nhìn chế giễu, miệt thị. Vài đứa lớn còn tụ tập lại để bắt

nạt tôi. Tôi lờ mờ hiểu rằng ở đây chẳng ai ưa một đứa trẻ da đen con nhà nghèo, gầy gò và quê mùa như tôi cả. Suốt ba tháng, tâm lý sợ hãi và bị bỏ rơi khiến tôi gần như đứng bết lớp, mặc dù chương trình học đối với tôi chẳng khó khăn gì.

Thế nhưng, sau kỳ nghỉ đông mọi sự đã khác khi thầy Sean tới. Thầy được phân công chủ nhiệm lớp tôi thay cho thầy Paul bị nằm viện. Thầy rất nghiêm khắc, nhưng không nặng lời với bất kỳ ai. Dần dần lớp học trở nên có trật tự hơn, và những rắc rối của tôi cũng giảm đi nhiều. Có một điều tôi cảm thấy được an ủi, đó là thầy Sean cũng là người da đen.

Một ngày, đó là ngày mà tôi chẳng thể nào quên, khi thầy Sean công bố kết quả thi giữa

kỳ. Thấy nhìn khắp cả lớp, từng người một, và khi tới tôi, thầy dừng lại thật lâu làm tôi cảm thấy run sợ. Nhưng rồi thầy vui vẻ nói: “Bài thi này các em làm rất tốt, nhưng luôn có một người làm tốt nhất. Thấy hoan nghênh tất cả các em.” Khỏi phải nói lúc đó tôi vui như thế nào, vì tất cả các lần thầy Paul đọc điểm thi tôi đều bị than phiền.

Cuối buổi học, thầy nói tôi ở lại. Tôi sợ, rụt rè đến bên thầy, ấp úng: “Thưa thầy...” “Ồ, Joe, hôm nay em là người làm bài tốt nhất đấy, tuyệt lắm!” Tôi òa khóc, cái điều mà tôi chưa từng làm từ khi tới đây. Thấy Sean ôm tôi vào lòng: “Đừng sợ, cố gắng lên, có thầy luôn bên em.”

Những lời của thầy Sean đã làm thay đổi cuộc đời tôi.

Lúc nào trong đầu tôi cũng có hình ảnh của thầy đang cổ vũ cho tôi. Và tôi trở lại là tôi, học sinh xuất sắc nhất lớp vào cuối năm học đó, giống như khi tôi còn ở Chicago.

Năm sau, thầy Sean lại ra đi khi thầy Paul khoẻ trở lại. Nhưng lúc nào tôi cũng thấy như có thầy ở bên, và năm đó, cũng như những năm về sau, tôi luôn là người đứng đầu lớp. Mãi sau này, khi tôi học đại học, khi tôi bảo vệ luận án tiến sĩ, và ngay giờ đây khi tôi đang đứng giảng bài trước hàng trăm sinh viên của một trường đại học danh tiếng, không khi nào tôi quên được hình bóng thầy.

Hôm qua, tôi mừng đến phát khóc khi biết được địa chỉ của thầy sau 40 năm xa cách. Tôi đã lái xe một mạch 300km tới thăm người thầy mà tôi kính yêu nhất đời. Gặp lại thầy, tôi bật khóc, những kỷ niệm ngày đó bỗng sống lại như mới. “Ồ, Joe – thầy nói hết như 40 năm trước – em vẫn yếu đuối như ngày nào.” Tôi lặng người khi nghe thầy kể: “Hôm đó, bài làm em chỉ được điểm B, nhưng em đã cố gắng. Nhìn vào em, thầy thấy lại mình nhiều năm trước. Khi đó, một lời động viên của cô giáo đã giúp thầy vượt qua tất cả. Thầy đã tin rằng em cũng vậy, đó là lý do mà thầy gọi em ở lại hôm ấy. Và thầy không lầm.”

Một lời khen đúng lúc mới kỳ diệu làm sao.■

NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI...

(TIẾP THEO TRANG 74)

ở tương lai là phải xây thành ở hiện tại càng cho thấy tính nhân bản của nhân sinh quan Cao Đài.

Tóm lại, giáo lý Cao Đài hay tinh hoa giáo lý Tam giáo hay truyền thống đạo đức văn minh của nhân loại nhìn về Nhân quả hay Luật Nhân quả với quan điểm nhân sinh cao đẹp, đó là mang lại cho thế giới con người sự công bằng, đại đồng an lạc. Xét góc độ siêu hình học, khoa học triết học hay phân tâm học, con người luôn là chủ thể của thế giới và có khả năng quyết định được cái quả tạo ra bởi chính con người ở phạm vi cá nhân hay xã hội. Sự phân tách lương tri, lương tâm và bản ngã của khoa học, triết học hay sự phân tách giữa Tâm và Thức của Đạo học theo giáo lý Cao Đài ở chừng mực thế giới hữu hình này là hoàn toàn giống nhau về bản chất và cơ chế sinh ra cái thiện và cái ác; cái đẹp và cái xấu hiển nhiên theo quan điểm văn minh nhân loại. Tuy nhiên, về quan điểm của siêu hình học theo giáo lý Cao Đài, Bản thể con người không chỉ ở kiếp sống hiện tại mà còn ở tương lai, cũng như cái nhân quả kiếp đời hiện tại không phải tự nhiên mà có, mà khởi nguồn từ nhiều kiếp trước. Quan điểm về “Nghệp” của Đạo (siêu hình học) không phải là tư tưởng tiêu cực mà ngược lại qua lăng kính của Luật Nhân quả, quan điểm này đóng góp cho nhân sinh một giá trị to lớn, giúp hạn chế được những ý tưởng hành động xấu mà ở những con người thông minh hay tổ chức siêu việt nào đó có thể che giấu được sự thật với mọi người xung quanh và với nhân loại, nhưng không che giấu được Bản thể của chính mình. Bản thể thực sự của con người là tự do trong đạo lý. Sự tự do trong đạo lý ở kiếp này hay ở kiếp sau đều mang lại giá trị nhân bản rõ nét và ưu việt nhất.

Giáo lý Cao Đài qua các quan điểm: Tâm – Thức – Nghiệp của Bản thể và Luật công bình của Trời đất qua lăng kính Luật Nhân Quả của tự nhiên đã cho thấy một tư tưởng Nhân sinh quan cao đẹp của một tôn giáo nhân bản mang đậm nét tư tưởng văn minh nhân loại và tinh hoa yếu lý của Tam giáo Đạo. Dù khoa học hữu hình hay đạo học siêu hình, giá trị nhân bản của nhân sinh quan được xem là giá trị hàng đầu của mọi thời đại, mọi tư tưởng của thế giới loài người.■

truyện vui ý đạo



Minh họa: Bửu Long.

XIN NHÂN CHO QUẢ ĐI CHƠI

- Ông Nội ơi! Có phải ông là nhân và ba con là quả?
- Ấy! Cháu ông giỏi quá!
- Ông Nội ơi! Ba con là nhân và con là quả phải không?
- Ấy! Cháu ông số dzách! Thơm một cái đi nào!
- Ông ơi! Hôm qua có cái nhân làm ra cái quả hai điểm toán. Cái quả bị cô mắng, đi về bị cái nhân đét địch hai roi mây, rồi cái quả bị cái nhân mắng, cái quả giận quá cắn cái nhân không được đi chơi, cái quả buồn thiu gặp cái nhân, cái nhân khen cái quả là giỏi. Vậy cái quả có được đi chơi không ông?
- Có tiếng réo của bà Nội ở trong buồng:
- Ông làm cái gì mà mới lĩnh lương mà sạch bách tiền rồi?
- Ông Nội tái mặt:
- Thôi con đi đâu thì đi, để ông Nội vào giải thích Nhân quả với bà Nội!■

MỎ VÀ CHUÔNG

Chuông khênh khàng,
trịch thượng nói với mỏ:

- Anh thì bé tẹo, trụi nhẵn,
hết cắm lên, rồi đặt xuống,
buồn tẻ, nằm khuất nơi cũ
kỹ bụi bặm, giỏi lắm là làm
bạn được với quyển kinh!
- Cốc, cốc, cốc... cốc!
- Anh lóc cốc suốt ngày,
tiếng kêu thì nhỏ mà chẳng
có ai đến nghe, giỏi lắm là
có vài sư cụ.
- Cốc, cốc, cốc...cốc!
- Tính đến nay, không biết
bao nhiêu mà kể, có hàng
ngàn người trăm tro khen
ngợi tui, anh thì đến ngõ
còn chả ai thèm, hưởng chi
là khen.
- Cốc, cốc, cốc... cốc!

Một hôm,

- Bạch Sư cụ! Cái đài gỗ treo
chuông bị mục, sắp gãy rồi!
Chuông bị nứt bể, có đánh
thì chỉ có kêu bịch, bịch.

Sư cụ già dỡ sổ hạnh
đường ra ghi chép:

- Thời gian sử dụng của mỏ:
 $3600 \text{ phút/ngày} \times 365 \text{ ngày}$.
Đánh giá hư hại: Càng sử
dụng lâu càng lên nước, âm
thanh trầm ấm, dễ chịu. Đề
xuất: Đoán là xài hoài!
- Chuông: Thời gian sử
dụng: $20 \text{ phút/ngày} \times 365$
ngày. Thời gian sau này
nghe bịch bịch nên không
tính. Đề xuất: Thay đài
chuông, kêu thợ nấu đồng!
- Cốc, cốc, cốc... cốc!

Vị sư cụ già quay lại
mỉm cười an lạc!■

TIẾNG CA CAO ĐÀI

■ CHÁNH TÂM

NGÂM:

Hồ... tiếng núi sông hồn thiêng trời dậy
Dục thúc lòng thức tỉnh cơn mê
Đời nhiều lắm nỗi nhiều khê
Mau chân tầm Đạo... ờ...

VỌNG CỔ:

1. Hồ... Mau chân tầm Đạo về bên Cao... Đài.
Tiếng mõ lời kinh vang vọng mỗi đêm dài.
Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,
Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.
Mùi hương lư ngọc bay xa,
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng.
Nghe say nồng từng tiếng kệ lời kinh,
Âm điệu bổng trầm làm ngất ngây người lữ thứ.
(Bỏ 8 nhịp).

2. Biển trần khổ vơi vơi trời nước,
Ánh thái dương gội trước phương đông.
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,
Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.
Hòa hiệp, thương yêu là nét đẹp cao vời,
Cây đại đồng ươm trong vườn đại chúng,
Bánh xe Đại thừa luân chuyển khắp muôn nơi,
Vì đời trong cảnh chơi vơi,
Thấy thương hạ bút để lời nhủ khuyên.
Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

NÓI:

Chân tôi bước giữa bầu trời trong sáng, cống
tam quan đã mở tự bao giờ. Kia... Đại Đạo Tam
Kỳ Phổ Độ.

Đại Đạo hòa bình dân chủ mục.

Đài tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.

ĐOÀN KHÚC LAM GIANG:

Nghe nhạc lòng rộn vui, hoa lá xanh tươi, đón

mời bước chân tôi, cảnh mai đón xuân trở về,
nắng ấm chan hòa điểm tô ngày mới, ngày buồn
đang da qua đi, cho gió đưa hương mang niềm
yêu thương. Đến trong muôn người, đương
hồng ánh lên niềm tin, Chơn pháp Cao Đài toàn
cầu sống trong bình an.

Cao Đài là Đài cao, không biên giới, không hơn
thua, không chấp ngã, không hận thù, không hờn
giận ghét ganh, chỉ có tình thương, lo giữ gìn trái
đất này luôn vững bền, nhà chung muôn người.
Bờ cỏ con đê thăm tình người, đồng xanh
hương lúa bao la, đàn cò tung cánh, nước non
hương tình, dân lành hiền lương, trái bao khó
nhọc, cha Trời lòng thương, gieo giống quý
Nam phương.

VỌNG CỔ:

3. Hạt giống Cao Đài Cha Trời ban trao cho
hàng Thiên ân sứ mạng, là những đứa con hiền
ngoan trung hiếu tâm... thành.
Chọn mảnh đất thiêng gieo mối Đạo lành.
Hành cho được trong thời mạt pháp. Kỳ ba này
Thấy ân xá toàn linh. Rằm tháng mười Bính
Dần Thầy đem Đạo khai minh cho nhơn sanh
vui sống thanh bình. Chung sức giữ gìn phổ hóa
đạo Trời ban. Để người hữu duyên hạnh ngộ
đạo Cao Đài.

LÝ CON SÁO:

Ai nghĩa nhân, hiếu đạo trung Thầy thương sanh
Hãy hòa mình vào trường thế nhân
Mới hiểu nhân thế tận tường
Tang thương lắm nỗi đoạn trường
Cha Đại từ cùng các Đấng Thiêng Liêng
Hạ bút thiêng giúp nhơn hoàn nguyên
Nhờ tay trò, đạo Thiên mở mang
Khắp năm châu sống trong bình an.
Nam mô Đại Đạo hồng khai
Vì đời nào ngại chông gai dữ lạnh.
Cây bút thiêng Thầy lập trường tiến hóa
Dạy nhơn sanh theo Tân pháp Cao Đài
Giới trau tâm hạnh đức tài
Cho tiếng ca Cao Đài vang vọng mãi gần xa. ■

HÃY CHĂM SÓC NÃO CỦA BẠN!

■ HỒNG PHÚC SƯ TÂM

Trong khi thấy thuốc khắp nơi nghiên cứu cách chữa bệnh Alzheimer đặng gì quên đó của người già thì tình trạng đãng trí vừa nghe quên liền, chưa nói hết đã quên của người trẻ đã từ lâu vượt xa mức báo động.

NHỜ NGỦ NGON MÀ NHỚ

Nếu tưởng não nghỉ xả hơi khi gia chủ mơ giấc Nam Kha, thì lầm. Não cần giấc ngủ để... làm việc. Chính vì chất lượng của trí nhớ gắn liền với độ sâu của giấc ngủ, theo kết quả nghiên cứu ở Đại học Schleswig-Holstein (Đức), nên người mất ngủ mất luôn trí nhớ.

Tất cả tín hiệu thần kinh trong ngày được bộ não tập trung, nhưng để đó. Chính trong lúc ngủ là lúc não sàng lọc thông tin để đưa vào bộ nhớ. Muốn được vậy thì giấc ngủ phải sâu, phải ngon đến độ có nhiều giấc mơ. Tốt hơn nữa là làm sao để bạn cách mấy cũng có giấc ngủ trưa. Không cần ngủ lâu, không cần hơn 30 phút, chỉ cần mười phút đã đủ để dọn đường “phần cứng” của não bộ.

Biết là giấc ngủ quan trọng nhưng nếu tưởng chỉ cần dùng thuốc an thần để ngủ cho được nhằm tăng cường trí nhớ, thì lầm to. Thuốc an thần tuy tạo được giấc ngủ nhưng não bộ đồng thời cũng mê một lèo khiến quên luôn công việc ghi vào bộ nhớ.



20% NĂNG LƯỢNG CHO TƯ DUY

Đừng thấy não nhỏ nên nghĩ não ít ăn. Não lúc nào cũng tiêu thụ không dưới 20% năng lượng của cơ thể riêng cho chức năng tư duy. Não vì thế rất cần nước và chất đường cho tiến trình sinh năng lượng.

Theo các chuyên gia ở Đại học Erlangen (Đức), uống không đủ nước trong ngày lại thêm bữa ăn chiều thiếu chất ngọt là một trong các lý do khiến bao nhiêu tín hiệu thần kinh vừa nhập vào lại ra ngay, cứ như nước đổ đầu vịt.



KHÔNG BÉO KHÔNG BỔ

Bên cạnh nước và chất đường, chất béo lại cần thiết cho cấu trúc của tế bào thần kinh, như 3-Omega, acid linoleic... là món ăn chính của bộ não. Đừng tưởng củ béo thì tốt cho não. Trái lại là khác. Đừng để tăng mỡ trong máu vì đó là yếu tố bất lợi cho hoạt động của bộ não. Nhưng thiếu chất mỡ trong cơ thể cũng tai hại tương tự. Thêm vào đó, não không thể dẫn tín hiệu thần kinh, dù là hình ảnh hay âm thanh vào bộ nhớ nếu thiếu dưỡng khí.

Chính vì thế mà nhiều thầy thuốc khuyên

dùng cây thuốc có công năng cải thiện hàm lượng dưỡng khí trong não bộ, như bạch quả, việt quất, ngay cả cho người chưa có triệu chứng đưng đầu quên đó.

ĐỪNG NGỒI YÊN NẾU CÒN THƯƠNG NÃO

Nhiều công trình nghiên cứu về bệnh lý do stress cho thấy, người vận động thể dục thể thao trong ngày ít quên hơn người thích ngồi nhiều hơn đi. Theo các nhà nghiên cứu về Lão khoa ở Hoa Kỳ, vận động là điều kiện để bộ não không thiếu dưỡng khí trong đêm.

Tỷ lệ tai biến mạch máu não cũng như bệnh trầm uất thấp hơn thấy rõ ở nhóm người cao tuổi nhưng còn hăng hái hoạt động. Không cần nhiều nhưng đều. Cũng không cần thái quá, nhẹ nhàng thôi, như đi bộ, bơi lội, đạp xe, khí công, miễn là ngày nào cũng có.

TRẦM HAY KHÔNG BẰNG TAY QUEN

Cũng như các nội tạng khác, muốn não ngày nào cũng “bén nhọn” mà không tập luyện chẳng khác nào đi thi mà không học bài. Kiểu nào cũng được, chơi ô chữ, sudoku, học ngoại ngữ, vẽ tranh... kiểu nào cũng tốt, miễn là đừng ngồi yên mỗi ngày nhiều giờ trước máy truyền hình vì nó tai hại vô cùng cho bộ não, ngay cả ở người còn trẻ, ngay cả ở trẻ con!

CĂNG THÌ CĂNG, NHƯNG ĐỪNG QUÁ THẮNG

Stress là khó tránh trong cuộc sống được tiếng văn minh này. Khó tránh nhưng thiếu stress cũng không xong. Chỉ khổ cho não bộ vì nội tiết tố nảy sinh trong tình huống stress bôi sạch bộ nhớ, chẳng khác nào virút trong máy tính. Biết vậy thì đừng già néo rồi tự làm đứt dây.

Trái lại, nên hai mặt đôi công, vừa tìm cách pha loãng stress bằng thể dục thể thao, thiền định, kiểu nào cũng được, miễn vui là chính, để chủ động bảo vệ tế bào thần kinh bằng hoạt chất sinh học có tác dụng kháng oxy hóa.■

BỒ TÁT BỒ TÁT HẠNH BỒ TÁT ĐẠO

(TIẾP THEO TRANG 69)

Thiện Tài Đồng Tử, tức là không bao giờ cho sự hiểu biết đạo lý hay chứng đắc của mình là đủ, luôn luôn tìm thầy hoặc thiện tri thức tham vấn học hỏi. Nếu không có duyên gặp được thầy lành bạn tốt thì ít nhất cũng phải nương theo Kinh, Luật, Luận vạch cho mình một hướng đi áp dụng vào đời sống hằng ngày.²

BỒ TÁT ĐẠO

Lục Độ Ba-La-Mật, (Sáu Pháp Ba-la-mật) Khi nói đến Lục độ tức là nói đến Bồ Tát đạo. Mà muốn đi vào Bồ Tát đạo trước hết chúng sinh phải phát Bồ-đề tâm, có nghĩa là phát nguyện để cầu Phật quả viên mãn ngõ hầu giải thoát cho mình tức là tự độ và sau đó mới lợi lạc cho chúng sinh tức là độ tha. Bồ đề tâm đòi hỏi sự thực hành và phát triển tâm Xả, Từ và Bi để chống lại với Tham, Sân và Si.

Nói tóm lại lục độ hay lục độ ba-la-mật là một phương pháp để độ mình và độ người. Sáu hạnh ba-la-mật gồm có:

- Bồ thí tức là cho để trừ lòng tham.
- Trì giới tức là giữ giới để trừ ô nhiễm.
- Nhẫn nhục tức là nhường nhịn để trừ giận hờn.
- Tinh tấn tức là sốt sắng để trừ lười biếng.
- Thiền định tức là chuyên chú để trừ loạn tâm.
- Trí tuệ tức là sáng suốt để trừ si mê.■

2. <http://www.daophatngaynay.com/vn/tu-sach-dao-phat-ngay-nay/5810-Bo-Tat-hanh.html>

THỨC ĂN CHỐNG BỆNH TẬT

■ BAN BIÊN TẬP SƯU TẦM • NGUYỄN TÂM (VTC NEWS)

Với những thực phẩm này, nếu ăn đều đặn bạn sẽ sống lâu hơn vì bệnh tật bị đẩy lùi.

Chế độ ăn uống là một trong những lựa chọn trong lối sống của chúng ta. Ăn uống lành mạnh có thể làm chậm lại quá trình lão hóa và làm chậm sự khởi phát của các bệnh mãn tính liên quan đến tuổi tác. Hãy lựa chọn các loại thực phẩm ngon, bổ dưỡng và tốt cho bạn.

Theo tiến sĩ Shreepad Khedekar, Giám đốc bệnh viện Imperial (Ấn Độ), việc lựa chọn các loại thực phẩm thích hợp cho tuổi thọ không phải là khó khăn. Ở đây, chúng tôi có một danh sách dễ dàng có sẵn 20 loại thực phẩm hứa hẹn cho một cuộc sống lâu dài.

TÁO

Là loại quả tuyệt vời có chất chống oxy hóa, chống lại các gốc tự do. Nó làm mất đi các chất được tạo ra trong cơ thể. Các chất này gây ra những thay đổi không mong muốn và có liên quan đến quá trình lão hóa và một số bệnh.

HẠNH NHÂN

Cho vitamin E và chất béo tốt. Hạnh nhân rất giàu chất dinh dưỡng, bao gồm sắt, canxi,

vitamin E, chất xơ, riboflavin, và magie. Một đánh giá khoa học được đưa ra trong dinh dưỡng cho thấy hạnh nhân là một loại thực phẩm có thể giúp duy trì mức cholesterol khỏe mạnh.

CHÁO BỘT YẾN MẠCH

Là bữa ăn làm từ yến mạch cán. Ở Vương quốc Anh và Cộng hòa Ai-len, thuật ngữ “cháo” hay “cháo yến mạch” là những thuật ngữ chung cho việc ăn ngũ cốc được nấu chín vào buổi sáng.



CHANH

Trong chanh có lượng vitamin C khá lớn, có thể giúp tăng lượng cholesterol HDL tốt và củng cố chắc xương. Trong chanh có chất giúp ức chế sự tăng trưởng của tế bào ung thư và hoạt động như một chất chống viêm.

BÔNG CÁI XANH

Rất giàu chất xơ, folate, kali, canxi và dinh dưỡng thực vật. Đây là những hợp chất làm

giảm nguy cơ phát triển bệnh tim, tiểu đường và một số bệnh ung thư. Bông cải xanh cũng có chứa beta-carotene, một chất chống oxy hóa, cũng như vitamin C.

SÔCÔLA ĐEN

Không giống như sữa hay sô cô la trắng, sô cô la đen có chứa 70% ca cao hoặc hơn được. Nhưng đừng lạm dụng nó, chỉ cần một hình vuông nhỏ là tất cả các bạn cần cho một ngày.

TỎI

Có nhiều lý do để thưởng thức gia vị này. Nó chứa các hợp chất lưu huỳnh tăng cường hệ miễn dịch và ngăn ngừa nhiều bệnh ung thư. Nó cũng tốt cho tim vì nó có thể ngăn chặn hình thành cục máu đông nguy hiểm và giúp giảm cholesterol.



QUẢ BƠ

Nhiều người tránh bơ vì hàm lượng chất béo cao của nó. Họ tin rằng tránh tất cả các

chất béo sẽ tốt hơn và giúp kiểm soát trọng lượng cơ thể. Nhưng đây là quan niệm sai lầm. Khoảng 75% lượng calo trong quả bơ là chất béo bão hòa đơn không có hại.

TRÀ XANH

Thức uống phổ biến này chứa catechin giúp chống lại chứng viêm và cải thiện chức năng mạch máu. Hãy thử uống nóng với chanh và mật ong bạn sẽ cảm nhận nó thật tuyệt vời.

ĐẬU NÀNH

Như các loại đậu khác, chúng giàu chất dinh dưỡng mà còn là một “đầy đủ protein”. Điều này có nghĩa là chúng cung cấp tất cả các axit amin thiết yếu. Trong đó có chất làm giảm nguy cơ ung thư vú và tuyến tiền liệt.

QUẢ VIỆT QUẤT VÀ TRÁI CÂY GIÀU CHẤT CHỐNG OXY HÓA KHÁC

Các loại quả này chứa chất chống oxy hóa như quả việt quất, nước ép nho, và quả óc chó giúp bảo vệ bạn khỏi mất trí nhớ.



CÀ PHÊ

Ngày càng có nhiều nghiên cứu cho thấy cà phê có nhiều lợi ích sức khỏe đáng ngạc

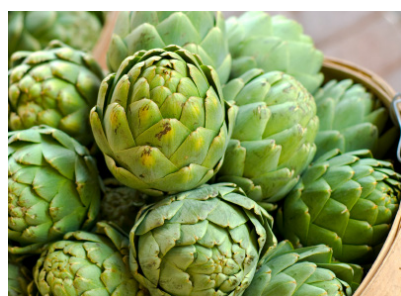
niên. Ngoài khả năng làm giảm nguy cơ của bệnh tiểu đường, uống cà phê có thể làm giảm nguy cơ suy giảm tinh thần liên quan đến tuổi.

ĐẬU

Đậu là tốt cho tim của bạn bởi vì hàm lượng chất xơ cao. Chất lượng xơ của chúng bảo vệ bạn, chống lại ung thư và đây là một loại thực phẩm hàng đầu cho bệnh nhân tiểu đường.

ATISÔ VÀ CÁC LOẠI RAU CÓ MÀU XANH VÀNG

Chứa đầy chất xơ. Một chế độ ăn uống đủ chất xơ giúp thúc đẩy trọng lượng khỏe mạnh và mức độ cholesterol và sức khỏe tiêu hóa.



ỚT CHUÔNG

Rất giàu vitamin C và cung cấp chất xơ cùng một số dưỡng chất khác.

GAO LỨT

Gạo có màu nâu sẽ rất giàu chất dinh dưỡng giúp bạn đủ dinh dưỡng nhưng lại tiêu hao ít calo. Đặc biệt, chúng giúp làm giảm huyết áp.

HẠT LANH

Ngoài lượng axit béo omega 3

dồi dào, hạt lanh còn có nhiều chất xơ (30 gram hạt lanh cung cấp khoảng 8 gram chất xơ). Càng ăn nhiều hạt lanh, mức đường huyết càng cần nhiều thời gian để tăng lên. Nhờ đó, hóc-môn gây cảm giác đói không có cơ hội hoạt động. Hạt lanh có thể dùng kèm với nhiều món như rau trộn, bánh mì sandwiches và cà ri... Hạt lanh có nhiều chất xơ giúp giảm nguy cơ bệnh tim và một số bệnh ung thư.



ĐẬU LĂNG

Có lượng protein chất lượng cao, đủ thay thế cho thịt trong chế độ ăn uống của bạn. Đậu lăng cung cấp vitamin và khoáng chất có giá trị giúp trong việc giảm cholesterol xấu.

Rượu vang đỏ ngăn chặn bệnh tim mạch. Nhưng bạn chỉ nên dùng một ly/ngày cho phụ nữ và hai ly dành cho nam giới. Tựu vang đỏ nói chung giúp tăng cường cholesterol tốt cho sức khỏe.

NẤM

Đã được chứng minh để giảm cholesterol và cải thiện phản ứng miễn dịch. Nó đã được tìm thấy có đặc tính chống ung thư mạnh.■

17 MẸO BẢO QUẢN RAU QUẢ LUÔN TƯƠI NGON

■ V.T. SUU TÂM



4. DÂU TÂY

Ngâm dâu tây vào giấm táo trước khi cất vào tủ lạnh sẽ khiến dâu tươi lâu hơn. Bí quyết là không nên để dâu quá lâu vì dâu sẽ bị ngấm mùi giấm và không còn ngon nữa.



Với những mẹo nội trợ nhỏ này, bạn dễ dàng bảo quản các loại rau, củ, quả, tránh lãng phí.

2. HÀNH XANH

Bảo quản trong chai nhựa sẽ làm cho hành khô ráo hơn, dễ dàng cho việc xào nấu.



5. HÀNH

Bảo quản hành chung với khoai tây là một sai lầm lớn bởi chúng sẽ hỏng nhanh hơn nhiều lần.

6. KHOAI TÂY

Khoai tây cất chung với táo sẽ chậm mọc mầm hơn.



1. HÀNH TÂY

Bảo quản trong tất da chân có thể sử dụng được tới 8 tháng. Hãy cho hành vào chiếc tất và buộc nút giữa mỗi củ hành và treo chúng lên bếp của bạn.



3. RAU CỦ

Bọc rau củ với túi nilon trước khi cho vào tủ lạnh và bó chặt phía dưới giúp rau tươi lâu hơn.



7. TÁO

Loại bỏ những quả táo hỏng khỏi giỏ bởi chỉ cần một quả bị nẫu, hỏng sẽ lập tức “lây” ra những quả còn lại.

8. PHÓ MÁT

Phết một ít bơ vào chỗ bạn vừa cắt pho mát sẽ giúp mặt pho mát không bị khô khi cho tủ lạnh.



9. MĂNG TÂY

Cắm những cây măng tây vào lọ có nước như cắm hoa rồi phủ lên trên một lớp nilon và cho vào tủ lạnh, chúng sẽ tươi lâu hơn nhiều.



10. CHUỐI

Bọc giấy bạc phần nùm của nải chuối sẽ kéo dài “tuổi thọ” của chuối từ 3-5 ngày so với bình thường.



11. XÀ LÁCH

Đặt vài chiếc giấy ăn lên trên xà lách giúp xà lách tươi hàng tuần bởi giấy ăn sẽ hút bớt độ ẩm trong xà lách.



12. CẦN TÂY VÀ SÚP LỚ

Bọc cần tây và súp lơ xanh trong giấy bạc trước khi cho vào tủ lạnh và chúng ta có thể bảo quản các thực phẩm này tới 4 tuần.



13. TỦ LẠNH

Lau dọn tủ lạnh, tủ ly thường xuyên là một thói quen tốt, tạo môi trường thuận lợi cho rau củ.



14. CÀ CHUA

Đừng để cà chua trong túi nilon bởi chúng sẽ chín nhanh hơn. Muốn cà chua không bị chín nẫu nhanh, hãy bảo quản chúng chung với hoa quả.



15. GỪNG

Cho gừng vào tủ lạnh, gừng sẽ tươi lâu hơn, dễ bóc vỏ và thái nhỏ hơn.

16. NẤM

Bảo quản nấm trong túi giấy thay vì túi nilon bởi túi giấy có khả năng hút ẩm tốt hơn.



17. RAU QUẢ

Những loại rau, quả không nên cho vào tủ lạnh là: quả bơ, mơ, chuối, tỏi, kiwi, dưa leo, hành tây, lê, đào, mận, dứa và cà chua. Hãy bảo quản chúng ở nhiệt độ phòng trừ khi thời tiết quá nóng bức. ■

KEM ĐẬU XANH

■ HỒNG PHÚC SƯU TÂM

NGUYÊN LIỆU:

- Đậu xanh hấp chín nghiền: 150g;
- Nước cốt dừa: 100ml;
- Đường: 50g;
- Sữa tươi: 200ml;
- Nước lọc: 100ml;
- Bột ngô: 1 thìa nhỏ;
- Bột mì: 1 thìa nhỏ;
- Khuôn kem.



BƯỚC 2:

Bật bếp đun sữa rồi cho bột đậu xanh đã nghiền vào đánh đều. (Để làm được bột đậu xanh bạn chỉ cần mua đỗ xanh đã cà vỏ đem ngâm nước khoảng 30 phút vo sạch rồi cho vào nồi hấp chín. Lúc đỗ xanh còn nóng bạn dùng muôi nghiền nhuyễn là được.)



BƯỚC 4:

Khi sữa sôi nhanh tay cho nước cốt dừa, khuấy đều rồi tắt bếp, chờ nguội.



BƯỚC 5:

Khi nổi sữa đậu nguội rót vào khuôn kem để vào ngăn tủ đá chờ đông lại.



CÁCH LÀM

BƯỚC 1:

Cho sữa tươi vào nồi hòa tan với 50g đường.



BƯỚC 3:

Hòa tan 2 thìa bột mì, bột ngô vào chung bát với chút nước lạnh rồi đổ vào nồi sữa, khuấy đều lên.



Vậy là bạn có kem đậu xanh ăn rồi. Thật đơn giản nhưng cũng thật ngon phải không!■



THÁNH GIÁO

Trời có xuân, hạ, thu, đông, cuộc thế có sanh, trưởng, thâu, tàng, mà mùa xuân là mùa vạn vật hồi sinh ấm áp, trải qua mấy lúc đông thiên. Còn trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước hãy dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những mầm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên, vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai.

Thanh thiếu niên không sống cái sống của riêng mình, không làm cái làm của riêng mình, mà phải làm và phải sống cho đại chúng. Bất cứ một gia đình, quốc gia, xã hội và nhân loại nào, dẫu ở quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, phải ý thức và kỳ vọng ở thanh thiếu niên; chẳng khác nào cây, đem hạt đi ươm lên thân cây con, tùy sự chăm sóc, kết quả của cây xấu hoặc tốt, phần lớn do chủ vườn chăm sóc.

ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967). ■

Các cháu phải cố gắng tu bồi công quả hành đạo để có nhiều âm chất, trước là cứu độ gia quyến thoát khỏi nạn tai trong hồi loạn lạc, kế đó là cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ và cũng là phương tiện giúp cho chơn linh mình được siêu thoát sau ngày rũ bỏ phần nhục thể. Đừng bao giờ quan niệm rằng mình hành đạo là giúp cho người này người khác là tổn công tổn của. Phải hiểu rằng hành đạo là làm cho chính mình, cho gia đình quyến thuộc mình. Tu bồi âm chất là của quý đem gởi nhà bằng thượng giới, trộm cướp không lấy được, chiến tranh không tàn phá được tài sản quý vô giá đó.

ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN, VĨNH NGUYÊN TỰ, 21-6 KỶ DẬU (03-8-1969). ■

Các em là những thế hệ đang lên, những mầm tốt xây dựng đạo lý cùng tình thương nể nếp cho tương lai quốc dân xã hội. Các em đã chọn một con đường gỏi gắm tâm trung mình vào đó. Trong buổi ban sơ, hãy tìm học hỏi từ những kinh điển đạo luật đến những lời hay ý đẹp của đàn anh đi trước, tuân tự có nề nếp sẽ có tổ chức qui mô sau này. Các em là những con tầm non mà cũng là những miếng mồi ngon cho diều cho quạ. Hãy tu tâm, hãy trầm tĩnh đợi chờ. Các em đừng thấy bạo lực thẳng mà giảm đức tin về định luật đất trời. Hãy đặt trọn niềm tin ngày mai sẽ tươi sáng.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN, NGỌC MINH ĐÀI, 15-6 MẬU THÂN (10-7-1968). ■

Hỡi các em! Các em phải nhận thức trách nhiệm của mình. Hãy nhìn thẳng vào hoàn cảnh để cương quyết bắt tay vào việc hoằng giáo độ đời. Đời can qua mới rõ tay bình định, lúc loạn ly mới xuất hiện nhân tài. Tu không phải chán đời ẩn dật, tu bắt buộc phải mạnh dạn đi vào đời. Chỗ nào tối, người thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý thấp ngọn đuốc sáng. Chỗ nào hầm hố chông gai, có người thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý kiêu dũng đem đạo đức đến san bằng. Chỗ nào lạnh lùng băng giá, người thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý đem tình thương Thượng Đế đến sưởi hâm ấm áp. Chỗ nào nóng bức, có người thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý đem tình nhân loại đến dập tắt dịu dàng. Cái bốn phận thiêng liêng, người thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý không thể từ chối được. (...)

ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967). ■

THEO • DÒNG



30-3 QT (09-5-2013) Lễ Khánh thành Tam Đài và Thiên phong đường Thánh tịnh Đài Ngọc Hoa (Sóc Trăng).

02-4 QT (11-5-2013) Lễ Khánh thành Thánh thất Ba Ngòi (Khánh Hòa) lúc 8g30 với nhiều đại diện Thánh thất đến chứng dự.

07-4 QT (16-5-2013) Lễ Khánh thành Trung Tông Thánh tịnh tại Đà Nẵng. Dịp này Đại diện chức sắc các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài họp trừ bị giao lưu chuẩn bị cho cuộc họp chính thức ngày hôm sau 08-4 Quý Tỵ (17-5-2013) giao lưu các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài lần VI do Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt đăng cai.

08-4 QT (17-5-2013) Lễ Phật Đản lúc 8g00 tại Thánh thất Bình Hòa (hình 1).

11-4 QT (20-5-2013) Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự Hội nghị Tổng kết pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo với chức sắc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức tại nhà khách T78, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

14-4 QT (23-5-2013) Thánh thất Đức Hòa (Long An) thiết lễ Đại tường Lễ sanh hàm phong Thái Kiết Thanh (Thái Ngọc Kiết).

18-4 QT (27-5-2013) Đại hội Đại biểu toàn quốc lần 6, nhiệm kỳ 2013-2014 của Tôn giáo BAHAI được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả bầu cử: 9 thành viên Hội đồng tinh thần tôn giáo BAHAI Việt Nam (hình 2)

19-4 QT (28-5-2013) Lễ bế giảng năm học





2012–2013 của Lớp Học Tình Thương Fatima tại Nhà thờ Giáo xứ Fatima, phường Nguyễn Cư Trinh, Q.1.

22-4 QT (31-5-2013) Các môn sinh Minh Lý Thánh Hội và đạo hữu Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thảo luận Kinh Dịch, Quẻ Địa Hòa Minh Di lúc 19g tại Cơ Quan (hình 3).

Cùng ngày lúc 4 giờ sáng Ban Thường Vụ Cơ Quan dẫn đầu phái đoàn đi Rạch Giá, đến Tòa Thánh Ngọc Kinh viếng Giác linh Anh Lớn Chơn Sư Thiện Nghĩa (Nguyễn Văn Nghĩa), Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (hình 4).

29-4 QT (07-6-2013) Đại hội Đại biểu toàn phái Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo



Lần II, nhiệm kỳ 2013 – 2018 tổ chức tại Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), đã bầu 7 vị vào Hội Đồng Trưởng Lão Chứng minh và 19 vị vào Ban Trị Sự Trung Ương.

05-5 QT (12-6-2013) Hội Thánh Chiêu Minh Long Châu (Hậu Giang) cử hành Lễ Kỷ niệm 73 năm ngày Đăng Tiên của Đức Nhị Thiên Giáo Chủ Võ Văn Phẩm.

08-5 QT (15-6-2013) Lễ Kỷ niệm Lạc thành Thánh tịnh Tân Minh Quang lần thứ 18.

10-5 QT (17-6-2013) Lễ Kỷ niệm ngày thành lập Thánh tịnh Ngọc Minh Đài lần thứ 79 tại Q.4, TP.HCM.

12-5 QT (19-6-2013) Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến viếng linh cữu của





Đạo tỷ Võ Thị Thiệp, Thánh danh Huỳnh Mai, nhân viên Cơ Quan, tại Thánh thất Bàu Sen, Q.5. **13-5 QT (20-6-2013)** Thánh thất Tân Định hành Lễ Kỷ niệm Đệ I chu niên ngày lạc thành ngôi Tam Đài (hình 5 và hình 6).

Cùng ngày: Tổ chức Liên giao các Hội Thánh và các Tổ chức Cao Đài họp tại Thánh thất Từ Vân, 100 Thích Quảng Đức, Phú Nhuận.

16-5 QT (23-6-2013) Lễ Kỷ niệm 20 năm tập thể tu tập sinh (1993-2013) Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức tại Thánh thất Trung Minh, Q.6.

19-6 QT (26-7-2013) Lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (hình 7).

24-6 QT (31-7-2013) Lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân trùng dịp kỷ niệm 80 năm thành lập Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà (hình 8 và hình 9).■

CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Phối sư Ngọc Đầy Thanh, Trưởng Ban Đại diện Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo tại TP.HCM.

Hình 2: Đại hội Đại biểu Tôn giáo BAHAI lần thứ 6.

Hình 3: Thảo luận Quê Địa Hỏa Minh Di tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Hình 4: Tang lễ Anh Lớn Chơn Sư Thiện Nghĩa.

Hình 5: Thánh Thất Tân Định.

Hình 6: Đạo Huỳnh Ngoại Giao Vụ Phó 1 Chí Thất được mời phát biểu.

Hình 7: Lễ Kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Hình 8: Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà.

Hình 9: Con long mã dưới cột phướn Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà.■



Người đi trước quên mình vì Đạo,
Mong ai sau hoài bão tương lai,
Xương minh giáo lý Cao Đài,
Mở cơ tận độ trong ngoài vạn bang.

Thanh thiếu niên ngập tràn nhiệt huyết,
Một trời xuân điểm tuyết non sông,
Dù cho đến hạ thu đông,
Đá mềm chân cứng dạn lòng dưng nao.

Lau cho hết niềm đau nỗi khổ,
Lấp cho bằng hầm hố oan cừ,
Dựng gậy Thánh đức Thuần Nghiêu,
Muôn dân cộng hưởng là điều ước mong.

Thân đã tạm hồng trần cũng tạm,
Nợ làm người cho đáng con người,
Chung nhau xây dựng cõi đời,
Cõi đời an lạc dưới Trời vinh quang.
Thanh thiếu niên kíp lên đàn!

ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NAM THÀNH THÁNH THẤT,
23-8 CANH TUẤT (22-9-1970).■

